

Số: **1313 /QĐ-GVN.HN**

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-BCT ngày 14/12/2022 của Bộ Công Thương về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-GVN.HN ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam; Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nguyên liệu Giấy Miền Nam; Viện trưởng/Phụ trách Viện nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy; các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty Giấy Việt Nam; người đại diện phần vốn của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại các công ty liên doanh, liên kết, công ty có vốn góp của Tổng công ty Giấy Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Công Thương (để b/c);
- BTV Đảng ủy (để b/c);
- Ban TGD, KSV;
- Tổ chức đoàn thể của TCT: CĐ, ĐTN, CCB;
- Lưu: VT, HĐTV (02).

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Cao Văn Sơn

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030
(Kèm theo Quyết định số 1313/QĐ-GVN.HN ngày 26/6/2025 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam)

Thực hiện Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng kế hoạch triển khai với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Việc ban hành kế hoạch nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nội dung tại Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Triển khai phân công trách nhiệm, nội dung công việc cụ thể cho các phòng, ban, đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong Tổng công ty tập trung tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đồng bộ để đạt hiệu quả Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ báo cáo đánh giá tình hình và kết quả tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu

Tổ chức phổ biến, quán triệt các quan điểm, mục tiêu và các nội dung Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong toàn Tổng công ty; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc, từ cán bộ lãnh đạo các đơn vị đến người lao động nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong quá trình triển khai thực hiện Đề án

Các phòng, ban, đơn vị, các tổ chức đoàn thể bám sát nội dung của Kế hoạch này để triển khai thực hiện nhiệm vụ; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi

hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, sáng tạo, đổi mới, gắn trách nhiệm của tập thể và người đứng đầu để mọi nhiệm vụ được thực hiện bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam, tích cực đổi mới sáng tạo trong quản trị, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên thị trường, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, cải thiện môi trường sản xuất và đồng hành phát triển cộng đồng phù hợp với nhu cầu phát triển và xu thế của xã hội. Trong đó:

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành công tác phê duyệt dự án đầu tư trọng điểm về sản xuất bột giấy và giấy tissue đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Sắp xếp mô hình tổ chức: Cơ cấu lại mạnh mẽ về tổ chức bộ máy, sắp xếp lại, sáp nhập để giảm các phòng ban, đơn vị sản xuất, đơn vị hạch toán phụ thuộc cho phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2025 trong đó doanh thu và sản lượng tăng từ 8% trở lên.

- Giai đoạn 2026- 2030:

+ Tập trung triển khai hoàn thành đầu tư các dự án trọng điểm về sản xuất bột giấy và giấy tissue sau khi được phê duyệt.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2026-2030 trong đó doanh thu và sản lượng tăng 10% trở lên.

2. Cơ cấu lại tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam đảm bảo quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; đảm bảo đủ năng lực tài chính để đầu tư các dự án trọng điểm và đẩy mạnh xử lý có hiệu quả các tồn tại, yếu kém trong hoạt động đầu tư kinh doanh đảm bảo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, đời sống của người lao động. Trong đó tập trung xây dựng lộ trình phù hợp thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trực thuộc theo kết luận của Bộ Chính trị số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm và Chi thị 33/CT-TTg ngày 10/9/2024 của Chính phủ về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Để thực hiện thắng lợi Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Hội đồng thành viên Tổng công ty phân công nhiệm vụ cụ thể để thực hiện Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

STT	Những nhiệm vụ chủ yếu	Phân công nhiệm vụ chịu trách nhiệm thực hiện thực hiện			Thời gian thực hiện
		Lãnh đạo phụ trách chỉ đạo	Phòng, ban, đơn vị chủ trì	Phòng, ban, đơn vị phối hợp	
1	Tổ chức phổ biến, quán triệt các quan điểm, mục tiêu và các nội dung Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong toàn Tổng công ty; tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc, từ cán bộ lãnh đạo các đơn vị đến người lao động trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.				
1.1	Ban hành các văn bản chỉ đạo, quán triệt, giao nhiệm vụ cho các đơn vị thực hiện theo kế hoạch	Hội đồng thành viên/Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Trước 15/7/2025
1.2	Thực hiện thông tin, truyền thông trên các kênh truyền thông nội bộ của Tổng công ty, các đơn vị về Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương và Kế hoạch triển khai thực hiện của Tổng công ty.	Tổng giám đốc	Phòng thông tin	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty	Thường xuyên. Bắt đầu từ tháng 6/2025 đến khi thực hiện xong Đề án.
2	Xây dựng phương án cơ cấu lại tài chính và tăng cường công tác quản trị tài chính.				
2.1	Xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm và hằng năm, kế hoạch tài chính 05 năm và hằng năm đảm bảo sử dụng tối ưu, hiệu quả, linh hoạt các nguồn vốn huy động với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định và các chỉ tiêu đánh giá doanh nghiệp được Bộ Công Thương giao hằng năm.	Tổng giám đốc	Phòng Kế hoạch	Các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty	Hàng năm và 5 năm

2.2	Nghiên cứu, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ phù hợp trong giai đoạn đến năm 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đáp ứng yêu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty	Tổng giám đốc	Phòng Tài chính kế toán	Các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty	Hàng năm
2.3	Xây dựng phương án tài chính, phương án cân đối vốn và dòng tiền để phân tích, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các giải pháp đến tình hình tài chính của Tổng công ty, khả năng cân đối nguồn vốn cho các dự án đầu tư phát triển quan trọng và trọng điểm tạo đột phá trong hoạt động sản xuất của Tổng công ty đến năm 2030, phát huy vai trò dẫn dắt của Công ty mẹ - Tổng công ty trong việc định hướng, đầu tư mở rộng trong toàn Tổng công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.	Tổng giám đốc	Phòng Tài chính kế toán	Các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty	Hàng năm
2.4	Giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tài chính kế toán, quản lý tài sản và nguồn vốn, tăng cường quản trị hàng tồn kho, sử dụng tài sản cố định.	Tổng giám đốc	Phòng Tài chính kế toán	Các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty	Hàng năm
2.5	Nghiên cứu, rà soát tình hình, cơ cấu tài chính tại các đơn vị thành viên để kịp thời có những giải pháp, phương án nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả sử dụng vốn; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời có những biện pháp xử lý, khắc phục đối với những đơn vị có hiệu quả sản	Tổng giám đốc	Phòng Tài chính kế toán	Các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty	Hàng năm

	xuất kinh doanh thấp, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính.					
2.6	Triển khai các giải pháp để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Giấy Việt Nam, nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	Tổng giám đốc	Phòng Tài chính kế toán	Các phòng, ban, đơn vị trong Tổng công ty	Thường xuyên	
2.7	Rà soát, đánh giá tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết, công ty có vốn góp của Tổng công ty Giấy Việt Nam nhằm làm rõ thực trạng của từng doanh nghiệp, dự án đầu tư, đặc biệt các dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả để có phương án xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho Nhà nước	Ban Quản lý vốn góp	Đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp	Các công ty liên doanh, liên kết, công ty có vốn góp của Tổng công ty	Thường xuyên	
2.8	Tập trung triển khai xử lý Dự án Bớt giấy Phương Nam theo quyết định của cấp có thẩm quyền	Hội đồng thành viên	Ban Chỉ đạo xử lý Dự án Nhà máy Bớt giấy Phương Nam		Thường xuyên	
3	Phương án cơ cấu lại nhân sự, tổ chức và quản trị doanh nghiệp					
3.1	Phương án cơ cấu lại nhân sự, tổ chức					
a)	Triển khai các giải pháp về việc duy trì Công ty mẹ - Tổng công ty tiếp tục là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp Quyết định số 2760/QĐ-BCT	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên	

	ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương đến năm 2025				
b)	Nghiên cứu xây dựng phương án tổ chức lại Công ty mẹ - Tổng công ty phù hợp theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền sau khi hoàn thành xử lý Dự án Nhà máy Bọt giấy Phương Nam trong giai đoạn đến năm 2030	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và Công đoàn Tổng công ty	Giai đoạn 2026-2030
c)	Cơ cấu lại tổ chức bộ máy của các doanh nghiệp thành viên theo định hướng tinh gọn, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; rà soát, đánh giá, tổ chức và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, chuyên môn của Công ty mẹ để nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả đối với các phòng, ban chuyên môn giúp việc:				
-	Xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty theo Đề án cơ cấu lại Tổng công ty đã được Bộ Công Thương phê duyệt để xây dựng phương án cụ thể về tổ chức lại, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam Xây dựng cơ	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và Công đoàn Tổng công ty	Hoàn thành trình HĐQT trước 31/8/2025

	ché, chính sách khuyến khích giải quyết lao động dôi dư, lao động lớn tuổi, sức khỏe không đáp ứng yêu cầu công việc tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty sau cơ cấu, sắp xếp lại.	Tổng giám đốc	Phòng Kế hoạch	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, Công đoàn Tổng công ty, Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam và Viện NC cây nguyên liệu giấy.	Hoàn thành trình HĐTV trước 31/8/2025
-	Xây dựng Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam và Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030	Tổng giám đốc	Phòng Kế hoạch	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và Công đoàn Tổng công ty	Hàng năm
-	Xây dựng các đề án, phương án khác/liên quan đến kế hoạch/danh mục sắp xếp, cơ cấu lại Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để đảm bảo việc thực hiện Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 hiệu quả, đúng quy định pháp luật.	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
-	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng, ban chuyên môn giúp việc sau sắp xếp theo Đề án cơ cấu lại.	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Khi thực hiện xong công tác xử lý Dự án
-	Giải thể hoặc chấm dứt hoạt động Ban Quản lý dự án khi thực hiện xong công tác xử lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam.	Tổng giám đốc			

d)	Xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2030; Nghiên cứu, xây dựng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty Giấy Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại:	Tổng giám đốc	Phòng Kế hoạch	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Hàng năm
-	Xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2030	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
-	Nghiên cứu, xây dựng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty Giấy Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại.	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
đ)	Xây dựng và triển khai giải pháp phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của toàn Tổng công ty với các ngành, nghề cốt lõi: Công nghệ giấy, kỹ thuật công nghệ, thị trường.	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên

e)	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các phương án để tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường; nghiên cứu và tiếp tục sửa đổi, điều chỉnh, hoàn thiện cơ chế, chính sách về tiền lương, kế hoạch tiền lương cho phù hợp với tình hình thực tế hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động để đảm bảo thu nhập cho người lao động trên cơ sở tiết kiệm chi phí từ việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về tài chính, hợp lý hóa sản xuất...	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
3.2	Về quản trị doanh nghiệp				
a)	Xây dựng phương án kiện toàn, sắp xếp và đổi mới mô hình tổ chức theo định hướng giảm lao động, quản lý gián tiếp tại các cấp quản lý trung gian để nâng cao chất lượng bộ máy quản lý, điều hành tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực hiệu quả, phù hợp với quy mô về vốn, lao động, trình độ công nghệ và tài sản của doanh nghiệp, thúc đẩy liên kết nội bộ trong toàn Tổng công ty.	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
b)	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định quản lý nội bộ; ứng dụng quản trị trên nền tảng số.	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
c)	Thường xuyên đánh giá và có các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây	Tổng giám đốc	Phòng Tổ chức cán bộ	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty và	Thường xuyên

	<i>dùng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đổi mới, sáng tạo phù hợp với điều kiện tình hình mới.</i>			Công đoàn Tổng công ty	
d)	<i>Xây dựng thiết chế văn hóa doanh nghiệp tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy cho mỗi cá nhân hoặc tập thể phát triển khả năng sáng tạo; chia sẻ, hỗ trợ, đoàn kết, có tinh kỳ luật cao.</i>	Tổng giám đốc	Công đoàn Tổng công ty	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên
4	Xây dựng kế hoạch đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất bột giấy, giấy tissue đảm bảo năng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp năng lực và định hướng phát triển của Tổng công ty.	Tổng giám đốc	Phòng Kế hoạch	Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty	Thường xuyên

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc chỉ đạo, đôn đốc, giám sát các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

2. Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty; Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nguyên liệu Giấy Miền Nam; Viện trưởng/Phụ trách Viện nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy; người đại diện phần vốn của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại các công ty liên doanh, liên kết, công ty có vốn góp của Tổng công ty Giấy Việt Nam; các tổ chức đoàn thể của Tổng công ty căn cứ nhiệm vụ được giao tại mục III nêu trên, xây dựng kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng.

3. Phòng Kế hoạch chủ trì làm đầu mối kiểm tra, giám sát tiến độ và kết quả thực hiện Kế hoạch đã đề ra, tổng hợp hàng quý, hàng năm báo cáo Tổng giám đốc trình Hội đồng thành viên thông qua, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương và Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:

3.1. Báo cáo định kỳ hàng quý: Trước ngày 20 của tháng cuối quý.

3.2. Báo cáo định kỳ hàng năm: Trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tài liệu gửi kèm: (1) Quyết định số 1639/QĐ-BCT ngày 06/6/2025 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; (2) Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

**TM.HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Sơn

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1639/QĐ-BCT**

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2025... 96.2

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM	
ĐẾN	Ngày: 06.6.21
Chuyên:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 10/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 2760/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại các Tờ trình số 43/TTr-GVN.HN ngày 22/01/2025 và Tờ trình số 98/TTr-GVN.HN ngày 02/4/2025;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt “Đề án Cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030” với các nội dung chính sau:

I. MỤC TIÊU

1. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam, tích cực đổi mới sáng tạo trong quản trị, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên thị trường, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, cải thiện môi trường sản xuất và đồng hành phát triển cộng đồng phù hợp với nhu cầu phát triển và xu thế của xã hội. Trong đó:

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành công tác phê duyệt dự án đầu tư trọng điểm về sản xuất bột giấy và giấy tissue đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo toàn vốn nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Sắp xếp mô hình tổ chức: Cơ cấu lại mạnh mẽ về tổ chức bộ máy; sắp xếp lại, sáp nhập để giảm các phòng ban, đơn vị sản xuất, đơn vị hạch toán phụ thuộc cho phù hợp với tình hình hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2025 trong đó doanh thu và sản lượng tăng từ 8% trở lên.

- Giai đoạn 2026- 2030

+ Tập trung triển khai hoàn thành đầu tư các dự án trọng điểm về sản xuất bột giấy và giấy tissue sau khi được phê duyệt.

+ Hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2026-2030 trong đó doanh thu và sản lượng tăng 10% trở lên.

2. Cơ cấu lại tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam đảm bảo quản lý chặt chẽ, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp; đảm bảo đủ năng lực tài chính để đầu tư các dự án trọng điểm và đẩy mạnh xử lý có hiệu quả các tồn tại, yếu kém trong hoạt động đầu tư kinh doanh đảm bảo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, đời sống của người lao động. Trong đó tập trung xây dựng lộ trình phù hợp thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng công ty.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trực thuộc theo kết luận của Bộ Chính trị số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm và Chỉ thị 33/CT-TTg ngày 10/9/2024 của Chính phủ về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị.

II. NỘI DUNG

1. Ngành, nghề kinh doanh

Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp tục tập trung thực hiện các ngành, nghề kinh doanh chính và một số ngành, nghề trực tiếp hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các văn bản điều chỉnh, bổ sung được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

2. Phương án cơ cấu lại tài chính

a) Phương án cơ cấu lại tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty

- Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm và hằng năm đảm bảo sử dụng tối ưu, linh hoạt các nguồn vốn với mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định.

- Tiếp tục duy trì vốn điều lệ của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến hết năm 2025 là 1.213.000.000.000 đồng (một

ngàn hai trăm mười ba tỷ đồng) đồng thời nghiên cứu, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ phù hợp trong giai đoạn đến năm 2030 trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để đáp ứng yêu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty.

- Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản trị tài chính kế toán, quản lý tài sản và nguồn vốn, tăng cường quản trị hàng tồn kho, sử dụng tài sản cố định.

- Cơ cấu nguồn lực tài chính tại Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam đảm bảo năng lực đầu tư vào các dự án quan trọng và trọng điểm tạo đột phá trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; phát huy vai trò dẫn dắt của Công ty mẹ - Tổng công ty trong việc định hướng, đầu tư mở rộng trong toàn Tổng công ty, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Nghiên cứu, rà soát tình hình, cơ cấu tài chính tại các đơn vị thành viên để kịp thời có những giải pháp, phương án nâng cao năng lực tài chính và hiệu quả sử dụng vốn; Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời có những biện pháp xử lý, khắc phục đối với những đơn vị có hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp, có dấu hiệu mất an toàn về tài chính.

- Quyết liệt thực hiện các giải pháp để tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Giấy Việt Nam, nghiêm túc thực hiện các quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

b) Rà soát, đánh giá toàn diện tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết và các công ty có vốn góp của Tổng công ty Giấy Việt Nam nhằm làm rõ thực trạng của từng doanh nghiệp, dự án đầu tư, đặc biệt xác định các khoản đầu tư dàn trải, ngoài ngành, không thuộc lĩnh vực kinh doanh chính, cũng như các dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả để có phương án xử lý kịp thời, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho Nhà nước.

c) Xử lý dứt điểm đối với Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

3. Phương án cơ cấu lại nhân sự, tổ chức và quản trị doanh nghiệp

a) Công ty mẹ - Tổng công ty

- Duy trì Công ty mẹ - Tổng công ty tiếp tục là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp Quyết định số 2760/QĐ-BCT ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương đến năm 2025.

- Nghiên cứu xây dựng phương án tổ chức lại Công ty mẹ - Tổng công ty phù hợp theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền sau khi hoàn thành xử lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam trong giai đoạn đến năm 2030.

- Cơ cấu lại tổ chức bộ máy của các doanh nghiệp thành viên theo định hướng tinh gọn, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ nhằm nâng cao năng lực quản trị điều hành và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; rà soát, đánh giá, tổ chức và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, chuyên môn của Công ty mẹ để nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả đối với các phòng, ban chuyên môn giúp việc.

- Xây dựng chiến lược phát triển của Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2030; Nghiên cứu, xây dựng Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Tổng công ty Giấy Việt Nam đáp ứng được các yêu cầu của hệ thống quản trị doanh nghiệp hiện đại.

- Phát triển và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của toàn Tổng công ty với các ngành, nghề cốt lõi: Công nghệ giấy, kỹ thuật công nghệ, thị trường.

- Thực hiện các phương án để tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trên thị trường; nghiên cứu và tiếp tục điều chỉnh cơ chế tiền lương cho phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo thu nhập cho người lao động trên cơ sở tiết kiệm chi phí từ việc thực hiện đồng bộ các giải pháp về tài chính, hợp lý hóa sản xuất...

b) Các đơn vị do Tổng công ty tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ

- Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam;

- Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.

c) Sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam

Đánh giá tình hình hoạt động của các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất, các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam để tổ chức lại, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Việc tổ chức lại, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, các đơn vị sản xuất và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019, Nghị định 97/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

- Giải thể hoặc chấm dứt hoạt động Ban Quản lý dự án khi thực hiện xong công tác xử lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam.

d) Về quản trị doanh nghiệp

Đẩy mạnh triển khai công tác kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý; hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý và hoàn thiện thiết chế văn hóa doanh nghiệp, tập trung vào các nội dung sau:

- Kiện toàn, sắp xếp và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý, điều hành đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với quy mô về vốn, lao động, trình độ công nghệ và tài sản của doanh nghiệp, thúc đẩy liên kết nội bộ trong toàn Tổng công ty.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các quy chế, quy định quản lý nội bộ; ứng dụng quản trị trên nền tảng số.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, đổi mới, sáng tạo phù hợp với điều kiện tình hình mới.

- Xây dựng thiết chế văn hóa doanh nghiệp tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy cho mỗi cá nhân hoặc tập thể phát triển khả năng sáng tạo; chia sẻ, hỗ trợ, đoàn kết, có tính kỷ luật cao.

4. Lộ trình thực hiện

a) Đến hết 2025: Cơ bản hoàn thành phương án cơ cấu lại tổ chức bộ máy, nhân sự, quản trị doanh nghiệp; hoàn thành xây dựng phương án cơ cấu lại tài chính trong đó có phương án thoái 100% vốn tại các công ty liên kết chi tiết tại điểm b, mục 2, khoản II Điều này.

b) Đến năm 2030: Hoàn thành nội dung Đề án án cơ cấu lại Tổng công ty; thực hiện thoái vốn 100% tại các công ty liên kết chi tiết tại điểm b, mục 2, khoản II Điều này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ: Cục Công nghiệp, Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Vụ Tổ chức cán bộ chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

2. Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam

a) Tổ chức phổ biến, quán triệt các quan điểm, mục tiêu và các nội dung Quyết định này trong Tổng công ty Giấy Việt Nam nhằm tạo sự đồng thuận, nhất trí cao từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc, từ cán bộ lãnh đạo các đơn vị đến người lao động trong quá trình triển khai thực hiện.

b) Xây dựng phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với Quyết định này; phương án tài chính để triển khai thực hiện nhiệm vụ chính được giao

và xử lý các tồn tại về tài chính trong quá trình thực hiện Đề án. Chỉ đạo thực hiện cơ cấu lại, sắp xếp các đơn vị trực thuộc phù hợp với Quyết định này.

c) Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về cơ cấu lại: nguồn nhân lực, quản lý điều hành, ứng dụng khoa học công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khối lâm nghiệp bảo đảm đạt được mục tiêu đề ra trong Đề án.

d) Trên cơ sở kết quả đánh giá tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty liên doanh, liên kết, công ty có vốn góp của Tổng công ty Giấy Việt Nam, Hội đồng thành viên quyết định thời điểm, xây dựng phương án và tổ chức thực hiện phương án thoái vốn phù hợp quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc: (i) Giải quyết dứt điểm tình trạng đầu tư dàn trải, ngoài ngành, lĩnh vực kinh doanh chính để đảm bảo Tổng công ty tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi; (ii) Có phương án xử lý kịp thời đối với các doanh nghiệp, dự án đầu tư thua lỗ, kém hiệu quả, nhằm giảm thiểu tối đa tổn thất cho Nhà nước và xã hội; (iii) Quá trình thoái vốn phải được thực hiện công khai, minh bạch, theo nguyên tắc thị trường, nhằm tối đa hóa lợi ích của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam; (iv) Nguồn tiền thu được từ việc thoái vốn phải được sử dụng hiệu quả, đúng quy định của pháp luật, hướng đến mục tiêu tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ, uy tín và thương hiệu của Tổng công ty trên thị trường.

đ) Tổ chức lại, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam, Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019, Nghị định 97/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

e) Xây dựng, phê duyệt các đề án, phương án khác/liên quan đến kế hoạch/danh mục sắp xếp, cơ cấu lại Công ty mẹ - Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 để đảm bảo việc thực hiện Quyết định này hiệu quả, đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo, đề xuất và việc tổ chức triển khai thực hiện.

ê) Tập trung triển khai quyết liệt việc xử lý Dự án Bột giấy Phương Nam và thực hiện thoái vốn tại các công ty liên kết.

f) Chỉ đạo, xây dựng kế hoạch đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất bột giấy, giấy tissue đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động, phù hợp năng lực và định hướng phát triển của Tổng công ty; chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư và việc bảo toàn, phát triển vốn nhà nước theo đúng quy định; tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình triển khai các dự án đầu tư, đảm bảo tiến độ, chất lượng và mục tiêu đề ra.

g) Trong trường hợp cần thiết điều chỉnh các nội dung tại Quyết định này do điều kiện khách quan, kịp thời báo cáo Bộ Công Thương để xem xét, phê duyệt.

h) Định kỳ báo cáo Bộ Công Thương tình hình triển khai, kết quả thực hiện Quyết định này và các nội dung theo quy định tại Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Công nghiệp; Vụ trưởng các vụ: Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp, Tổ chức cán bộ; Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Tổng công ty Giấy Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- BCD Đổi mới và Phát triển DN;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KHTC.



Phan Thị Thắng



BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

ĐỀ ÁN

CƠ CẤU LẠI TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

*(Kèm theo Tờ trình số 98/TTr-GVN.HN ngày 02 tháng 4 năm 2025
của Tổng công ty Giấy Việt Nam)*

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LẬP ĐỀ ÁN
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Cao Văn Sơn

Hà Nội, tháng 04 năm 2025

THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Thuật ngữ
Ban chỉ đạo cổ phần hóa	Ban chỉ đạo cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ và các Công ty con của Tổng công ty Giấy Việt Nam
BCT	Bộ Công Thương
BCTC	Báo cáo tài chính
BKTKTNB	Ban Kiểm tra - Kiểm toán nội bộ
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần
Công ty CP	Công ty cổ phần
Công ty NLG Miền Nam	Công ty TNHH Một thành viên Nguyên liệu giấy Miền Nam
CPH	Cổ phần hóa
CSH	Chủ sở hữu
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DT	Doanh thu
DTT	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
Đơn vị thành viên	Công ty con, công ty liên kết của Công ty mẹ - Tổng công ty
ĐVT	Đơn vị tính
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐTV	Hội đồng thành viên Tổng công ty
HĐQT	Hội đồng quản trị
ISO	International Organization for Standardization – Cơ quan thiết lập tiêu chuẩn quốc tế bao gồm các đại diện từ các tổ chức tiêu chuẩn các quốc gia

KHCN	Khoa học công nghệ
KHKD	Kế hoạch kinh doanh
LHXNGGD	Liên hiệp Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm
LHXNGGD1	Liên hiệp Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm số 1
LHXNGGD2	Liên hiệp Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm số 2
LHSX XNK GGD	Liên hiệp sản xuất xuất nhập khẩu Giấy Gỗ Diêm
MTV	Một thành viên
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
Phương án cổ phần hóa	Phương án cổ phần hóa đồng thời Công ty mẹ - Tổng công ty và các Công ty con của Tổng công ty Giấy Việt Nam
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TDT	Tổng doanh thu
TGD	Tổng Giám đốc Tổng công ty
TMCP	Thương mại cổ phần
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
UBND	Ủy ban nhân dân
VCSH	Vốn chủ sở hữu
VINAPACO	Tổng công ty Giấy Việt Nam
VND	Đồng Việt Nam
WTO	World Trade Organization – Tổ chức Thương mại thế giới

MỤC LỤC

PHẦN I.....	9
THÔNG TIN CHUNG.....	9
I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM.....	9
II. THỰC TRẠNG TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM.....	9
1. Tóm lược chung về doanh nghiệp.....	10
<i>1.1. Thông tin chung.....</i>	<i>10</i>
<i>1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.....</i>	<i>10</i>
1.2.1. Ngành, nghề kinh doanh chính.....	10
1.2.2. Lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính	10
1.2.3. Ngành, nghề kinh doanh khác	10
<i>1.3. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty Giấy Việt Nam</i>	<i>11</i>
1.3.1. Hội đồng thành viên	12
1.3.2. Ban Tổng giám đốc	12
1.3.3. Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên	12
1.3.4. Kế toán trưởng	12
1.3.5. Ban Kiểm tra – Kiểm toán nội bộ.....	13
1.3.6. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty.....	13
1.3.7. Các đơn vị thuộc khối công nghiệp và dịch vụ	13
1.3.8. Các đơn vị thuộc khối lâm nghiệp.....	14
1.3.9. Các công ty con.....	15
1.3.10. Các công ty liên kết và đầu tư khác của Tổng công ty Giấy Việt Nam.....	16
2. Tình hình về lao động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên	16
2.1. Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam	16
2.2. Công ty NLG Miền Nam.....	16
2.3. Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.....	17
3. Tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty	17
3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam	17
3.1.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020	17
3.1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2024	18

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty NLG Miền Nam.....	18
3.3. Kết quả sản xuất kinh doanh Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.....	19
4. Tình hình vốn và tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam	19
5. Tình hình sử dụng đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam	20
5.1. Đất nông nghiệp	21
5.2. Đất phi nông nghiệp	21
5.3. Công tác lập Phương án sử dụng đất	22
6. Tình hình sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp.....	23
7. Công tác đầu tư phát triển	24
8. Hiện trạng công nghệ, năng lực thiết bị.....	24
8.1. Hiện trạng công nghệ, năng lực thiết bị của dây chuyền sản xuất sản phẩm giấy in, giấy viết, giấy copy tại khu vực Bãi Bằng.....	24
8.2. Hiện trạng công nghệ, năng lực thiết bị tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	25
8.3. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản xuất lâm nghiệp	25
9. Công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm	26
9.1. Giấy in, giấy viết	26
9.2. Giấy tissue	29
9.3. Thị trường sản phẩm lâm nghiệp	30
10. Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam.....	31
10.1. Cập nhật tình hình về tài sản và nguồn vốn của Dự án.....	32
10.2. Về công nợ phải thu, công nợ phải trả của Dự án.....	34
PHẦN II	37
ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI TỔNG CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025,	37
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....	37
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	37
II. ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ HỘI, THÁCH THỨC, ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU CỦA TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM HIỆN NAY	39
1. Cơ hội	39
2. Thách thức	39
3. Điểm mạnh.....	40
3.1. Sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ban, ngành	40

3.2. Vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, kho vận	40
3.3. Thương hiệu	40
3.4. Lợi thế về nguồn gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC)	40
3.5. Nguồn lao động sản xuất giấy và lâm nghiệp có năng lực, kinh nghiệm	41
3.6. Lợi thế về hệ thống quản lý, khách hàng	41
3.7. Lợi thế về bất động sản cho thuê	41
4. Điểm yếu.....	41
4.1. Tổ chức bộ máy công kênh, kém hiệu quả	41
4.2. Khả năng cạnh tranh tương đối thấp	41
4.3. Khó khăn về nguồn vốn	43
4.4. Hiệu quả đầu tư vào một số công ty liên kết và đầu tư khác đạt thấp	44
III. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CƠ CẤU LẠI	45
IV. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU CƠ CẤU LẠI	45
1. Nguyên tắc	45
2. Định hướng	46
3. Mục tiêu	47
3.1. Mục tiêu tổng quát	47
3.2. Mục tiêu cụ thể:	47
V. NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030.....	49
1. Về ngành nghề kinh doanh.....	49
1.1. Ngành, nghề kinh doanh chính.....	49
1.2. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan.....	49
1.3. Ngành, nghề kinh doanh khác	49
2. Về tổ chức, bộ máy	49
2.1. Sắp xếp, sáp nhập các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.....	51
2.1.1. Sáp nhập Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu và Phòng Vật tư nguyên liệu.....	51
2.1.2 Sáp nhập Phòng Xây dựng cơ bản và Phòng Kế hoạch	52
2.1.3. Giải thể chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và sáp nhập Phòng truyền thông vào phòng Thị Trường.	52
2.1.4. Giải thể Chi nhánh Hà Nội và sắp xếp Văn phòng Tổng công ty	53
2.1.5. Giải thể Nhà máy Chế biến gỗ	54
2.1.6. Sáp nhập Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Dịch vụ.....	55

2.1.7. Sắp xếp mô hình hoạt động của Công ty giấy Tissue Sông Đuống.....	56
2.1.8. Giải thể Công ty Thiết kế lâm nghiệp và sắp xếp lại Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	58
2.1.9. Thực hiện cơ cấu lại các Công ty lâm nghiệp trực thuộc.	59
2.1.10. Hoạt động của Ban quản lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam	62
2.2. Sắp xếp đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập của Tổng công ty.....	62
3. Phương án sử dụng đất sau cơ cấu lại.....	62
3.1. Hoàn thành công tác phê duyệt Phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật.....	62
3.2. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng xử lý nhà, đất tại đơn vị theo Chỉ thị 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước ...	63
4. Về sản xuất kinh doanh	63
4.1. Dự báo tình hình thị trường các sản phẩm	63
4.2. Giải pháp thực hiện các mục tiêu về sản xuất kinh doanh	66
4.2.1. Giải pháp về nguồn nhân lực	66
4.2.2. Giải pháp quản lý chỉ đạo, điều hành.....	67
4.2.3. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ	68
4.2.4. Các giải pháp về tiêu thụ sản phẩm	70
4.2.5. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khối lâm nghiệp	71
5. Kế hoạch đầu tư phát triển	73
5.1. Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp	73
5.2. Các dự án đầu tư lâm nghiệp	74
5.3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển.....	74
6. Thoái vốn	76
7. Cơ cấu lại về tài chính	77
7.1. Phương án tài chính.....	77
7.2. Xử lý tài chính	78
7.3. Giải pháp về tài chính	81
8. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp.....	81
8.1. Kiện toàn, sắp xếp và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý	81
8.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ.....	82

8.3. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực.....	82
8.4. Xây dựng thiết chế văn hóa doanh nghiệp	83
VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	83
1. Khái toán kinh phí thực hiện đề án.....	83
2. Tổ chức thực hiện đề án	83
VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG	83
1. Về kinh tế	83
2. Về xã hội.....	84
3. Về môi trường.....	84
PHẦN III.....	85
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	85
I. KẾT LUẬN	85
II. KIẾN NGHỊ.....	85

PHẦN I THÔNG TIN CHUNG

I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

Tổng công ty Giấy Việt Nam, tiền thân là Công ty Giấy Gỗ Diêm phía Bắc và Công ty Giấy Gỗ Diêm phía Nam, được thành lập từ năm 1976, tới nay đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển cụ thể như sau:

- Giai đoạn 1976 - 1978: Năm 1976, Công ty Giấy Gỗ Diêm phía Bắc và Công ty Giấy Gỗ Diêm phía Nam được thành lập, hai công ty thực hiện chức năng quản lý sản xuất đối với các xí nghiệp quốc doanh giấy gỗ diêm Trung ương.

- Giai đoạn 1978 - 1982: Đến năm 1978, Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm tổ chức lại trên cơ sở hợp nhất hai Công ty Giấy Gỗ Diêm phía Bắc và phía Nam hoạt động theo Nghị định 302/CP ngày 01/12/1978 của Hội đồng Chính phủ.

- Giai đoạn 1982 - 1987: Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm được tách thành Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy số 1 và Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy số 2 (Quyết định 519/CNN-TCCB).

- Giai đoạn 1987 - 1990: Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy số 1 và Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy số 2 được đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm số 1 và Liên hiệp các Xí nghiệp Giấy Gỗ Diêm số 2.

- Giai đoạn 1990 - 1993: Ngày 13/8/1990, Liên hiệp sản xuất xuất nhập khẩu Giấy Gỗ Diêm (LHSX-XNK GGD) được thành lập theo Quyết định số 368/CNN-TCLĐ của Bộ Công nghiệp nhẹ trên cơ sở hợp nhất hai LHXNGGD số 1 và 2. LHSX-XNKGGD toàn quốc hoạt động theo điều lệ liên hiệp xí nghiệp quốc doanh ban hành tại Nghị định số 27/HĐBT ngày 22/3/1989.

- Giai đoạn 3/1993 - 1/2005: LHSX-XNK GGD được chuyển đổi tổ chức và hoạt động thành Tổng công ty Giấy Gỗ Diêm Việt Nam theo Quyết định số 204/CNN-TCLĐ ngày 22/3/1993 của Bộ Công nghiệp nhẹ. Năm 1995, thực hiện Quyết định số 91/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thành lập tập đoàn kinh doanh, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 256/TTg ngày 29/4/1995 thành lập Tổng công ty Giấy Việt Nam trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị sản xuất, lưu thông, sự nghiệp về ngành giấy thuộc thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ và các đơn vị làm nguyên liệu giấy thuộc Bộ Lâm nghiệp và các địa phương.

- Giai đoạn 02/2005 đến nay: Ngày 01/02/2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 29/2005/QĐ-TTg thành lập Tổng công ty Giấy Việt Nam (TCT GVN) là Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) hạng đặc biệt hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, chịu sự quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Để hoạt động phù hợp theo luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11, ngày 25 tháng 06 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 983/QĐ -TTg chuyển Công ty mẹ Tổng công ty Giấy Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

II. THỰC TRẠNG TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM

1. Tóm lược chung về doanh nghiệp

1.1. Thông tin chung

- Tên tiếng Việt: Tổng công ty Giấy Việt Nam
- Tên tiếng Anh: VIETNAM PAPER CORPORATION
- Tên viết tắt: VINAPACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 25A Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ Nhà máy sản xuất chính: Bãi Bằng, Thị trấn Phong Châu, Huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ.
- Điện thoại: (84-24) 38247773; Fax: (84-24) 38260381
- Website: www.vinapaco.com.vn;
- Email: vp.hn@vinapaco.com.vn
- Vốn điều lệ: 1.213.000.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

1.2.1. Ngành, nghề kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh bột giấy, giấy và các sản phẩm từ giấy; trồng rừng và khai thác rừng nguyên liệu giấy; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ rừng trồng (dầm mảnh, đồ gỗ các loại).

1.2.2. Lĩnh vực kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính

Kinh doanh thiết bị vật tư, hóa chất; Kinh doanh sắt thép đặc chủng sử dụng cho ngành giấy; Sửa chữa thiết bị chính, nhà xưởng sản xuất giấy. Sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị phụ trợ, kết cấu kim loại ngành công nghiệp (cơ, điện và đo lường điều khiển). Sản xuất và kinh doanh điện, nước, hơi nước.

Nghiên cứu khoa học, công nghệ trong một số lĩnh vực: nguyên liệu, phụ liệu, thiết bị phụ tùng, các sản phẩm giấy, bột giấy, sản xuất thử nghiệm, sản xuất lô nhỏ các mặt hàng từ kết quả nghiên cứu.

Nghiên cứu cây nguyên liệu và các vấn đề lâm sinh, xã hội, môi trường liên quan đến cây nguyên liệu giấy. Sản xuất kinh doanh giống cây lâm nghiệp; Khai hoang, khoanh nuôi làm giàu rừng...

1.2.3. Ngành, nghề kinh doanh khác

Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm các loại; Kinh doanh dịch vụ khách sạn (bao gồm cả ăn uống, nghỉ ngơi...), văn phòng, nhà xưởng, nhà ở, kho bãi, logistics, thiết kế, thi công, xây lắp các công trình thủy lợi nhỏ, xây dựng dân dụng và công nghiệp.... Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Bộ Công Thương.

1.3. Các cơ quan, tham mưu giúp việc Đảng ủy Tổng công ty Giấy Việt Nam; các tổ chức chính trị xã hội

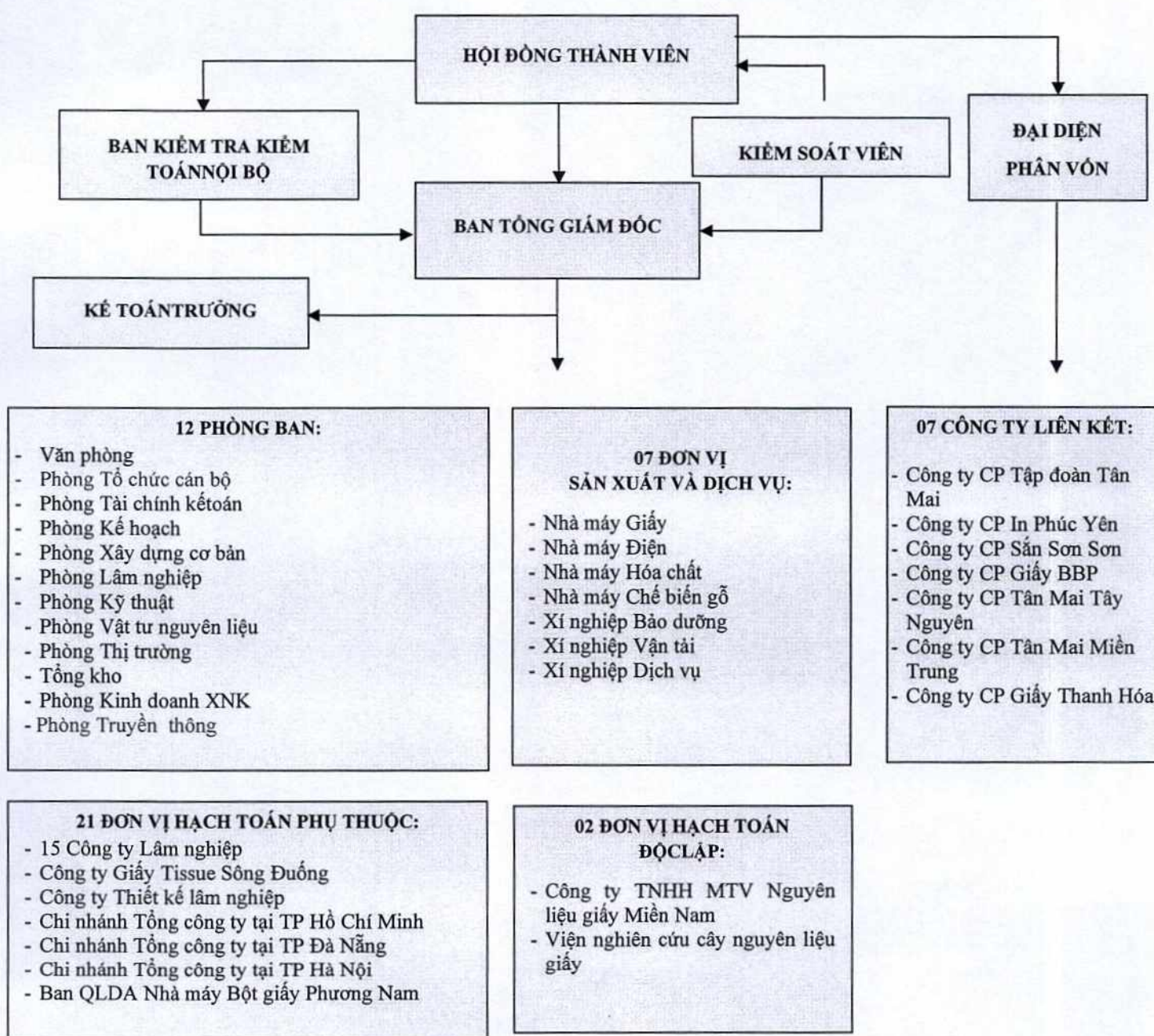
Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong VINAPACO hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thực hiện Quy định số 87-QĐ/TW ngày 28/10/2022 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của đảng ủy cấp trên cơ sở trong Doanh nghiệp nhà nước và Hướng dẫn số 23-HD/BTCTW ngày 14/02/2023 của Ban Tổ chức Trung ương về tổ chức bộ máy cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy cấp trên cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng công ty Giấy Việt Nam đã thành lập Ban Tổ chức Đảng ủy, Văn phòng Đảng ủy, Ban Tuyên

giáo Đảng ủy, Cơ quan Ủy ban kiểm tra Đảng ủy để tham mưu, giúp việc Đảng ủy Tổng công ty trong công tác tổ chức xây dựng đảng; tổ chức điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động của các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy; công tác tuyên giáo, dân vận; công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật trong Đảng bộ Tổng công ty.

Các Tổ chức chính trị xã hội trong VINAPACO gồm Công đoàn; Đoàn thanh niên; Hội Cựu chiến binh hoạt động theo hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty Giấy Việt Nam

Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty Giấy Việt Nam được giới thiệu trên sơ đồ 1. Sơ đồ 1. Sơ đồ tổ chức hiện tại của Tổng công ty



Tổng công ty Giấy Việt Nam hiện nay là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: 13 phòng ban chức năng; 7 đơn vị sản xuất và dịch vụ; 21 đơn vị hạch toán phụ thuộc; 01 đơn vị sự nghiệp khoa học; 01 công ty con do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ và 7 công ty liên kết và đầu tư khác. Chức năng nhiệm vụ cơ bản của các bộ phận trong Tổng công ty như sau:

1.3.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên (HĐTV) là đại diện chủ sở hữu Nhà nước trực tiếp tại Tổng công ty, được giao thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Tổng công ty và các công ty thành viên do Tổng công ty đầu tư toàn bộ vốn điều lệ, hoặc góp vốn tại các doanh nghiệp.

HĐTV có quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định, thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

Chủ tịch HĐTV và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của VINAPACO.

1.3.2. Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc (TGD) điều hành hoạt động hằng ngày của Tổng công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của HĐTV phù hợp với Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước HĐTV, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

TGD do HĐTV bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức hoặc ký hợp đồng, ký tiếp hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật sau khi được sự đồng ý chấp thuận của BCT. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

Phó TGD do HĐTV bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của TGD.

Các Phó TGD giúp TGD điều hành Tổng công ty theo sự phân công, ủy quyền của TGD; chịu trách nhiệm trước HĐTV, TGD và trước pháp luật về nhiệm vụ được TGD phân công hoặc ủy quyền.

1.3.3. Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên

Bộ Công Thương quyết định bổ nhiệm Kiểm soát viên, Trưởng ban kiểm soát. Thời hạn giữ chức vụ cho mỗi nhiệm kỳ bổ nhiệm của Kiểm soát viên, Trưởng ban kiểm soát là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Ban Kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra tính hợp pháp, trung thực trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của HĐTV, TGD Tổng công ty trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty.

1.3.4. Kế toán trưởng

Tổng công ty có 01 Kế toán trưởng (KTT) do HĐTV quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của TGD.

KTT có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê trong toàn Tổng công ty, giám sát tài chính, kế toán theo quy định của pháp luật; chịu trách

nhiệm trước TGD, HĐTV và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

1.3.5. Ban Kiểm tra – Kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm tra – Kiểm toán nội bộ (BKTKTNB) do HĐTV quyết định thành lập. Ban KTKTNB là cơ quan giúp việc của HĐTV, giúp HĐTV trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành của Tổng công ty; thực hiện công tác kiểm toán nội bộ Doanh nghiệp nhà nước theo quy định của pháp luật và quy chế của Tổng công ty; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thuộc Tổng công ty.

1.3.6. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty

Các phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Tổng công ty trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ; giúp HĐTV, TGD trong quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của TGD; có trách nhiệm trực tiếp hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thành viên thuộc Tổng công ty theo lĩnh vực được phân công. Hiện nay, Tổng công ty có 12 phòng ban chuyên môn, nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- | | |
|------------------------------|-------------------------------------|
| 1. Văn phòng; | 7. Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu; |
| 2. Phòng Tổ chức cán bộ; | 8. Phòng Xây dựng cơ bản; |
| 3. Phòng Tài chính Kế toán; | 9. Phòng Lâm nghiệp; |
| 4. Phòng Kế hoạch; | 10. Phòng Kỹ thuật; |
| 5. Phòng Thị trường; | 11. Tổng kho; |
| 6. Phòng Vật tư Nguyên liệu; | 12. Phòng Truyền thông. |

1.3.7. Các đơn vị thuộc khối công nghiệp và dịch vụ

Khối công nghiệp của Tổng công ty chủ yếu tập trung sản xuất các loại sản phẩm như: Giấy in, giấy viết, giấy photocopy, giấy kraft với các thương hiệu sản phẩm giấy Bãi Bằng, Clever up; Khăn giấy vệ sinh với các thương hiệu sản phẩm Water silk, Comfy; Hóa chất, các hoạt động khác (cho thuê tài sản,...) và các sản phẩm từ gỗ rừng trồng. Địa bàn hoạt động sản xuất, kinh doanh khối công nghiệp dịch vụ tập trung chủ yếu ở các tỉnh, thành phố như Phú Thọ, Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại tỉnh Phú Thọ: Các đơn vị sản xuất kinh doanh giấy Bãi Bằng theo mô hình xí nghiệp liên hợp bao gồm: Nhà máy Giấy, Nhà máy Điện, Nhà máy Hóa chất, Nhà máy Chế biến gỗ thực hiện nhiệm vụ sản xuất giấy, điện, hóa chất, các sản phẩm gỗ; các xí nghiệp: Bảo dưỡng, Vận tải, Dịch vụ thực hiện chức năng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, nhà xưởng, vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa, tổ chức các hoạt động dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Một số đơn vị thuộc khối công nghiệp của Tổng công ty tại Phú Thọ như sau:

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| 1. Nhà máy Giấy; | 5. Xí nghiệp Bảo dưỡng; |
| 2. Nhà máy Điện; | 6. Xí nghiệp Vận tải; |
| 3. Nhà máy Hóa chất; | 7. Xí nghiệp Dịch vụ. |
| 4. Nhà máy Chế biến gỗ; | |

- Tại thành phố Hà Nội: Tổng công ty có 01 đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc là Công ty Giấy tissue Sông Đuống thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh

các sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh thương hiệu Water silk, Comfy và sản phẩm gỗ dán thương hiệu gỗ Cầu Đuống; có 01 chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi.

- Tại các thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh: Tổng công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ các sản phẩm giấy của Tổng công ty tại các tỉnh, thành miền Trung, miền Nam từ Hà Tĩnh trở vào và dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi.

- Tại tỉnh Long An: Tổng công ty Giấy Việt Nam có Ban Quản lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam (đã tiếp nhận nguyên trạng từ chủ đầu tư ban đầu là Công ty cổ phần đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải - TRACODI thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) vào ngày 05 tháng 8 năm 2009 theo Quyết định số 731/QĐ-TTg ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ). Sau khi thực hiện xong công tác đầu tư và tiến hành chạy thử có tải không thành công vào ngày 12/9/2012, dự án đã được Chính phủ đồng ý dừng triển khai thực hiện và tiến hành xử lý. Hiện nay, Tổng công ty đã xây dựng phương án xử lý dứt điểm dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam báo cáo Bộ Công Thương trình Chính phủ phê duyệt.

1.3.8. Các đơn vị thuộc khối lâm nghiệp

Khối lâm nghiệp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ trồng rừng, chăm sóc, quản lý bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng, khai thác và tiêu thụ gỗ rừng trồng.

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty Giấy Việt Nam có 15 công ty lâm nghiệp hoạt động trên địa bàn 4 tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ và Vĩnh Phúc (trong đó có 3 công ty trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đã và đang bàn giao về UBND tỉnh Phú Thọ quản lý gồm Công ty lâm nghiệp Tam Thanh, Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa và Công ty lâm nghiệp Sông Thao, đến thời điểm 31/12/2024, Tổng công ty đã hoàn thành công tác bàn giao Công ty lâm nghiệp Tam Thanh và Sông Thao. Việc bàn giao diện tích đất, tài sản, lao động tại Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa sẽ được Hội đồng thành viên xem xét, quyết định sau khi có kết luận của Thủ tướng Chính phủ về kết quả rà soát việc thu hồi đất từ các công ty lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam về UBND tỉnh Phú Thọ theo Văn bản số 5596/VPCP-CN ngày 07/8/2024 của Văn phòng Chính phủ. Các công ty lâm nghiệp này là đơn vị sản xuất kinh doanh hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam và Quy chế quản lý hoạt động lâm nghiệp của Tổng công ty Giấy Việt Nam; Có vốn và tài sản được Tổng công ty giao quản lý và sử dụng; Có con dấu riêng và có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng trong nước theo quy định của pháp luật có liên quan và Tổng công ty. Danh sách các công ty lâm nghiệp tại các tỉnh như sau:

- Tại tỉnh Phú Thọ:

1. Công ty lâm nghiệp Đoan Hùng;
2. Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa;
3. Công ty lâm nghiệp Sông Thao;
4. Công ty lâm nghiệp Yên Lập;
5. Công ty lâm nghiệp Tam Sơn;
6. Công ty lâm nghiệp Xuân Đài;

- Tại tỉnh Hà Giang:

9. Công ty lâm nghiệp Vĩnh Hảo;
10. Công ty lâm nghiệp Cầu Ham;
11. Công ty lâm nghiệp Ngòi Sào.

- Tại tỉnh Tuyên Quang:

12. Công ty lâm nghiệp Tân Thành;
13. Công ty lâm nghiệp Hàm Yên;

- 7. Công ty lâm nghiệp Tam Thắng;
- 8. Công ty lâm nghiệp Tam Thanh.

14. Công ty lâm nghiệp Tân Phong.

- Tại tỉnh Vĩnh Phúc:

15. Công ty lâm nghiệp Lập Thạch.

Bên cạnh 15 công ty lâm nghiệp nêu trên, Tổng công ty còn có 1 đơn vị hạch toán phụ thuộc hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp là Công ty Thiết kế lâm nghiệp, thực hiện chức năng thiết kế: trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ và khai thác rừng cho các đơn vị lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty.

1.3.9. Các công ty con

Tổng công ty Giấy Việt Nam có 01 công ty con là Công ty TNHH MTV nguyên liệu giấy Miền Nam do Tổng công ty đầu tư 100% vốn, hạch toán độc lập, thực hiện nhiệm vụ trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng thông, keo, bạch đàn... và sản xuất gỗ ván veneer; 01 đơn vị sự nghiệp là Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy hoạt động theo mô hình tổ chức khoa học công nghệ tự trang trải kinh phí, chịu trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất giống cây nguyên liệu giấy phục vụ một phần nhu cầu trồng rừng tại các đơn vị lâm nghiệp của Tổng công ty.

a) Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam (Công ty NLG Miền Nam):

- Công ty NLG Miền Nam là đơn vị hạch toán độc lập, có trụ sở tại thành phố Kon Tum thuộc tỉnh Kon Tum. Nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Chuẩn bị mặt bằng; Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Khai thác gỗ; Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, ván ép và ván mỏng khác; Trồng cây cao su; Mua bán nguyên liệu giấy; Mua bán lâm sản (trừ gỗ, tre, nứa); Mua bán các sản phẩm về giấy, vở học sinh, văn phòng phẩm, gia công xén kẻ giấy.

- Công ty NLG Miền Nam chủ yếu thực hiện hai hoạt động chính, bao gồm: Hoạt động lâm sinh thuộc dự án đầu tư tại Quyết định số 1070/QĐ-TTg ngày 20/8/2001 của Thủ tướng Chính phủ (từ năm 2005 đến nay chủ yếu là công tác quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng; khai thác tia thưa và tận thu nhựa thông đối với diện tích rừng thông); hoạt động lâm sinh thuộc dự án đầu tư trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng keo, bạch đàn hàng năm và hoạt động của Nhà máy sản xuất ván veneer từ gỗ tia thưa của Công ty nhằm tạo việc làm cho người lao động địa phương đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy:

- Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy là đơn vị sự nghiệp thuộc Tổng công ty, có trụ sở tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ. Viện có nhiệm vụ: Nghiên cứu tạo lập các giống cây nguyên liệu giấy mới và các biện pháp kỹ thuật thâm canh phù hợp góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị rừng trồng của các đơn vị lâm nghiệp trong Tổng công ty.

- Với mô hình tổ chức là đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí nên kết quả sản xuất kinh doanh của Viện chủ yếu là hoạt động nghiên cứu, triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học kỹ thuật với Tổng công ty hàng năm, sản xuất một phần cây giống cung cấp cho các công ty lâm nghiệp của Tổng công ty và cung cấp cho thị trường.

Thông tin về 21 công ty hạch toán phụ thuộc khối công nghiệp, khối lâm nghiệp và các công ty con là Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy và Công ty TNHH một thành viên Nguyên liệu giấy Miền Nam chi tiết xem tại Phụ lục số 01, Bảng 1, kèm theo.

1.3.10. Các công ty liên kết và đầu tư khác của Tổng công ty Giấy Việt Nam

Hiện nay, Tổng công ty Giấy Việt Nam góp vốn đầu tư vào 03 công ty liên kết và 04 công ty đầu tư khác với tổng số vốn góp là 289,872 tỷ đồng. Thông tin về công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác (chi tiết xem tại Phụ lục số 01, Bảng 2, kèm theo).

2. Tình hình về lao động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên

2.1. Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam

Hiện nay có tổng số 2.181 cán bộ, công nhân viên (CBCNV) đang công tác, làm việc tại Tổng công ty Giấy Việt Nam, trong đó có 2.169 lao động ký hợp đồng dài hạn, không xác định thời hạn. Trong những năm vừa qua số lượng lao động của Tổng công ty liên tục giảm (số lao động làm việc thực tế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024 bằng 70 % so với thực tế thời điểm 31 tháng 12 năm 2017). Mặc dù số lượng lao động hàng năm đang có sự tinh giảm nhưng Tổng công ty vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kết quả đó có được là nhờ Tổng công ty đã bước đầu sắp xếp hợp lý vị trí công việc cho người lao động nhằm phát huy hiệu quả nhất năng lực của người lao động.

- Về độ tuổi: Lực lượng lao động trong Tổng công ty đang có sự già hóa, lao động ở nhóm tuổi từ 18-30 chiếm tỷ lệ 8,7%; Nhóm tuổi từ 31-45 chiếm 53,9%; Nhóm tuổi từ trên 45 chiếm 38,3%; Số lượng lao động nữ chiếm 34,6% trong tổng số lao động toàn Tổng Công ty.

- Về trình độ chuyên môn: Hiện nay, lực lượng lao động tại Tổng công ty là lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật. Trong công tác tuyển dụng, Tổng công ty Giấy Việt Nam đưa ra các tiêu chí yêu cầu đối với từng vị trí cụ thể, lựa chọn lao động có tay nghề, có kinh nghiệm làm việc ở các vị trí tương đương. Hàng năm, Tổng công ty xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện các chính sách đào tạo nhằm nâng cao trình độ tay nghề phục vụ hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh. Cụ thể theo số liệu thống kê hiện tại, nhóm lao động có trình độ chuyên môn tiến sỹ đạt 0,1%, nhóm lao động có trình độ chuyên môn trên đại học đạt 4,26%, nhóm lao động có trình độ đại học đạt 38,8%, nhóm lao động có trình độ cao đẳng đạt 8,6%, nhóm lao động có trình độ trung cấp đạt 15,8%, nhóm lao động phổ thông và qua đào tạo nghề bậc chiếm tỷ lệ 32,6%.

- Về chế độ, chính sách nhằm bảo đảm sức khỏe cho người lao động: Hàng năm Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định, đảm bảo cán bộ công nhân viên luôn đảm bảo thể trạng tốt nhất để làm việc; phát hiện, tư vấn kịp thời cho người lao động để phòng ngừa, chữa trị bệnh tật, đảm bảo sức khỏe tiếp tục công tác tại Tổng công ty.

2.2. Công ty NLG Miền Nam

Tổng số lao động do Công ty NLG Miền Nam quản lý và sử dụng tính đến ngày 31/12/2024 là 90 người. Trong đó: lao động có trình độ thạc sỹ là 02 người, chiếm 2,2%; đại học là 46 người, chiếm 51,1%; cao đẳng là 05 người, chiếm 5,56%; trung cấp là 14 người, chiếm 15,5%; công nhân là 23 người, chiếm 25,56%.

2.3. Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy

Tổng số lao động Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy sử dụng tính đến ngày 31/12/2024 là 57 người. Trong đó: lao động có trình độ thạc sỹ là 6 người, chiếm 10,53%; đại học là 22 người, chiếm 38,6%; cao đẳng là 01 người, chiếm 1,75%; trung cấp là 02 người, chiếm 3,51%; công nhân là 26 người, chiếm 45,61%.

(Thực trạng lao động và tình hình sử dụng lao động tại Công ty mẹ, công ty con chi tiết xem tại Phụ lục 2, Bảng 1 và Bảng 2 kèm theo)

3. Tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam

3.1.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020

a) Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn 2016-2020

Giai đoạn 2016-2020, tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức nhưng được sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công Thương và các bộ, ngành, địa phương, Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với quy luật của thị trường, ổn định sản xuất kinh doanh, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước giao.

Bảng 2. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2016 - 2020

STT	CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH	ĐV TÍNH	KH 2016-2020 (*)	TH 2016-2020	So sánh với KH (%)	So sánh giai đoạn 2010-2015 (%)
A	B	C	1	2	3=2/1	4
1	Giá trị SXCN					
	- Công ty mẹ	Tỷ đồng	12.049	9.472	79	76
	- Công ty con	"	149	236	159	561
2	S.phẩm chủ yếu sản xuất					
-	Công nghiệp sản xuất giấy	Tấn	668.500	537.760	80	97
	Giấy in, viết	"	545.000	484.155	89	97
	Giấy tissue	"	73.500	53.605	73	100
	Giấy bao bì	"	50.000	-	-	-
3	Năng lực mới tăng thêm					
	Sản xuất giấy	Tấn	64.500	-	-	-
4	Tổng doanh thu					
-	Công ty mẹ	Tỷ đồng	17.416	11.913	68	76
-	Công ty con	"	141	524	373	561
5	Lợi nhuận trước thuế					
-	Công ty mẹ	Tỷ đồng	353	282	80	349
-	Công ty con	"	18	37	206	1.511

Nguồn: VINAPACO

(*) Theo Báo cáo số 217/BC-GVN.HN ngày 10/11/2014 của Tổng công ty Giấy Việt Nam gửi Bộ Công Thương về việc xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư công 5 năm 2016-2020.

b) Nhận xét, đánh giá nguyên nhân các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020.

Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016-2020 chưa đạt kế hoạch đề ra

do một số nguyên nhân chính sau đây:

- Các dự án đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp của Tổng công ty như: dự án giấy bao bì 200.000 tấn/năm, dự án giấy tissue 20.000 tấn, dự án nhà máy chế biến gỗ tại Bãi Bằng chưa triển khai thực hiện được, nên chưa có tăng trưởng về sản lượng sản phẩm và doanh thu. Năm 2017, Tổng công ty phải dừng hoạt động xuất khẩu dăm mảnh do sản xuất kinh doanh không có hiệu quả cũng làm chỉ tiêu doanh thu của Tổng công ty không đạt theo kế hoạch.

- Do ảnh hưởng của chiến tranh thương mại giữa các nước lớn và đại dịch Covid-19, nên kết quả sản xuất kinh doanh các năm 2019 và 2020 của Tổng công ty đạt thấp.

- Nhu cầu thị trường trong nước đối với các sản phẩm giấy in, giấy viết và giấy photocopy có tăng trưởng. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh của sản phẩm giấy giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp nhập khẩu rất gay gắt. Ngoại trừ năm 2018, các năm còn lại ghi nhận thị trường giá giấy in, viết và photocopy ở mức thấp và chưa có dấu hiệu tăng trong ngắn hạn.

- Sản xuất kinh doanh khối lâm nghiệp của Tổng công ty còn nhiều tồn tại, hiệu quả kinh doanh thấp, nhiều đơn vị tiếp tục thua lỗ. Vốn cho sản xuất còn thiếu, chậm do phụ thuộc vay vốn từ Ngân hàng Phát triển. Bên cạnh đó, sản xuất lâm nghiệp còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ các yếu tố khách quan (bão lũ, sâu bệnh hại,...) gây thiệt hại cho rừng trồng.

- Tổng công ty phải xử lý các khó khăn tồn tại của các dự án lớn do dừng đầu tư hoặc thay đổi mục tiêu dự án như: Dự án nhà máy Bột giấy Phương Nam (công nợ và khiếu kiện của các nhà thầu), Dự án trồng rừng nguyên liệu giấy Kon Tum (các khoản vay quá hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam).

- Công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa Tổng công ty còn nhiều khó khăn và phức tạp, việc cổ phần hóa Tổng công ty kéo dài do phải thực hiện phương án xử lý đối với Dự án nhà máy Bột giấy Phương Nam theo sự chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công Thương.

- Một số công ty liên kết của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh như: Công ty CP tập đoàn Tân Mai, Công ty CP Giấy BBP,... dẫn đến Tổng công ty phải trích lập dự phòng tài chính lớn.

3.1.2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2024

Năm 2021, do ảnh hưởng của đại dịch Covid hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn, mức lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty chỉ đạt 1,18 tỷ đồng. Năm 2023, lợi nhuận sau thuế đạt 12,8 tỷ đồng. Năm 2024, lợi nhuận sau thuế đạt 14,7 tỷ đồng

Lợi nhuận của Công ty mẹ trong giai đoạn 2021-2024 chủ yếu đạt được trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh công nghiệp. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị thuộc khối lâm nghiệp nhìn chung chưa cao, vẫn có một số Công ty lâm nghiệp có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ, chủ yếu là do phải chịu nhiều thiệt hại đối với rừng trồng do bão lũ, nấm bệnh khiến năng suất rừng trồng đạt thấp.

Thông tin về kết quả hoạt động SXKD của Công ty mẹ - Tổng công ty chi tiết xem tại Phụ lục 3 - Bảng 1, kèm theo.

3.2. Kết quả sản xuất kinh doanh Công ty NLG Miền Nam

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2024 của Công ty NLG Miền Nam có

chuyển biến tích cực. Doanh thu bình quân năm 2021-2024 đạt 76,5 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân đạt 1,4 tỷ đồng/năm.

Thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty NLG Miền Nam chi tiết xem tại: Phụ lục 3 - Bảng 2 kèm theo.

3.3. Kết quả sản xuất kinh doanh Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy

Doanh thu bình quân các năm 2021-2024 đạt 9,703 tỷ đồng/năm lợi nhuận sau thuế bình quân đạt 10,4 triệu đồng/năm.

Thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh của Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy chi tiết xem tại: Phụ lục 3 - Bảng 2, kèm theo.

4. Tình hình vốn và tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam

4.1 Tình hình về vốn:

Vốn điều lệ của Tổng công ty khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 858/QĐ-TTg ngày 06/06/2011 của Thủ tướng Chính phủ là: 1.213 tỷ đồng (số liệu về vốn tại thời điểm ngày 31/12/2009 và duy trì đến nay). Vốn chủ sở hữu không bao gồm dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam (Mã 400 BCĐTC) tại thời điểm 31/12/2024 là 1.394 tỷ đồng.

Dvt: Đồng.

	Tình hình vốn	Tại thời điểm 31/12/2024
+	Vốn chủ sở hữu (mã 400 – Bảng CĐKT)	1.394.889.614.530
	- Vốn chủ sở hữu (Không bao gồm số liệu báo cáo ban quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	1.317.454.706.096
	- Vốn chủ sở hữu (Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	77.434.908.434
+	Vốn chủ sở hữu (mã 410 – Bảng CĐKT)	1.377.377.721.356
	- Vốn chủ sở hữu (Không bao gồm số liệu báo cáo ban quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	1.299.942.812.922
	- Vốn chủ sở hữu (Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	77.434.908.434
+	Nguồn kinh phí và quỹ khác (mã 430 – Bảng CĐKT)	17.511.893.174
	- Nguồn kinh phí	55.000.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản	17.456.893.174

4.2 Tình hình về tài sản:

Tổng tài sản của Công ty mẹ – Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thời điểm 31/12/2024 là 5.128 tỷ đồng. Tổng tài sản không bao gồm dự án Nhà máy Bột giấy

Phương Nam tại ngày 31/12/2024 là: 2.132 tỷ đồng. Tài sản dài hạn chiếm 18,9%, tài sản ngắn hạn bằng 81,1%. Tài sản của Tổng công ty đang tập trung chủ yếu tại khu vực sản xuất giấy Bãi Bằng, tỉnh Phú Thọ với tỷ trọng bằng khoảng 80% tổng tài sản của Tổng công ty. Tuy nhiên, do dây chuyền thiết bị, nhà xưởng đã được đầu tư và đi vào hoạt động trên 40 năm nên đã xuống cấp và lạc hậu về kỹ thuật, công nghệ.

Tình hình tài sản	Tại thời điểm 31/12/2024
- Tổng tài sản của doanh nghiệp	5.128.494.400.362
- Tổng tài sản của doanh nghiệp (Không bao gồm số liệu báo cáo ban quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	2.132.722.544.021
+ Tài sản ngắn hạn	1.619.933.627.550
* Tiền và các khoản tương đương tiền	204.336.311.698
* Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.500.000.000
* Các khoản phải thu ngắn hạn	502.498.086.692
* Vật tư hàng hóa tồn kho	897.050.980.163
* Tài sản ngắn hạn khác	9.548.248.997
+ Tài sản dài hạn	3.508.560.772.812
* Tài sản cố định, trong đó:	
Tài sản cố định hữu hình	264.226.390.924
Tài sản cố định vô hình	1.599.062.929
Tài sản cố định thuê Tài chính	3.625.513.578
* Các khoản phải thu dài hạn	139.445.000
* Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	102.780.680.099
* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.702.465.537.857
* Chi phí trả trước dài hạn	433.724.142.425
+ Giá trị lợi thế kinh doanh	
+ Giá trị quyền sử dụng đất	

Tài sản tại các đơn vị công nghiệp và dịch vụ hạch toán phụ thuộc như: Công ty Giấy tissue Sông Đuống và các Chi nhánh Tổng công ty tại Hà Nội, Đà Nẵng và Tp. Hồ Chí Minh, chiếm 10% tổng tài sản Tổng công ty. Tài sản này để được sử dụng để sản xuất giấy vệ sinh tại Công ty Giấy tissue Sông Đuống, kinh doanh cho thuê nhà, kho bãi và phục vụ công tác tiêu thụ sản phẩm giấy tại các tỉnh Miền Trung và Miền Nam.

Tài sản tại các công ty lâm nghiệp bao gồm: Nhà văn phòng, các phương tiện, dụng cụ quản lý sản xuất và tài sản rừng trồng. Tài sản này chiếm 10% tổng tài sản Tổng công ty, tập trung tại các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Vĩnh Phúc.

Thông tin về tình hình tài sản Công ty mẹ chi tiết xem tại: Phụ lục 1 - Bảng 3, kèm theo.

5. Tình hình sử dụng đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam

Tại thời điểm ngày 31/12/2024, Tổng công ty Giấy Việt Nam quản lý và sử dụng 37.339,85 ha đất tại các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Kon Tum,

Hải Phòng, Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Long An, trong đó đất nông nghiệp là 37.080,53 ha; đất phi nông nghiệp là 259,325 ha.

5.1. Đất nông nghiệp

- Tổng diện tích đất nông nghiệp do các đơn vị lâm nghiệp của Tổng công ty quản lý sử dụng đến 31/12/2024 là: 37.080,53 ha. Diện tích đất nông nghiệp, các công ty lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng tại các tỉnh chi tiết trong bảng sau:

STT	Tỉnh	Tổng diện tích đến 31/12/2024 (ha)	Diện tích đất nông nghiệp (ha)	Diện tích đã được cấp GCN QSDĐ (ha)	Diện tích chưa được cấp GCN QSDĐ (ha)	Trong đó, đất đang bị tranh chấp, xâm lấn, cấp trùng (ha)
1	Hà Giang	6.526,50	6.520,60	6.520,60	0,00	1.377,54
2	Tuyên Quang	8.215,10	8.208,37	7.769,84	438,53	3.668,22
3	Phú Thọ	9.672,72	9.663,66	9.281,27	382,39	1.344,00
4	Vĩnh Phúc	1.527,98	1.478,37	1.306,66	171,71	307,46
5	Kon Tum	11.222,83	11.209,53	9.942,95	1.266,58	0,00
	Cộng	37.165,13	37.080,53	34.821,32	2.259,20	6.697,22

Tại tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang và Vĩnh Phúc: Diện tích đất các đơn vị lâm nghiệp đang quản lý, sử dụng tại thời điểm 31/12/2024 đã được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2009, 2012, 2013. Tại tỉnh Phú Thọ, diện tích đất các đơn vị lâm nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ những năm 90.

Trong những năm qua, công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp của Tổng công ty gặp không ít khó khăn. Do nguồn gốc sử dụng đất của các công ty lâm nghiệp được Nhà nước giao đất từ những năm 90, việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được tiến hành bằng phương pháp khoanh vẽ bản đồ và giao theo diện tích đất tự nhiên không qua đo đạc nên độ chính xác không cao. Diện tích đất được giao bao gồm cả đất ao hồ, sông suối và xen kẽ đất của người dân nên không thể bóc tách cụ thể. Trong quá trình sử dụng, Nhà nước đã nhiều lần thu hồi đất cho các mục đích khác và điều chỉnh diện tích đất giao cho các đơn vị của Tổng công ty. Một số diện tích đất bị người dân tranh chấp, xâm lấn nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước xem xét, giải quyết.

5.2. Đất phi nông nghiệp

Đây là phần đất chủ yếu thuộc các đơn vị công nghiệp và dịch vụ quản lý, sử dụng (174,728 ha) và một phần đất trụ sở các công ty lâm nghiệp trực thuộc; Viện Nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy và Công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam (84,597 ha). Tổng diện tích đất phi nông nghiệp của Tổng công ty là 259,325 ha nằm trên địa bàn các tỉnh như sau:

STT	Tỉnh/Thành phố	Tổng diện tích (ha)	Diện tích hiện còn đến 31/12/2024	Diện tích đã được cấp GCN/Hợp đồng thuê đất (ha)	Trong đó, diện tích ổn định, đúng mục đích (ha)	Ghi chú
1	Hà Giang	5,90	5,90	5,90	5,90	

2	Tuyên Quang	6,73	6,73	6,73	6,73	
3	Phú Thọ	130,22	130,22	130,22	130,22	
4	Vĩnh Phúc	49,61	49,61	49,61	22,75	
5	Kon Tum	13,30	13,30	13,30	13,33	
6	Hà Nội	7,3499	7,3499	7,3499	7,3499	
7	Hải Phòng	0,0084	0,0084	0,0084	0,0084	
8	Hồ Chí Minh	0,8295	0,8295	0,8295	0,8295	
9	Long An	45,3775	45,3775	45,3775	45,3775	Chờ PA xử lý
	Cộng	259,325	259,325	259,325	232,495	

Toàn bộ diện tích đất Phi nông nghiệp, Tổng công ty sử dụng hiệu quả, đúng mục đích cho mục tiêu sản xuất kinh doanh và phúc lợi của Tổng công ty. Đối với diện tích đất tại tỉnh Long An (45,3775 ha) thuộc dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam, dự án hiện đang chờ Chính phủ phê duyệt phương án xử lý.

Bên cạnh diện tích đất tại các tỉnh thành phố nêu trên, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty nói chung và Chi nhánh của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng nói riêng, Tổng công ty có thuê 16.927,633 m² đất tại Lô 11 đường số 3 Khu công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng sử dụng cho mục đích văn phòng làm việc, kho chứa sản phẩm giấy và cơ sở sản xuất kinh doanh. Hiện diện tích này đang được sử dụng hiệu quả, đúng mục đích theo hợp đồng thuê đất.

5.3. Công tác lập Phương án sử dụng đất

Theo số liệu tổng hợp từ các phương án sử dụng đất và cập nhật diện tích hiện đang quản lý, sử dụng tại ngày 31/12/2024, diện tích đất được của Tổng công ty giữ lại để phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh là 30.974,083 ha, trong đó: Đất nông nghiệp là 30.741,588 ha, Đất phi nông nghiệp 232,495 ha. Chi tiết trên địa bàn từng tỉnh như sau:

STT	Tỉnh	Tổng diện tích đất đang quản lý	Diện tích dự kiến giữ lại để lập PA đến 31/12/2024	Trong đó		Ghi chú
				Đất nông nghiệp	Đất Phi nông nghiệp	
1	Hà Giang	6.526,50	5.645,91	5.640,01	5,90	
2	Tuyên Quang	8.215,10	5.451,87	5.445,14	6,73	
3	Phú Thọ	9.793,878	9.793,878	9.663,658	130,22	
4	Vĩnh Phúc	1.527,98	1.252,15	1.229,40	22,75	
5	Kon Tum	11.222,83	8.776,71	8.763,38	13,33	
6	Hà Nội	7,3499	7,3499		7,3499	
7	Hải Phòng	0,0084	0,0084		0,0084	
8	Hồ Chí Minh	0,8295	0,8295		0,8295	
9	Long An	45,3775	45,3775		45,3775	
	Cộng	37.339,853	30.974,083	30.741,588	232,495	

UBND tỉnh Phú Thọ đã có quyết định số 3087/QĐ-UBND, ngày 24/11/2020 về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. UBND tỉnh Hà Giang đã có quyết định số 2802/QĐ-UBND, số 2803/QĐ-UBND, số 2804/QĐ-UBND, ngày 27/12/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sử dụng đất của Công ty Lâm nghiệp Cầu Ham, Vĩnh Hảo, Ngòi Sảo. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang có văn bản số 171/STNMT- CCĐĐ, ngày 08/02/2021, thông báo phương án sử dụng đất của Tổng công ty sẽ được tỉnh phê duyệt sau khi có quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới các đơn vị lâm nghiệp của cơ quan có thẩm quyền. Dự kiến toàn bộ các phương án sử dụng đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại các tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Phúc và Kon Tum sẽ được UBND các tỉnh phê duyệt khi Đề án Cơ cấu lại của Tổng công ty được Bộ Công Thương phê duyệt.

Thông tin về tình hình sử dụng đất, kết quả xây dựng và trình duyệt phương án sử dụng đất chi tiết xem tại: Phụ lục 4 - Bảng 1, Bảng 2 và Bảng 3, kèm theo.

6. Tình hình sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp

Tổng công ty Giấy Việt Nam là đơn vị phải thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 27/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp. Tuy nhiên, năm 2015 Tổng công ty triển khai công tác cổ phần hóa theo phương án cổ phần hóa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 6770/VPCP-ĐMDN ngày 04/9/2014 nên Tổng công ty Giấy Việt Nam đã có Văn bản số 105/GVN-HĐTV.HN ngày 03/4/2015 báo cáo xin chủ trương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc không tiến hành sắp xếp các công ty lâm nghiệp trực thuộc để tiến hành cổ phần hóa Tổng công ty. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đã có văn bản đồng ý với đề nghị nêu trên của Tổng công ty tại văn bản số 4131/BNN-QLDN ngày 27/5/2015. Song sau nhiều năm công tác cổ phần hóa của Tổng công ty không thực hiện được.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương tại văn bản số 6859/BCT-TC ngày 17/9/2019, Tổng công ty đã xây dựng Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 02/2015/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Tổng công ty Giấy Việt Nam đã trình UBND các tỉnh xem xét, cho ý kiến về đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp (CTLN) thuộc Tổng công ty. Tuy nhiên đến nay Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp trên địa bàn các tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang và Vĩnh Phúc vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị lâm nghiệp trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tái cơ cấu của Tổng công ty và Đề án sắp xếp, đổi mới các công ty lâm nghiệp, Tổng công ty đã chủ động triển khai phương án cơ cấu lại tổ chức hoạt động của các phòng ban, đơn vị trong Tổng công ty bao gồm các công ty lâm nghiệp tại Nghị quyết số 29/NQ-GVN.HN ngày 31/7/2020 và phê duyệt phương án tổ chức sản xuất kinh doanh của các công ty lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty áp dụng từ ngày 01/01/2024. Việc triển khai các phương án cơ cấu lại nội bộ tạo tiền đề để tiến hành công tác cơ cấu lại triệt để khi Đề án cơ cấu lại đến năm 2025 được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bước đầu, công tác cơ cấu lại nội bộ đã tinh giảm số lượng lao động của Tổng

công ty nói chung và các đơn vị lâm nghiệp nói riêng. Tại 13 đơn vị lâm nghiệp (không bao gồm 03 đơn vị bàn giao về UBND tỉnh Phú Thọ là Tam Thanh, Thanh Hòa, Sông Thao) sau khi thực hiện phương án cơ cấu lại nội bộ số lao động tại thời điểm 31/12/2023 là 623 lao động, đã giảm được 86 lao động so với trước đó. Mặc dù số lượng lao động của các đơn vị trong Tổng công ty giảm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Năm 2021, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương và đề nghị của UBND tỉnh Phú Thọ, Tổng công ty đã thực hiện bàn giao nguyên trạng (gồm: vốn, đất đai, lao động...) của Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa, Công ty lâm nghiệp Tam Thanh và Công ty lâm nghiệp Sông Thao về UBND tỉnh Phú Thọ quản lý. Tính đến thời điểm 31/12/2024, Tổng công ty chưa hoàn thành công tác bàn giao đất tại Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa về UBND tỉnh Phú Thọ. Việc bàn giao diện tích đất, tài sản tại Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa sẽ được Hội đồng thành viên xem xét, quyết định sau khi có kết luận của Thủ tướng Chính phủ về kết quả rà soát việc thu hồi đất từ các công ty lâm nghiệp trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam về UBND tỉnh Phú Thọ theo Văn bản số 5596/VPCP-CN ngày 07/8/2024 của Văn phòng Chính phủ.

7. Công tác đầu tư phát triển

Trong giai đoạn 2016-2024, hầu hết các dự án đầu tư trọng điểm (nhóm A, B) của Tổng công ty đều chưa triển khai thực hiện được như: dự án trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê Tổng công ty tại 25A Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội; dự án xây dựng Nhà máy chế biến gỗ tại Bãi Bằng công suất 25.000 tấn/năm; 02 dự án thuộc Công ty Giấy tissue Sông Đuống (dự án Nhà máy giấy tissue 20.000 tấn năm và dự án sản xuất băng vệ sinh, tã trẻ em); dự án đầu tư Nhà máy sản xuất giấy bao bì công nghiệp. Nguyên nhân chính dẫn đến nhiều dự án chưa được triển khai do Tổng công ty Giấy Việt Nam đang trong quá trình cơ cấu lại mà trọng tâm là thực hiện cổ phần hóa. Tuy nhiên, công tác xử lý dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam chưa thành công, chậm tiến độ nên việc cổ phần hóa doanh nghiệp chưa thực hiện được. Mặt khác, trong giai đoạn 2016-2024, Tổng công ty gặp khó khăn trong thu xếp nguồn vốn cho dự án, đặc biệt là khó khăn từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty dẫn đến chưa đảm bảo nguồn vốn đối ứng để triển khai các dự án trọng điểm có tổng mức đầu tư lớn.

8. Hiện trạng công nghệ, năng lực thiết bị

8.1. Hiện trạng công nghệ, năng lực thiết bị của dây chuyền sản xuất sản phẩm giấy in, giấy viết, giấy copy tại khu vực Bãi Bằng

Toàn bộ dây chuyền và thiết bị sản xuất của Tổng công ty tại khu vực sản xuất giấy Bãi Bằng bao gồm các công đoạn: sản xuất bột giấy và giấy; sản xuất điện, hơi, nước và sản xuất hóa chất được tài trợ bởi Chính phủ và nhân dân Thụy Điển và được đưa vào sử dụng từ năm 1980-1982. Sản phẩm chủ yếu của Tổng công ty là giấy in, giấy viết, giấy copy và các sản phẩm khác gồm: điện, hơi, nước, hóa chất.

Sau nhiều lần Tổng công ty nâng cấp cải tạo dây chuyền (năm 2003, 2006, 2010, 2013, 2014) sản lượng bột giấy thiết kế của dây chuyền sản xuất bột là 78.000 tấn/năm và sản lượng giấy thiết kế là 120.000 tấn giấy/năm. Trung bình, sản lượng bột giấy hàng

năm đạt từ 60.000 – 65.000 tấn/năm, năm 2023 sản lượng bột giấy đạt trên 70.000 tấn, sản lượng giấy đạt từ 90.000 – 100.000 tấn/năm.

Dây chuyền sản xuất bột giấy và giấy của Tổng công ty đến nay đã cũ, một số hạng mục tuy đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp nhưng chưa đồng bộ. Chất lượng sản phẩm giấy in, giấy viết và giấy copy của Tổng công ty cơ bản đáp ứng yêu cầu của khách hàng nhưng chưa thực sự ổn định, vẫn còn một số khuyết tật của giấy chưa khắc phục được triệt để. Hiệu quả chạy máy còn thấp, tiêu hao định mức, tiêu hao năng lượng còn cao. Sự cố về công nghệ và thiết bị vẫn còn xảy ra nhiều ở các công đoạn sản xuất, nhiều thiết bị trên dây chuyền không có thiết bị thay thế do nhà sản xuất đã thay đổi công nghệ, không còn sản xuất ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả sản xuất của Tổng công ty.

(Công suất thiết kế của các công đoạn trong dây chuyền sản xuất tại Bãi Bằng chi tiết xem tại Phụ lục 8, Bảng 1, kèm theo)

8.2. Hiện trạng công nghệ, năng lực thiết bị tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống

Dây chuyền máy xeo giấy tissue công suất 10.000 tấn/năm được đưa vào vận hành từ năm 2002. Máy xeo giấy tissue với kiểu hình thành của hòm phun bột là Crescent Former, phần lưới, phần ép, lô sấy Yankee, chụp hút và lô cuộn. Máy xeo giấy tissue này có thể sản xuất được các loại giấy tương đối mềm mại, chất lượng giấy ổn định, phân tán xơ sợi tốt và độ bền cao bởi kiểu hòm phun bột đặc biệt và đơn giản trong việc thay chần, lưới, bảo dưỡng máy.

(Công suất thiết kế của các thiết bị trong dây chuyền sản xuất tại giấy tissue chi tiết xem tại Phụ lục 8, Bảng 2, kèm theo).

8.3. Thực trạng nghiên cứu, ứng dụng và phát triển sản xuất lâm nghiệp

- Về công tác phát triển giống, sử dụng và quản lý giống cây trồng rừng:

Tổng công ty đã tiến hành ký hợp tác với các đơn vị nghiên cứu chọn tạo giống trong và ngoài nước để cung cấp nguồn giống chất lượng cao phục vụ cho trồng rừng tại các công ty lâm nghiệp, cụ thể như: Viện Giống và Công nghệ sinh học lâm nghiệp cung cấp hạt giống keo tai tượng, cây giống đầu dòng keo lai; Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy là đơn vị trực thuộc Tổng công ty thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và sản xuất cung ứng cây giống cho Tổng công ty.

- Về công tác nghiên cứu ứng dụng chọn, tạo giống: Tổng công ty luôn quan tâm, chú trọng nghiên cứu ứng dụng, tạo giống, Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy đã sở hữu được bộ giống đa dạng với 16 giống cây lâm nghiệp được công nhận, đã nhân giống và sản xuất thành công các giống bạch đàn lai PN108, PNCT3, PNCTIV, ...) và keo lai (BV32, BV16, KL2.....) đã đưa vào trồng rừng có triển vọng tốt.

+ Tổng công ty đã đầu tư nguồn lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát huy năng lực gieo ươm tại chỗ của các công ty lâm nghiệp.

- Về công tác quản lý nguồn giống: Thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp của Bộ NN&PTNT và Quy chế quản lý hoạt động lâm nghiệp của Tổng công ty.

- Về biện pháp kỹ thuật lâm sinh:

Tổng công ty Giấy Việt Nam đã ban hành quy trình kỹ thuật tạm thời về kỹ thuật trồng rừng cung cấp gỗ nguyên liệu giấy và quy trình chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ

lớn áp dụng nội bộ Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Quyết định số 157/QĐ-GVN.HN, ngày 25/01/2021, phù hợp với điều kiện thực tế của Tổng công ty. Tổng công ty tiếp tục thực hiện việc xây dựng bản đồ lập địa, quy trình kỹ thuật lâm sinh, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp với từng loài cây trồng nhằm đa dạng hóa mục tiêu kinh doanh lâm nghiệp. Từ đó, áp dụng vào sản xuất lâm nghiệp như đa dạng loài cây trồng, đa dạng mật độ trồng rừng, thay đổi chủng loại, liều lượng phân bón cho từng đối tượng loài cây trồng nhằm nâng cao năng suất, sản lượng rừng, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh, bảo toàn nguồn vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất đai hiện có và đa dạng hóa sản phẩm (gỗ nguyên liệu, gỗ lớn, gỗ ván, gỗ dăm nguyên liệu giấy).

- Về quản lý đất đai, bảo vệ rừng:

Trong lĩnh vực quản lý đất đai Tổng công ty đã thực hiện số hóa bản đồ quản lý sử dụng đất trên phần mềm Mapinfo hệ tọa độ VN 2000. Hiện nay, Tổng công ty đã triển khai biên tập, chuẩn hóa bản đồ lâm nghiệp để sử dụng chung trong toàn Tổng công ty, cập nhật diễn biến thường xuyên rừng, đất rừng để có thể theo dõi, quản lý thông qua các thiết bị di động thông minh. Quá trình giao đất, cấp giấy CNQSD đất cho các CTLN trước đây được thực hiện trên cơ sở khoanh vẽ bản đồ, không thông qua đo đạc thực tế tại hiện trường, ranh giới quản lý sử dụng đất trên thực địa không rõ ràng. Do đó, giữa hồ sơ giao đất với thực tế đất quản lý sử dụng có sự sai khác ở một số đơn vị.

9. Công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

9.1. Giấy in, giấy viết

Trong giai đoạn 2021-2024, thị trường tiêu thụ giấy in, giấy viết của Việt Nam diễn biến phức tạp, khó đoán định. Cạnh tranh trên thị trường sản phẩm giấy in, giấy viết ngày càng khốc liệt. Đánh giá về cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu của Tổng công ty như sau:

9.1.1. Cơ hội

9.1.1.1 Nhu cầu nội địa vẫn tiếp tục tăng trưởng.

- Dự báo sản lượng tiêu thụ giấy in, viết, photocopy trong thời gian tới tăng trung bình khoảng 2,5%/năm.

- Mức tiêu thụ trung bình giấy in, viết của Thế Giới là 11kg/người, Thái Lan 13kg/người, Indonesia 14kg/người, Hàn Quốc 20kg/người, trong khi đó Việt Nam mới chỉ đạt khoảng hơn 5 kg/người (Số liệu của Hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam)

- Theo dự báo của các tổ chức RISI, Hawkins Wright, chuyên gia, tập đoàn sản xuất bột & giấy thì giấy in báo, giấy truyền thống sẽ giảm mạnh trong thời gian tới, nhưng với giấy in & giấy văn phòng vẫn tăng ở các thị trường mới nổi & đang phát triển.

- GDP Việt Nam dự báo tăng trưởng trung bình khoảng 6%/năm. Cơ bản tăng trưởng giấy in, viết vẫn phụ thuộc chính vào mức tăng GDP của quốc gia.

- Nhu cầu đọc sách của Việt Nam còn thấp chỉ 1.8 cuốn/ người (không tính sách giáo khoa), trong đó Nhật Bản, EU, Mỹ, Hàn Quốc đạt 12 – 14 cuốn/người. Trong đó dự báo về dân số Việt Nam năm 2030 đạt 115 triệu người.

9.1.1.2. Chương trình đổi mới giáo dục (thay sách) làm nhu cầu giấy in sách giáo khoa tăng đáng kể.

9.1.1.3. Do cạnh tranh càng ngày càng quyết liệt, các đơn vị sản xuất nhỏ trong nước nhiều khả năng chuyển sang sản xuất giấy khác, hoặc dừng sản xuất.

9.1.1.4. Các hiệp định thương mại đa phương, song phương, việc mở cửa thị trường tạo ra nhiều cơ hội xuất khẩu.

9.1.1.5. Cuộc vận động “ Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tạo ra nhiều cơ hội, đặc biệt là giấy văn phòng trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng theo hướng quốc gia khởi nghiệp (đạt khoảng 1 triệu doanh nghiệp đến năm 2025/ 850.000 doanh nghiệp hiện nay).

9.1.2.Thách thức.

9.1.2.1 Sự cạnh tranh của các sản phẩm thay thế:

- Giấy tráng (couche) được sử dụng nhiều trong in sách truyền thống, sách hướng dẫn, ấn phẩm quảng cáo.

- Nhiều khách hàng lựa chọn giấy có định lượng thấp hơn hoặc cao hơn dải định lượng của giấy Bãi Bằng.

- Công nghệ thông tin phát triển cũng làm cho nhu cầu thông tin truyền thống thông qua giấy giảm.

9.1.2.2 Nhu cầu sử dụng giấy in, viết cho một số lĩnh vực giảm hoặc có nguy cơ giảm:

- Như in vé số.

- Nhu cầu vở viết cho học sinh có thể giảm do cải cách về giáo dục, do tích hợp sách giáo khoa và vở. Thị trường vở, sổ nội địa bị ảnh hưởng bởi sản phẩm nhập khẩu.

- Sản xuất tập vở xuất khẩu có thể bị giảm do sức cạnh tranh các doanh nghiệp Việt Nam yếu.

- Chiến tranh lan rộng ở một số khu vực, suy thoái kinh tế nên nhu cầu sản phẩm nói chung bị giảm ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu về giấy.

9.1.2.3. Đối thủ cạnh tranh:

- Giấy nhập khẩu từ các quốc gia như Indonexia, Thái lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc...là các cường quốc rất mạnh về sản xuất giấy.

- Trong nước Giấy An Hòa là đối thủ cạnh tranh về giá về sản phẩm về khách hàng với Tổng công ty.

9.1.2.4. Thách thức từ môi trường kinh doanh không lành mạnh :

- Hàng gian lận thương mại. Tính liên kết của các nhà sản xuất giấy in, viết tại Việt Nam kém, dẫn tới sức cạnh tranh chung đối với giấy nhập khẩu yếu.

- Thách thức từ môi trường kinh doanh toàn cầu không ổn định, đặc biệt là ảnh hưởng của Trung Quốc.

9.1.3.Điểm mạnh

9.1.3.1 Tính truyền thống:

Tổng công ty Giấy Việt Nam, đặc biệt Giấy Bãi Bằng có bề dày truyền thống văn hóa được hun đúc qua nhiều thế hệ., đội ngũ CBCNV tâm huyết là nền tảng quan trọng cho phát triển của Tổng công ty.

9.1.3.2 Sản xuất:

- Có hệ thống sản xuất tương đối đồng bộ từ điện, hơi, nước, hóa chất, bột và giấy nên có khả năng giảm giá thành cao nhờ tối ưu hóa các quá trình.

- Cơ bản chủ động được nguồn nguyên liệu giấy và bột cho sản xuất giấy nên có khả năng ổn định sản xuất và giảm giá thành.

9.1.3.3 Sản phẩm:

- Sản phẩm giấy Bãi Bằng được đánh giá là phù hợp và là sự lựa chọn hàng đầu cho ngành in và sản xuất vở tại Việt Nam.

- Giấy BB là đa dạng về chủng loại: định lượng, độ trắng, đặc biệt là giấy viết và giấy định lượng 76.

9.1.3.4 Thương hiệu:

- Giấy Bãi Bằng là thương hiệu mạnh được nhiều người biết đến.

- Giấy Bãi Bằng trong nhiều trường hợp được coi là chuẩn mực lựa chọn.

- Uy tín cao (đặc biệt là thị trường miền Bắc).

9.1.3.5 Hệ thống bán hàng:

- Tổng công ty có hệ thống bán hàng rộng khắp cả nước, đội ngũ khách hàng đông đảo và mạnh, có nhiều khách hàng truyền thống.

- Tổng công ty có các kho hàng ở ba vùng miền đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.

9.1.3.6 Hệ thống quản lý:

Tổng công ty đang áp dụng các hệ thống quản trị tiên tiến, có khả năng đem lại lợi thế lớn trong cạnh tranh như: hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, năng lượng ISO, quản lý rừng bền vững FSC, quản lý chuỗi hành trình sản phẩm FSC-COC, phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn...

9.1.4. Điểm yếu

9.1.4.1. Công nghệ thiết bị:

- Công nghệ lạc hậu, thiết bị sau nhiều năm vận hành đã xuống cấp, hay hỏng hóc, làm cho chi phí bảo dưỡng cao và máy chạy không ổn định (dẫn tới chi phí tăng, sản phẩm không ổn định chất lượng).

- Công nghệ tẩy sử dụng clo nguyên tố làm hạn chế khả năng xuất khẩu vào một số thị trường trên thế giới.

9.1.4.2. Về chi phí sản xuất:

Chi phí sản xuất còn cao so với mặt bằng trung bình thế giới như: năng lượng, bảo dưỡng và một số định mức tiêu hao vật tư nguyên liệu quan trọng.

9.1.4.3. Sản phẩm:

- Sản phẩm không ổn định về chất lượng, còn một số nhược điểm chưa khắc phục được như bị nhăn khi in, copy; dày mỏng không đều, méo lỗi...

- Một số sản phẩm nhu cầu cao trên thị trường như định lượng $< 55 \text{ g/m}^2$ và $> 110 \text{ g/m}^2$ nhưng không thể đáp ứng.

9.1.4.4. Uy tín:

Do ảnh hưởng của các công ty liên kết, ảnh hưởng quá trình cổ phần hóa, các khó khăn trong quá trình chuyển đổi cơ chế nên uy tín của Tổng công ty, của giấy Bãi Bằng đang bị ảnh hưởng.

9.1.4.5. Chính sách, chiến lược:

Chiến lược về sản phẩm, thương hiệu chưa rõ ràng.

9.1.4.6. Hệ thống bán hàng:

- Lớn nhưng không mạnh, hiệu quả chưa cao.
- Một số khách hàng quan trọng chuyển một phần hoặc toàn bộ sang sử dụng, kinh doanh giấy của đối thủ cạnh tranh.

9.2. Giấy tissue

a) Tình hình sản xuất trong nước:

Tổng hợp tình năng lực sản xuất giấy Tissue năm 2024:

STT	Tên doanh nghiệp	Tỉnh	Công suất TK (tấn/năm)
1	Công ty TNHH Cheng loong Bình Dương	Bình Dương	50.000
2	Làng nghề Giấy Đồng Cao	Bắc Ninh	40.000
3	Công Ty TNHH New Toyo Pulppy (Việt Nam)	Bình Dương	40.000
4	Công ty TNHH XNK Thuận Phát	Bắc Ninh	40.000
5	Công ty cổ phần Giấy Sài Gòn	Bà Rịa VT	35.000
6	Công ty TNHH JP Corelex Việt Nam	Hưng Yên	30.000
7	Công ty TNHH MTV Vina Paper (Bắc Ninh)	Bắc Ninh	30.000
8	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Bắc Giang	Bắc Giang	28.500
9	Công ty TNHH NTP (Việt Nam)	Bình Dương	22.000
10	Công ty TNHH Giấy Xuân Mai	Tp. Hồ Chí Minh	20.000
11	Công ty CP Giấy Hải Dương	Hải Dương	18.000
12	Công ty TNHH Tissue Linh An	Vĩnh Phúc	15.000
13	Công ty cổ phần Giấy Vĩnh Huê	Tp. Hồ Chí Minh	11.500
14	Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Hà Nội	10.000
15	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Cường Thịnh	Bắc Ninh	7.000
16	Công ty Giấy Đồng tiến	Bình Dương	6.000
17	Công ty Hapaco Hải Âu	Hải Phòng	5.000
18	Công ty CP giấy Lửa việt	Phú Thọ	5.000
19	Công ty Hapaco HPP	Hải Phòng	4.000
20	Công ty TNHH 1TV giấy Sinh Hòa Phát	Đà Nẵng	1.750

(Báo cáo của hiệp hội Giấy và Bột giấy Việt Nam năm 2024)

Với sự tăng trưởng mạnh mẽ của hơn 20 doanh nghiệp sản xuất và cung ứng giấy Tissue tại thị trường Việt Nam, sản lượng sản xuất đạt 418.750 tấn. Điều này ảnh hưởng

không nhỏ đến công tác tiêu thụ sản phẩm giấy Tissue của Tổng công ty.

b) Tình hình tiêu thụ:

Tiêu thụ giấy tissue các loại có bước tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn 2016-2020 đạt từ 7% đến 10%/năm. Tuy nhiên, giai đoạn 2021-2024 có sự sụt giảm mạnh do phải cạnh tranh với các doanh nghiệp sản xuất trong nước, kết quả tiêu thụ các năm như sau:

Năm 2016 (Tấn)	Năm 2017 (Tấn)	Năm 2018 (Tấn)	Năm 2019 (Tấn)	Năm 2020 (Tấn)	Năm 2021 (Tấn)	Năm 2022 (Tấn)	Năm 2023 (Tấn)	Năm 2024 (Tấn)
11.619	10.105	9.667	11.312	10.176	8.615	9.469	9.373	9.625

Công ty Giấy Tissue Sông Đuống đã triển khai hệ thống phân phối tại các tỉnh từ Đà Nẵng trở ra phía Bắc và khu vực Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty cũng đã bán hàng vào toàn bộ hệ thống siêu thị tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Sản phẩm giấy của Công ty hiện đang tiêu thụ với tỷ lệ 45% giấy chế biến chất lượng cao, còn lại là giấy tissue cuộn lớn.

9.3. Thị trường sản phẩm lâm nghiệp

a) Tình hình xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam

Gỗ là một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, đóng góp quan trọng vào nền kinh tế quốc dân. Ngành gỗ Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ trong những năm qua, thể hiện qua kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (G&SPG) liên tục tăng trưởng, ngoại trừ 2023 theo tình hình biến động chung của thế giới.

Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt khoảng 14,3 tỷ USD, giảm nhẹ so với năm 2022 do ảnh hưởng của kinh tế toàn cầu. Hoa Kỳ vẫn là thị trường lớn nhất, chiếm hơn 50% tổng kim ngạch xuất khẩu. Các sản phẩm xuất khẩu chính gồm: đồ gỗ nội thất, ghế ngồi, dăm gỗ, gỗ dán, viên nén gỗ.

Năm 2024, xuất khẩu gỗ có xu hướng phục hồi mạnh mẽ, có thể đạt kỷ lục 17,5 tỷ USD. Kim ngạch xuất khẩu các nhóm hàng chính: Đồ gỗ nội thất: 6,44 tỷ USD (+21,5% so với 2023); Ghế ngồi: 3,5 tỷ USD (-5,1% so với 2023); Dăm gỗ: 2,66 tỷ USD (+19,8% so với 2023); Gỗ dán: 1,03 tỷ USD (+16,4% so với 2023); Viên nén gỗ: 805 triệu USD (+18,5% so với 2023). Thị trường xuất khẩu chủ yếu sang: Hoa Kỳ (52-55%), Nhật Bản, Trung Quốc, EU. Dù có sự phục hồi, ngành gỗ vẫn đối mặt với biến động chi phí vận chuyển, thuế quan mới của Hoa Kỳ và quy định về chống phá rừng của EU.

Dự báo năm 2025: Mục tiêu xuất khẩu đạt 18 tỷ USD, tiếp tục tăng trưởng nhờ nhu cầu đồ nội thất toàn cầu tăng; 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu đạt 2,52 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ 2024. Xu hướng chính: Phát triển rừng trồng bền vững để đáp ứng các quy định môi trường (EUDR, CBAM); Mở rộng thị phần xuất khẩu, đẩy mạnh bán hàng qua thương mại điện tử; Tăng cường công nghệ chế biến, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Nhìn chung, xuất khẩu gỗ của Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn suy giảm, nhưng vẫn cần thích ứng với các rào cản thương mại và yêu cầu bền vững từ các thị trường lớn. (Nguồn: goviet.org.vn; vneconomy.vn).

b) Tình hình sản xuất các sản phẩm gỗ tại các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc và tiêu thụ gỗ rừng trồng của Tổng công ty Giấy Việt Nam

Tại Hà Giang và Tuyên Quang hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu, trong đó phải kể đến Công ty cổ phần Woodsland Tuyên Quang xây dựng nhà máy chế biến gỗ tại huyện Yên Sơn với tổng diện tích hơn 28 ha, công suất thiết kế 150.000 m³ sản phẩm/năm, với các sản phẩm: ván dăm, ván ép và các sản phẩm đồ gỗ nội, ngoại thất từ gỗ rừng trồng.

Tại Phú Thọ, Vĩnh Phúc: Công ty CP Gỗ MDF Mekong, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ; Công ty cổ phần Tasa Wood; Công ty Junma Phú Thọ tại Khu công nghiệp Thụy Vân - Phú Thọ chuyên xuất khẩu gỗ xây dựng, gỗ ván dán đi Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ,... Đặc biệt, Công ty TNHH Arrow Forest International (AFI) có trụ sở Nhà máy tại khu CN Phú Hà, là công ty con của tập đoàn IKEA Trading - Mỹ, Đây là những đơn vị có nhu cầu tiêu thụ gỗ rất lớn trên địa bàn, thu mua hầu hết các sản phẩm gỗ rừng trồng của người dân. Trong thời gian tới, mức độ cạnh tranh về giá gỗ rất cao. Hiện nay, nguồn gỗ nguyên liệu bình quân hàng năm tại các đơn vị lâm nghiệp trực thuộc mới đạt sản lượng khoảng 150.000-200.000 tấn/năm, mới đáp ứng được khoảng 70% nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất hiện tại của Tổng công ty. Do vậy, Tổng công ty cần phải có phương án đổi mới, nâng cao năng suất rừng trồng, hiệu quả sản xuất kinh doanh để tự chủ nguồn nguyên liệu.

10. Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam

Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam được Thủ tướng Chính phủ chuyển giao nguyên trạng từ Công ty TRACODI trực thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) sang Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Quyết định số 731/QĐ-TTg ngày 03/6/2009. Tại thời điểm Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp nhận Dự án, toàn bộ thiết bị đã được vận chuyển về Nhà máy và lưu giữ trong trạng thái nguyên đai, nguyên kiện trên sân bãi, phần lớn các hạng mục xây dựng còn dang dở. TRACODI đã ký biên bản nghiệm thu chấp thuận cuối cùng với Nhà thầu cung cấp thiết bị là Công ty Andritz (Cộng hòa Áo). Toàn bộ rủi ro liên quan đến thiết bị được chuyển giao cho phía Chủ đầu tư. Tổng công ty Giấy Việt Nam triển khai nhiệm vụ và hoàn thành việc tiếp nhận công trình vào ngày 05/8/2009.

Tổng công ty Giấy Việt Nam hoàn thành công tác xây dựng, lắp đặt thiết bị và chạy thử liên động không tải toàn tuyến thành công vào tháng 6 năm 2012. Tuy nhiên, trong quá trình chạy thử có tải với cây đay trong thời gian sau đó đã không thành công. Dự án đã dừng triển khai để xây dựng phương án xử lý theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 195/TB-VPCP ngày 12/5/2014 của Văn phòng Chính phủ.

Trong giai đoạn từ thời điểm Thủ tướng Chính phủ cho phép dừng đầu tư Dự án đến nay Tổng công ty Giấy Việt Nam đã phối hợp cùng các Bộ, ban, ngành, UBND tỉnh Long An đưa ra các giải pháp để xử lý và cơ cấu lại cho Dự án như: Thành lập Công ty cổ phần với các cổ đông chính gồm: SCIC, Tổng công ty Tài chính dầu khí Vũng Tàu, Tổng công ty Giấy Việt Nam; Chuyển thành Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước;

Thực hiện cổ phần hóa Tổng công ty bao gồm Dự án và không bao gồm Dự án; Bán đấu giá toàn bộ tài sản cố định và hàng hóa tồn kho của Dự án; Xử lý Dự án gắn với chuyển đổi quy hoạch sử dụng đất để xây dựng khu đô thị sinh thái và nông nghiệp công nghệ cao. Tuy nhiên, do các nguyên nhân khách quan mà các giải pháp đưa ra đều không thực hiện được trên thực tế.

Việc xử lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam kéo dài nhiều năm chưa hoàn thành chủ yếu do khó khăn trong việc xử lý các khoản nợ của Dự án vượt quá khả năng tài chính của Tổng công ty Giấy Việt Nam.

10.1. Cập nhật tình hình về tài sản và nguồn vốn của Dự án

Theo báo cáo tài chính của Ban quản lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam (Ban QLDA) tại thời điểm ngày 31/12/2024 tài sản và nguồn vốn của Dự án như sau:

TÀI SẢN			NGUỒN VỐN		
Stt	Diễn giải	Số tiền (VND)	Stt	Diễn giải	Số tiền (VND)
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	64.354.647.104	I	NỢ PHẢI TRẢ	3.091.987.637.836
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	418.620.011	1	Nợ ngắn hạn	136.941.704
1.1	Tiền mặt	410.878.783	1.1	Phải trả người lao động	96.811.000
1.2	Tiền gửi ngân hàng, kho bạc	7.741.228	1.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.149.000
2	Công nợ phải thu ngắn hạn	17.686.140.167	1.3	Phải trả ngắn hạn khác	36.981.704
2.1	Phải thu ngắn hạn khác	3.324.306.729	-	KPCĐ, Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	23.370.536
-	Phải thu Công ty Tracodi (Phải thu nguồn vốn KTKT: 1.613.863.674đ và phải trả tiền án phí vụ Vinashin: 303.138.452đ)	1.310.725.222	-	Phải trả khác	13.611.168
-	Phải thu khác (tiền thuế GTGT, tiền điện)	1.994.162.907	2	Nợ dài hạn	3.091.850.696.132
-	Tạm ứng của CBCNV	19.418.600	2.1	Phải trả người bán dài hạn (Phải trả cho các nhà thầu, nhà cung cấp)	16.400.602.888
2.2	Trả trước cho người bán	1.964.694.976	2.2	Phải trả nội bộ dài hạn (Vốn Tổng công ty Giấy Việt Nam đã ứng vào dự án)	173.650.689.929
			2.3	Phải trả dài hạn khác	632.269.440.733

2.3	Tài sản chờ xử lý (Đay hỏng đã xuất kho năm 2012 và hóa chất H2O2 bị tràn)	12.397.138.462	2.3.1	-Tiền lãi nguồn vốn vay Ngân hàng Đầu tư Việt Nam - CN Long An tính đến 12/5/2014	8.932.183.471
-	Hàng tồn kho (nguyên liệu day)	9.385.187.495	2.3.2	- Sở giao dịch II - Ngân hàng PT VN (Tiền phí ủy thác chưa trả tính đến ngày dừng dự án 12/5/2014)	10.559.423.532
-	Tài sản khác (chi phí khác phục vụ mua day)	3.011.950.967	2.3.3	Nguồn vốn SCIC	398.059.910.039
			-	+ Vốn Tracodi đầu tư vào dự án được SCIC hoàn trả và phí thuê kiểm toán của SCIC	30.660.272.304
3.	Hàng tồn kho	45.624.700.576		+ Nguồn vốn 5,05 tỷ đồng (gốc và lãi)	2.869.301.571
3.1	Nguyên liệu, vật liệu	43.350.627.767		+ Nguồn vốn 300 tỷ đồng của SCIC cho Dự án vay ủy thác qua Sở giao dịch II - Ngân hàng phát triển Việt Nam	310.883.501.872
3.2	Công cụ dụng cụ	2.274.072.809		+ Lãi phát sinh nguồn vốn vay 300 tỷ đồng chưa trả cho SCIC tính đến thời điểm dừng dự án ngày 12/5/2014	53.646.834.292
4.	Tài sản ngắn hạn khác	625.186.350	2.3.4	+ Vốn của Ngân hàng Đại Chúng Việt Nam (VVFC trước đây)	214.071.637.055
			2.3.5	- Các khoản phải trả khác	646.286.636
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	3.105.067.899.166			
1	Tài sản cố định	0	2.4	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.269.529.962.582
-	Nguyên giá	2.356.028.548	2.4.1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn VND (Ngân hàng Đầu tư Việt Nam - CN Long An)	26.870.000.000
-	Hao mòn lũy kế	-2.356.028.548	2.4.2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn EUR (Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài của Bộ Tài chính (82.175.687,06	2.242.659.962.582

				EUR))	
2	Tài sản dở dang dài hạn	2.687.670.924.956	II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	77.434.908.434
-	Chi phí XD CB dở dang	2.687.670.924.956	I	Nguồn vốn đầu tư XD CB	77.434.908.434
3	Tài sản dài hạn khác	417.396.974.210	1.1	Nguồn vốn 107 tỷ đồng Bộ Tài chính cấp	66.934.908.434
3.1	Chi phí trả trước dài hạn (chênh lệch tỷ giá EUR)	417.396.974.210	1.2	Nguồn vốn KTKT của Bộ Công thương cấp	10.500.000.000
	TỔNG TÀI SẢN	3.169.422.546.270		TỔNG NGUỒN VỐN	3.169.422.546.270

10.2. Về công nợ phải thu, công nợ phải trả của Dự án

10.2.1. Về công nợ phải thu

Tính đến ngày 31/12/2024, số công nợ phải thu của dự án là: 5.592.140.157 đồng, trong đó bao gồm:

- Số tiền phải thu TRACODI nguồn KTKT là: 1.613.863.674 đồng. Bộ Công Thương đã cấp 10.500.000.000 đồng từ nguồn vốn KTKT để TRACODI thực hiện dự án. Tuy nhiên khi quyết toán chi phí, TRACODI chỉ sử dụng 8.886.136.326 đồng vào Dự án. Còn 1.613.863.674 đồng thì không có chứng từ quyết toán vào dự án.

- Phải thu Công ty TNHH Kiểm toán An Việt: 87.783.537 đồng. Giá trị hợp đồng kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành đã ký kết là: 1.916.378.000 đồng. Ban QLDA đã thực hiện ứng và thanh toán theo giai đoạn cho đơn vị kiểm toán với số tiền là: 1.693.559.537 đồng. Tuy nhiên, do dự án đã dừng thực hiện đầu tư nên Ban QLDA và Công ty kiểm toán đã tính phí kiểm toán đến ngày 31/12/2015 với số tiền là: 1.605.776.000 đồng. Do vậy, số tiền phải thu Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là: 87.783.537 đồng. Trường hợp không phát sinh thêm khối lượng kiểm toán, sẽ làm thủ tục để quyết toán, thanh lý gói thầu kiểm toán và thu hồi số tiền này.

- Khoản nợ phải thu Nhà thầu COTECLAND: 273.024.759 đồng. Đây là số tiền còn phải thu do khối lượng công việc nhà thầu thực hiện của gói thầu số 15: Nhà văn phòng và nhà ở CBCNV ít hơn số tiền đã được tạm ứng theo hợp đồng.

- Khoản nợ của nhà thầu INCO số tiền là 1.518.111.680 đồng. Đây là số tiền Tracodi tạm ứng cho nhà thầu để thực hiện công việc lắp đặt thiết bị của Dự án (sau này đã được thay thế bằng nhà thầu LILAMA3). Vinapaco đã khởi kiện nhà thầu ra Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, Hà Nội để đòi nợ. Tuy nhiên, Tòa án đã xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Vinapaco.

- Tiền tạm ứng phải thu CBCNV là: 19.418.600 đồng. Đây là số tiền CBCNV trong Ban QLDA thực hiện tạm ứng để mua văn phòng phẩm, xăng xe, đi công tác... phục vụ công tác quản lý dự án.

- Phải thu khác là: 1.994.162.907 đồng. Đây là số tiền phải thu tiền thuế VAT nhà thầu chưa xuất nốt hoá đơn GTGT cho khối lượng hoàn thành còn lại do dự án chưa

có nguồn để trả và phải thu tiền điện nước của nhà thầu. Ban QLDA đang tạm thời hạch toán phải thu khác.

- Đối với số nợ phải thu 03 hộ dân trồng cây với tổng số tiền là: 85.775.000 đồng. Đây là số tiền Ban QLDA đã ứng tiền cho 03 hộ dân trồng cây để bán cho Dự án. Tuy nhiên các hộ này không cung cấp đầy hoặc cung cấp không đủ số lượng cây để bù trừ thu hồi số công nợ này.

10.2.2. Về công nợ phải trả

Tính đến ngày 31/12/2024, các khoản công nợ của dự án như sau:

a) Công nợ phải trả các nhà thầu: 16.400.602.888 đồng, gồm: (1) phải trả các gói thầu phần xây dựng là 697.311.228 đồng; (2) phải trả các gói thầu phần lắp đặt thiết bị là 10.997.425.506 đồng; (3) phải trả các nhà thầu phần tư vấn là 3.417.659.095 đồng; (4) Phải trả các gói thầu khác: 1.288.207.059 đồng.

b) Công nợ phải trả khác: 1.066.683.156 đồng, gồm: (1) Phải trả lương cho người lao động: 96.811.000 đồng; (2) Quỹ khen thưởng phúc lợi: 3.149.000 đồng; (3) Kinh phí công đoàn, BHYT, BHXH, BHTN: 23.370.536 đồng; (4) Phải trả nhà thầu thuế GTGT: 13.611.168 đồng (Nhà thầu CBM, Công ty TNHH Kiểm toán An Việt chưa xuất hoá đơn GTGT điều chỉnh giảm khối lượng hoàn thành, Ban QLDA đang tạm hạch toán phải trả tiền thuế GTGT); (5) Phải trả đơn vị thẩm tra quyết toán dự án: 626.603.000 đồng (đây là số tiền dự kiến phải trả cho đơn vị thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, chi phí này chưa phát sinh); (6) Phải trả Tracodi tiền án phí: 303.138.452 đồng (Tiền án phí TRACODI kiện VINASHIN đối với gói thầu số 13 - Cầu cảng).

c) Nợ các nguồn vốn vay, vốn đầu tư vào dự án: 3.074.823.490.244 đồng. Trong đó:

- Phải trả Sở giao dịch II – Ngân hàng Phát triển Việt Nam phí uỷ thác: 10.559.423.532 đồng. Đây là số phí uỷ thác nguồn vốn vay 300 tỷ đồng còn nợ đến thời điểm ngày 12/5/2014 (thời điểm dự án dừng).

- Phải trả VINAPACO là: 173.650.689.929 đồng. Thực hiện Kết luận của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải tại Thông báo số 319/TB-VPCP ngày 31/12/2010 của Văn phòng Chính phủ về việc yêu cầu Vinapaco rà soát, tự thu xếp nguồn vốn hoàn thành các công trình cơ sở hạ tầng như: cảng, đường bộ, sân bãi, bồn bể, cây xanh.... VINAPACO đã thu xếp nguồn vốn của mình để thực hiện dự án tính đến thời điểm ngày 31/12/2024 là: 173.650.689.929 đồng. Hiện nay, Vinapaco vẫn phải tiếp tục ứng vốn để duy trì hoạt động của Ban QLDA cho đến thời điểm xử lý xong dự án. Do VINAPACO năng lực tài chính hạn chế, hoạt động sản xuất mặc dù có lãi nhưng lợi nhuận đạt được hàng năm không cao, chưa có khả năng trích lập dự phòng tài chính cho khoản nợ này. Sau này, nếu VINAPACO hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, có lợi nhuận cao thì sẽ thực hiện trích lập dự phòng theo quy định.

- Phải trả Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài của Bộ Tài chính là: 82.175.687,06 EUR (tương đương 2.242.659.962.582 đồng). Đây là số tiền Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài của Bộ Tài chính đã ứng vốn trả nợ cho Ngân hàng Societe Generale (vay mua dây chuyền thiết bị chính) thay Dự án và VINAPACO nhận nợ bắt buộc với Bộ Tài chính.

- Phải trả Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Long An số tiền là: 35.802.183.471 đồng. Trong đó, nợ gốc là: 26.870.000.000 đồng, lãi vay phát sinh đến ngày 12/5/2014 là: 8.932.183.471 đồng. Đây là khoản vay để giải phóng mặt bằng của dự án. Hiện nay, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện đang thế chấp tại ngân hàng.

- Vốn của SCIC: 398.059.910.039 đồng, gồm: (1) Nguồn vốn vay 300 tỷ đồng: Nợ gốc là 310.883.501.872 đồng, nợ lãi: 53.646.834.292 đồng; (2) Nguồn 5,05 tỷ đồng: giá trị thực hiện 2.869.301.571 đồng; (3) Nguồn vốn TRACODI đã đầu tư tại dự án đã được SCIC hoàn trả và phí kiểm toán do SCIC thuê: giá trị thực hiện 30.660.272.304 đồng.

- Vốn vay của PVcomBank: 214.071.637.055 đồng (Vay giai đoạn TRACODI làm Chủ đầu tư).

- Tiền bán hồ sơ thầu và tiền bán đay mục tại Dự án là: 19.683.636 đồng.

d) Nguồn vốn chủ sở hữu của dự án: 77.434.908.434 đồng. Trong đó:

- Nguồn vốn 107 tỷ đồng được Bộ Tài chính cấp: 66.934.908.434 đồng.

- Nguồn vốn KTKT được Bộ Công Thương cấp là: 10.500.000.000 đồng

PHẦN II

ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI TỔNG CÔNG TY ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

2. Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;

3. Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30 – NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

4. Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần;

5. Quyết định số 984/QĐ-TTg ngày 23/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

6. Nghị quyết số 60/2018/QH14 ngày 15/6/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về tiếp tục hoàn thiện và đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp và cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước;

7. Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả Doanh nghiệp nhà nước;

8. Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 02/10/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 12-NQ-TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 5 khóa XII;

9. Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động và huy động nguồn lực của Doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty trong phát triển kinh tế - xã hội;

10. Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

11. Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

12. Thông tư số 59/2018/TT-BTC ngày 16/7/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

13. Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp; Và Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014;

14. Nghị định 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

15. Quyết định số 2760/QĐ-BCT ngày 14/12/2022 của Bộ Công Thương về ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam;

16. Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp;

17. Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015;

18. Thông tư 59/2018/TT-BTC ngày 16/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015;

19. Thông tư số 40/2018/TT-BTC ngày 04/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do Doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn lưu động chuyển đổi thành Công ty cổ phần;

20. Thông tư 55/2019/TT-BTC ngày 21/8/2019 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

21. Thông tư 184/2012/TT – BTC ngày 25/10/2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 21/2012/QĐ – TTg ngày 10/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

22. Công văn số 1532/TTg – ĐMDN ngày 30/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ v/v cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn;

23. Công văn số 3062/BCT-TC ngày 31/5/2021 của Bộ Công Thương về ý kiến đối với Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

24. Quyết định số 360/QĐ-TTg ngày 17/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại Doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước giai đoạn 2021-2025”;

25. Công văn số 2515/VPCP-ĐMDN ngày 21/4/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

26. Công văn số 2968/BCT-TC ngày 31/5/2022 của Bộ Công Thương về việc hoàn thiện và triển khai một số nội dung Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2021-2025.

27. Nghị định 97/2022/NĐ-CP ngày 29/11/2022 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

28. Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

29. Nghị định 97/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.

30. Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 10/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị.

31. Kết luận số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện NQ số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông, lâm nghiệp

32. Chỉ thị số 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CƠ HỘI, THÁCH THỨC, ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM YẾU CỦA TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM HIỆN NAY

1. Cơ hội

- Nhu cầu thị trường trong nước về sản phẩm bột giấy, giấy bao bì, giấy in, giấy viết có nhiều tiềm năng: Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế đang phát triển, có tốc độ tăng trưởng hàng năm cao, dân số Việt Nam lớn và không ngừng gia tăng, thu nhập trên đầu người đã có những bước tiến đáng kể trong những năm qua. Theo nguồn tin của Trung tâm thông tin công nghiệp và thương mại: tiêu thụ giấy bình quân/đầu người của Việt Nam còn khá thấp, mới đạt khoảng 50,7 kg/người/năm, thấp hơn nhiều so với mức tiêu dùng trung bình của thế giới là 70 kg/người/năm, Thái Lan 76 kg/người/năm, Mỹ và EU 200-250 kg/người/năm. Thị trường các sản phẩm giấy tại Việt Nam dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới đây, đặc biệt đối với phân khúc sản phẩm giấy bao bì và giấy in chất lượng cao. Năng lực sản xuất trong nước hiện mới chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu dùng nội địa. Do đó, đây là các mảng thị trường phát triển tiềm năng trong tương lai.

- Nhu cầu tiêu dùng các sản phẩm từ gỗ rừng trồng: Trong nhiều năm trở lại đây, ngành công nghiệp chế biến các sản phẩm từ gỗ rừng trồng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, chiếm tỷ lệ khá lớn trong tăng trưởng GDP của nước ta.

- Cơ hội xuất khẩu giấy và các sản phẩm gỗ rừng trồng: Việt Nam tham gia nhiều hiệp định FTA như WTO, Asean, Asean+3, +6...đặc biệt là các hiệp định mới như hiệp định tự do thương mại với EU, CPTPP, RCEP. Các hiệp định thương mại đa phương, song phương và việc mở cửa thị trường tạo ra nhiều cơ hội xuất khẩu cho các doanh nghiệp trong nước trong đó có ngành giấy và ngành chế biến gỗ.

2. Thách thức

- Dịch bệnh, chiến tranh thương mại, cuộc chiến quân sự, chủ nghĩa dân túy và bảo hộ của các nước lớn đang gây ảnh hưởng bất lợi tới sự ổn định, phát triển của nền kinh tế Việt Nam, trong đó có các doanh nghiệp ngành giấy nói chung và Tổng công ty

Giấy Việt Nam nói riêng;

- Cơ chế chính sách của Nhà nước: Quy hoạch ngành giấy đã hết hiệu lực, chưa được bổ sung chỉnh sửa và ban hành kịp thời. Trong thực tế các dự án đầu tư vẫn diễn ra trong điều kiện không có quy hoạch ngành, nhất là các dự án đầu tư FDI có quy mô rất lớn có thể dẫn đến có sự mất cân đối trong cơ cấu sản phẩm và tạo ra sự cạnh tranh khốc liệt tại thị trường trong nước. Ngành giấy hiện nay không được bảo hộ, hầu hết thuế suất nhập khẩu của các loại giấy là 0%, các rào cản kỹ thuật chưa được xây dựng và ban hành gây bất lợi cho các sản phẩm giấy sản xuất, tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu so với các sản phẩm nhập khẩu;

- Quan điểm về ảnh hưởng của sản xuất ngành giấy đối với môi trường: Hiện nay nhiều quan điểm cho rằng ngành giấy là ngành gây nhiều tác động bất lợi tới môi trường do tiêu thụ nhiều nguyên liệu gỗ, năng lượng hóa thạch và nước sạch và phát thải ra môi trường nhiều chất gây ô nhiễm trong nước thải, khí thải và chất thải rắn. Trong thực tế, nhiều nước phát triển trên thế giới coi ngành giấy là ngành công nghiệp xanh, ngành kinh tế tuần hoàn do sử dụng nguồn nguyên liệu tái tạo, sản phẩm sau sử dụng có thể tái chế nhiều lần, giấy là sản phẩm có thể phân hủy sinh học được, v.v...;

- Giá nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng đầu vào xu hướng tăng: Giá gỗ nguyên liệu, than, điện luôn có xu hướng tăng trong nhiều năm trở lại đây gây nhiều ảnh hưởng cho các nhà sản xuất giấy và bột giấy;

- Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, xã hội số làm thay đổi cách truyền và lưu trữ thông tin dẫn đến nhu cầu của nhiều loại giấy tiêu thụ bị sụt giảm đặc biệt là giấy in, giấy viết và giấy in báo.

3. Điểm mạnh

3.1. Sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ban, ngành

Trong thời gian vừa qua, trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn khi tiến hành xử lý dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam và cổ phần hóa, Tổng công ty Giấy Việt Nam luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ban, ngành, sự hỗ trợ, phối hợp của UBND tỉnh Phú Thọ và UBND tỉnh Long An đối với công tác xử lý dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam và cổ phần hóa Tổng công ty.

3.2. Vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, kho vận

Được các chuyên gia hàng đầu về thiết kế các nhà máy sản xuất bột giấy và giấy Châu Âu lựa chọn, Nhà máy giấy Bãi Bằng của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Phù Ninh, Phú Thọ nằm ở vị trí trung tâm của vùng nguyên liệu gỗ thuộc các tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang. Giao thông từ Phù Ninh đi các thị trường tiêu thụ thuận lợi, có thể thực hiện bằng đường bộ, đường thủy và đường sắt. Ngoài ra Tổng công ty có hệ thống chi nhánh, kho tàng ở các thành phố lớn trong nước như Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Thương hiệu

Tổng công ty Giấy Việt Nam có những thương hiệu mạnh, sản phẩm có uy tín và được người tiêu dùng trong và ngoài nước tin dùng như: VINAPACO, Giấy Bãi Bằng, Giấy Watersilk, Giấy Cleverup, Giấy Comfy, Giấy dán Cầu Đuống.

3.4. Lợi thế về nguồn gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC)

Hiện nay, Tổng công ty Giấy Việt Nam có 15 công ty lâm nghiệp đặt tại các tỉnh

Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc và 01 công ty Nguyên liệu giấy Miền Nam tại tỉnh Kon Tum với tổng diện tích trồng rừng lập phương án sử dụng đất dự kiến khoảng 32.000 ha. Diện tích đất trồng rừng này tạo điều kiện cho quá trình sản xuất của Tổng công ty liên hoàn từ khâu trồng rừng gỗ nguyên liệu đến công nghiệp chế biến giấy, chế biến gỗ và tiêu thụ sản phẩm. Trong Tổng công ty phần lớn các công ty lâm nghiệp trực thuộc đã được Công ty Chứng chỉ GFA Certification GmbH cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC), với tổng diện tích đã được cấp chứng chỉ 17.990,29 ha (thời điểm 31/12/2024), bao gồm 11 công ty thành viên thuộc Nhóm chứng chỉ rừng Tổng công ty Giấy Việt Nam (FCG-Vinapaco). Đây là điểm mạnh của Tổng công ty Giấy Việt Nam nhằm quản lý bảo vệ rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC, đồng thời cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ có chứng chỉ rừng FSC cũng như đảm bảo việc sản xuất giấy có thương hiệu FSC.

3.5. Nguồn lao động sản xuất giấy và lâm nghiệp có năng lực, kinh nghiệm

- Lao động sản xuất giấy: Ngoại trừ các doanh nghiệp FDI, Tổng công ty là doanh nghiệp có nguồn nhân lực được đào tạo bài bản, nhiều kinh nghiệm và mạnh về số lượng.

- Lao động sản xuất lâm nghiệp: Bên cạnh các công ty lâm nghiệp với bộ máy tổ chức nhiều kinh nghiệm, Tổng công ty còn có Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy chuyên làm nhiệm vụ nghiên cứu giống cây trồng cho sản xuất khối lâm nghiệp.

3.6. Lợi thế về hệ thống quản lý, khách hàng

Tổng công ty Giấy Việt Nam thiết lập được các hệ thống quản lý tương đối chuyên nghiệp trong các lĩnh vực:

- Hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh công nghiệp;
- Hệ thống quản lý sản xuất kinh doanh lâm nghiệp;
- Các hệ thống quản lý theo: ISO, FSC, CoC...;
- Hệ thống khách hàng tiềm năng.

Đây là những lợi thế của Tổng công ty so sánh với các doanh nghiệp trong ngành giấy trong nước.

3.7. Lợi thế về bất động sản cho thuê

Ngành kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng đã và đang là lợi thế mang lại hiệu quả kinh tế cho Tổng công ty với những khu đất có giá trị kinh tế cao tại các đô thị lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, lợi thế này không lớn do diện tích đất có giá trị kinh tế cao không nhiều.

4. Điểm yếu

4.1. Tổ chức bộ máy công kênh, kém hiệu quả

Mặc dù những năm gần đây, Tổng công ty đã và đang thực hiện cơ cấu lại tổ chức hoạt động tại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Tổng công ty bước đầu mang lại tín hiệu tích cực, đã giảm được một số đầu mối, giảm được hơn 600 lao động. Tuy nhiên, so với các doanh nghiệp trong nước cùng ngành sản xuất, tổ chức bộ máy vẫn còn công kênh, chưa tinh gọn khiến năng suất lao động thấp.

4.2. Khả năng cạnh tranh tương đối thấp

4.2.1. Khả năng cạnh tranh khối Công nghiệp

Các yếu tố quyết định đến tính cạnh tranh sản phẩm giấy in, giấy viết như: Quy

mô sản lượng, mức độ tự động hóa, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm đều là những điểm yếu của Tổng công ty Giấy Việt Nam:

a. Thị phần trong nước sụt giảm

Trong những năm gần đây, thị phần của sản phẩm giấy của Tổng công ty liên tục sụt giảm, hiện chỉ còn chiếm tỷ lệ khoảng 20% so với nhu cầu trong nước. Do thị phần thu hẹp nên Tổng công ty Giấy Việt Nam không còn là đơn vị có thể chi phối thị trường, giá bán các loại sản phẩm giấy in, giấy viết trong nước.

b. Quy mô sản lượng:

Sản lượng thiết kế các loại sản phẩm giấy in, giấy viết của Nhà máy Giấy Bãi Bằng thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam là 55.000 tấn/năm, sau một thời gian cải tạo, nâng cấp, sản lượng giấy in, giấy viết của Tổng công ty hiện nay đạt mức khoảng 100.000 tấn/năm. So với quy mô sản lượng trung bình một nhà máy tại Trung Quốc và một số nước trong khu vực, sản lượng của Tổng công ty chỉ bằng mức từ 1/3 đến 1/10.

c. Về mức độ tự động hóa:

Dây chuyền thiết bị Nhà máy Giấy Bãi Bằng do Chính phủ Thụy Điển viện trợ vào những năm 70 của thế kỷ 20 hiện nay đã cũ, công nghệ lạc hậu. Mức độ tự động hóa của Nhà máy giấy Bãi Bằng còn thua kém so với các nhà máy sản xuất giấy in, giấy viết hiện nay của Trung Quốc và một số nước trong khu vực. Dây chuyền sản xuất giấy tissue tại Công ty giấy Tissue Sông Đuống cũng đã cũ, mức độ tự động hóa thấp, công suất thấp.

d. Về năng suất lao động:

Mặc dù năng suất lao động khối công nghiệp của Tổng công ty Giấy Việt Nam đã có bước tăng trưởng khá trong những năm gần đây nhưng chỉ bằng khoảng 1/10 so với năng suất lao động tại các nhà máy lớn của Trung Quốc và bằng từ 1/3 đến 1/5 năng suất lao động trung bình trong ngành giấy của các nước ASEAN như: Indonesia, Thái Lan.

e. Về chất lượng sản phẩm:

Mặc dù chất lượng sản phẩm giấy in, đặc biệt là giấy viết hiện nay của Tổng công ty Giấy Việt Nam nhìn chung đáp ứng yêu cầu của các nhà tiêu dùng trong nước và gia công xuất khẩu. Tuy nhiên, chất lượng sản phẩm giấy của Tổng công ty chưa cao, chưa ổn định, v.v...

g. Về chi phí sản xuất:

Nhìn chung, giá thành sản phẩm giấy in, giấy viết của Tổng công ty Giấy Việt Nam trong giai đoạn hiện nay vẫn có chỗ đứng trong thị trường trong nước nhờ những yếu tố thuận lợi về nguồn gỗ nguyên liệu có chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC, khả năng tự đáp ứng khoảng trên 60 % nhu cầu bột giấy, chi phí khấu hao thấp, thuận lợi về logistics. Tuy nhiên, các yếu tố thuận lợi này là không đủ để bù đắp cho các điểm yếu về quy mô sản lượng, mức độ tự động hóa của dây chuyền thiết bị, năng suất lao động thấp làm tăng chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm khá cao làm giảm năng lực cạnh tranh của sản phẩm.

4.2.2. Khả năng cạnh tranh khối lâm nghiệp

a. Về năng suất lao động: Năng suất lao động thấp, do đơn giá nhân công chỉ bằng 2/3 đơn giá của các ngành nghề khác, dẫn đến không thu hút được lao động gắn bó lâu

dài, khó thuê lao động.

b. Về năng suất rừng: Điều kiện sản xuất kinh doanh ngoài trời, địa bàn sâu xa, chịu nhiều ảnh hưởng của thời tiết; chu kỳ kinh doanh dài, quy trình sản xuất mang tính thời vụ, không liên tục; tình trạng bão lũ, sâu bệnh nhiều năm gần đây diễn biến hết sức phức tạp, làm giảm năng suất, chất lượng rừng trồng, .

c. Về cơ cấu loài cây trồng: Loài cây trồng chưa đa dạng, chưa áp dụng được các nguồn giống mới phù hợp với điều kiện lập địa và cho năng suất cao. Hiện nay, loài cây trồng chủ yếu là Keo, Bạch đàn, Bò đề, những năm gần đây xuất hiện tình trạng cây bị nấm bệnh trên diện rộng, giống bị thoái hóa sinh trưởng kém, làm ảnh hưởng rất lớn đến năng suất, chất lượng rừng trồng.

d. Về áp dụng khoa học kỹ thuật: Hiện nay lao động chủ yếu là sản xuất thủ công, chưa ứng dụng được các công nghệ mới trong sản xuất lâm nghiệp làm ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

e. Về nguồn vốn: Sản xuất kinh doanh chưa tiếp cận tiếp cận được nguồn vốn vay ưu đãi; không thu hút được các nhà đầu tư trồng rừng.

f. Tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai: Mặc dù trong thời gian gần đây, Tổng công ty đã chỉ đạo quyết liệt và phối kết hợp tốt với UBND các tỉnh, các huyện nơi được giao đất để trồng rừng nguyên liệu giấy nhằm ngăn chặn, hạn chế việc tranh chấp, xâm lấn đất đai. Tuy nhiên, tình trạng tranh chấp, xâm lấn đất đai vẫn còn diễn ra tại các đơn vị lâm nghiệp ảnh hưởng rất lớn tới các lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp, sản xuất giấy và giảm lợi thế về vùng nguyên liệu của Tổng công ty.

4.3. Khó khăn về nguồn vốn

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng công ty Giấy Việt Nam là 1.213 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty đầu tư vào Công ty con và các Công ty liên doanh liên kết khoảng 289,8 tỷ đồng (chủ yếu là vốn còn lại sau khi cổ phần hóa một số Doanh nghiệp nhà nước là đơn vị thành viên của Tổng công ty); đầu tư cho Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam khoảng 172 tỷ đồng; khoản vốn còn lại khoảng trên 750 tỷ đồng được Tổng công ty sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp tại Tổng công ty và vốn đối ứng thực hiện các dự án đầu tư trồng rừng của các đơn vị lâm nghiệp phía Bắc và Công ty nguyên liệu giấy miền Nam tại Kon Tum.

Trong tương lai để nâng cao khả năng cạnh tranh, Tổng công ty Giấy Việt Nam cần thiết phải đầu tư các dự án sản xuất bột giấy tẩy trắng và giấy bao bì, giấy tissue quy mô lớn, sử dụng công nghệ và thiết bị hiện đại từ các nước Bắc Âu, G7. Tuy nhiên, tổng mức đầu tư của các dự án như vậy là rất lớn (khoảng >10.000 tỷ đồng), với quy mô vốn điều lệ như hiện nay, việc bảo đảm phần vốn tự có theo quy định là không thể thực hiện được đối với Tổng công ty Giấy Việt Nam.

Mặt khác, trong khi năng lực tài chính hạn chế, vốn điều lệ của Tổng công ty Giấy Việt Nam thấp thì tổng các khoản nợ vay để đầu tư vào dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam rất lớn vào khoảng 3.200 tỷ đồng. Tỷ lệ giữa tổng số nợ phải trả của Tổng công ty bao gồm dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam trên vốn chủ sở hữu hơn 3 lần, vượt quá quy định về an toàn tài chính.

Ngoài rủi ro tài chính liên quan đến dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam, Tổng công ty Giấy Việt Nam hiện đang gặp khó khăn về tài chính do các khoản nợ vay đến hạn

phải trả cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam. Đây là các khoản vay để thực hiện dự án đầu tư vùng nguyên liệu giấy Kon Tum từ năm 2000. Mặc dù dự án đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương, Bộ Công Thương phê duyệt phương án điều chỉnh chu kỳ kinh doanh rừng thông từ 15 năm đến 25 năm song do Tổng công ty không được ngân hàng cho vay vốn để thực hiện phương án điều chỉnh và phải tiến hành trả nợ ngay cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kon Tum theo yêu cầu tại Công văn số 669/NHPT-TĐĐT ngày 11/4/2018. Để giải quyết yêu cầu của Ngân hàng Phát triển, trong giai đoạn 2018-2020 Tổng công ty Giấy Việt Nam đã phải thu xếp 240 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2023 là 110 tỷ đồng để trả nợ.

4.4. Hiệu quả đầu tư vào một số công ty liên kết và đầu tư khác đạt thấp

4.4.1. Đầu tư vào Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai

Tổng số vốn của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Công ty CP Tập đoàn Tân Mai thời điểm 31/12/2024 là 202,5 tỷ đồng, là phần vốn Nhà nước giữ lại sau khi tiến hành cổ phần hóa Công ty Giấy Tân Mai. Hiện nay, Công ty CP Tập đoàn Tân Mai đã tạm dừng hoạt động sản xuất kinh doanh giấy do phải di dời Nhà máy ra khỏi thành phố Biên Hòa và huyện Dĩ An, Công ty chủ yếu tập trung triển khai dự án Nhà máy sản xuất giấy bao bì tại Long Thành, Đồng Nai và chăm sóc, quản lý, bảo vệ hơn 10.000 ha rừng thông nguyên liệu giấy. Nhiều năm nay, Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ liên tục, đến 31/12/2024 lỗ lũy kế của Công ty là (642,95) tỷ đồng, vốn chủ sở hữu còn 277,39 tỷ đồng. Tổng công ty Giấy Việt Nam không thu được cổ tức từ khoản đầu tư vào Công ty CP tập đoàn Tân Mai.

4.4.2. Đầu tư vào các công ty con của Tập đoàn Tân Mai (02 đơn vị)

Công ty CP Tân Mai Tây Nguyên và Công ty CP Tân Mai Miền Trung của Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai được thành lập để triển khai thực hiện các dự án đầu tư của Công ty CP tập đoàn Tân Mai. Tổng số vốn đầu tư của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại 02 đơn vị này thời điểm 31/12/2024 là 13,750 tỷ đồng.

Do không đủ năng lực tài chính nên các dự án đầu tư của Công ty cổ phần Tân Mai Miền Trung và Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên chưa hoàn thành đi vào hoạt động. Hiện nay, Công ty cổ phần Tân Mai Miền Trung đã bị thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Quyết định số QDTH/10145989 ngày 02/01/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi). Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên đã có thông báo thu hồi Giấy Chứng nhận đầu tư và thu hồi đất theo Kết luận của Thanh tra tỉnh Kon Tum, khả năng Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên bị thu hồi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp rất lớn.

4.4.3. Công ty cổ phần Giấy Thanh Hóa

Tổng công ty Giấy Việt Nam là cổ đông sáng lập Công ty cổ phần giấy Thanh Hóa với số vốn góp là 35,6 tỷ đồng (đây là số tiền Tổng công ty Giấy Việt Nam đã đầu tư vào mặt bằng Dự án Nhà máy giấy và bột giấy Thanh Hóa).

UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 1596/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất của dự án Nhà máy giấy Thanh Hóa để giao cho UBND xã Châu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa quản lý, sử dụng theo quy định.

Tổng công ty đã thống nhất với UBND tỉnh Thanh Hóa, Công ty cổ phần giấy Thanh Hóa về phương án thu hồi chi phí mà Tổng công ty đã đầu tư vào mặt bằng Dự

án, báo cáo Bộ Công Thương và được chấp thuận tại công văn số 7786/BCT-CNN ngày 22/8/2016.

Từ năm 2016 đến nay, có một số nhà đầu tư đã đầu tư vào một phần diện tích đất của mặt bằng Dự án là 35,6 ha, số tiền bồi thường mà Tổng công ty đã thu được là 26,2 tỷ đồng. Tổng công ty sẽ tiếp tục thu hồi số tiền còn lại là 9,4 tỷ đồng khi có nhà đầu tư đầu tư vào mặt bằng 20,2 ha còn lại.

4.4.4. Công ty cổ phần Giấy BBP

Tổng số vốn góp của Tổng công ty vào Công ty cổ phần Giấy BBP thời điểm 31/12/2024 là 52 tỷ đồng. Tình hình tài chính của đơn vị rất khó khăn, thua lỗ kéo dài, đơn vị đã dừng sản xuất từ tháng 10/2015. Việc thoái vốn của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Giấy BBP hiện chưa thực hiện được. Dự kiến, khoản vốn đầu tư này khó thu hồi được và Tổng công ty Giấy Việt Nam hiện đã trích lập dự phòng tài chính đầy đủ cho khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Giấy BBP.

III. SỰ CẦN THIẾT PHẢI CƠ CẤU LẠI

- Việc tiếp tục cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Công Thương trong thời gian vừa qua đã có nhiều chỉ đạo rất quyết liệt để triển khai thực hiện công tác cơ cấu lại các Doanh nghiệp nhà nước.

- Trong bối cảnh công tác cổ phần hóa Tổng công ty Giấy Việt Nam chưa triển khai được do các khó khăn, vướng mắc trong xử lý dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam, việc tiếp tục thực hiện cơ cấu lại Tổng công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo lập các điều kiện tốt, minh bạch về tài chính, đất đai, tổ chức bộ máy, đảm bảo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động là yêu cầu cấp thiết có tính sống còn đối với Tổng công ty Giấy Việt Nam.

- Cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đặt trọng tâm vào việc cơ cấu lại mạnh mẽ về tổ chức, vốn, xử lý những vấn đề tồn tại, tiết giảm chi phí, giảm giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh, cho phép phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh, từ đó nâng cao vai trò, vị thế của Tổng công ty trong ngành công nghiệp giấy Việt Nam.

IV. NGUYÊN TẮC, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU CƠ CẤU LẠI

1. Nguyên tắc

Việc cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phải đáp ứng được các nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Tuân thủ nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Công Thương;

- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác của Tổng công ty;

- Kế thừa kết quả bước đầu thực hiện Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 22/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ, kết quả tái cơ cấu nội bộ Tổng công ty giai đoạn 2016-2020 và các nội dung, nhiệm vụ chưa hoàn thành, chưa xử lý được từ năm 2013 đến nay để tiếp tục triển khai đến năm 2025 và các năm tiếp theo;

- Cơ cấu lại Tổng Công ty có tính đến bối cảnh dài hạn với lộ trình, bước đi phù

hợp và giải pháp thực hiện khả thi để Tổng Công ty đi vào hoạt động ổn định, có hiệu quả.

2. Định hướng

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đưa ra mục tiêu: Phần đầu đến năm 2030 Việt Nam là nước phát triển có công nghiệp hiện đại thu nhập trung bình cao; có thể chế hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 7%/năm.

Tại dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Dự thảo báo cáo tổng hợp “Chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn đến 2030, tầm nhìn đến 2045” đang được Bộ Công Thương gửi văn bản xin ý kiến các bộ ngành tại Văn bản số 9632/BCT-VG ngày 27/11/2024 cho thấy mục tiêu đầu tư phát triển ngành công nghiệp giấy Việt Nam đến năm 2030 trở thành ngành công nghiệp đủ mạnh, đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế. Trong đó, mục tiêu của chiến lược là quy hoạch tập trung đầu tư tối thiểu 03 vùng nguyên liệu giấy trọng điểm và đầu tư tối thiểu 03 khu công nghiệp giấy tại miền Bắc, miền Trung, miền Nam; khuyến khích đầu tư mới các dự án sản xuất giấy tissue có quy mô một dây chuyền ≥ 10.000 tấn/năm. Bên cạnh đó, dự thảo chiến lược phát triển ngành giấy cũng đưa ra định hướng phát triển về chủng loại, sản lượng sản phẩm, quy mô công suất dự án, địa điểm đầu tư... trong đó tỉnh Phú Thọ là địa điểm triển khai các dự án trọng điểm về đầu tư dây chuyền bột giấy hóa học tẩy trắng, giấy tissue và quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu giấy tại miền Bắc.

Để thực hiện mục tiêu Đại hội XIII và chiến lược phát triển ngành giấy giai đoạn 2030, tầm nhìn đến 2045 đồng thời phát huy tiềm năng thế mạnh về con người, đất đai, cơ sở vật chất, thế mạnh về thương hiệu,... Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp với chiến lược phát triển ngành giấy, cụ thể:

- Triển khai kế hoạch đầu tư các dự án trọng điểm phù hợp với mục tiêu, định hướng phát triển của ngành giấy và Tổng công ty Giấy Việt Nam, gồm: dự án dây chuyền sản xuất bột giấy công suất từ 50.000 – 70.000 tấn bột giấy/năm; dự án giấy Tissue công suất 30.000 tấn/năm tại Tổng công ty Giấy Việt Nam. Trong đó lựa chọn đầu tư thiết bị, công nghệ mới đồng bộ, tiên tiến, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường để nâng cao sản lượng bột tự sản xuất, giảm sử dụng bột giấy nhập khẩu, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước về số lượng và chủng loại giấy, tăng doanh thu và lợi nhuận cho Tổng công ty.

- Tiếp tục đổi mới trong đầu tư các dự án trồng rừng về giống và quy trình kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất và giá trị của rừng. Phần đầu năng suất rừng trồng của Tổng công ty tiệm cận bằng với năng suất rừng trồng của các nước trong khu vực ASEAN.

- Triển khai mở rộng sản xuất, tối ưu hóa hiệu quả của các sản phẩm rừng trồng, đặc biệt là gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC của Tổng công ty Giấy Việt Nam, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị lâm nghiệp của Tổng công ty.

- Đổi mới quản trị doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quy định quản trị nội bộ phù hợp với pháp luật và từng bước đáp ứng thông lệ quốc tế giúp Ban lãnh đạo Tổng

công ty có thể chỉ đạo, điều hành, kiểm soát đơn vị hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững.

- Phân đầu là một trong những doanh nghiệp đi đầu ngành Giấy của Việt Nam trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KHCN, tin học hóa, tự động hóa, kinh tế số... tạo ra được bước đột phá để ứng dụng hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng suất lao động thông qua việc đào tạo tay nghề lao động đồng thời xây dựng và thực hiện hệ thống đánh giá chất lượng thực thi công việc của người lao động.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân sự quản lý đến năm 2025 nhằm tạo nguồn nhân sự chất lượng cao phục vụ cho giai đoạn phát triển 2026-2030.

3. Mục tiêu

3.1. Mục tiêu tổng quát

Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp tục giữ vai trò nòng cốt trong ngành Giấy Việt Nam trong việc thực thi các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước và hoạt động của ngành giấy.

Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên thị trường thông qua việc triển khai các dự án đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng hiệu quả, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, cải thiện môi trường sản xuất và đồng hành phát triển cộng đồng phù hợp với nhu cầu phát triển và xu thế của xã hội.

Tiếp tục đổi mới trong đầu tư các dự án trồng rừng về giống và quy trình kỹ thuật thâm canh, tiết giảm chi phí để nâng cao năng suất và giá trị của rừng;

Cơ cấu lại tài chính của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam nhằm có đủ năng lực tài chính để đầu tư các dự án trọng điểm và xử lý có hiệu quả các tồn tại, yếu kém trong giai đoạn giai đoạn 2013-2015 và 2016-2020 đảm bảo việc làm, từng bước nâng cao thu nhập, đời sống của người lao động.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

- Sắp xếp mô hình tổ chức: Cơ cấu lại mạnh mẽ về tổ chức bộ máy, sắp xếp lại, sáp nhập để giảm các phòng ban từ 12 phòng về 09 phòng; từ 07 đơn vị sản xuất về 05 đơn vị sản xuất; từ 21 đơn vị hạch toán phụ thuộc về 05 đơn vị.

- Tập trung đầu tư các dự án trọng điểm về sản xuất bột giấy, giấy tissue: Triển khai Đầu tư mới một dây chuyền sản xuất bột công suất từ 50.000 - 70.000 tấn bột tẩy trắng/năm với tổng mức đầu tư dự kiến 1.500 tỷ đồng; đầu tư dự án sản xuất giấy tissue công suất 30.000 tấn/năm với tổng mức đầu tư dự kiến 300 tỷ đồng; triển khai dự án đầu tư xây dựng văn phòng cho thuê với tổng mức đầu tư dự kiến 250 tỷ đồng. Trong đó:

- +) Đến năm 2025: Hoàn thành công tác phê duyệt dự án đầu tư trọng điểm về sản xuất bột giấy và giấy tissue.

- +) Đến năm 2030: Tập trung triển khai hoàn thành đầu tư các dự án trọng điểm về sản xuất bột giấy và giấy tissue.

Sau khi các dự án đầu tư về sản xuất bột giấy và giấy tissue đi vào hoạt động phân đầu tốc độ tăng trưởng:

- +) Tăng doanh thu: khoảng 1.000 tỷ đồng, tương đương tốc độ tăng trưởng 7,1%.
- +) Tăng lợi nhuận: khoảng 32 tỷ đồng, tương đương tốc độ tăng trưởng 22,6%.
- +) Tăng giá trị sản xuất công nghiệp: khoảng 651 tỷ đồng, tương đương tốc độ tăng trưởng 6,1%.
- +) Tăng nộp ngân sách nhà nước: khoảng 23,5 tỷ đồng, tương đương tốc độ tăng trưởng 4,6%.
- +) Đảm bảo thu nhập cho người lao động.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty lâm nghiệp trực thuộc theo kết luận của Bộ Chính trị số 103-KL/TW ngày 02/12/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm và Chi thị 33/CT-TTg ngày 10/9/2024 của Chính phủ về thúc đẩy công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp theo kết luận của Bộ Chính trị.

- Triển khai mở rộng sản xuất, tối ưu hóa hiệu quả của các sản phẩm rừng trồng, đặc biệt là gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC của Tổng công ty Giấy Việt Nam, đổi mới trong đầu tư các dự án trồng rừng; tiết giảm đầu mối, tiết giảm chi phí để nâng cao năng suất và giá trị của rừng, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị lâm nghiệp của Tổng công ty

3.2.1. Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam

- Tổng giá trị sản xuất công nghiệp dự kiến đạt 10.211 tỷ đồng, bằng 108 % so với cùng kỳ giai đoạn 2016-2020 (9.459 tỷ đồng).

- Sản xuất công nghiệp:

Tổng sản lượng giấy sản xuất các loại dự kiến đạt 537.659 tấn, bằng 100% (537.435 tấn) so với cùng kỳ giai đoạn trước, trong đó: Giấy tissue đạt 47.437 tấn, giấy Bãi Bằng đạt 490.222 tấn.

- Sản xuất lâm nghiệp: Trồng rừng ước đạt 10.500 ha, bằng 87% so với cùng kỳ giai đoạn trước; Sản phẩm khai thác gỗ ước đạt 857.952 m³, bằng 98% so với cùng kỳ giai đoạn trước. Quản lý, bảo vệ rừng ước đạt 52.632 ha, bằng 110% so với cùng kỳ giai đoạn trước.

- Tổng doanh thu công ty mẹ ước đạt 12.314 tỷ đồng, bằng 104% so với cùng kỳ giai đoạn trước; Nộp ngân sách ước đạt 551 tỷ đồng, bằng 103% so với cùng kỳ giai đoạn trước;

3.2.2. Công ty con và đơn vị sự nghiệp

- Tổng giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 191 tỷ đồng, bằng 80% so với cùng kỳ giai đoạn trước;

- Sản phẩm sản xuất chủ yếu: Trồng rừng ước đạt 900 ha, gấp 3 lần so với cùng kỳ giai đoạn trước; Khai thác gỗ ước đạt 226.000 m³, bằng 2 lần so với cùng kỳ giai đoạn trước;

- Tổng doanh thu ước đạt 535 tỷ đồng, bằng 125 % so với cùng kỳ giai đoạn trước;

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 10 tỷ đồng, bằng 26 % so với cùng kỳ giai đoạn trước.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2021-2025 chi tiết xem tại Phụ lục 6, Bảng 3, kèm theo.

V. NỘI DUNG CƠ CẤU LẠI ĐẾN NĂM 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp tục tập trung thực hiện các ngành, nghề kinh doanh chính và một số ngành, nghề trực tiếp hỗ trợ cho ngành nghề kinh doanh chính theo quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các văn bản điều chỉnh, bổ sung được cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật, trong đó:

1. Về ngành nghề kinh doanh

Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp tục tập trung thực hiện các ngành, nghề kinh doanh chính và một số ngành, nghề có liên quan như hiện nay, cụ thể như sau:

1.1. Ngành, nghề kinh doanh chính

Sản xuất, kinh doanh bột giấy, giấy và các sản phẩm từ giấy; trồng rừng và khai thác rừng nguyên liệu giấy; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ gỗ rừng trồng (dăm mảnh, đồ gỗ các loại); Sản xuất và kinh doanh giống cây nguyên liệu giấy.

1.2. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan

Kinh doanh thiết bị vật tư, hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm); kinh doanh sắt thép đặc chủng sử dụng cho ngành giấy; sửa chữa thiết bị chính, nhà xưởng sản xuất giấy; sản xuất, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị phụ trợ, kết cấu kim loại ngành công nghiệp (cơ, điện và đo lường điều khiển); sản xuất và kinh doanh điện, nước, hơi nước; thiết kế, thi công, xây lắp phục vụ lâm nghiệp; nghiên cứu khoa học, công nghệ, thực hiện các dịch vụ thông tin, đào tạo, tư vấn, thiết kế công nghệ, ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực: nguyên liệu, phụ liệu, thiết bị phụ tùng, các sản phẩm giấy, bột giấy, sản xuất thử nghiệm, sản xuất lô nhỏ các mặt hàng từ kết quả nghiên cứu; dịch vụ xử lý nước thải; nghiên cứu cây nguyên liệu và các vấn đề lâm sinh, xã hội, môi trường liên quan đến cây nguyên liệu giấy; vật tư kỹ thuật phục vụ sản xuất kinh doanh và đời sống; dịch vụ vận tải hàng hóa, lâm sản và bốc xếp hàng hóa; khai hoang, khoanh nuôi làm giàu rừng.

1.3. Ngành, nghề kinh doanh khác

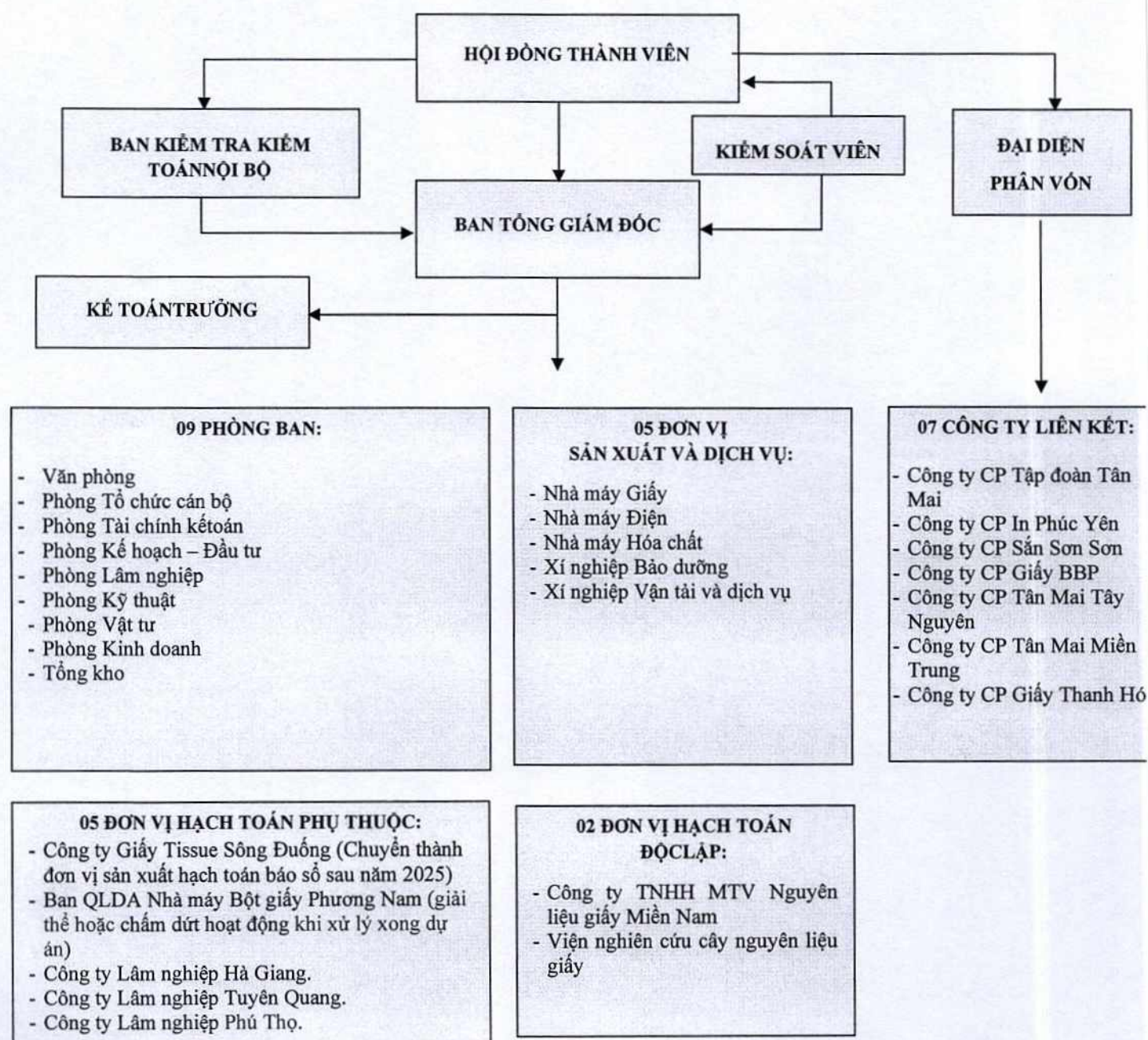
Sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm các loại; kinh doanh dịch vụ khách sạn (bao gồm cả ăn uống, nghỉ ngơi...), văn phòng, nhà xưởng, nhà ở, kho bãi, logistics; xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh. Kinh doanh các ngành, nghề khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Bộ Công Thương.

2. Về tổ chức, bộ máy

Như vậy, đến năm 2025, Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp tục hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn Nhà nước. Trong giai đoạn này Tổng công ty đề xuất phương án cơ cấu lại về tổ chức, bộ máy trong đó đặt trọng tâm vào công tác tinh giản số lượng các đơn vị, các đầu mối trung gian để tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý.

Sơ đồ tổ chức của Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn 2030 được giới thiệu trên các sơ đồ 2 sau đây.

Sơ đồ 2. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030



2.1. Sắp xếp, sáp nhập các đơn vị trực thuộc Tổng công ty

Hiện tại, Tổng công ty có 13 phòng, ban chức năng và 21 đơn vị hạch toán phụ thuộc. Trong quá trình tái cơ cấu giai đoạn 2013-2015 và tái cơ cấu nội bộ giai đoạn 2016-2020, mặc dù đã giảm được một số đơn vị đầu mối (sáp nhập 04 đơn vị lâm nghiệp thành 02 đơn vị, chuyển 02 đơn vị lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa về UBND tỉnh quản lý, chấm dứt hoạt động Công ty Chế biến và Xuất nhập khẩu dăm mảnh do kinh doanh không hiệu quả), tuy nhiên, trong cơ cấu tổ chức hiện nay của Tổng công ty Giấy Việt Nam vẫn còn số lượng lớn các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các phòng ban chức năng có nhiệm vụ tương đồng, nhiều đầu mối làm tăng chi phí quản lý, giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành. Đặc biệt một số đơn vị phụ thuộc, chủ yếu là các Công ty lâm nghiệp có quy mô nhỏ (quản lý khoảng 1.000 ha rừng trồng), có kết quả sản xuất kinh doanh kém hiệu quả.

Tổng công ty Giấy Việt Nam dự kiến giải thể, sáp nhập, sắp xếp lại một số phòng ban chức năng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc để giảm đầu mối theo lộ trình và tầm nhìn đến 2030 dựa trên nguyên tắc ưu tiên lao động tự nguyện nghỉ, chuyển công tác; lao động đến tuổi nghỉ hưu, sắp xếp lại lao động trong nội bộ đơn vị; chi tiết cụ thể như sau:

2.1.1. Sáp nhập Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu và Phòng Vật tư nguyên liệu

a) Thực trạng hoạt động của Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu và Phòng Vật tư nguyên liệu chi tiết trong phụ lục 11 kèm theo

Về chức năng nhiệm vụ 02 Phòng hiện nay chủ yếu: Mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và thiết bị, phụ tùng (gọi tắt là hàng hóa) đáp ứng yêu cầu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Chức năng Xuất nhập khẩu thực tế chưa thực hiện nhiều, để phù hợp với định hướng quản lý và thuận lợi trong việc điều hành công tác mua sắm hàng hóa, vật tư ... phục vụ sản xuất đề xuất sáp nhập Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu và Phòng Vật tư nguyên liệu; chuyển chức năng kinh doanh các sản phẩm khác sang Phòng đầu mối chuyên môn: Phòng Kinh doanh.

b) Mô hình tổ chức hoạt động của Phòng Kinh doanh xuất nhập khẩu và Phòng Vật tư nguyên liệu sau sáp nhập

- Tên gọi: Phòng Vật tư

- Mô hình tổ chức:

+) Trưởng phòng: 01 người

+) Phó trưởng phòng: tối đa 04 người.

+) Chuyên viên: 13 người.

- Chức năng nhiệm vụ của phòng sau khi thay đổi:

+) Mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và thiết bị, phụ tùng tại thị trường trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

+) Thực hiện hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (bao gồm cả các thủ tục xuất khẩu, dịch vụ ủy thác xuất khẩu và/ hoặc thủ tục nhập khẩu, dịch vụ ủy thác nhập khẩu), các hoạt động thương mại (mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ) tạo ra lợi nhuận.

c) Dự kiến hiệu quả sau sáp nhập

- Tối ưu hóa công tác mua sắm, tập trung công tác mua sắm chuyên trách về một phòng để tiết giảm đầu mối, thuận lợi và nhanh chóng trong việc thực hiện các quyết sách và thủ tục

- Tiết giảm đầu mối, tinh giản lao động, tiết giảm chi phí.

2.1.2 Sáp nhập Phòng Xây dựng cơ bản và Phòng Kế hoạch

a) Thực trạng hoạt động của Phòng Xây dựng cơ bản và Phòng Kế hoạch chi tiết trong phụ lục 11 kèm theo

Về chức năng nhiệm vụ 02 Phòng hiện nay:

(1) Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trong phạm vi toàn Tổng công ty và triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo sự phân công của Tổng giám đốc;

(2) Quản lý đất đai, nhà cửa vật kiến trúc thuộc khối công nghiệp và dịch vụ.

(3) Tham mưu tổng hợp về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển;

(4) Tham mưu tổng hợp về cơ chế, chính sách quản lý sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty;

(5) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các dự án đầu tư của toàn Tổng công ty.

Để phù hợp với yêu cầu quản lý và thuận lợi trong việc định hướng, điều hành công tác kế hoạch SXKD và đầu tư với các mục tiêu ngắn, trung, dài hạn đề xuất sáp nhập Phòng Xây dựng cơ bản và Phòng Kế hoạch.

b) Mô hình tổ chức hoạt động của Phòng Kế hoạch và Phòng Xây dựng cơ bản sau sáp nhập

- Tên gọi: Phòng Kế hoạch – Đầu tư

- Mô hình tổ chức:

+ Trưởng phòng: 01 người

+ Phó trưởng phòng: tối đa 04 người.

+ Chuyên viên: 11 người.

- Chức năng nhiệm vụ chính của phòng sau khi thay đổi:

+ Tham mưu và thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực: Xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng hằng năm, trung hạn và dài hạn trong phạm vi toàn Tổng công ty; cơ chế, chính sách quản lý sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty.

+ Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các dự án đầu tư của toàn Tổng công ty.

+ Quản lý đất đai, nhà cửa vật kiến trúc thuộc khối công nghiệp và dịch vụ.

c) Dự kiến hiệu quả sau sáp nhập

- Tiết giảm đầu mối thực hiện, các chức năng, nhiệm vụ tương đồng trước đây đang được thực hiện ở hai phòng, sau sáp nhập sẽ do một phòng thực hiện.

- Tinh giản lao động, tiết giảm chi phí.

2.1.3. Giải thể chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và sáp nhập Phòng truyền thông vào phòng Thị trường.

a) Thực trạng hoạt động của Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh, Phòng Truyền thông vào Phòng Thị trường trước sáp nhập chi tiết trong phụ lục 10

kèm theo

b) Mô hình tổ chức hoạt động của Phòng Thị trường, Phòng truyền thông sau sáp nhập:

- Tên gọi: Phòng Kinh doanh

- Mô hình tổ chức: Gồm lãnh đạo phòng và 04 bộ phận chức năng, làm việc tại 04 khu vực: Phú Thọ, Hà Nội, TP. Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.

- + Trưởng phòng: 01 người

- + Các Phó phòng: tối đa 04 người

- + Chuyên viên: 31 người.

Chia làm 04 Bộ phận

- + Bộ phận bán giấy cuộn Bãi Bằng

- + Bộ phận bán giấy Chế biến và kinh doanh sản phẩm khác

- + Bộ phận Hỗ trợ bán hàng

- + Bộ phận Truyền thông và Marketing

- Chức năng nhiệm vụ chính:

- + Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, giải pháp tiêu thụ các sản phẩm giấy của Tổng công ty đạt hiệu quả bền vững.

- + Thực hiện công tác tiêu thụ, phát triển thị trường sản phẩm giấy Bãi Bằng, giấy Tissue và các sản phẩm khác của Tổng công ty trên toàn quốc.

- + Bán sản phẩm hóa chất, điện nước, hàng thanh lý, phế phẩm, phế liệu, phế thải, hàng chuyển nhượng.

c) Dự kiến hiệu quả sau sáp nhập

- Ưu điểm:

- + Tinh giảm bộ máy, tinh giản lao động từ đó giảm chi phí hoạt động.

- + Điều phối, cung cấp sản phẩm nhanh chóng, giảm thiểu việc qua kho, tồn kho của Chi nhánh.

- + Chính sách bán hàng thống nhất linh hoạt từ đó tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Hạn chế:

- + Khó khăn hơn trong việc tiếp xúc, chăm sóc khách hàng không được thường xuyên, liên tục.

- + Việc không đăng ký kinh doanh trên địa bàn cũng ảnh hưởng tới quan hệ với địa phương, ...

Dự kiến quá trình sắp xếp các phòng ban đơn vị trực thuộc Tổng công ty sẽ hoàn thành trong năm 2025.

2.1.4. Giải thể Chi nhánh Hà Nội và sắp xếp Văn phòng Tổng công ty

a) Thực trạng hoạt động của Chi nhánh TCT Giấy Việt Nam tại TP Hà Nội chi tiết theo phụ lục 10 đính kèm.

b) Mô hình tổ chức, hoạt động sau cơ cấu lại:

- Tên gọi: Văn Phòng Tổng công ty

- Mô hình tổ chức, hoạt động dự kiến (có thể thay đổi theo tình hình thực tế và quyết định của Lãnh đạo Tổng công ty):

- Dự kiến:

- +) Chánh Văn phòng: 01 người
- +) Phó Chánh Văn phòng: tối đa 03 người.
- +) CBCNV: 44 người.

- Chức năng, nhiệm vụ: Sau khi thực hiện sáp nhập, Phòng Tài chính kế toán và Văn phòng Tổng công ty là các đơn vị có liên quan đến việc tiếp tục thực hiện, theo dõi các hoạt động của Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hà Nội. Trong đó:

+ Văn phòng Tổng công ty thực hiện việc cho thuê Tòa nhà 142 Đội Cấn như việc cho thuê tòa nhà tại Văn phòng Tổng công ty hiện nay và các công việc của Phòng Tổng hợp tại chi nhánh trước khi sáp nhập.

+ Phòng Tài chính kế toán Tổng công ty thực hiện các công việc của Phòng Tài chính kế toán của chi nhánh trước khi sáp nhập.

c) Dự kiến hiệu quả sau sáp nhập

- Ưu điểm:

+) Tiết giảm được đầu mỗi chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại đơn vị, giảm được lao động của các phòng, ban chuyên môn tại chi nhánh Hà Nội vì hiện nay Văn phòng Tổng công ty đã có bộ phận quản lý tòa nhà.

+) Đưa dịch vụ cho thuê tòa nhà về đầu mối chung là Văn phòng Tổng công ty quản lý.

+) Giải quyết được vấn đề về việc thiếu định biên lao động của chi nhánh Hà Nội đối với có chuyên môn nghiệp vụ về kỹ thuật điện nước, có thể sử dụng bộ phận quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng tòa nhà hiện nay có thể xem xét, phục vụ hoạt động sửa chữa tòa nhà tại tòa nhà 142 Đội Cấn.

+) Dự kiến chi phí tiền lương, phụ cấp và các chế độ hiện hưởng tiết giảm là: 805 triệu đồng/năm.

- Hạn chế:

+) Giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư tại chi nhánh TCT Giấy Việt Nam tại thành phố Hà Nội (dự kiến khoảng 05 lao động).

2.1.5. Giải thể Nhà máy Chế biến gỗ

a) Thực trạng hoạt động của Nhà máy Chế biến gỗ chi tiết theo phụ lục 11 đính kèm.

b) Phương án lao động sau khi giải thể

* Hiện nay, Nhà máy Chế biến gỗ phục vụ chủ yếu cho hoạt động sản xuất của Phân xưởng Giấy – Nhà máy Giấy. Vì vậy, khi giải thể Nhà máy Chế biến gỗ sẽ chuyển Bộ phận cưa xẻ, mộc máy, đóng ca bản và bộ phận gia công lõi giấy về Phân xưởng Giấy – Nhà máy Giấy quản lý.

Sau đó, Tổng công ty sẽ thực hiện bố trí, sắp xếp lao động đảm bảo đủ lao động cung ứng cho đơn vị, giảm số lao động thuê khoán.

* Số lượng nhân sự tiết giảm dự kiến:

- Số lượng chức danh tiết giảm: chức danh Phó Giám đốc, Phó Quản đốc và chức danh Thủ kho

- Số lượng lao động tiết giảm dự kiến từ 03 đến 04 lao động:

+ 01 Phó giám đốc Nhà máy Chế biến gỗ;

+ 01 nhân viên thủ kho;

+ 01 đến 02 giữ chức danh Phó quản đốc và đốc công, có thể giao cho phó Quản đốc phân xưởng Giấy kiêm nhiệm.

c) Dự kiến hiệu quả

- Tiết giảm được đầu mỗi chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại đơn vị.

- Dự kiến chi phí tiền lương, phụ cấp và các chế độ hiện hưởng tiết giảm là: 384 triệu đồng/năm.

- Giảm đầu mối trong điều hành sản xuất, đưa các nhiệm vụ của Nhà máy Chế biến gỗ về các đơn vị trực tiếp sản xuất giúp rút ngắn các khâu trung gian, tập trung vào hoạt động sản xuất, đảm bảo sản phẩm cung ứng đầy đủ cho hoạt động sản xuất.

2.1.6. Sáp nhập Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Dịch vụ

a) Thực trạng hoạt động của Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Dịch vụ chi tiết theo phụ lục 11 đính kèm.

b) Mô hình tổ chức, hoạt động sau sáp nhập:

* Tên gọi: Xí nghiệp Vận tải – Dịch vụ.

* Mô hình bộ máy tổ chức, hoạt động:

- Tiết giảm 05 đầu mối như sau:

+ Sáp nhập Tổ văn phòng của Xí nghiệp Vận tải vào Phòng Nghiệp vụ văn phòng của Xí nghiệp Dịch vụ, lấy tên là Phòng Nghiệp vụ văn phòng. Phòng Nghiệp vụ văn phòng thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác văn phòng của Xí nghiệp sau sáp nhập.

+ Giải thể Phòng Quản trị của Xí nghiệp Dịch vụ. Thực hiện việc thuê khoán ngoài dịch vụ nấu bữa ăn ca hoặc thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp bữa ăn công nghiệp.

+ Giải thể Phòng Bảo vệ của Xí nghiệp Dịch vụ. Thực hiện việc thuê đơn vị bảo vệ tại toàn bộ các bót, điểm bảo vệ của Tổng công ty.

+ Giải thể Bộ phận quản lý khách sạn của Xí nghiệp Dịch vụ. Thực hiện thuê khoán ngoài các dịch vụ lễ tân, bảo vệ, bếp ăn, vệ sinh buồng phòng của Khách sạn Bãi Bằng.

+ Giải thể Đội Cảnh An Đạo của Xí nghiệp Vận tải.

- Tiết giảm 06 chức danh như sau:

+ 01 Giám đốc Xí nghiệp.

+ Trưởng phòng Quản trị của Xí nghiệp Dịch vụ.

+ Trưởng phòng và Phó trưởng phòng Bảo vệ của Xí nghiệp Dịch vụ.

+ Chủ nhiệm khách sạn.

+ Tổ trưởng Văn phòng của Xí nghiệp Vận tải

- Tiết giảm 45 lao động gián tiếp và 14 lao động hợp đồng như sau:

- 01 Giám đốc Xí nghiệp.

+ Phòng Quản trị - Xí nghiệp Dịch vụ: 19 lao động gián tiếp và 13 lao động hợp đồng.

+ Phòng Bảo vệ - Xí nghiệp Dịch vụ: 16 lao động gián tiếp và 01 lao động hợp đồng.

+ Khách sạn Bãi Bằng – Xí nghiệp Dịch vụ: 09 lao động gián tiếp.

* Phương án sử dụng lao động dự kiến :

- Ban giám đốc: 03 lao động (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực vận tải, 01 Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực dịch vụ).

- Phòng Nghiệp vụ - Văn phòng: 06 lao động (01 nhân viên theo dõi lao động tiền lương, 01 nhân viên văn thư, 02 nhân viên kỹ thuật, 01 nhân viên phụ trách hạch toán, 01 nhân viên theo dõi bồi dưỡng độc hại và bữa ăn ca).

- Đội xe Ô tô: 30 lao động.

- Đội xe Bốc xếp: 35 lao động.

- Đội xe Nguyên liệu: 21 lao động.

- Trường Mầm non: 21 lao động.

- Phòng Y tế: 08 lao động.

* Chức năng, nhiệm vụ thay đổi sau khi sáp nhập:

+ Văn phòng Tổng công ty tiếp nhận và thực hiện công việc thuê khoán ngoài dịch vụ nấu bữa ăn ca hoặc thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp bữa ăn công nghiệp cho người lao động của Tổng công ty. Đồng thời, thực hiện việc thuê đơn vị bảo vệ tại toàn bộ các bất, điểm bảo vệ của Tổng công ty.

+ Tiếp tục thực hiện việc quản lý Khách sạn Bằng Bằng nhưng theo hình thức thuê khoán ngoài các dịch vụ lễ tân, bảo vệ, bếp ăn, vệ sinh buồng phòng và chỉ theo dõi hạch toán về doanh thu, lợi nhuận.

+ Các chức năng, nhiệm vụ khác tiếp tục thực hiện như trước khi sáp nhập.

c) Dự kiến hiệu quả

* Ưu điểm:

- Tiết giảm được đầu mối, chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại 02 đơn vị.

- Việc giải thể các đầu mối và thực hiện thuê khoán ngoài giúp nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng doanh thu và đảm bảo khai thác có hiệu quả các công trình phúc lợi của Tổng công ty.

- Dự kiến chi phí tiền lương, phụ cấp và các chế độ hiện hưởng tiết giảm là: 346 triệu đồng/năm.

* Hạn chế:

- Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Dịch vụ đều là 02 đơn vị phục vụ, tuy nhiên 02 đơn vị này có chức năng nhiệm vụ khác nhau, phục vụ các hoạt động khác nhau. Vì vậy khi sáp nhập, chức năng, nhiệm vụ của 02 đơn vị không có sự thay đổi.

2.1.7. Sắp xếp mô hình hoạt động của Công ty giấy Tissue Sông Đuống

a) Thực trạng hoạt động của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống chi tiết theo phụ lục 10 đính kèm.

b) Mô hình tổ chức, hoạt động:

- Giai đoạn đến 31/12/2025: Giữ nguyên mô hình tổ chức như hiện nay. Sắp xếp lại lao động tại các phòng: Tổng hợp, Tài chính kế toán, Thị trường: Tối đa 15 người/3 phòng. Bộ phận mua sắm chuyển về Tổng công ty thực hiện.

Số lượng lao động tiết giảm dự kiến: Tiết giảm 106 lao động. Trong đó:

+ Phòng Thị trường: Từ 101 lao động còn 05 lao động, giảm 96 lao động.

+ Phòng Tổng hợp: Từ 15 lao động còn 05 lao động, giảm 10 lao động.

- Giai đoạn sau năm 31/12/2025: Khi thực hiện di dời dây chuyền sản xuất giấy Tissue hiện tại về khu vực sản xuất giấy tại Bãi Bằng, dự kiến thay đổi như sau: Ban Giám đốc nhà máy, 04 phân xưởng, 01 phòng chức năng

Phương án sử dụng lao động dự kiến:

+ Ban Giám đốc nhà máy: 02 người (Giám đốc; Phó giám đốc) ;

+ Phòng Kỹ thuật – nghiệp vụ gồm 11 lao động. Trong đó, 01 Trưởng phòng, 01 Phó phòng, Tổ Kỹ thuật - An toàn: 01 người, Tổ Kế hoạch kỹ thuật: 02 người, Tổ nghiệp vụ và kho: 06 người;

+ Phân xưởng Gỗ: 01 Quản đốc, 01 Phó Quản đốc và 14 lao động;

+ Phân xưởng Giấy: 01 Quản đốc, 01 Phó Quản đốc và 45 lao động;

+ Phân xưởng Gia công: 01 Quản đốc, 01 Phó Quản đốc và 35 lao động.

* Số lượng chức danh tiết giảm so với hiện tại: 13 chức danh. Bao gồm: 01 Phó giám đốc, 04 Trưởng phòng, 05 Phó phòng, 01 Chủ nhiệm kho, 01 Phó Chủ nhiệm kho và 01 Quản đốc phân xưởng. Số lượng đầu mỗi tiết giảm: 05 phòng chức năng.

- Số lao động dự kiến tiết giảm 71 lao động. Trong đó:

+ Ban giám đốc giảm 01 người;

+ Sau khi sáp nhập Phòng Tổng hợp và Phòng Kỹ thuật và đổi tên thành Phòng Kỹ thuật – nghiệp vụ: Giảm 03 lao động.

+ Phòng Tài chính kế toán: Giảm 05 lao động (giao nhiệm vụ về Phòng Tài chính kế toán - Tổng công ty)

+ Phòng Thị trường: Giảm 05 lao động (Sáp nhập về Phòng Thị trường - Tổng công ty).

+ Phòng Vật tư: Giảm 04 lao động (nhiệm vụ mua sắm vật tư, thiết bị, nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất sẽ giao cho Phòng Vật tư nguyên liệu - Tổng công ty).

+ Phân xưởng Bảo dưỡng: giảm 33 lao động (giao nhiệm vụ về Xí nghiệp Bảo dưỡng - Tổng công ty)

+ Kho Vật tư – thành phẩm: giảm 20 lao động (giao nhiệm vụ về Tổng kho - Tổng công ty)

* Chức năng, nhiệm vụ thay đổi dự kiến:

- Sau khi thực hiện sáp nhập, các phòng, ban tại Tổng công ty trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống chuyển sang như sau:

+ Văn phòng Tổng công ty thực hiện việc thuê khoán dịch vụ bảo vệ và các công việc khác của Tổ Bảo vệ - môi trường của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay.

+ Phòng Tài chính kế toán Tổng công ty thực hiện các công việc của Phòng Tài chính kế toán của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay.

+ Phòng Kinh doanh Tổng công ty tiếp nhận lao động và thực hiện các công việc liên quan đến bán các sản phẩm của Công ty Tissue Sông Đuống hiện nay.

+ Phòng Vật tư Tổng công ty thực hiện các công việc của Phòng Vật tư của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay.

+ Phòng Kế hoạch Tổng công ty thực hiện việc cho thuê kho bãi, nhà xưởng tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay.

+ Xí nghiệp Bảo dưỡng thực hiện các công việc của Phân xưởng Bảo dưỡng

của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay.

+ Tổng kho thực hiện các công việc của Kho Vật tư – sản phẩm của Công ty Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay.

- Chức năng, nhiệm vụ chính của Nhà máy Giấy Tissue:

- Nhà máy Giấy Tissue là đơn vị hạch toán báo sổ thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam.

- Tổ chức sản xuất giấy tissue và các sản phẩm gia công từ giấy tissue theo kế hoạch tháng, quý, năm và kế hoạch dài hạn của Tổng công ty;

- Chịu trách nhiệm tiếp nhận nguyên liệu, hóa chất cho sản xuất giấy tissue và tham gia tiếp nhận vật tư, hóa chất khác phục vụ quá trình sản xuất theo quy định của Tổng công ty;

- Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất, đề xuất kế hoạch đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật hàng năm của Nhà máy theo quy định của Tổng công ty.

- Quản lý thiết bị, kỹ thuật thiết bị của Nhà máy. Phối hợp với Xí nghiệp Bảo dưỡng xây dựng kế hoạch bảo dưỡng ngắn hạn, dài hạn, sửa chữa lớn hàng năm. Lập kế hoạch, lập đơn hàng mua vật tư, trang thiết bị phụ tùng phục vụ cho sản xuất của Nhà máy. Kiểm tra máy móc thiết bị phụ tùng nhập kho.

- Và các chức năng, nhiệm vụ khác phù hợp với bộ máy tổ chức, hoạt động mới theo Quyết định của Tổng công ty.

c) Dự kiến hiệu quả sau cơ cấu lại.

* Ưu điểm:

- Tiết giảm được đầu mỗi chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại đơn vị, giảm được lao động của các phòng, ban chuyên môn tại công ty Giấy Tissue Sông Đuống, đơn vị chỉ tập trung vào công tác sản xuất giấy.

- Có sự điều tiết trong hoạt động sản xuất giữa sản phẩm Giấy Bãi Bằng và sản phẩm Giấy Tissue trên cơ sở nhu cầu thị trường, từ đó đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác quản lý chi phí tại Công ty Giấy Tissue Sông Đuống và dự kiến chi phí tiền lương, phụ cấp và các chế độ hiện hưởng tiết giảm: giai đoạn 2024 -2025 là khoảng 10,5 tỷ đồng/năm; giai đoạn sau năm 2025 là khoảng 7,2 tỷ đồng.

* Hạn chế:

- Do mô hình kinh doanh của Giấy Bãi Bằng và Giấy Tissue Sông Đuống hiện nay đang khác nhau, vì vậy sẽ gây khó khăn cho các phòng, ban chuyên môn của Tổng công ty khi nhận nhiệm vụ từ Công ty Giấy Tissue chuyển sang.

- Khi chuyển dây truyền về sản xuất giấy tissue về khu vực sản xuất tại Bãi Bằng sẽ khó giữ lại các lao động có trình độ, tay nghề cao do thay đổi lương tời thiếu vùng, địa điểm làm việc có sự thay đổi lớn,...

- Việc tiết giảm đầu mỗi và lao động sẽ chỉ đạt hiệu quả cao nhất khi di chuyển Nhà máy Tissue Sông Đuống về khu vực sản xuất tại Bãi Bằng.

2.1.8. Giải thể Công ty Thiết kế lâm nghiệp và sắp xếp lại Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy

- Thực trạng hoạt động của Công ty thiết kế lâm nghiệp và Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy chi tiết theo phụ lục 10 đính kèm.

- Mô hình tổ chức, hoạt động sau cơ cấu lại:

+ Ban lãnh đạo Viện: 03 người (01 Viện trưởng, 01 Phó viện trưởng phụ trách công tác nghiên cứu khoa học; 01 Phó viện trưởng: Phụ trách công tác sản xuất (cây giống, tư vấn thiết kế lâm nghiệp)

+ Các phòng nghiệp vụ, đội sản xuất:

++ Phòng Kế hoạch - Tổng hợp: 05 người;

++ Phòng Nghiên cứu khoa học: 05 người;

++ Phòng Công nghệ sinh học: 21 người (T.đó có 20 Công nhân);

++ Đội vườn ươm và dịch vụ lâm nghiệp: 13 người (T.đó: 11 công nhân)

++ Đội sản xuất Hàm Yên: 25 người (01 đội trưởng, 01 kỹ thuật và 23 công nhân);

- Chức năng, nhiệm vụ:

++ Tham gia nghiên cứu chiến lược quy hoạch, phát triển ngành nguyên liệu giấy.

++ Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến về cải tạo giống và nhân giống;

++ Nghiên cứu sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn nguyên liệu giấy có trong nước.

++ Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, qui trình định mức kinh tế kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm;

++ Dịch vụ đào tạo, tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ và hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực lâm nghiệp.

- Dự kiến hiệu quả

+ Ưu điểm:

++) Tiết giảm được đầu mỗi chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại đơn vị, giảm được lao động của các phòng, ban chuyên môn tại Công ty thiết kế lâm nghiệp và Viện nghiên cứu.

++) Giải quyết được vấn đề về việc thiếu định biên lao động về công tác ngoại nghiệp trong thiết kế lâm nghiệp;

++) Tạo tính chủ động và tư cách pháp nhân trong hoạt động tư vấn thiết kế lâm nghiệp...

+ Hạn chế:

++) Phát sinh chi phí giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư tại Công ty Thiết kế lâm nghiệp và Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.

2.1.9. Thực hiện cơ cấu lại các Công ty lâm nghiệp trực thuộc.

Sáp nhập các Công ty Lâm nghiệp hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam tại các tỉnh:

- Đến năm 2025 tiến hành sáp nhập các Công ty lâm nghiệp hạch toán phụ thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam:

- Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công Thương tại Văn bản số 2968/BCT-TC ngày 31/5/2022 về việc hoàn thiện và triển khai một số nội dung Đề án Tái cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam giai đoạn 2021-2025, trong đó có nội dung Bộ Công Thương yêu cầu Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng phương án sáp nhập các công ty lâm nghiệp theo quy định của pháp luật, nâng cao hiệu quả hoạt động

của các công ty lâm nghiệp phù hợp với nội dung của Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 14/3/2014 và Kết luận số 82-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trình Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt để làm cơ sở tổ chức triển khai thực hiện.

- Nguyên tắc sáp nhập:

+ Sáp nhập các đơn vị cùng đóng trên địa bàn 1 tỉnh hoặc có vị trí địa lý thuận tiện trong quá trình quản lý, tổng diện tích đất trồng rừng của 01 đơn vị lâm nghiệp sau khi sáp nhập khoảng từ 2.000 ha trở lên, tạo điều kiện để áp dụng hiệu quả công nghệ hiện đại trong quản lý, điều hành hoạt động trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng và đất rừng và khai thác rừng, trong đó bao gồm công nghệ về giống và kỹ thuật thâm canh mới;

+ Đảm bảo tối đa nhu cầu việc làm của người lao động, bảo đảm quyền lợi, chế độ cho người lao động trong trường hợp phải giảm biên chế hoặc người lao động tự nguyện thôi việc.

- Đề xuất sáp nhập các Công ty lâm nghiệp trực thuộc, hạch toán phụ thuộc để thành lập Công ty Lâm nghiệp hạch toán phụ thuộc mới, cụ thể như sau:

* Mô hình tổ chức hoạt động của Công ty Lâm nghiệp hạch toán phụ thuộc:

- Đề xuất bộ máy tổ chức của Công ty lâm nghiệp áp dụng cho Công ty lâm nghiệp Hà Giang, Công ty lâm nghiệp Tuyên Quang, Công ty lâm nghiệp Vĩnh Phú:

+ Ban giám đốc 03 người;

+ Các phòng ban nghiệp vụ (03 phòng): Phòng Tổng hợp (tối đa 06 người), Phòng Lâm nghiệp (tối đa 07 người), Phòng Kế hoạch-Kinh Doanh (tối đa 05 người). Trong đó:

++) Phòng Tổng hợp: Quản lý và theo dõi các hoạt động tài chính của Công ty, bao gồm lập báo cáo tài chính quản lý thu chi, xử lý các vấn đề liên quan đến thuế và kiểm toán; quản lý nhân viên, tuyển dụng và tuyển chọn nhân viên, xây dựng chính sách nhân sự và quản lý các vấn đề liên quan đến lợi ích và phúc lợi của CBCNV.

++) Phòng Lâm nghiệp: Quản lý quá trình sản xuất và cung cấp dịch vụ của Công ty (quản lý nguồn nhân lực, kiểm soát chất lượng và đảm bảo quy trình sản xuất hiệu quả, công tác quản lý bảo vệ đất đai, rừng trồng).

++) Phòng Kế hoạch-Kinh doanh: Chịu trách nhiệm lập kế hoạch sản xuất, tiếp cận khách hàng và thực hiện các hoạt động bán hàng để đảm bảo doanh thu.

+ Các Ban trồng rừng (Từ 3-6 Ban, tùy từng công ty/khu vực): Mỗi Ban trồng rừng gồm: Trưởng ban (hoặc có thêm 01 Phó ban), tối đa 02 cán bộ kỹ thuật và quản lý bảo vệ, từ 3-4 đội sản xuất tùy từng Ban trồng rừng (mỗi đội sản xuất có 01 đội trưởng)

* Ưu điểm, nhược điểm sau khi tái cơ cấu.

- Ưu điểm.

+ Quy mô các Công ty lớn hơn sẽ giúp làm giảm chi phí quản lý trên một đơn vị sản phẩm.

+ Nâng cao được vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cũng như của Ban lãnh đạo đơn vị.



(Chi tiết tại phụ lục 09)

2.1.10. Hoạt động của Ban quản lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam

Đối với Ban quản lý dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam: Dự kiến giải thể hoặc chấm dứt hoạt động sau khi xử lý xong dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam.

2.2. Sắp xếp đơn vị sự nghiệp hạch toán độc lập của Tổng công ty

- Giữ nguyên mô hình Công ty TNHH MTV nguyên liệu giấy Miền Nam; Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó thực hiện cơ cấu lại, sắp xếp lại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, bố trí, sử dụng lao động phù hợp với mô hình tổ chức của Công ty. (Phụ lục 09 kèm theo)

- Sắp xếp cơ cấu lại lại Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy theo mục 2.1.8. nêu trên.

(Phụ lục 10 kèm theo)

2.3. Sắp xếp, tinh giản lao động tại Tổng công ty

Đối với các phòng, ban, đơn vị không thuộc diện giải thể, sáp nhập: Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh gọn đầu mối, giảm các khâu trung gian; tinh giảm biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công nhân viên; xây dựng chính sách thu hút người có đức, có tài, có trình độ cao, tâm huyết với ngành giấy vào làm việc tại Tổng công ty.

Phấn đấu đến hết năm 2025, toàn Tổng công ty Giấy Việt Nam sẽ giảm khoảng 10% trên tổng số lao động khối công nghiệp hiện có tương đương khoảng 155 người (trong đó giảm lượng lao động gián tiếp khoảng 3%) đồng thời tăng năng suất lao động lên 20%. Tổng công ty sẽ thực hiện các giải pháp sau: Tăng năng suất lao động, áp dụng tự động hóa trong một số công đoạn của dây chuyền công nghệ, đầu tư một số dây chuyền sản xuất các sản phẩm mới để chuyển một phần lao động sang cơ sở mới...

2.4. Lộ trình thực hiện cơ cấu lại tổ chức bộ máy

Cơ bản hoàn thành phương án cơ cấu lại tổ chức bộ máy trong năm 2025.

3. Phương án sử dụng đất sau cơ cấu lại

3.1. Hoàn thành công tác phê duyệt Phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật

- Tổng diện tích đất các đơn vị lâm nghiệp dự kiến giữ lại sử dụng sau cơ cấu lại là **32.437,59** ha, Diện tích hiện còn và dự kiến giữ lại để lập PA đến 31/12/2024 là **30.920,52** ha, chi tiết tại các tỉnh như sau:

STT	Tỉnh	Tổng diện tích đất giữ lại sau cơ cấu lại (ha)	Diện tích dự kiến giữ lại để lập PA đến 31/12/2024	Diện tích đã được cấp GCN QSDĐ (ha)	Diện tích chưa được cấp GCN QSDĐ (ha)	Trong đó, đất đang bị tranh chấp, lấn chiếm (ha)
1	Hà Giang	7.126,04	5.645,91	5.645,91	0	496,95
2	Tuyên Quang	5.464,74	5.451,87	5.384,92	66,95	983,58
3	Phú Thọ	9.794,77	9.793,88	9.411,49	382,39	1.344,00
4	Vĩnh Phúc	1.247,89	1.252,15	1.154,00	98,15	31,63

5	Kon Tum	8.804,15	8.776,71	7.510,30	1.266,41	0,00
	Cộng	32.437,59	30.920,52	29.106,62	1.813,90	2.856,16

- Tổng diện tích đất các đơn vị lâm nghiệp dự kiến bàn giao về địa phương quản lý, sử dụng là **6.365,77** ha, chi tiết tại các tỉnh như sau:

STT	Tỉnh	Diện tích đất dự kiến bàn giao về địa phương (ha)	Diện tích đã được cấp GCN QSDĐ (ha)	Diện tích chưa được cấp GCN QSDĐ (ha)	Trong đó, đất đang bị tranh chấp, lấn chiếm (ha)	Ghi chú
1	Hà Giang	880,59	880,59	-	880,59	
2	Tuyên Quang	2.763,23	2.391,82	371,51	2.684,64	
3	Phú Thọ	-	-	-	-	
4	Vĩnh Phúc	275,83	202,28	73,55	275,83	
5	Kon Tum	2.446,12	2.401,76	44,36	-	
	Cộng	6.365,77	5.876,45	489,42	3.841,06	

3.2. Tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng xử lý nhà, đất tại đơn vị theo Chỉ thị 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước

Hiện nay, Tổng công ty đã được cấp thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất cho các cơ sở nhà đất của Tổng công ty tại TP Hồ Chí Minh và một số cơ sở nhà đất của Tổng công ty tại Hà Nội. Các cơ sở nhà đất còn lại tại Tp. Hà Nội, Hải Phòng, tỉnh Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Vĩnh Phúc và Kon Tum, chưa được phê duyệt phương án sắp xếp.

Thực hiện Chỉ thị 47/CT-TTg ngày 24/12/2024 của Thủ tướng Chính Phủ về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng xử lý nhà, đất tại doanh nghiệp nhà nước, Tổng công ty tiếp tục:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất đúng quy định; thực hiện kê khai đăng ký đất đai; thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai theo đúng quy định; bàn giao lại đất khi Nhà nước thu hồi đất và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

- Rà soát việc quản lý, sử dụng nhà, đất đảm bảo đúng quy định của pháp luật, tiết kiệm, chống thất thoát, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; chấm dứt việc sử dụng nhà, đất vào mục đích cho thuê, cho mượn, bố trí làm nhà ở, liên doanh, liên kết,... không đúng quy định; xử lý trách nhiệm của các tập thể, cá nhân;

- Rà soát toàn bộ diện tích đất đang quản lý, sử dụng để lập phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về cổ phần hóa khi thực hiện cổ phần hóa; sau cổ phần hóa tiếp tục quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật và phương án sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Về sản xuất kinh doanh

4.1. Dự báo tình hình thị trường các sản phẩm

4.1.1. Nhận định về thị trường giấy

Theo báo cáo của các tổ chức nghiên cứu thị trường Grand View Research,



MarketsandMarkets và Statista nhận định thị trường giấy ở Việt Nam, châu Á và thế giới dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, với giấy tissue và giấy kraft dự kiến sẽ có mức tăng trưởng mạnh do nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao và sự phát triển của thương mại điện tử. Trong khi đó, giấy in và viết sẽ có mức tăng trưởng chậm hơn do xu hướng số hóa ngày càng tăng. Tầm nhìn đến năm 2030, các yếu tố bền vững và công nghệ sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc định hình thị trường giấy.

Dự báo tình hình thị trường giấy giai đoạn 2025-2026, tầm nhìn đến năm 2030 của các tổ chức nghiên cứu thị trường cụ thể như sau:

Bảng 1: Đối với giấy in, viết

Thị trường	Tăng trưởng hàng năm (%)	Dự báo năm 2025 (tỷ USD)	Dự báo năm 2026 (tỷ USD)	Dự báo năm 2030 (tỷ USD)
- Việt Nam	0,5-1%	0,404	0,41	0,45
- Châu Á	3-4%	6,01	6,2	7
- Thế giới	1-2%	51	51,5	55

Bảng 2: Đối với giấy Tissue

Thị trường	Tăng trưởng hàng năm (%)	Dự báo năm 2025 (tỷ USD)	Dự báo năm 2026 (tỷ USD)	Dự báo năm 2030 (tỷ USD)
- Việt Nam	7-8%	0,3	0,32	0,4
- Châu Á	8-9%	9	10	12
- Thế giới	6-7%	80	85	110

Bảng 3: Đối với giấy Kraft

Thị trường	Tăng trưởng hàng năm (%)	Dự báo năm 2025 (tỷ USD)	Dự báo năm 2026 (tỷ USD)	Dự báo năm 2030 (tỷ USD)
- Việt Nam	10-12%	0,22	0,225	0,32
- Châu Á	9-10%	16	16,5	25
- Thế giới	8-9%	120	130	170

Trong những năm tới, thị trường giấy in, viết trên toàn cầu, tại Châu Á và Việt Nam sẽ phải thích ứng với các thay đổi do số hóa, yêu cầu về sản xuất bền vững và chi phí sản xuất tăng cao. Những xu hướng này sẽ định hình lại cấu trúc thị trường và tạo nên cơ hội cũng như thách thức mới cho các doanh nghiệp trong ngành.

* Đánh giá về thuận lợi, khó khăn của Vinapaco

- Thuận lợi

+ Thị trường nội địa ổn định và nhu cầu tăng : Nhu cầu giấy và các sản phẩm từ giấy vẫn tăng đều đặn tại Việt Nam. Việc phát triển kinh tế và gia tăng tiêu dùng của

người dân đang thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ sản phẩm giấy, đặc biệt là giấy in và giấy vệ sinh.

+ Hỗ trợ của chính phủ: Chính phủ Việt Nam hiện đang có nhiều chính sách ưu đãi và hỗ trợ cho ngành công nghiệp giấy nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào giấy nhập khẩu. Các chính sách này có thể tạo điều kiện cho Vinapaco phát triển.

+ Đầu tư công nghệ sản xuất hiện đại: Vinapaco đã đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại, giúp tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất và cải thiện chất lượng sản phẩm. Điều này tạo ra lợi thế cạnh tranh, đặc biệt trong việc đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ngày càng cao của khách hàng.

+ Thị trường xuất khẩu tiềm năng: Nhu cầu tiêu thụ giấy tại nhiều thị trường quốc tế, đặc biệt là khu vực châu Á, vẫn khá lớn. Điều này có thể là cơ hội cho Vinapaco tăng trưởng xuất khẩu và mở rộng thị trường.

- Khó khăn

+ Cạnh tranh từ các đối thủ trong và ngoài nước: Thị trường giấy trong nước đang cạnh tranh gay gắt, với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp quốc tế và doanh nghiệp tư nhân trong nước. Điều này đòi hỏi Vinapaco phải luôn cải tiến sản phẩm và tối ưu hóa chi phí.

+ Tác động của biến đổi khí hậu và nguồn nguyên liệu: Ngành giấy phụ thuộc nhiều vào nguồn gỗ nguyên liệu, trong khi biến đổi khí hậu và các vấn đề về môi trường có thể ảnh hưởng đến nguồn cung. Giá nguyên liệu gỗ có thể biến động và tạo áp lực lên chi phí sản xuất của Vinapaco.

+ Rủi ro về môi trường: Ngành công nghiệp giấy bị xem là có tác động đáng kể đến môi trường. Các yêu cầu khắt khe về môi trường, như giảm khí thải và sử dụng nguồn nước, đòi hỏi chi phí cao cho việc xử lý và công nghệ xanh.

+ Biến động giá thành năng lượng: Ngành giấy tiêu tốn nhiều năng lượng trong quá trình sản xuất. Nếu giá thành năng lượng tăng cao, Vinapaco sẽ phải chịu áp lực lớn lên chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

+ Sự chuyển đổi số và yêu cầu về phát triển bền vững: Ngày càng nhiều khách hàng và đối tác đòi hỏi các công ty phải có các sáng kiến về phát triển bền vững và chuyển đổi số. Đây có thể là thách thức đối với Vinapaco trong việc nâng cấp công nghệ và phát triển sản phẩm đáp ứng xu hướng tiêu dùng mới.

4.1.2. Thị trường sản phẩm gỗ rừng trồng

- Xu hướng tăng trưởng và xuất khẩu: Ngành gỗ Việt Nam đặt mục tiêu đạt 20 tỷ USD xuất khẩu vào năm 2025, nhờ vào sự gia tăng nhu cầu tại các thị trường Mỹ, EU và Trung Quốc; Sản phẩm đồ gỗ nội thất vẫn là thế mạnh, chiếm tỷ trọng lớn trong xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng có giá trị gia tăng cao như ván ép, ván MDF, và đồ nội thất từ gỗ rừng trồng (nguồn: vncommex.com); Hiệp định EVFTA giúp gỗ Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tại EU, trong khi thị trường Mỹ tiếp tục là điểm đến quan trọng (nguồn: baochinphu.vn).

- Thách thức về nguồn gốc và chất lượng gỗ: Chất lượng gỗ rừng trồng trong nước còn hạn chế, làm ngành gỗ phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu từ Mỹ, Canada, và châu Phi (Nguồn: baochinphu.vn). Các quy định quốc tế về nguồn gốc

hợp pháp của gỗ ngày càng khắt khe, đặc biệt là quy định EUDR của EU có hiệu lực từ cuối năm 2024 (nguồn: doanh nghiệphoainhap.vn)

- Phát triển bền vững và chuyển đổi số: Việt Nam đang thí điểm cấp mã số vùng trồng rừng để đảm bảo truy xuất nguồn gốc và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Công nghệ như drone (Máy bay không người lái), cảm biến IoT, và hệ thống đo đếm carbon đang được áp dụng để nâng cao năng suất rừng trồng (nguồn: baochinhpvu.vn). Những công nghệ này giúp nâng cao hiệu quả rừng trồng, tăng giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường, góp phần phát triển ngành gỗ Việt Nam theo hướng bền vững.

- Cơ hội từ xu hướng “xanh”: Các thị trường lớn đang ưa chuộng sản phẩm gỗ có chứng chỉ FSC và đạt chuẩn ESG (Môi trường - Xã hội - Quản trị), mở ra cơ hội cho gỗ Việt Nam nếu đáp ứng được các yêu cầu này. Việc phát triển “nhà máy xanh” giúp doanh nghiệp cạnh tranh tốt hơn trên thị trường quốc tế

Nhìn chung, ngành gỗ rừng trồng sẽ có triển vọng tăng trưởng mạnh trong giai đoạn 2025-2030, nhưng doanh nghiệp cần tập trung vào nâng cao chất lượng gỗ, minh bạch nguồn gốc và ứng dụng công nghệ để tận dụng tối đa cơ hội thị trường.

Dự báo năm 2025: Mục tiêu xuất khẩu đạt 18 tỷ USD, tiếp tục tăng trưởng nhờ nhu cầu đồ nội thất toàn cầu tăng; trong 2 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu đạt 2,52 tỷ USD, tăng 12,4% so với cùng kỳ 2024. Xu hướng chính: Phát triển rừng trồng bền vững để đáp ứng các quy định môi trường (EUDR, CBAM); Mở rộng thị phần xuất khẩu, đẩy mạnh bán hàng qua thương mại điện tử; Tăng cường công nghệ chế biến, giảm phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Nhìn chung, xuất khẩu gỗ của Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn suy giảm, nhưng vẫn cần thích ứng với các rào cản thương mại và yêu cầu bền vững từ các thị trường lớn. (Nguồn: goviet.org.vn; vneconomy.vn).

Theo Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 - 2030, được Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành ký Quyết định 327/QĐ-TTg phê duyệt ngày 10/3/2022, một trong những mục tiêu của đề án là giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 20 tỷ USD vào năm 2025, tăng hơn 9 tỷ USD so với hiện nay, trong đó kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 18,5 tỷ USD; đạt 25 tỷ USD vào năm 2030, trong đó kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 20,4 tỷ USD. Giá trị gỗ, sản phẩm gỗ tiêu thụ nội địa đạt 5 tỷ USD vào năm 2025, trên 6 tỷ USD vào năm 2030. Đề án cũng đặt ra mục tiêu trên 80% cơ sở chế biến, bảo quản gỗ đạt trình độ và năng lực công nghệ sản xuất tiên tiến; 100% gỗ, sản phẩm gỗ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước được sử dụng từ nguồn nguyên liệu gỗ hợp pháp, gỗ có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

Trong thời gian tới, có thể nhận thấy Vinapaco có lợi thế lớn về nguồn nguyên liệu gỗ so với các đơn vị lâm nghiệp khác trong cùng khu vực, đặc biệt nguồn nguyên liệu gỗ đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC.

4.2. Giải pháp thực hiện các mục tiêu về sản xuất kinh doanh

4.2.1. Giải pháp về nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực hiện nay của Tổng công ty được coi là được đào tạo bài bản, tương đối có năng lực, kinh nghiệm trong sản xuất bột giấy, giấy, trồng rừng và quản lý rừng trồng. Tuy nhiên, trong thời đại kinh tế số, xã hội số cần phải có một chiến

lược đào tạo lại, tuyển dụng và đào tạo bản bản, thực chất mới có thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đến năm 2025 và các năm tiếp theo.

Yêu cầu đối với lực lượng lao động trong giai đoạn tới đây là phải năng động, sáng tạo, có trình độ cao, tay nghề giỏi, có khả năng thích ứng nhanh với chuyển đổi số, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, 5.0. Để đạt được các yêu cầu này, Tổng công ty dự kiến tập trung giải quyết một số vấn đề cụ thể sau:

4.2.1.1. Đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực

Trên cơ sở hiện trạng lao động, Tổng công ty sẽ tiến hành đánh giá chi tiết để xác định được điểm mạnh, điểm yếu, những khó khăn, thuận lợi về nguồn nhân lực hiện có nhằm tạo ra sự sắp xếp, bố trí phù hợp với công việc, đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ nguồn nhân lực sẵn có đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

4.2.1.2. Duy trì ổn định và phát triển nguồn nhân lực hiện có

- Hoàn thiện và công khai các cơ chế, chính sách, quy định của Tổng công ty liên quan đến công tác cán bộ như: Quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ;

- Xây dựng Đề án vị trí việc làm cho từng vị trí công việc cụ thể, phân công rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm. Tiêu chuẩn và chuyên môn hóa các chức danh công việc để gắn với công tác đào tạo, bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý, đào tạo người lao động và cán bộ.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích, thúc đẩy tạo động lực trong lao động hiện có của Tổng công ty:

- +) Xây dựng và áp dụng quy chế khoán tiền lương, khoán chi phí; gắn chất lượng, hiệu quả công việc, chức danh công việc đảm nhận với thu nhập của người lao động để tăng năng suất lao động, giảm tỉ lệ sản phẩm hỏng góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- +) Tạo nguồn lực nhất định để xây dựng chính sách, cơ chế khuyến khích lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật cao (về tiền lương, thưởng, đào tạo, quy hoạch cán bộ, bổ nhiệm...).

- +) Xây dựng quy chế khuyến khích lao động trẻ tích cực tham gia đề tài, sáng kiến trong sản xuất, kinh doanh và quản lý. Ưu tiên bổ nhiệm cán bộ trẻ có năng lực vào các vị trí chủ chốt và các vị trí quan trọng trong dây chuyền sản xuất.

- Tiến hành đánh giá năng lực của từng cán bộ quản lý và người lao động định kỳ, xem xét khả năng của từng người để lên kế hoạch đào tạo và đào tạo lại.

4.2.1.3. Thực hiện chính sách thu hút nhân tài

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, chuyên gia, những cán bộ có kinh nghiệm, đặc biệt quyền lợi gắn chặt với trách nhiệm của cá nhân người quản lý, nhất là người đứng đầu các đơn vị, có chính sách ưu tiên con CBCNV vào làm việc tại Tổng công ty để tạo sự gắn bó lâu dài với Tổng công ty;

- Hoàn thiện quy chế tuyển dụng, cho phép sàng lọc tốt nguồn lao động đầu vào để đảm bảo tuyển dụng được người lao động thực sự có khả năng, tâm huyết với công việc, nhiệt tình, sáng tạo và gắn bó lâu dài với Tổng công ty.

4.2.2. Giải pháp quản lý chỉ đạo, điều hành

- Quản lý, giám sát tốt việc mua sắm hàng hóa nhằm tiết giảm chi phí, đảm bảo dòng tiền đáp ứng đủ cho hoạt động của Tổng công ty trong bối cảnh rất khó khăn về tài chính, nguồn vốn hạn chế.

- Công tác xây dựng kế hoạch:

- + Tiếp tục triển khai các tổ, nhóm nghiên cứu phối hợp với các đơn vị lâm nghiệp lập dự án đầu tư trồng rừng tại các đơn vị lâm nghiệp.

- + Nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch nói chung, đặc biệt là công tác xây dựng kế hoạch phát triển trung và dài hạn đảm bảo sự chỉ đạo điều hành mang tính chiến lược, chủ động, hiệu quả, thống nhất, ứng phó tốt hơn với những biến động ngày càng khó lường của thay đổi chính sách, pháp luật của nhà nước và thị trường có tính mở ngày càng cao.

- + Tăng cường việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch trong Tổng công ty, đồng thời xem xét trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch, phân tích các nguyên nhân khách quan, chủ quan và lỗi vi phạm làm căn cứ đánh giá, xếp loại doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp và mức độ hoàn thành công việc đối với tập thể, cá nhân.

- Từ năm 2020 đến nay, Tổng công ty Giấy Việt Nam đã ứng dụng công nghệ số trong quản lý văn bản tại Tổng công ty. Bước đầu cho phép tiếp cận, xử lý các văn bản đến, đi của Tổng công ty một cách hiệu quả, nhanh chóng. Trong thời gian tới đây, Tổng công ty hoàn thành công tác xây dựng và triển khai chiến lược chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh công nghiệp, quản lý tài sản rừng và đất đai tại các đơn vị lâm nghiệp.

4.2.3. Giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ

Đối với các dự án đầu tư mới: Kiên quyết lựa chọn công nghệ tiên tiến, có mức độ tự động hóa cao, bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên vật liệu cho các dự án đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh mới (dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bột giấy tẩy trắng công suất 50.000 đến 70.000 tấn/năm; dự án giấy tissue 30.000 tấn/năm v.v.).

Đối với các dây chuyền sản xuất hiện có:

- Thuê đối tác cải tạo, vận hành Lò hơi Động lực và bán hơi cho Tổng công ty Giấy Việt Nam để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, chuyển từ việc rửa bột bằng lô chân không thùng quay sang kiểu rửa vớt ép tại Phân xưởng bột để nâng cao hiệu quả rửa, giảm tiêu hao năng lượng.

- Nghiên cứu sử dụng các chế phẩm sinh học vào việc bảo quản nguyên liệu gỗ, nguyên liệu mảnh tại Phân xưởng Nguyên liệu nhằm giảm hàm lượng nhựa trong mảnh, giảm tiêu hao hóa chất nấu và tẩy.

- Nghiên cứu đầu tư công nghệ để thay thế việc tẩy trắng bột giấy bằng Clo truyền thống bằng công nghệ ECF (dioxit clo) tiên tiến hơn nhằm mục đích để tăng hiệu quả sản xuất bột, cải thiện chất lượng sợi, bảo vệ môi trường và giảm giá thành sản xuất tại Phân xưởng bột.

- Nghiên cứu đầu tư thay thế, cải tạo các hiệu chưng bốc màng dăng, màng rơi hiện có để nâng cao hiệu quả chưng bốc dịch đen, nâng nồng độ dịch đen > 62%, cải thiện khả năng tái tuần hoàn hóa chất nấu (NaOH và Na₂S) và tái sử dụng dịch đen

cho mục đích sản xuất hơi, sản xuất điện.

- Nghiên cứu sử dụng các hóa chất trợ lắng, hóa chất trợ thoát nước cho hệ thống xử lý nhằm thu hồi triệt để hóa chất nấu, giảm phác thải ra môi trường theo cặn bùn vôi, giảm tiêu hao vôi và tổn thất hóa chất ở bộ phận xử lý hóa.

- Tiếp tục sử dụng các hóa chất, phụ gia mới ở phần ướt ướt máy xeo như: chất trợ bảo lưu, bột đá, tinh bột cation, phẩm, tăng trắng... để cải thiện tính chất giấy, tăng độ bền, giảm lượng giấy phế phẩm và nâng hiệu suất của cả hai máy xeo giấy hiện tại.

- Tiếp tục áp dụng các tiến bộ của khoa học trong việc tự động hóa, điều khiển và chuyển động cho các phần trên dây chuyền (nấu bột, rửa bột, tẩy trắng bột giấy, chuẩn bị bột, phân lưới, phân ép, phân ép keo, phân ép quang...), dần thay thế các mô tơ hiệu suất thấp, hay bị hỏng hóc để tiết giảm chi phí năng lượng, trong đó tập chung vào hệ thống bơm chân không trung tâm và hệ thống chuyển động của máy xeo.

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng các tiến bộ khoa học trong việc sử dụng hơi sấy để nâng cao hiệu quả sấy tại Phân xưởng giấy (hệ thống thổi gió nóng, quạt hút hoặc hệ thống tuần hoàn hơi sấy, hệ thống thu hồi nước ngưng, sấy hơi, van hơi...) để tiết giảm tiêu hao hơi sấy.

- Nghiên cứu đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống lắng tĩnh điện (ESP) của lò hơi thu hồi nhằm mục đích thu hồi hóa chất (Hợp chất chứa Na^+), lò hơi đốt than để giảm phác thải bụi, giảm tổn thất nhiệt theo khói lò, đảm bảo chất lượng khí thải theo đúng quy định của Nhà nước.

- Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp tiên tiến để nâng cao hiệu quả đốt dịch đen của lò hơi thu hồi, trong đó tập chung nâng cao hiệu quả cháy của dịch, hiệu quả thu hồi nhiệt cho lò hơi.

- Nghiên cứu đầu tư thay thế sử dụng lò đốt than truyền thống thành các lò hơi mới có hiệu suất cao, hiệu suất tối thiểu > 90% hoặc các lò hơi đốt đa nhiên liệu (tỷ lệ biomass/than khoảng 60/40, 70/30 hoặc 100% sinh khối), trong đó tận dụng lại nguồn nguyên liệu biomass là vỏ cây, mùn cưa và các phế phẩm của chế biến gỗ.

- Nghiên cứu sử dụng các tiến bộ khoa học (chế phẩm sinh học, vi sinh, nấm, lắng đa cấp, keo tụ...) trong việc xử lý nước thải ở Phân xưởng bột để đảm bảo chất lượng nước thải ra môi trường, trong đó chủ yếu là chỉ tiêu COD, BOD, chỉ tiêu màu nhằm đáp ứng theo quy chuẩn A - QCVN 12-MT:2015/BTNMT.

- Tăng cường triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, trong đó tập trung vào lĩnh vực quản lý sản xuất, định mức, quản lý kho, quản lý vật tư phụ tùng.

Đối với ứng dụng khoa học công nghệ trong lâm nghiệp:

- Tập trung nghiên cứu ứng dụng, sử dụng các giống cây trồng sinh trưởng nhanh, năng suất cao chống chịu được bão lụt, sâu bệnh hại đưa vào trồng rừng. Chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện lập địa từng khu vực của Tổng công ty. Phát huy năng lực gieo ươm tại chỗ của các công ty Lâm nghiệp.

- Tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực tổ chức nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, hoàn thiện công nghệ nhân giống, các giống tiềm năng cho hiệu quả kinh tế cao và xây dựng thực hiện các mô hình trồng rừng năng suất cao.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh trong trồng rừng sản xuất, thực hiện luân canh loài cây trồng trên các lập địa hiệu quả thấp. Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất lâm nghiệp đặc biệt trong khâu phát cải tạo, cuốc hố, chăm sóc, khai thác rừng... để chủ động về tiến độ, chất lượng thi công, tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng rừng trồng. Tùy thuộc vào từng dạng lập địa, từng vùng để triển khai áp dụng quy trình kỹ thuật đảm bảo hiệu quả.

4.2.4. Các giải pháp về tiêu thụ sản phẩm

a) Giải pháp tiêu thụ sản phẩm giấy các loại

- Về sản phẩm:

+) Liên tục cập nhật những thay đổi về nhu cầu, thị hiếu của khách hàng đối với sản phẩm, từ đó có thể có những đề xuất điều chỉnh về quy cách sản phẩm cho phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

+) Xác định rõ sản phẩm trọng tâm, sản phẩm thế mạnh để duy trì, phát huy lợi thế cạnh tranh.

+) Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý chi phí, tiết giảm năng lượng và chạy máy hiệu quả để hạ giá thành đảm bảo sức cạnh tranh cho sản phẩm. Tăng cường công tác quản lý về chất lượng sản phẩm, nỗ lực cải tiến, tập trung nghiên cứu đảm bảo chất lượng ổn định.

+) Tăng cường sự phối hợp, gắn kết giữa khối sản xuất với khối tiêu thụ để sản xuất đáp ứng đúng chủng loại, số lượng, tiến độ, chất lượng và nâng cao hiệu quả.

- Về thị trường:

+) Thường xuyên cập nhật dữ liệu về đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là thông tin về chính sách bán hàng của các đối thủ trong nước và giấy nhập khẩu để làm cơ sở tham mưu, đề xuất chính sách bán hàng cho phù hợp.

+) Nắm bắt, nghiên cứu, tìm hiểu, cập nhật tình hình, những yêu cầu của thị trường để đi trước đón đầu, không bị thụ động trước những biến động bất lợi, chủ động trong kế hoạch sản xuất và hạn chế hàng tồn kho.

- Về chính sách bán hàng và chăm sóc khách hàng:

+) Triển khai các chính sách hỗ trợ thu hút khách hàng mới có tiềm lực, ổn định khách hàng đã hợp tác lâu dài.

+) Thường xuyên nghiên cứu rà soát chính sách bán hàng, điều chỉnh phù hợp với tình hình thị trường vào từng thời điểm tạo điều kiện tốt nhất cho khách hàng và đảm bảo lợi ích của Tổng công ty

+) Chú trọng đến công tác chăm sóc hướng tới sự hài lòng và thỏa mãn khách hàng tạo niềm tin cho khách hàng phát triển bền vững.

- Về hệ thống phân phối:

+) Củng cố hệ thống các đại lý và khách hàng hiện có, bao gồm cả các khách hàng gián tiếp là các nhà in, các đơn sản xuất trực tiếp.

+) Thay thế các nhà phân phối giấy chế biến không đủ năng lực; bổ sung thêm các nhà phân phối tại các khu vực thị trường còn bỏ ngõ. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử giúp sản phẩm giấy Bãi Bằng nhanh chóng lan toả thương hiệu, tạo bước tiến bền vững, doanh số tăng trưởng ổn định.

+) Tìm kiếm thêm các khách hàng tiêu thụ giấy kraft, các đối tác xuất khẩu sản phẩm Giấy Bãi Bằng.

- Về các hoạt động truyền thông, marketing:

+) Thực hiện theo hướng tạo điều kiện để người tiêu dùng tiếp cận và biết đến nhiều hơn nữa về các sản phẩm Giấy Bãi Bằng. Chủ động, tăng cường các hoạt động marketing, quảng bá, giới thiệu sản phẩm bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó trọng tâm vào các hoạt động marketing Digital cho các sản phẩm (Giấy Bãi Bằng, CleverUp, kraft) theo thông điệp truyền thông gắn với sản xuất xanh, phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn, ... trên các phương tiện thông tin đại chúng như các báo, đài địa phương và Trung ương..., các nền tảng số và trên các sàn thương mại điện tử như shopee, lazada,...

+) Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại như: tổ chức, tham gia các hội chợ - triển lãm trọng điểm thuộc chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, hội chợ định hướng xuất khẩu và hội chợ chuyên ngành được tổ chức trong nước nhằm tạo điều kiện quảng bá thương hiệu sản phẩm, xây dựng kênh phân phối, phát triển thị trường tiêu thụ các mặt hàng chủ lực.

+) Hoàn thiện bộ nhận diện Vinapaco. Tăng cường các hoạt động phối hợp, liên kết truyền thông - quảng bá, quảng cáo như gắn với quảng cáo sản phẩm của khách hàng; các hoạt động truyền thông của hiệp hội các ngành nghề, cơ quan quản lý về ngành giấy, ngành in, xuất bản, hàng tiêu dùng, ...

b) Giải pháp tiêu thụ sản phẩm khối lâm nghiệp:

- Giải pháp về tiêu thụ gỗ chế biến

+ Thực hiện phân chủng loại gỗ ngay khi thiết kế khai thác, thể hiện chủng loại gỗ trong hồ sơ thiết kế khai thác, để quản lý và xây dựng phương án tiêu thụ có hiệu quả. Giao cho các đơn vị chủ động xây dựng phương án tiêu thụ để thực hiện đảm bảo hiệu quả tăng doanh thu trong kinh doanh rừng. Thực hiện tốt công tác đấu thầu, đấu giá trong khai thác, vận chuyển và tiêu thụ gỗ nhằm nâng cao giá trị sản phẩm gỗ rừng trồng.

+ Thực hiện phương án chế biến sâu, khuyến khích xây dựng xưởng chế biến gỗ tại các đơn vị lâm nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ gỗ. Hạn chế việc tiêu thụ gỗ tròn tại chỗ, hướng tới chủ yếu tiêu thụ các sản phẩm gỗ sau chế biến, để nâng cao hiệu quả kinh doanh rừng trồng tại các công ty lâm nghiệp.

- Giải pháp về thị trường cho sản phẩm gỗ

+ Tìm kiếm thị trường tiêu thụ ổn định cho các sản phẩm gỗ tròn, gỗ xẻ và các sản phẩm chế biến từ gỗ rừng trồng của Tổng công ty, đặc biệt là tiếp cận thị trường tiêu thụ các sản phẩm gỗ có chứng chỉ rừng FSC. Xây dựng thương hiệu gỗ tròn, gỗ xẻ và các sản phẩm ngoài gỗ từ rừng trồng của Tổng công ty.

+ Định hướng xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ gỗ rừng trồng của Tổng công ty có chứng chỉ rừng FSC. Xây dựng mạng lưới các đối tác, phát triển hệ thống khách hàng tiềm năng trong tiêu thụ gỗ tròn và các sản phẩm từ gỗ chế biến của Tổng công ty.

+ Đa dạng hóa sản phẩm gỗ chế biến đảm bảo hạ giá thành có sức cạnh tranh về chất lượng, sản phẩm trên thị trường tiêu thụ gỗ tại Việt Nam và Khu vực.

4.2.5. Các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh khối lâm nghiệp

Đổi mới toàn diện các mặt quản lý khối lâm nghiệp về đất rừng, đất rừng, dự án trồng rừng nguyên liệu giấy, kỹ thuật lâm sinh, các hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực hiện cơ cấu lại trong đó tập trung bố trí sắp xếp, hướng tinh gọn, hiệu quả, thực hiện cơ chế khoán nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn lực đất, rừng, tài sản, con người, nâng cao tính hiệu quả, tính bền vững trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động khối lâm nghiệp.

4.2.5.1. Giải pháp về quản lý lâm sinh

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiềm năng về đất, rừng, con người, bộ máy quản lý tại các đơn vị lâm nghiệp nhằm bảo toàn và phát triển nguồn vốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

- Tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại các đơn vị lâm nghiệp, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát của Tổng công ty trong quá trình quản lý hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các đơn vị lâm nghiệp.

- Rà soát, tinh giảm bộ máy quản lý các đơn vị lâm nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn lực cán bộ quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người lao động. Bố trí cán bộ đúng theo chuyên môn, nghiệp vụ, có chính sách thu hút nguồn lao động có chất lượng cao. Đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ của cán bộ, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao. Cải cách chế độ tiền lương, tiền thưởng và các chế độ đãi ngộ đối với người lao động.

- Thực hiện có hiệu quả phương án đổi mới quản lý tại các đơn vị lâm nghiệp, sáp nhập các công ty lâm nghiệp, thực hiện có hiệu quả phương án tái cơ cấu nội bộ các đơn vị lâm nghiệp, nhằm tinh giảm bộ máy quản lý, tiết giảm các chi phí quản lý, nâng cao năng suất lao động. Nâng cao đời sống, thu nhập người của lao động.

- Trên cơ sở Quy chế quản lý hoạt động khối lâm nghiệp, Tổng công ty ban hành Quy trình xây dựng dự án, quản lý dự án, điều chỉnh dự án và quyết toán dự án hàng năm cho đến khi kết thúc chu kỳ kinh doanh, để các đơn vị lâm nghiệp chủ động thực hiện, đảm bảo tiến độ.

- Xây dựng bản đồ lập địa cho toàn bộ diện tích đất của Tổng công ty quản lý, từ đó xây dựng các dự án trồng rừng theo cơ cấu loài cây trồng phù hợp với từng mục tiêu kinh doanh (trồng rừng cung cấp gỗ NLG, cung cấp gỗ ván bóc, cung cấp gỗ lớn...vv).

- Thực hiện việc xây dựng dự án lâm sinh theo đúng thực tế của các đơn vị lâm nghiệp.

4.2.5.2. Giải pháp về quản lý bảo vệ rừng, đất rừng

- Đa dạng hóa các loại hình trồng rừng theo mục tiêu đa dạng hóa các sản phẩm kinh doanh rừng trồng như: Trồng rừng thâm canh mật độ dày, gỗ nhỏ, rút ngắn chu kỳ sản xuất kinh doanh từ 7 năm xuống 5 năm tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất chế biến dăm gỗ nguyên liệu giấy; trồng rừng gỗ nhỏ, chu kỳ kinh doanh 6-7 năm tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến gỗ ván bóc phục vụ cho sản xuất chế biến gỗ ván ép; chuyển hóa rừng gỗ nhỏ sang gỗ lớn, chu kỳ kinh doanh 10-12 năm tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến gỗ xẻ.

- Thực hiện công tác quản lý rừng bền vững, phấn đấu 100% diện tích rừng trồng của Tổng công ty có chứng chỉ rừng bền vững FSC.

- Thực hiện phương án khoán công đoạn là chủ yếu, chỉ khoán chu kỳ đối với

một số lô khoảnh đặc biệt khó khăn, không thể thực hiện khoán công đoạn. Thực hiện kiểm tra, giám sát thực hiện hợp đồng khoán trồng rừng tại các đơn vị, thực hiện quyết toán chi phí và phụ lục hợp đồng khoán hàng năm khi có biến đổi diễn biến rừng trồng.

- Thực hiện xây dựng hoàn thiện bản đồ số hóa quản lý đất lâm nghiệp trên nền bản đồ VN 2000 thống nhất quản lý đất từ Tổng công ty đến đội sản xuất các đơn vị Lâm nghiệp, để quản lý, sử dụng đất có hiệu quả. Quản lý diện tích đất, hạn chế các vụ việc tái lấn chiếm đất xảy ra tại các đơn vị, xây dựng các đường ranh giới cứng tại thực địa để bảo vệ đất tại các hiện trường dễ xảy ra lấn chiếm, tranh chấp đất.

- Phối hợp làm việc với cơ quan chính quyền địa phương để khẩn trương được phê duyệt phương án sử dụng đất của Tổng công ty tại các tỉnh Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Kon Tum và xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát quản lý, sử dụng đất tại các đơn vị Lâm nghiệp để quản lý tốt diện tích đất được giao.

- Xây dựng bản đồ lập địa, phân loại đất rừng. Xây dựng phần mềm, theo dõi hệ thống dữ liệu khối Lâm nghiệp sử dụng trong toàn Tổng công ty: diễn biến đất đai, diễn biến diện tích và mật độ rừng trồng, diễn biến chi phí và nguồn vốn, tài sản rừng, đất rừng, tiết giảm chi phí quản lý, giám sát.

5. Kế hoạch đầu tư phát triển

Trên cơ sở phân tích điểm mạnh và điểm yếu (điểm mạnh của Tổng công ty Giấy Việt Nam là cơ sở hạ tầng tương đối tốt và nguồn gỗ có chứng chỉ rừng bền vững FSC; điểm yếu là nguồn vốn dành cho đầu tư phát triển rất hạn hẹp), Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển đến năm 2025 với các nguyên tắc như sau:

- Trong giai đoạn 2025:

- +) Tổng công ty triển khai các dự án có quy mô đầu tư, tổng nhu cầu vốn phù hợp: dự án đầu tư trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại 25A Lý Thường Kiệt; Dự án đầu tư lò hơi mới và tua bin phát điện tại Bãi Bằng, các dự án đầu tư cải tạo và nâng cấp các dây chuyền sản xuất tại Bãi Bằng và các dự án đầu tư trồng rừng nguyên liệu giấy;

- +) Bổ sung kế hoạch đầu tư Dự án: Dây chuyền sản xuất bột giấy công suất từ 50.000 – 70.000 tấn bột giấy/năm tại Tổng công ty Giấy Việt Nam, thị trấn Phong Châu, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

- Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất bột giấy và sản phẩm gỗ.

5.1. Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp

Các dự án đầu tư phát triển công nghiệp đến năm 2025 tầm nhìn 2030 bao gồm:

- Dự án nhóm C: để nâng cao hiệu quả hoạt động của dây chuyền thiết bị xeo giấy hiện tại của Tổng công ty (gồm các dự án đầu tư trọng điểm: nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý nước thải, đầu tư hệ thống lắng tĩnh điện...và các dự án khác) với tổng mức đầu tư dự kiến 200 tỷ đồng, trong đó dự kiến giải ngân bằng vốn tự có trong giai đoạn khoảng 61 tỷ đồng;

- Dự án nhóm B (03 dự án):

+ Dây chuyền sản xuất bột giấy công suất từ 50.000 – 70.000 tấn bột giấy/năm tại Tổng công ty Giấy Việt Nam với tổng mức đầu tư dự kiến 1.500 tỷ đồng, giải ngân bằng vốn tự có trong giai đoạn 2025 khoảng 10 tỷ đồng.

+ Ngoài ra nhằm phát huy lợi thế sẵn có của Tổng công ty về sản xuất giấy (Tissue) và lĩnh vực cho thuê văn phòng để nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổng công ty với tổng mức đầu tư dự kiến lần lượt là 300 tỷ đồng và 250 tỷ đồng, trong đó dự kiến giải ngân bằng vốn tự có trong giai đoạn 2025 khoảng 10 tỷ đồng.

Thông tin về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn năm 2021-2025 chi tiết xem tại Phụ lục 6 - Bảng 1, kèm theo.

Để có cơ sở lập danh mục dự án đầu tư xây dựng nhóm B, C, Tổng công ty đã tổ chức đánh giá kỹ lưỡng về tính khả thi, loại dự án, phương án đầu tư, phương án công nghệ, nguồn vốn đầu tư và hiệu quả của dự án mang lại. Chi tiết báo cáo đánh giá tính khả thi từng dự án được đưa ra trong *Phụ lục 6, bảng 6*.

5.2. Các dự án đầu tư lâm nghiệp

Đến năm 2025, Tổng công ty tiếp tục triển khai các dự án trồng mới rừng nguyên liệu giấy tại các đơn vị lâm nghiệp thuộc các tỉnh phía Bắc với diện tích thiết kế 9.590 ha với tổng mức đầu tư 529,4 tỷ đồng, trong đó giải ngân bằng vốn tự có của Tổng công ty dự kiến trong giai đoạn 321,9 tỷ đồng.

Đối với dự án đầu tư tại Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam tiếp tục triển khai công tác quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng thông hiện có giải ngân bằng vốn tự có trong giai đoạn 20,8 tỷ đồng. Ngoài ra, Công ty dự kiến trồng mới 738,1 ha rừng bạch đàn và rừng keo với tổng mức đầu tư 38,2 tỷ đồng, trong đó dự kiến giải ngân bằng vốn tự có trong giai đoạn 17,4 tỷ đồng.

Thông tin về kế hoạch đầu tư dự án lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 chi tiết xem tại Phụ lục 6 - Bảng 4, kèm theo

5.3. Các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển

5.3.1. Về định hướng đầu tư, nghiên cứu tiền khả thi, khả thi dự án.

Giai đoạn 2021- 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Tổng công ty dự kiến thực hiện một số dự án đầu tư nâng cấp và mở rộng cho khu vực sản xuất giấy tại Bãi Bằng như: Dây chuyền sản xuất PAC công suất 6.000 tấn/năm, Dây chuyền sản xuất bột giấy công suất từ 50.000 – 70.000 tấn bột giấy/năm,... Qua kinh nghiệm thực hiện các dự án những năm qua cho thấy công tác định hướng đầu tư chưa thực sự phù hợp, chất lượng công tác nghiên cứu tiền khả thi, khả thi các dự án còn có một số hạn chế như: chưa tính toán hết tất cả các yếu tố về kỹ thuật công nghệ, cũng như các thuận lợi, rủi ro, tính chu kỳ của sản phẩm, dẫn đến khi triển khai không thực hiện được hoặc khi điều kiện vĩ mô thay đổi thì dự án không còn hiệu quả và khả thi nên các dự án đầu tư lớn đều không thành công.

Do vậy, để đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển Tổng công ty giai đoạn tới, công tác lập dự án tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi cần có những điều chỉnh, đổi mới như sau:

- Thành lập Ban chiến lược đầu tư trực thuộc Hội đồng thành viên để tham mưu cho Hội đồng thành viên hoạch định về chiến lược, kế hoạch dài hạn về sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và các lĩnh vực khác để hoạt động của Tổng công ty đi đúng

hướng. Sau khi đã định hướng được các dự án đầu tư Ban chiến lược đầu tư tiếp tục thực hiện công tác nghiên cứu tiền khả thi các dự án, xem xét tính khả thi, các điều kiện cần và đủ để thực hiện dự án, tham vấn các bộ phận chuyên môn liên quan, chuyên gia có uy tín trong lĩnh vực định đầu tư sau đó trình Hội đồng thành viên xem xét phê duyệt chủ trương hoặc trình cấp trên phê duyệt chủ trương đầu tư trước khi giao cho Ban điều hành triển khai lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và thực hiện các thủ tục tiếp theo.

- Việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án cần thiết sẽ thuê đơn vị tư vấn đầu ngành trong và ngoài nước đảm bảo đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện, đặc biệt các dự án lớn, dự án quan trọng. Đồng thời với việc thuê tư vấn, sẽ lập các tổ kiêm nhiệm với các dự án nhỏ nhóm B,C; có thể thành lập tổ chuyên trách để thực hiện nghiên cứu, cung cấp số liệu, tài liệu liên quan cùng với tư vấn hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án. Các thành viên trong tổ đảm bảo về kinh nghiệm về lập và triển khai dự án đầu tư, các thủ tục pháp lý liên quan cũng như phải am hiểu sâu sắc về lĩnh vực dự kiến sẽ đầu tư để kết quả nghiên cứu khả thi được tốt.

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sẽ nghiên cứu kỹ càng, cẩn trọng, đầy đủ các yếu tố để dự án khi triển khai đạt được tính khả thi, hiệu quả về ngắn hạn và lâu dài. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sẽ trả lời rõ ràng được các câu hỏi chính sau đây: Đầu tư lĩnh vực nào, dùng công nghệ gì, đã thành công và sử dụng phổ biến chưa, công suất bao nhiêu; địa điểm và quỹ đất xây dựng dự án; nguồn nguyên liệu đầu vào; thị trường tiêu thụ sản phẩm đầu ra; tổng mức đầu tư dự án; tính khả thi của việc sắp xếp nguồn vốn cho dự án; các thủ tục cấp phép đầu tư, môi trường, kết nối cơ sở hạ tầng, phòng cháy chữa cháy; lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị và xây dựng; hiệu quả kinh tế, lợi thế cạnh tranh; các yếu tố rủi ro khi thực hiện dự án; tính chu kỳ và vòng đời của sản phẩm; việc tổ chức quản lý dự án đầu tư,

- Công tác thẩm định sẽ thực hiện cẩn trọng, kỹ lưỡng, có tham vấn các chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực dự định đầu tư, các chuyên gia kinh tế, tư vấn đầu tư,... và lấy ý kiến phản biện của các đơn vị liên quan để tránh chủ quan duy ý chí khi quyết định đầu tư.

5.3.2. Giải pháp triển khai và quản lý vận hành các dự án đầu tư phát triển

Để thực hiện thành công các dự án đến 2025, tầm nhìn đến năm 2030 cần đáp ứng đầy đủ các yếu tố như: Định hướng đầu tư đúng đắn; lập dự án đầu tư kỹ càng, cẩn trọng; Chuẩn bị tài chính cho dự án đầu tư đầy đủ, kịp thời; Ban quản lý dự án đủ năng lực, kinh nghiệm, nhiệt huyết; Quyết tâm chính trị rất cao của tập thể lãnh đạo Tổng công ty cùng cơ chế chính sách của Tổng công ty hỗ trợ tối đa cho triển khai thực hiện dự án. Thiếu một trong các yếu tố trên dự án khó có thể thành công và đạt hiệu quả như mong muốn.

Do vậy, để thực hiện được kế hoạch đầu tư phát triển giai đoạn tới và hoàn thành các dự án đầu tư phát triển mang tính đột phá mang lại thế và lực mới cho Tổng công ty, tạo đà cho những năm sau này, thì giải pháp đặt ra ngoài các yếu tố đã nêu cần thực hiện các giải pháp đồng bộ như sau:

- Dự trù và chuẩn bị đầy đủ nguồn vốn cho thực hiện dự án trước khi quyết định đầu tư, bao gồm: Vốn tự có của Tổng công ty, thông thường với các dự án lớn có tỷ

trọng chiếm khoảng 35-45% Tổng mức đầu tư dự án; Vốn vay thương mại và vốn từ nguồn khác, thông thường chiếm khoảng 55-65% tổng mức đầu tư của dự án. Có kế hoạch huy động vốn kịp thời đáp ứng tiến độ thực hiện dự án.

- Thành lập Ban quản lý dự án có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện quản lý, triển khai dự án: Việc triển khai một dự án đầu tư phát triển đặc biệt là các dự án lớn là cực kỳ khó khăn và phức tạp, nhiều bước thủ tục liên quan đến các cơ quan quản lý Nhà nước, Pháp luật Việt Nam, và các cơ quan liên quan. Do vậy đòi hỏi nhân sự Ban quản lý dự án phải có đủ các bộ phận am hiểu về thủ tục đầu tư; kỹ thuật công nghệ; nghiệm thu, giải ngân vốn; nhiều kinh nghiệm trong thực hiện quản lý dự án. Đặc biệt là nhân sự Trưởng Ban quản lý dự án, đối với dự án nhóm A Trưởng Ban thường là Phó Tổng giám đốc Tổng công ty kiêm nhiệm. Thành viên Ban quản lý dự án có thể thuê tư vấn chuyên nghiệp, xen kẽ cán bộ chuyên môn giàu kinh nghiệm của Tổng công ty.

- Nâng cao vai trò chỉ đạo, giám sát của Đảng bộ, Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, cùng với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, dành tối đa mọi nguồn lực, hỗ trợ các trình tự thủ tục, các bước phê duyệt trong triển khai thực hiện các dự án. Kịp thời giải quyết, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong thực hiện dự án, để đẩy nhanh tiến độ các công việc, đồng thời không bị chệch hướng trong quá trình triển khai thực hiện dự án để đạt được mục tiêu cuối cùng của dự án.

5.3.3. Kế hoạch nguồn vốn đầu tư phát triển đến năm 2025

Tổng nguồn vốn đầu tư các dự án công nghiệp của Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025 là 220 tỷ đồng. Trong đó, vốn tự có của Tổng công ty là 81 tỷ đồng, vốn vay thương mại là 139 tỷ đồng.

Tổng nhu cầu vốn cho đầu tư các dự án trồng, chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng của Tổng công ty trong đến năm 2025 là 509,1 tỷ đồng. Trong đó, vốn vay của Ngân hàng và vốn vay huy động khác là 149 tỷ đồng (chiếm 29,2% nguồn vốn).

Nguồn vốn tự có của Tổng công ty bao gồm: Nguồn vốn khấu hao, lợi nhuận hàng năm và thu từ thoái vốn tại các công ty liên kết, đầu tư khác.

Thông tin về kế hoạch nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2021-2025 chi tiết xem tại Phụ lục 6 - Bảng 1, kèm theo.

Thông tin về Bảng cân đối vốn đầu tư tự có xây dựng cơ bản giai đoạn 2021 - 2025 chi tiết xem tại Phụ lục 6 - Bảng 2, kèm theo.

Thông tin về kế hoạch nguồn vốn đầu tư dự án lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025 chi tiết xem tại Phụ lục 6 - Bảng 5, kèm theo.

6. Thoái vốn

Tỷ lệ vốn góp của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại 07 công ty liên kết hiện nay thấp, không có quyền phủ quyết. Do đó, đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng và triển khai công tác thoái 100% vốn đầu tư của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại doanh nghiệp không cần nắm giữ cổ phần nhằm giảm nguy cơ mất vốn nhà nước tại các công ty liên kết có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ kéo dài, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Tổng công ty, từng bước nâng cao năng lực tài chính của Công ty mẹ, tập trung các nguồn lực cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chính.

Sau khi thực hiện việc bán hết phần vốn nhà nước và Nhà nước sẽ không nắm giữ cổ phần tại các công ty. Do vậy, các công ty sẽ được chủ động hơn trong việc quản trị, điều hành và linh hoạt trong việc mở rộng, chuyển hướng kinh doanh sang các lĩnh vực khác mà Công ty có lợi thế.

Đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, Tổng công ty thực hiện thoái 100% vốn tại 07 doanh nghiệp, cụ thể:

a) Đến hết 2025: hoàn thành xây dựng phương án thoái 100% vốn tại các công ty liên kết.

b) Đến năm 2030: Hoàn thành thực hiện thoái vốn 100% tại các công ty liên kết, cụ thể:

- Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai: thoái 100% vốn tương ứng là 202,5 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên: thoái 100% vốn tương ứng là 5,5 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Tân Mai Miền Trung: thoái 100% vốn tương ứng là 8,25 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Giấy BBP: thoái 100% vốn tương ứng là 52 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Sấn Sơn Sơn: thoái 100% vốn tương ứng là 8,12 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần In Phúc Yên: thoái 100% vốn tương ứng là 4,045 tỷ đồng.

- Công ty cổ phần Giấy Thanh Hóa: thoái 100% vốn tương ứng là 9,462 tỷ đồng.

Thông tin chi tiết về phương án thoái vốn xem tại Phụ lục 7 - Bảng 1 kèm theo.

7. Cơ cấu lại về tài chính

7.1. Phương án tài chính

Vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh: Tổng công ty huy động vốn lưu động từ nguồn vốn vay các ngân hàng thương mại. Hạn mức tín dụng của Tổng công ty đang thực hiện với các Ngân hàng thương mại (630 tỷ đồng) luôn đảm bảo và tạo vùng đệm an cho nhu cầu vốn lưu động (Nhu cầu vay vốn lưu động của Tổng công ty năm 2024 trung bình từ 200-300 tỷ đồng). Vốn cho các dự án đầu tư phát triển đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030: Căn cứ vào định hướng phát triển đến năm 2025 trong các lĩnh vực sản xuất giấy và sản xuất lâm nghiệp, công tác đầu tư phát triển, kế hoạch vay vốn và trả nợ các dự án (không bao gồm các khoản nợ của dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam). Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư phát triển từ nguồn vốn tự có và vốn vay các Ngân hàng thương mại. Trong đó vốn tự có của Tổng công ty được huy động từ các nguồn sau:

- Đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 Tổng công ty thực hiện thay đổi phương án sản xuất kinh doanh khối lập nghiệp. Trong đó các dự án trồng rừng từ năm 2024 trở đi Tổng công ty đầu tư tối đa là: 30% tổng dự án đầu tư trồng rừng và thu hồi vốn từ các dự án trồng rừng đã đầu tư. Giai đoạn 2025 - 2030 thu từ các dự án trồng rừng đã đầu tư là: 335,8 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2025-2030 vốn từ khấu hao, quỹ đầu tư phát triển... thu về 419 tỷ đồng.

- Ngoài ra trong giai đoạn 2025-2030 Tổng công ty thực hiện khai thác dự án trồng rừng thông tại Kon Tum và thu về 192 tỷ đồng vốn đã đầu tư.

Tổng số vốn thu về từ dự án trồng rừng tại các công ty lâm nghiệp, rừng thông tại Kon Tum, vốn khấu hao, quỹ đầu tư phát triển ...đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 là: 946,7 tỷ đồng. Nguồn vốn này được đầu tư vào 03 dự án chính (Đầu tư mới một dây chuyền sản xuất bột công suất từ 50.000 - 70.000 tấn bột tẩy trắng/năm; Đầu tư trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại 25a Lý Thường Kiệt, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội; Đầu tư nhà máy sản xuất giấy Tissue 30.000 tấn/ năm) với Tổng mức đầu tư là 2.050 tỷ đồng.

Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng phương án tài chính của Công ty mẹ không bao gồm dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam với các chỉ tiêu cơ bản như trong Phụ lục 7 - Bảng 2, kèm theo. Theo phương án này, Tổng tài sản của Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam thời điểm 31/12/2024 là 2.132.722 triệu đồng và thời điểm 31/12/2025 là 2.748.737 tỷ đồng. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 0.98 lần năm 2020 lên 1.09 lần vào năm 2025.

7.2. Xử lý tài chính

7.2.1) Xử lý tài chính đối với các khoản nợ vay đầu tư trồng rừng nguyên liệu giấy tại Kon Tum và các khoản công nợ phải thu khó đòi của Tổng công ty

Tổng công ty Giấy Việt Nam xây dựng phương án xử lý tài chính đối với các khoản nợ vay đầu tư trồng rừng nguyên liệu giấy tại Kon Tum và các khoản công nợ phải thu khó đòi của Tổng công ty như sau:

- Các khoản nợ phải thu tại Chi nhánh Hà Nội

Khoản nợ phải thu tại Chi nhánh Hà Nội đến ngày 31/12/2024 còn hơn 4,0 tỷ đồng. Tổng công ty tiếp tục phối hợp với Chi nhánh Hà Nội và cơ quan tư vấn luật, cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.

- Các khoản nợ tại Công ty chế biến và xuất nhập khẩu dăm mảnh

Đối với khoản nợ phải thu tại Công ty chế biến và xuất nhập khẩu dăm mảnh là 13,3 tỷ đồng. Tổng công ty tiếp tục phối hợp với cơ quan tư vấn luật, cơ quan pháp luật xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đối với các khoản nợ khó đòi tại Văn phòng Tổng công ty

Khoản nợ phải thu tại Công ty cổ phần Giấy BBP đến nay là 37,6 tỷ đồng. Tổng công ty đang phối hợp cùng với các cổ đông của đơn vị để triển khai phương án đưa Công ty vào hoạt động trở lại vào cuối năm 2024 tạo điều kiện để thu hồi công nợ.

Đối với các khoản nợ còn lại, Tổng công ty đang xem xét, tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn luật và các cơ quan pháp luật triển khai các giải pháp để thu hồi.

- Các khoản nợ khó đòi tại Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tổng số nợ phải thu khó đòi tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đến nay là 1,295 tỷ đồng, Tổng công ty đang phối hợp với cơ quan tư vấn luật xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

7.2.2) Xử lý tài chính đối với Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam

Dự án được Chính phủ chuyển giao từ Tracodi trực thuộc Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) về VINAPACO, các khoản nợ của Dự án là do việc triển khai và xử lý Dự án theo chỉ đạo của Chính phủ, không do lỗi chủ quan của

VINAPACO. Phương án xử lý Dự án bao gồm các nội dung về xử lý đất đai, xử lý tài sản gắn liền với đất, xử lý tài sản không gắn liền với đất, xử lý tài chính, VINAPACO đề xuất phương án xử lý đối với Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam như sau:

a) Xử lý đất đai

- Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương xử lý Dự án, để đảm bảo căn cứ thu hồi theo trình tự pháp luật, Vinapaco sẽ có văn bản tự nguyện trả lại đất của Dự án cho UBND tỉnh Long An.

- Căn cứ theo quy định về bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất, Vinapaco đề nghị bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại sau khi thu hồi đất và hỗ trợ khác (nếu có).

b) Xử lý tài sản gắn liền với đất

Sau khi thu hồi đất, Vinapaco đề nghị bồi thường giá trị còn lại của tài sản gắn liền với đất và xem xét bồi thường chi phí tháo dỡ, bảo quản tài sản, máy móc dây chuyền thiết bị khi di dời.

c) Xử lý tài sản không gắn liền với đất

- Vinapaco thuê đơn vị tư vấn để thẩm định giá toàn bộ tài sản không gắn liền với đất của dự án. Trong đó, tài sản được định giá gồm: Tài sản là dây chuyền, máy móc thiết bị được hình thành từ nguồn vốn vay nước ngoài do Chính phủ bảo lãnh và tài sản còn lại được hình thành từ nguồn vốn vay trong nước, nguồn vốn khác.

- Do đây là tài sản của nhà nước có giá trị lớn, để đảm bảo tính minh bạch và khách quan, đề nghị Chính phủ giao cho Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán kết quả thẩm định giá, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Sau khi cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định giá tài sản của Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam, Vinapaco sẽ tiến hành triển khai công tác tổ chức bán đấu giá theo quy định.

d) Phương án xử lý nguồn thu

- Về nguồn thu sau khi xử lý dự án (nguồn thu dự kiến):

Theo tính toán sơ bộ của Vinapaco thì Dự án dự kiến có thể thu hồi được với tổng số tiền (tạm tính) là: 1.219.820.196.924 đồng, trong đó:

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TÀI SẢN THU HỒI (Đồng)	GHI CHÚ
I	Giá trị thu hồi liên quan đến quyền sử dụng đất	87.881.417.015	
1	Chi phí đầu tư vào đất còn lại (33 năm còn lại)	87.881.417.015	
-	Tiền đền bù giải phóng mặt bằng (33 năm còn lại)	13.309.570.545	
-	Chi phí san lấp mặt bằng (33 năm còn lại)	51.333.758.069	
-	Giá trị tạo bởi quyền sử dụng đất (33 năm còn lại)	23.238.088.401	

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ TÀI SẢN THU HỒI (Đồng)	GHI CHÚ
II	Giá trị thu hồi về tài sản gắn liền với đất	377.928.980.831	
2	Chi phí thiệt hại về nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất	377.928.980.831	
-	<i>Tài sản cố định là Nhà, vật kiến trúc</i>	<i>377.928.980.831</i>	
III	Giá trị thu hồi về tài sản không gắn liền với đất	754.009.799.078	
3	Tài sản cố định là dây chuyền sản xuất bột giấy	725.421.391.462	
4	Tài sản cố định là máy móc, thiết bị phụ trợ	15.042.882.959	
5	Tài sản là hàng hóa tồn kho và công cụ dụng cụ	13.545.524.657	
	TỔNG CỘNG	1.219.820.196.924	

(Số liệu này chỉ là ước tính, để xác định được chính xác giá trị cần phải được cơ quan có chuyên môn thực hiện thẩm định giá).

- Về phương án xử lý nguồn thu của dự án:

Theo báo cáo tình chính của Ban QLDA Nhà máy Bột giấy Phương Nam, nguồn vốn của Dự án thời điểm ngày 31/12/2024 là: 3.169.383.819.290 đồng. Trong khi đó, theo ước tính giá trị tài sản của Dự án dự kiến có thể thu hồi nêu trên là: 1.219.820.196.924 đồng thì sau khi tiến hành xử lý Dự án sẽ gây ra mất vốn với số tiền là 1.949.563.622.366 đồng (Số liệu này sẽ thay đổi phụ thuộc vào giá trị thực hiện thực tế).

Ngày 08/11/2024, Văn phòng Trung ương Đảng có Công văn số 12079-CV/VPTW thông báo ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị về chủ trương và phương án xử lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam.

Ngày 12/12/2024, Bộ Công Thương có Công văn số 1091/BCT-CN gửi Vinapaco về việc triển khai thực hiện kết luận của Bộ Chính trị về chủ trương và phương án xử lý Dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam.

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo nêu trên và Bộ Chính trị đã đồng ý chủ trương cho phép áp dụng một số cơ chế đặc biệt để xử lý dứt điểm Dự án, do đó Vinapaco xin đề xuất xây dựng phương án xử lý tài sản của Dự án theo nguyên tắc như sau:

+) Tài sản hình thành từ nguồn vốn của đơn vị nào thì giá trị tài sản thu hồi sau khi thanh lý sẽ trả cho đơn vị đó.

+) Trong trường hợp tài sản được hình thành từ nhiều nguồn vốn thì sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

++) Trả cho các đơn vị có phần vốn cho vay hình thành tài sản trước (Ưu tiên đơn vị có tài sản bảo đảm tiền vay).

++) Trả cho các đơn vị có nguồn vốn còn lại theo tỷ lệ đầu tư hình thành tài sản.

+) Đối với phần còn lại của khoản tiền phải trả Quỹ tích lũy trả nợ nước ngoài của Bộ Tài chính, các khoản vay của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) và Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) nếu không còn nguồn để trả sẽ thực hiện xóa nợ theo cơ chế đặc biệt tại Công văn số 12079-CV/VPTW ngày 08/11/2024 của Văn phòng Trung ương Đảng.

7.3. Giải pháp về tài chính

Tăng cường quản lý chi phí, tăng hiệu quả sử dụng vốn. Mở rộng quan hệ tín dụng, tìm nguồn vốn lãi suất thấp, giảm chi phí tài chính.

- Đối với công nợ phải thu: Tăng cường quản lý công nợ không để tiếp tục phát sinh nợ phải thu khó đòi. Tiếp tục triển khai các nhóm, tổ đơn đốc thu hồi công nợ để xem xét tính chất đối với từng khoản nợ. Từ đó đưa ra các phương án xử lý phù hợp đối với các khoản nợ phải thu này.

- Đối với công nợ của dự án Nhà máy Bột giấy Phương Nam: Triển khai nhanh việc xử lý dự án theo phương án được Chính phủ phê duyệt.

- Đối với Công ty TNHH Một thành viên Nguyên liệu giấy Miền Nam: Tổng công ty tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện phương án điều chỉnh rừng thông của Công ty, đảm bảo hiệu quả nhằm thu hồi vốn đã đầu tư để trả nợ cho Ngân hàng Phát triển và vốn vay của Tổng công ty. Đảm bảo bố trí nguồn vốn đối ứng cho các dự án đầu tư trồng rừng của Công ty.

- Khai thông nguồn vốn đầu tư trồng rừng khu vực các tỉnh phía Bắc và tỉnh Kon Tum, dần cân bằng vốn vay đầu tư trồng rừng và vốn tự có đến năm 2025.

- Tập trung triển khai một cách có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật công tác thoái vốn tại các đơn vị liên kết và đầu tư khác của Tổng công ty. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn thu hồi được từ thoái vốn vào sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của Tổng công ty.

- Từng bước nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm giấy Bãi Bằng, giấy tissue và các sản phẩm lâm nghiệp, tạo điều kiện tích lũy vốn cho công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty.

8. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp

Đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 Tổng công ty Giấy Việt Nam tiếp tục triển khai công tác kiện toàn và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý; hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý và hoàn thiện thiết chế văn hóa doanh nghiệp.

8.1. Kiện toàn, sắp xếp và nâng cao chất lượng bộ máy quản lý

- Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, tinh giản tổ chức, bộ máy, thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí cán bộ đủ phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn để làm tốt vai trò lãnh đạo, quản lý Tổng công ty và các đơn vị của Tổng công ty, chú trọng tới cán bộ lãnh đạo, quản lý các đơn vị hình thành sau khi sáp nhập và làm đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư vào các đơn vị liên kết và đầu tư khác;

- Thực hiện nghiêm túc công tác luân chuyển cán bộ nhằm phát huy khả năng của cá nhân, bồi dưỡng và đào tạo cán bộ; bên cạnh đó làm giảm tác động tiêu cực, tránh sức ì, bảo thủ khi cán bộ chỉ làm tại một vị trí trong nhiều năm công tác;

- Thí điểm xây dựng mô hình thi tuyển một số chức danh cán bộ lãnh đạo quản lý như: Giám đốc, kế toán trưởng các công ty lâm nghiệp và các đơn vị khác;

- Tạo môi trường, điều kiện làm việc về mọi mặt, nâng cao thu nhập để cán bộ và người lao động yên tâm công tác, cống hiến cho Tổng công ty.

8.2. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ

- Tiếp tục tập trung hoàn thiện và ban hành các quy chế quản lý nội bộ, nhất là Quy chế quản lý tài sản, Quy chế quản lý khối lâm nghiệp, quy chế mua sắm, Quy chế bán hàng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý các nguồn tài nguyên được Nhà nước giao. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã có và các định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Xem xét bổ sung, hoàn thiện quy chế hoạt động của các đơn vị trong Tổng công ty, quy định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của người đứng đầu và có chế tài xử lý khi người đứng đầu không hoàn thành nhiệm vụ.

8.3. Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực

Chiến lược đào tạo phát triển nguồn nhân lực được xây dựng trên cơ sở kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể như sau:

8.3.1 Đến năm 2025

- Xây dựng chương trình và kế hoạch đào tạo gắn với nhu cầu công việc, xác định trọng tâm đào tạo phù hợp với nhu cầu sử dụng lao động và đặc thù ngành nghề của Tổng công ty;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác đào tạo và đi kèm với đánh giá hiệu quả sau đào tạo để xác định rõ chất lượng đào tạo, làm cơ sở rút kinh nghiệm cho các lớp, khóa học sau được tổ chức tốt hơn và tiết kiệm được chi phí đào tạo cho Tổng công ty (mỗi năm tổ chức đào tạo kèm cặp cho khoảng 200 lượt công nhân tại các đơn vị thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam).

- Tiếp tục gửi lao động, cán bộ kỹ thuật đến các cơ sở, Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu liên quan để đào tạo (dự kiến mỗi năm cử 10 - 30 người đi đến các cơ sở nói trên để đào tạo).

- Đối với các lớp đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung: Tập trung vào các lớp quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị tài chính, quản trị chuỗi cung ứng, kỹ năng phân tích, thiết kế công việc, phát triển kỹ năng quản lý và lãnh đạo cho kỹ sư trẻ, nghiệp vụ quản lý để nâng cao hơn nữa trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học tập trong và ngoài nước (mỗi năm tổ chức từ 2 - 4 lớp theo các nội dung trên, mỗi lớp 75 - 80 học viên).

- Đối với các nguồn cán bộ chức danh cấp cao được Tổng công ty tập trung đào tạo các lớp học quản trị chiến lược, quản trị cao cấp, quản trị tài chính, quản trị rủi ro, kỹ năng lãnh đạo, đàm phán, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế (mỗi năm tổ chức từ 1 - 2 lớp theo các nội dung trên, mỗi lớp 40 - 50 học viên).

8.3.2. Giai đoạn 2025-2030

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch nguồn nhân lực trên cơ sở hiện có và nhân lực dự kiến tuyển dụng cho các dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng hoặc nâng công suất;

- Có kế hoạch phối hợp với các trường đại học, cao đẳng để tập trung đào tạo lực lượng lao động một số nghề, lĩnh vực như: Công nghệ thông tin, công nghệ giấy, đo lường điều khiển trong ngành giấy, sửa chữa thiết bị ngành giấy,... để có đủ lực lượng lao động kỹ thuật lành nghề, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Tổng công ty và tác động của chuyển đổi số và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0;

8.4. Xây dựng thiết chế văn hóa doanh nghiệp

Tổng công ty tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý tạo động lực khuyến khích, thúc đẩy cho mỗi cá nhân hoặc tập thể phát triển khả năng sáng tạo; luôn sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc; tạo gắn kết và môi trường thân thiện giữa các thành viên trong cùng tổ chức, chia sẻ, hỗ trợ, đoàn kết, có tính kỷ luật cao; làm cho người lao động luôn tự hào về doanh nghiệp nơi mình công tác, tự hào là người thực hiện sứ mệnh nhịp cầu lan tỏa trí thức trong toàn xã hội.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Khái toán kinh phí thực hiện đề án

Tổng kinh phí: 27,248 tỷ đồng, trong đó:

- Kinh phí rà soát, đo đạc, cắm mốc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thuê đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên địa bàn các tỉnh, nguồn kinh phí trích từ ngân sách Nhà nước.

- Bổ sung vốn điều lệ: 0 đồng.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích: 0 đồng.

- Giải quyết lao động dôi dư các đơn vị cơ cấu lại với kinh phí ước tính chi trả trong trường hợp lao động xin chấm dứt HĐLĐ khoảng 26.868.000.000 đồng.

- Kinh phí khác khi giải thể sắp xếp lại doanh nghiệp khoảng 380 triệu đồng.

2. Tổ chức thực hiện đề án

- Tiến độ thực hiện đề án:

+ Các hạng mục thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Công Thương: Tổng công ty sẽ triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 khi được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

+ Các hạng mục thuộc thẩm quyền của Tổng công ty: Tổng công ty sẽ chủ động triển khai thực hiện giúp Ban lãnh đạo Tổng công ty có thể chỉ đạo, điều hành, kiểm soát đơn vị hiệu quả, hướng tới phát triển bền vững;

- Phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận chuyên môn của Tổng công ty thực hiện đề án: Giao ban Tổng giám đốc Tổng công ty chỉ đạo các đơn vị, phòng, ban chuyên môn, các đơn vị hạch toán phụ thuộc, các đơn vị hạch toán độc lập, đơn vị sự nghiệp, thực hiện theo đúng chức năng.

VII. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG

1. Về kinh tế

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 nêu tại Phần II, Mục V của Đề án cơ cấu lại cho thấy: Việc triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại Tổng công ty mang lại hiệu quả kinh tế cao:

- Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ - Tổng công ty năm sau tăng hơn năm trước, tinh giản đầu mối, tiết giảm chi phí quản lý.

- Giảm số lượng các đơn vị lâm nghiệp, tăng tính chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng năng suất rừng trồng tại các đơn vị lâm nghiệp; Từ năm 2024, Tổng công ty chỉ tham gia vốn đầu tư tối đa 30% cho các dự án trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng. Nâng cao hệ số sử dụng đất tại các đơn vị lâm nghiệp.

2. Về xã hội

- Sử dụng hiệu quả hơn nguồn tài nguyên đất đai được Nhà nước giao.
- Tăng nguồn thu cho Ngân sách Nhà nước, địa phương.
- Nâng cao trình độ dân trí, góp phần tích cực vào việc hạn chế đốt nương rẫy, xoá đói giảm nghèo.
- Giữ vững ổn định an ninh chính trị, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các đơn vị Tổng công ty Giấy Việt Nam hoạt động.

3. Về môi trường

- Từng bước triển khai quy trình sản xuất kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn với quy trình sản xuất khép kín, chất thải được tái sử dụng và trở thành nguyên liệu sản xuất góp phần giảm tác động tiêu cực đến môi trường, bảo vệ hệ sinh thái, sức khỏe con người giảm.
- Hình thành những vùng sản xuất cây nguyên liệu giấy tập trung góp phần bảo vệ môi trường, hạn chế lũ lụt, duy trì nguồn nước, chống xói mòn, bảo vệ tài nguyên đất, tài nguyên rừng và môi trường sinh thái.

PHẦN III

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích cơ hội, thách thức, điểm mạnh, điểm yếu, Tổng công ty đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chủ yếu tập trung vào các nội dung như: Cơ cấu lại tổ chức, bộ máy của Tổng công ty theo hướng tinh gọn, giảm tối đa đầu mối là các đơn vị hạch toán phụ thuộc; cơ cấu lại Quản trị doanh nghiệp với trọng tâm là hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nội bộ và phát triển nguồn nhân lực; Tập trung đầu tư những dự án có tổng mức và quy mô đầu tư phù hợp đồng thời cho phép phát huy tiềm năng, lợi thế của Tổng công ty; Áp dụng công nghệ số trong quản lý và sản xuất để tiết kiệm tài nguyên, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

II. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt các dự án đầu tư phát triển đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030 khi Tổng công ty Giấy Việt Nam có các tờ trình về việc xin phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

2. Đề nghị Bộ Công Thương báo cáo Chính phủ có ý kiến chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố: Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, Kon Tum, Tp. Hà Nội sớm xem xét, phê duyệt phương án sử dụng đất cho Tổng công ty Giấy Việt Nam.

3. Đề nghị UBND các tỉnh Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc xem xét cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Tổng công ty Giấy Việt Nam đối với các tài sản đất lâm nghiệp thuộc Tổng công ty theo đúng các quy định của Nhà nước về quyền sử dụng đất.

4. Đề nghị Bộ Công Thương tiếp tục có ý kiến với UBND tỉnh Thanh Hóa để xử lý dứt điểm khoản nợ phải thu của Tổng công ty tại Công ty lâm nghiệp Lang Chánh và Cẩm Ngọc đã bàn giao từ Tổng công ty Giấy Việt Nam sang UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý từ ngày 05/05/2017.

Vấn đề cơ cấu lại của Tổng công ty Giấy Việt Nam trở nên cấp bách trước đòi hỏi của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, phát triển kinh tế xã hội và sự phát triển của ngành giấy Việt Nam. Cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam nhằm sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị, người lao động, hệ thống sản xuất, hệ thống tài chính, hệ thống phân phối và thị trường tiêu thụ... Sự sắp xếp, thay đổi một cách toàn diện, theo quy trình chuẩn sẽ tạo cho Tổng công ty Giấy Việt Nam có những bước đột phá mới, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thích ứng trước yêu cầu của sự phát triển, hội nhập kinh tế quốc tế từ đó tạo lợi thế cạnh tranh bền vững, nâng cao vị thế của Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thị trường trong nước và trên trường quốc tế.

Trên đây là Đề án cơ cấu lại Tổng công ty Giấy Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030, Tổng công ty Giấy Việt Nam kính trình Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt./.

PHỤ LỤC

ĐỀ ÁN CƠ CẤU LẠI TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2025,
 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

PHỤ LỤC 1: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN VỐN, TÀI SẢN

Bảng 1: Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại các đơn vị hạch toán phụ thuộc, công ty con do Tổng công ty đầu tư 100% vốn

STT	Tên đơn vị	Vốn góp nhà nước của TCT GVN tại thời điểm ngày 31/12/2020 (VNĐ)	Vốn góp nhà nước của TCT GVN tại thời điểm ngày 31/12/2021 (VNĐ)	Vốn góp nhà nước của TCT GVN tại thời điểm ngày 31/12/2022 (VNĐ)	Vốn góp nhà nước của TCT GVN tại thời điểm ngày 31/12/2023 (VNĐ)	Vốn góp nhà nước của TCT GVN tại thời điểm ngày 31/12/2024 (VNĐ)	Tỷ lệ Tổng công ty nắm giữ (%)	Ghi chú
I	Công ty mẹ	1.187.279.855.530	1.187.837.275.108	1.166.859.367.320	1.166.859.367.320	1.166.859.367.320		(Mã 411-CDKT)
1	Văn phòng Tổng công ty	999.802.621.656	1.014.894.131.163	993.916.223.375	1.001.111.572.289	1.035.978.094.491	100%	(Mã 411-CDKT)
	Đơn vị hạch toán phụ thuộc							
2	Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	71.589.743.150	56.269.953.859	56.269.953.859	48.860.075.192	42.300.860.805	100%	(Mã 411-CDKT)
3	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thành phố Hà Nội	25.315.210.216	25.344.414.865	25.344.414.865	25.344.414.865	7.073.885.695	100%	(Mã 411-CDKT)

4	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng	6.631.358.205	6.770.203.191	6.770.203.191	7.046.129.117	366.392.273	100%	(Mã 411-CDKT)
5	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	15.188.479.313	15.188.479.313	15.188.479.313	15.188.479.313	10.834.890.903	100%	(Mã 411-CDKT)
6	Công ty Thiết kế Lâm nghiệp	821.900.001	821.900.001	821.900.001	821.900.001	821.900.001	100%	(Mã 411-CDKT)
7	Ban Quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam						100%	(Mã 411-CDKT)
8	Công ty Lâm nghiệp Cầu Ham	3.608.768.703	3.608.768.703	3.608.768.703	3.608.768.703	3.608.768.703	100%	(Mã 411-CDKT)
9	Công ty Lâm nghiệp Ngòi Sáo	2.583.484.551	2.583.484.551	2.583.484.551	2.583.484.551	2.583.484.551	100%	(Mã 411-CDKT)
10	Công ty Lâm nghiệp Vĩnh Hảo	3.331.109.180	3.331.109.180	3.331.109.180	3.331.109.180	3.331.109.180	100%	(Mã 411-CDKT)
11	Công ty Lâm nghiệp Tân Thành	4.102.540.465	4.102.707.265	4.102.707.265	4.102.707.265	4.102.707.265	100%	(Mã 411-CDKT)
12	Công ty Lâm nghiệp Hàm Yên	5.442.735.582	5.442.735.582	5.442.735.582	5.442.735.582	5.442.735.582	100%	(Mã 411-CDKT)
13	Công ty Lâm nghiệp Tân Phong	6.299.254.818	6.333.218.610	6.333.218.610	6.271.822.437	6.271.822.437	100%	(Mã 411-CDKT)

14	Công ty Lâm nghiệp Đoan Hùng	4.199.962.816	4.199.962.816	4.199.962.816	4.199.962.816	4.199.962.816	100%	(Mã 411- CĐKT)
15	Công ty Lâm nghiệp Thanh Hòa	2.634.470.885	2.634.470.885	2.634.470.885	2.634.470.885	2.634.470.885	100%	(Mã 411- CĐKT)
16	Công ty Lâm nghiệp Sông Thao	2.867.527.505	2.867.527.505	2.867.527.505	2.867.527.505	2.867.527.505	100%	(Mã 411- CĐKT)
17	Công ty Lâm nghiệp Yên Lập	4.144.799.058	4.144.799.058	4.144.799.058	4.144.799.058	4.144.799.058	100%	(Mã 411- CĐKT)
18	Công ty Lâm nghiệp Tam Sơn	6.038.944.905	6.038.944.905	6.038.944.905	6.038.944.905	6.038.944.905	100%	(Mã 411- CĐKT)
19	Công ty Lâm nghiệp Xuân Đài	4.820.859.290	4.820.859.290	4.820.859.290	4.820.859.290	4.820.859.290	100%	(Mã 411- CĐKT)
20	Công ty Lâm nghiệp Tam Thắng	6.174.102.652	6.245.577.598	6.245.577.598	6.245.577.598	6.245.577.598	100%	(Mã 411- CĐKT)
21	Công ty Lâm nghiệp Tam Thanh	8.459.888.052	8.570.369.098	8.570.369.098	8.570.369.098	8.570.369.098	100%	(Mã 411- CĐKT)
22	Công ty Lâm nghiệp Lập Thạch	3.221.927.727	3.623.657.670	3.623.657.670	3.623.657.670	4.620.204.279	100%	(Mã 411- CĐKT)
II	Đơn vị sự nghiệp							
1	Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	1.635.808.749	1.635.808.749	1.635.808.749	1.635.808.749	1.635.808.749	100%	
III	Công ty con do Tổng công ty đầu tư 100% vốn điều lệ							
1	Công ty TNHH MTV NLG Miền Nam	21.919.612.617	21.919.612.617	21.919.612.617	21.919.612.617	21.919.612.617	100%	

Bảng 2: Vốn góp tại các công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

TT	Tên đơn vị	Phần vốn góp nhà nước của TCT tại thời điểm 0h ngày 31/12/2020 (Tr. Đồng)	Phần vốn góp nhà nước của TCT tại thời điểm 0h ngày 31/12/2021 (Tr. Đồng)	Phần vốn góp nhà nước của TCT tại thời điểm 0h ngày 31/12/2022 (Tr. Đồng)	Phần vốn góp nhà nước của TCT tại thời điểm 0h ngày 31/12/2023 (Tr. Đồng)	Phần vốn góp nhà nước của TCT tại thời điểm 0h ngày 31/12/2024 (Tr. Đồng)	Tỷ lệ Tổng công ty nắm giữ (%)
I	Vốn góp tại các công ty liên doanh, liên kết	262.615	262.615	262.615	262.615	262.615	
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai	202.495	202.495	202.495	202.495	202.495	22,74
2	Công ty cổ phần Giấy BBP	52.000	52.000	52.000	52.000	52.000	
3	Công ty cổ phần Sản Sơn Sơn	8.120	8.120	8.120	8.120	8.120	29
II	Các khoản đầu tư khác	27.257	27.257	27.257	27.257	27.257	
1	Công ty cổ phần In Phúc Yên	4.045	4.045	4.045	4.045	4.045	16,2
2	Công ty cổ phần Giấy Thanh Hóa	9.462	9.462	9.462	9.462	9.462	1,15
3	Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên	5.500	5.500	5.500	5.500	5.500	2,5
4	Công ty cổ phần Tân Mai miền Trung	8.250	8.250	8.250	8.250	8.250	2,5
	Tổng cộng	289.872	289.872	289.872	289.872	289.872	

Bảng 3: Tình hình tài sản Công ty mẹ

Đơn vị tính: đồng

3.1	Tình hình vốn	Thời điểm 31/12/2020	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Thời điểm 31/12/2023	Thời điểm 31/12/2024
+	Vốn chủ sở hữu (mã 400 – Bảng CĐKT)	1.446.184.791.992	1.384.968.058.742	1.392.671.524.296	1.402.901.699.559	1.394.889.614.530
	- Vốn chủ sở hữu (Không bao gồm số liệu báo cáo ban quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	1.368.749.883.558	1.307.533.150.308	1.315.236.615.862	1.325.466.791.125	1.317.454.706.096
	- Vốn chủ sở hữu (Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	77.434.908.434	77.434.908.434	77.434.908.434	77.434.908.434	77.434.908.434
+	Vốn chủ sở hữu (mã 410 – Bảng CĐKT)	1.418.157.363.186	1.359.569.513.844	1.369.901.863.306	1.382.760.922.477	1.377.377.721.356
	- Vốn chủ sở hữu (Không bao gồm số liệu báo cáo ban quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	1.340.722.454.752	1.282.134.605.410	1.292.466.954.872	1.305.326.014.043	1.299.942.812.922
	- Vốn chủ sở hữu (Dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	77.434.908.434	77.434.908.434	77.434.908.434	77.434.908.434	77.434.908.434
+	Nguồn kinh phí và quỹ khác (mã 430 – Bảng CĐKT)	28.027.428.806	25.398.544.898	22.769.660.990	20.140.777.082	17.511.893.174
	- Nguồn kinh phí	55.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000	55.000.000
	- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản	27.972.428.806	25.343.544.898	22.714.660.990	22.085.777.082	17.456.893.174
3.2	Tình hình tài sản					
	- Tổng tài sản của doanh nghiệp	5.851.508.866.534	5.484.842.597.795	5.489.647.769.879	5.464.376.780.028	5.128.494.400.362
	- Tổng tài sản của doanh nghiệp (Không bao gồm số liệu báo cáo ban quản lý dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam)	2.715.060.761.238	2.641.619.860.188	2.612.832.307.378	2.448.124.887.142	2.132.722.544.021
	+ Tài sản ngắn hạn	1.792.387.103.702	1.774.915.334.568	1.868.618.013.114	1.835.756.645.681	1.619.933.627.550
	* Tiền và các khoản tương đương tiền	87.153.702.729	104.880.561.893	93.684.424.263	210.762.215.791	204.336.311.698
	* Đầu tư tài chính ngắn hạn		15.900.000.000	12.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000

	* Các khoản phải thu ngắn hạn	631.176.200.617	590.967.712.058	577.269.429.172	520.576.621.266	502.498.086.692
	* Vật tư hàng hóa tồn kho	1.066.465.459.609	1.047.440.095.237	1.164.073.737.279	1.083.188.699.174	897.050.980.163
	* Tài sản ngắn hạn khác	7.591.740.747	15.726.965.380	21.090.422.400	14.729.109.450	9.548.248.997
	+ Tài sản dài hạn	4.059.121.762.832	3.709.927.263.227	3.621.029.756.765	3.628.620.134.347	3.508.560.772.812
	* Tài sản cố định, trong đó:					
	Tài sản cố định hữu hình	388.097.375.807	318.789.170.339	355.918.924.748	305.334.736.476	264.226.390.924
	Tài sản cố định vô hình	3.917.622.520	3.627.932.512	2.192.796.945	1.882.752.937	1.599.062.929
	Tài sản cố định thuê Tài chính	6.431.106.470	5.855.686.364	4.035.010.835	3.138.181.891	3.625.513.578
	* Các khoản phải thu dài hạn	100.000.000	100.000.000	38.000.000	66.400.000	139.445.000
	* Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	189.110.889.446	171.761.447.186	154.362.394.439	136.077.101.902	102.780.680.099
	* Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.715.019.906.369	2.746.313.129.331	2.692.534.736.720	2.697.611.076.332	2.702.465.537.857
	* Chi phí trả trước dài hạn	756.444.862.220	463.479.897.495	411.947.893.078	484.509.884.809	433.724.142.425
	+ Giá trị lợi thế kinh doanh					
	+ Giá trị quyền sử dụng đất					
	Tình hình công nợ					
3.3	* Phải thu ngắn hạn	631.176.200.617	590.967.712.058	577.269.429.172	520.576.621.266	502.498.086.692
	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	189.661.249.916	149.073.042.388	155.155.175.901	129.726.096.078	117.874.899.600
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	39.696.098.658	35.306.862.216	31.295.646.483	27.273.049.097	25.591.941.224
	Dự phòng phải thu ngắn hạn	(61.635.901.641)	(59.334.895.346)	(57.091.737.843)	(92.263.095.492)	(105.935.390.180)
	Phải thu ngắn hạn khác	449.020.640.391	453.525.564.338	435.013.206.169	441.522.809.211	450.648.873.676
	Phải thu về cho vay ngắn hạn			500.000.000		
	Tài sản thiếu chờ xử lý	14.434.113.293	12.397.138.462	12.397.138.462	14.317.762.372	14.317.762.372
	* Phải thu dài hạn	100.000.000	100.000.000	38.000.000	66.400.000	139.445.000

	Phải thu về cho vay dài hạn								
	Phải thu dài hạn khác		100.000.000	100.000.000	38.000.000	66.400.000	139.445.000		
	+ Tổng số nợ phải trả		4.405.324.074.542	4.099.874.539.053	4.096.976.245.583	4.061.475.080.469	3.733.604.785.832		
	* Nợ ngắn hạn		1.761.317.552.570	1.774.870.237.895	1.740.637.460.983	1.577.817.154.963	1.273.273.230.643		
	* Nợ dài hạn		2.644.006.521.972	2.325.004.301.158	2.356.338.784.600	2.483.657.925.506	2.460.331.555.189		
3.4	Tổng giá trị đầu tư dài hạn		311.838.186.453	311.838.186.453	311.838.186.453	311.838.186.453	311.838.186.453		
3.4.1	Tổng giá trị đầu tư vào các công ty thành viên do Tổng công ty nắm giữ 100% vốn và các đơn vị sự nghiệp								
1	Công ty TNHH MTV Nguyên liệu Giấy miền Nam		21.965.185.642	21.965.185.642	21.965.185.642	21.965.185.642	21.965.185.642		
3.4.2	Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác		289.873.000.811	289.873.000.811	289.873.000.811	289.873.000.811	289.873.000.811		
1	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai		202.495.630.000	202.495.630.000	202.495.630.000	202.495.630.000	202.495.630.000		
2	Công ty cổ phần In Phúc Yên		4.045.072.000	4.045.072.000	4.045.072.000	4.045.072.000	4.045.072.000		
3	Công ty cổ phần Giấy BBP		52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000	52.000.000.000		
4	Công ty cổ phần Sản Sơn Sơn		8.120.000.000	8.120.000.000	8.120.000.000	8.120.000.000	8.120.000.000		
5	Công ty cổ phần Giấy Thanh Hóa		9.462.298.811	9.462.298.811	9.462.298.811	9.462.298.811	9.462.298.811		
6	Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên		5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000	5.500.000.000		
7	Công ty cổ phần Tân Mai miền Trung		8.250.000.000	8.250.000.000	8.250.000.000	8.250.000.000	8.250.000.000		
8	Công ty cổ phần Tân Mai miền Đông								
9	Công ty cổ phần Tân Mai Lâm Đồng								
10	Công ty cổ phần Giấy Việt Trì								

PHỤ LỤC 2: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN LAO ĐỘNG

Bảng 1: Thực trạng lao động của Tổng công ty qua các năm

TT	Phân loại lao động	Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo giới tính	2.608	100%	2.567	100%	2.500	100%	2349	100%	2181	100,0%
1	Nam	1786	68,48%	1.760	68,56%	1693	67,72%	1557	66,3%	1426	65,4%
2	Nữ	822	31,52%	807	31,44%	807	32,28%	792	33,7%	755	34,6%
II	Theo trình độ	2.608	100%	2.567	100%	2.500	100%	2349	100%	2181	100,0%
1	Tiến sỹ	2	0,08%	3	0,12%	3	0,12%	4	0,2%	2	0,1%
2	Thạc sỹ	67	2,57%	66	2,57%	52	2,08%	67	2,9%	93	4,26%
3	Cử nhân	847	32,48%	848	33,03%	826	33,04%	765	32,6%	847	38,8%
4	Cao đẳng	213	8,17%	209	8,14%	202	8,08%	189	8,0%	187	8,6%
5	Trung cấp	247	9,47%	242	9,43%	231	9,24%	359	15,3%	342	15,7%
6	Lao động phổ thông	514	19,71%	504	19,63%	496	19,84%	985	41,9%	710	32,6%
7	Nghề bậc	718	27,53%	695	27,07%	690	27,60%				
III	Theo hợp đồng lao động	2.608	100%	2.567	100%	2.500	100%	2349	100%	2181	100,0%
1	LĐ không thuộc diện ký HĐ	10	0,38%	12	0,47%	11	0,44%	9	0,4%	12	0,6%
2	LĐ không xác định thời hạn	2.598	99,62%	2.555	99,53%	2489	99,56%	2340	99,6%	2169	99,4%
IV	Theo độ tuổi	2.608	100%	2.567	100%	2.500	100%	2349	100%	2181	100,0%
1	Dưới 30	318	12,19%	312	12,15%	312	12,48%	172	7,3%	189	8,7%
2	Từ 30 – 45	1.573	60,31%	1.557	60,65%	1499	59,96%	1383	58,9%	1156	53,0%
3	Trên 45	717	27,49%	698	27,19%	698	27,92%	794	33,8%	836	38,3%

Biểu 2: Tình hình sử dụng lao động tại các đơn vị của Tổng công ty 2020- 2024

STT	Đơn vị sử dụng	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I	Văn phòng Công ty mẹ - Tổng công ty Giấy Việt Nam						
1	Tổ chức cán bộ (Ban Tổ chức)	Người	21	21	21	19	19
2	Văn phòng	Người	47	48	46	46	39
3	Phòng Kế hoạch	Người	9	10	9	8	7
4	Phòng Kỹ thuật	Người	41	39	38	37	65
5	Phòng Thị trường	Người	21	21	18	17	17
6	Phòng Vật tư nguyên liệu	Người	12	12	12	12	13
7	Phòng Lâm nghiệp	Người	18	26	29	27	27
8	Phòng Xây dựng cơ bản	Người	11	10	10	10	10
9	Phòng Kinh doanh XNK	Người	9	9	8	7	8
10	Phòng Tài chính kế toán	Người	24	24	26	25	24
11	Tổng kho	Người	33	32	31	31	30
12	Phòng Truyền Thông (Trước 2023 là Ban TG)	Người	5	5	4	3	4
13	Nhà máy Giấy	Người	317	330	339	342	312
14	Xí nghiệp Bảo dưỡng	Người	164	175	175	177	196
15	Xí nghiệp Vận tải	Người	87	94	94	89	90
16	Nhà máy Điện	Người	116	133	130	125	138

STT	Đơn vị sử dụng	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
17	Nhà máy Hóa chất	Người	52	61	60	61	63
18	Xí nghiệp Dịch vụ	Người	106	110	111	99	114
19	Nhà máy Chế biến gỗ	Người	10	9	7	7	9
20	Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Người	350	352	333	317	272
21	Công ty CB và XNK dăm mảnh	Người					
22	Chi nhánh TCT GVN tại TP HN	Người	8	7	7	7	7
23	Chi nhánh TCT GVN tại TP HCM	Người	29	29	27	27	26
24	Chi nhánh TCT GVN tại TP ĐN	Người	21	21	18	18	17
25	Ban QLDA nhà máy Bột giấy PN	Người	14	14	14	14	14
	Cộng I	Người	1520	1591	1567	1525	1521
II	Các đơn vị lâm nghiệp	Người					
1	Công ty LN Cầu Ham	Người	82	82	80	78	45
2	Công ty LN Ngòi Sáo	Người	42	41	40	39	29
3	Công ty LN Vĩnh Hào	Người	84	70	69	68	60
4	Công ty LN Tân Thành	Người	28	25	26	25	21
5	Công ty LN Hàm Yên	Người	71	44	43	42	38
6	Công ty LN Tân Phong	Người	35	34	32	31	27

STT	Đơn vị sử dụng	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
7	Công ty LN Đoàn Hùng	Người	76	66	63	62	51
8	Công ty LN Thanh Hòa	Người	57	57	38		
9	Công ty LN Sông Thao	Người	32				
10	Công ty LN Yên Lập	Người	81	79	77	75	41
11	Công ty LN Tam Sơn	Người	52	45	41	39	31
12	Công ty LN Xuân Đài	Người	86	77	74	73	54
13	Công ty LN Tam Thắng	Người	49	49	47	47	39
14	Công ty LN Tam Thanh	Người	6				
15	Công ty LN Lập Thạch	Người	33	33	30	31	25
16	Công ty Thiết kế Lâm nghiệp	Người	32	29	29	25	18
	Cộng II	Người	846	731	689	635	479
III	Công ty con và đơn vị sự nghiệp	Người					
1	Công ty Nguyên liệu Giấy MN	Người	144	144	144	97	90
2	Viện NC cây NL Giấy	Người	74	74	74	60	57
	Tổng cộng (I) + (II) + (III)		2.584	2.540	2.474	2317	2147

(Số lao động trên không bao gồm HĐTV, Ban TGD; KTT, Phó bí thư TT Đảng ủy, Công đoàn, Ban KTKTNB, Tổ thư ký trợ lý, Các cơ quan Tham mưu, giúp việc của Đảng; 34 người; hợp đồng lao động khoán việc)

PHỤ LỤC 3: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Bảng 1: Kết quả SXKD Công ty mẹ - Tổng công ty

a) Giai đoạn 2016-2020

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.447.363	2.242.116	2.606.637	2.386.773	2.033.129
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	10.100	15.726	5.841	11.161	16.409
10	Doanh thu thuần bán hàng và CC dịch vụ	2.437.263	2.226.390	2.600.796	2.375.612	2.016.719
11	Giá vốn hàng bán	1.919.795	1.794.047	2.139.398	1.951.608	1.688.240
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	517.468	432.343	461.397	424.003	328.478
21	Doanh thu hoạt động tài chính	9.131	18.077	53.629	3.484	7.814
22	Chi phí tài chính	77.314	-15.751	121.064	54.132	37.879
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	43.104	35.937	26.500	27.395	19.075
24	Chi phí bán hàng	136.256	105.964	98.755	105.720	91.425
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	304.631	244.470	238.663	204.409	204.712
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.399	115.737	56.543	63.226	2.278
31	Thu nhập khác	10.148	15.487	7.099	7.157	11.024
32	Chi phí khác	3.058	3.595	2.610	2.440	1.887
40	Lợi nhuận khác	7.090	11.892	4.489	4.717	9.136
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.489	127.629	61.033	67.943	11.415
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			13.980	13.515	1.912
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.489	127.629	47.053	54.428	9.503

b) Giai đoạn 2021-2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.257.270	2.707.282	2.614.477	2.648.822
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	8.227	6.501	13.216	9.082
10	Doanh thu thuần bán hàng và CC dịch vụ	2.249.042	2.700.781	2.601.261	2.639.740
11	Giá vốn hàng bán	1.948.969	2.333.732	2.181.264	2.246.821
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	300.073	367.049	419.996	392.918
21	Doanh thu hoạt động tài chính	4.641	4.155	3.413	3.904
22	Chi phí tài chính	33.177	70.622	61.700	44.288
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	11.804	42.374	42.681	18.520
24	Chi phí bán hàng	117.548	94.771	83.005	72.358
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	169.762	189.444	264.924	262.483
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(15.774)	16.366	13.780	17.693
31	Thu nhập khác	19.626	8.054	4.380	8.530
32	Chi phí khác	2.668	11.088	1.209	4.472
40	Lợi nhuận khác	16.957	(3.035)	(3.171)	4.058
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.184	13.331	16.950	21.751
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		2.999	4.091	7.049
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.184	10.332	12.859	14.701

**Bảng 2: Kết quả SXKD của đơn vị hạch toán phụ thuộc, Viện nghiên cứu,
Công ty con do TCT nắm giữ 100% vốn điều lệ**

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
A	Các đơn vị hạch toán phụ thuộc					
1	Công ty Giấy Tissue Sông Đuống					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	301.172	354.194	330.073	331.952
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	4.012	5.035	(10.756)	5.217
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	14.710	14.398	8.733	10.451
-	Tổng số lao động bình quân	Người	359	358	320	278
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	101	102,2	98,751	121,04
2	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thành phố Hà Nội					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	11.925	12.457	11.779	11.190
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.829	6.147	5.077	3.860
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	2.351	2.166	1.608	1.782
-	Tổng số lao động bình quân	Người	8	8	7	7
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	138,3	160,9	160,86	159,24
3	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thành phố Đà Nẵng					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	139.543	161.480	162.558	140.777
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.266	634	740	922,8

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	977	929	1.038	341,6
-	Tổng số lao động bình quân	Người	21	18	18	17
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	106	133	124	138
4	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	283.511	424.322	417.262	315.328
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-2.776	2.285	1.833	-1.096
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	2.269	7.873	2.068	2.824
-	Tổng số lao động bình quân	Người	27	27	27	26
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	133,1	139,8	132,23	119,88
5	Công ty Thiết kế Lâm nghiệp					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	6.523	6.512	5.882	4.332
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	30	44	26	6,8
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	694	816	556	546
-	Tổng số lao động bình quân	Người	30	30	27	22
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	90	85	127,8	138,8
6	Ban QLDA Nhà máy bột giấy Phương Nam					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng				
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng				
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng				178
-	Tổng số lao động bình quân	Người	14	14	14	14
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	67	71	74,26	77,64
7	Công ty Lâm nghiệp Cầu Ham					

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	10.972	11.442	10.640	5.257
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	247	256	103	23,7
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	26	364	957	499
-	Tổng số lao động bình quân	Người	82	81	77	46
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	78	85	84,3	84
8	Công ty Lâm nghiệp Ngòi Sào					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	5.934	5.996	7.324	3.339
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-5.900	409	37	24,4
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	1,8	314	526	384,9
-	Tổng số lao động bình quân	Người	40	40	39	34
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	57,6	69	70,2	74,4
9	Công ty Lâm nghiệp Vĩnh Hảo					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	5.747	8.758	8.477	4.361,5
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.428	303	74	5
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	9,2	680	658	527
-	Tổng số lao động bình quân	Người	69	69	68	60
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	66	70	73,54	84
10	Công ty Lâm nghiệp Tân Thành					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	7.064	6.518	5.916	3.070
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.089	202,0	554	51,9
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	4,2	295,0	900	1.394
-	Tổng số lao động bình quân	Người	25	26,0	26	21
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	67	58	84,4	72

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
11	Công ty Lâm nghiệp Hàm Yên					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	9.706	11.565	10.464	5.074
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-2.142	100	13	10,4
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	167	315	1.262	1.305
-	Tổng số lao động bình quân	Người	60	43	43	38
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	77	81	76,3	72,7
12	Công ty Lâm nghiệp Tân Phong					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	6.316	12.291	9.783	4.676
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-823	961	8	6,7
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	31	445	1.097	1.659
-	Tổng số lao động bình quân	Người	34	32	32	27
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	48	54	69,5	65
13	Công ty Lâm nghiệp Đoan Hùng					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	8.989	11.903	10.609	9.763
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-4.934	119	-39	3,1
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	14,055	2.534	1.479	945
-	Tổng số lao động bình quân	Người	65	64	63	51
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	82	77	86,4	104
14	Công ty Lâm nghiệp Thanh Hòa					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	5.285	4.996	132	29
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-789	-1.427	-136	-89,5
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	3,7		3	6

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
-	Tổng số lao động bình quân	Người	56	3		
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	51,6	Tạm hoãn T/h HDLĐ	Tạm hoãn T/h HDLĐ	
15	Công ty Lâm nghiệp Sông Thao					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	4.916	279		
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.146	-2.764	-73	-16,5
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	6	1	1	1
-	Tổng số lao động	Người	31		-	
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	45		-	
16	Công ty Lâm nghiệp Yên Lập					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	14.015	19.920	14.738	6.720
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-2.863	122	154	10
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	33	530	1.384	731,9
-	Tổng số lao động bình quân	Người	78	77	75	42
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	58,68	57	60,98	72
17	Công ty Lâm nghiệp Tam Sơn					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	11.371	17.511	21.091	17.918
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-1.233	2.178	1.309	519,8
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	144	997	1.422	449
-	Tổng số lao động bình quân	Người	44	44	40	31
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	81	89	87,7	98,4
18	Công ty Lâm nghiệp Xuân Đài					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	38.391	20.728	30.132	23.095

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.116	570	120	3,5
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	94	1.176	1.119	568,8
-	Tổng số lao động bình quân	Người	76	74	72	62
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	88	74	84,8	98,7
19	Công ty Lâm nghiệp Tam Thắng					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	10.045	14.260	19.596	8.485
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.986	40	25	32,7
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	115	483	1.034	357,6
-	Tổng số lao động bình quân	Người	47	47	46	39
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	81	74	75,1	68,4
20	Công ty Lâm nghiệp Tam Thanh					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	13.01	-	-	
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-5.714	-6	-6	-2,9
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	14,37	2	2	1
-	Tổng số lao động bình quân	Người	6	-	-	
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	85,68		-	
21	Công ty Lâm nghiệp Lập Thạch					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	14.343	9.369	8.535	5.805
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.492	492	-187	29,7
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	1.222	1.818	800	2.609,9
-	Tổng số lao động bình quân	Người	33	31	30	26
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	79,2	78	81,3	72

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
B	Các đơn vị hạch toán độc lập					
1	Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	18.423	4.579	8.028	7.783,6
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	13	7	15	6,6
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	129	801		320
-	Tổng số lao động bình quân	Người	69	65	63	57
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	67	65	64,8	67,2
2	Công ty TNHH MTV Nguyên liệu Giấy Miền Nam					
-	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	60.549	142.270	49.317	54.234
-	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.499	2.283	711	1.242
-	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	2.968	3.587	2.188	1.558,6
-	Tổng số lao động bình quân	Người	140	137	137	93
-	Thu nhập bình quân (người/năm)	Triệu đồng	86	103,5	116,5	91,2

Bảng 3: Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - kế hoạch giai đoạn 2021-2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024		
		KH	TH	TH/ KH (%)	KH	TH	TH/ KH (%)	KH	TH	TH/ KH (%)	KH	TH	TH/ KH (%)
1. Doanh thu													
- Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.013	2.273	113	2.471	2.701	109	2561,4	2.601,3	101	2.461	2.648,8	107,6
- Công ty con	Tỷ đồng	118	60,6	51	143	139	97	47,5	42,2	89	75,6	61	80,7
2. Lợi nhuận													
- Công ty mẹ	"	0,3	1,2	395	10,0	13,3	133	15	16,9	113	16	21,7	136
- Công ty con	"	1,1	1,6	143	1,1	2,75	250	0,6	1,1	183	1,28	2	160,7
3. Sản phẩm sản xuất	Tấn	100.500	102.017	102	109.500	108.371	99						
- Giấy in viết	"	90.000	93.067	103	100.000	98.968	99	88.000	102.187	116	96.000	98.639	103
- Giấy Tissue	"	10.500	8.950	85	9.500	9.403	99	9.000	9.084	101	9.500	9.045	95
- Giấy bao bì													
4. Sản phẩm bột giấy	Tấn		56.525		64.500	67.268	104		70.386		70.000	68.366	98
5. Lâm nghiệp													
- Trồng rừng	ha	1.637	1.738	106	1.802	1.845	102	1.920	2.140	111	1.764,1	1.875	106,3
- Khai thác	m3	190.000	183.041	96	116.428	118.011	101	252.205	141.217	56	175.604	189.993	108,2



PHỤ LỤC 4: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN ĐẤT

Bảng 1: Hiện trạng sử dụng đất thời điểm 31/12/2024

TT	Địa bàn - Đơn vị sử dụng	Đơn vị tính	Tổng diện tích đất đang quản lý	Phân theo loại đất		Ghi chú
				Đất Nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
A	CÔNG TY MỆ-TÓNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM	Ha	26.117,0234	25.870,9981	246,0253	
I	Tỉnh Hà Giang	Ha	6.526,5000	6.520,6000	5,9000	
1	Công ty lâm nghiệp Vĩnh Hảo	Ha	3.140,1700	3.136,4100	3,7600	
2	Công ty lâm nghiệp Ngòi Sáo	Ha	1.655,2000	1.654,4900	0,7100	
3	Công ty lâm nghiệp Cầu Ham	Ha	1.731,1300	1.729,7000	1,4300	
II	Tỉnh Tuyên Quang	Ha	8.215,1000	8.208,3700	6,7300	
1	Công ty lâm nghiệp Hàm Yên	Ha	3.114,9300	3.112,6300	2,3000	
2	Công ty lâm nghiệp Tân Thành	Ha	2.236,3700	2.234,8500	1,5200	
3	Công ty lâm nghiệp Tân Phong	Ha	2.282,0300	2.280,0300	2,0000	
4	Viện NC CNLG - Trung tâm thực nghiệm Hàm Yên	Ha	581,7700	580,8600	0,9100	
III	Tỉnh Phú Thọ	Ha	9.793,8781	9.663,6581	130,2200	
1	Đất tại các Nhà máy, xí nghiệp, phòng ban	Ha	121,1632		121,1632	
2	Công ty lâm nghiệp Đoàn Hùng	Ha	1.147,2700	1.146,4300	0,8400	
3	Công ty lâm nghiệp Tam Sơn	Ha	2.615,8800	2.615,0400	0,8400	
4	Công ty lâm nghiệp Tam Thắng	Ha	1.709,2000	1.707,1100	2,0900	
5	Công ty lâm nghiệp Xuân Đài	Ha	2.184,7981	2.183,4081	1,3900	
6	Công ty lâm nghiệp Yên Lập	Ha	2.003,5800	2.001,8400	1,7400	
7	Công ty lâm nghiệp Thanh Hòa	Ha				
8	Công ty lâm nghiệp Sông Thao	Ha				
9	Công ty lâm nghiệp Tam Thanh	Ha				



10	Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	Ha	11,5300	9,8300	1,7000
11	Công ty thiết kế lâm nghiệp		0,4568		0,4568
IV	Tỉnh Vĩnh Phúc	Ha	1.527,9800	1.478,3700	49,6100
1	Công ty lâm nghiệp Lập Thạch	Ha	1.527,9800	1.478,3700	49,6100
V	Thành phố Hà Nội	Ha	7,3499	-	7,3499
1	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội- 25A Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ha	0,08116		0,08116
2	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội- 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ha	0,14059		0,14059
3	Công ty giấy Tissue Sông Đuống 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Ha	7,00810		7,00810
4	Chi nhánh Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội Số 142 phố Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP Hà Nội	Ha	0,12000		0,12000
VI	Thành phố Hồ Chí Minh	Ha	0,82950	-	0,82950
1	Tổng công ty Giấy Việt Nam số 209 Võ Văn Tần, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Ha	0,00670		0,00670
2	Tổng công ty Giấy Việt Nam số 06 Bàu Cát, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	Ha	0,82280		0,82280
VII	Thành phố Hải Phòng	Ha	0,00840	-	0,00840
1	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hải Phòng - 102 Nguyễn Đức Cảnh - Cát dãi - Lê Chân	Ha	0,00840		0,00840
VIII	Tỉnh Long An	Ha	45,37750	-	45,37750
1	Tổng công ty Giấy Việt Nam- Nhà máy bột giấy Phương Nam xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.	Ha	45,37750		45,37750
B	CÔNG TY CON 100% vốn điều lệ	Ha	11.222,8300	11.209,5300	13,3000
I	Tỉnh Kon Tum	Ha	11.222,8300	11.209,5300	13,3000
1	Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam	Ha	11.222,8300	11.209,5300	13,3000
	TỔNG CỘNG (A+B):		37.339,8534	37.080,5281	259,3253
-	Diện tích đất khối lâm nghiệp	Ha	37.165,1249	37.080,5281	84,5968
-	Diện tích đất sản xuất công nghiệp và dịch vụ	Ha	174,7285	-	174,7285



Bảng 2: Phương án sử dụng đất sau cơ cấu lại

TT	Địa bàn - Đơn vị sử dụng	Đơn vị tính	Tổng diện tích đất đang quản lý	Diện tích đất dự kiến bàn giao cho địa phương	Diện tích đất dự kiến lập PA sử dụng đất và đã được phê duyệt PA sử dụng đất			Ghi chú
					Tổng	Đất nông nghiệp	Đất phi nông nghiệp	
A	CÔNG TY MẸ-TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM	Ha	26.117,0234	3.919,650	22.197,373	21.978,208	219,165	
I	Tỉnh Hà Giang	Ha	6.526,5000	880,590	5.645,910	5.640,010	5,900	Đã được phê duyệt PA sử dụng đất
1	Công ty lâm nghiệp Hà Giang	Ha	6.526,5000	880,590	5.645,910	5.640,010	5,900	
-	Ban trồng rừng Vĩnh Hảo	Ha	3.140,1700	880,590	2.259,580	2.255,820	3,760	
-	Ban trồng rừng Ngòi Sào	Ha	1.655,2000		1.655,200	1.654,490	0,710	
-	Ban trồng rừng Cầu Ham	Ha	1.731,1300		1.731,130	1.729,700	1,430	
II	Tỉnh Tuyên Quang	Ha	8.215,1000	2.763,230	5.451,870	5.445,140	6,730	Chưa được phê duyệt PA sử dụng đất
1	Công ty lâm nghiệp Tuyên Quang	Ha	7.633,3300	2.756,050	4.877,280	4.871,460	5,820	
-	Ban trồng rừng Hàm Yên	Ha	3.114,9300	836,110	2.278,820	2.276,520	2,300	
-	Ban trồng rừng Tân Thành	Ha	2.236,3700	1.114,820	1.121,550	1.120,030	1,520	
-	Ban trồng rừng Tân Phong	Ha	2.282,0300	805,120	1.476,910	1.474,910	2,000	
2	Viện NC CNLG -Trung tâm thực nghiệm Hàm Yên	Ha	581,7700	7,180	574,590	573,680	0,910	
III	Tỉnh Phú Thọ+Vĩnh Phúc	Ha	11.321,8581	275,830	11.046,028	10.893,058	152,970	

1	Đất tại các Nhà máy, xí nghiệp, phòng ban	Ha	121,1632		121,163		121,163		121,163	Đã được phê duyệt PA sử dụng đất (Trừ Ban trông rừng Lập Thạch chưa được phê duyệt PA SDD)
2	Công ty lâm nghiệp Phú Thọ	Ha	11.188,7081	275,830	10.912,878	10.883,228	29,650			
-	Ban trông rừng Đoan Hùng	Ha	1.147,2700	-	1.147,270	1.146,430	0,840			
-	Ban trông rừng Tam Sơn	Ha	2.615,8800	-	2.615,880	2.615,040	0,840			
-	Ban trông rừng Tam Thắng	Ha	1.709,2000	-	1.709,200	1.707,110	2,090			
-	Ban trông rừng Xuân Đài	Ha	2.184,7981	-	2.184,798	2.183,408	1,390			
-	Ban trông rừng Yên Lập	Ha	2.003,5800	-	2.003,580	2.001,840	1,740			
-	Ban trông rừng Lập Thạch	Ha	1.527,9800	275,830	1.252,150	1.229,400	22,750			
3	Viện nghiên cứu Cây nguyên liệu giấy	Ha	11,9868	-	11,987	9,830	2,157			
IV	Thành phố Hà Nội	Ha	7,3499	-	7,350	-	7,350			
1	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội- 25A Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ha	0,0812		0,081		0,081			
2	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội- 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ha	0,1406		0,141		0,141			
3	Nhà máy giấy Tissue 672 Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Ha	7,0081		7,008		7,008			
4	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội Số 142 phố Đội Cấn, Q. Ba Đình, TP Hà Nội	Ha	0,1200		0,120		0,120			
V	Thành phố Hồ Chí Minh	Ha	0,8295	-	0,830	-	0,830			
1	Phòng Thị trường - Tổng công Giấy Việt Nam số 209 Võ Văn Tần, Quận 3, TP Hồ Chí Minh	Ha	0,0067		0,007		0,007			
2	Phòng Thị trường - Tổng công ty Giấy Việt Nam số 06 Bàu Cát, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	Ha	0,8228		0,823		0,823			

VI	Thành phố Hải Phòng	Ha	0,0084	-	0,008	-	0,008
1	Văn phòng Tổng công ty Giấy Việt Nam tại Hải Phòng - 102 Nguyễn Đức Cảnh - Cát dãi - Lê Chân	Ha	0,0084		0,008		0,008
VII	Tỉnh Long An	Ha	45,3775	-	45,378	-	45,378
1	Tổng công ty Giấy Việt Nam- Nhà máy bột giấy Phương Nam xã Thuận Nghĩa Hòa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.	Ha	45,3775		45,378		45,378
B	CÔNG TY CON 100% vốn điều lệ	Ha	11.222,830	2.446,120	8.776,710	8.763,380	13,330
I	Tỉnh Kon Tum	Ha	11.222,830	2.446,120	8.776,710	8.763,380	13,330
1	Công ty TNHH MTV NLG Miền Nam	Ha	11.222,830	2.446,120	8.776,710	8.763,380	13,330
	TỔNG CỘNG (A+B):	Ha	37.339,853	6.365,770	30.974,083	30.741,588	232,495
-	Diện tích đất khoi lâm nghiệp	Ha	37.165,125	6.365,770	30.799,355	30.741,588	57,767
-	Diện tích đất sản xuất công nghiệp và dịch vụ	Ha	174,728	-	174,728	-	174,728

Bảng 3: Kết quả xây dựng, trình duyệt Phương án sử dụng đất của Tổng công ty

STT	Tỉnh	Tờ trình (Báo cáo) của Tổng công ty			Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh		
		Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm	Nội dung	Số, ký hiệu văn bản	Ngày, tháng, năm	Nội dung
1	Hà Giang				2802/QĐ-UBND	27/12/2019	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh PASDD của Công ty lâm nghiệp Cầu Ham
					2803/QĐ-UBND	27/12/2019	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh PASDD của Công ty lâm nghiệp Vĩnh Hảo
					2804/QĐ-UBND	27/12/2019	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh PASDD của Công ty lâm nghiệp Ngòi Sào
2	Phú Thọ	2284/TTr-GVN.HN	18/11/2020	Tờ trình về việc phê duyệt PASDD của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	3087/QĐ-UBND	24/11/2020	Quyết định về việc phê duyệt PASDD của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

3	Vĩnh Phúc	1039/TTr-GVN.HN	28/5/2021	Tờ trình về việc phê duyệt PASĐĐ của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc			UBND tỉnh Vĩnh Phúc có Văn bản số 3348/UBND-NN5 ngày 09/5/2023 v/v lập phương án SDD của Tcty GVN: Đề nghị Bộ Công Thương chỉ đạo sớm phê duyệt Đề án Tái cơ cấu, Đề án sắp xếp, đổi mới CTLN Lập Thạch làm cơ sở để phê duyệt Phương án sử dụng đất
4	Tuyên Quang	2532/TTr-GVN.HN	22/12/2020	Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt PASĐĐ của Tổng công ty Giấy Việt Nam trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang			Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang có văn bản số 171/STNMTCCĐĐ, ngày 08/02/2021, thông báo phương án sử dụng đất của Tổng công ty sẽ được tỉnh Tuyên Quang phê duyệt sau khi có quyết định phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới các đơn vị lâm nghiệp của cơ quan có thẩm quyền
5	Kon Tum	1388/TTr-GVN.HN	07/12/2021	Tờ trình về việc xin điều chỉnh số liệu diện tích đất xây dựng phương án sử dụng đất và diện tích đất trả lại địa phương quản lý, xử lý tại Công ty TNHH MTV NLG Miền Nam			
6	Long An, TP Hà Nội, Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh	1640/TTr-GVN.HN	22/7/2022	Tờ trình về việc phê duyệt Phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam khi cổ phần hóa doanh nghiệp			

PHỤ LỤC 5: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG NỢ

Bảng 1: Công nợ phải thu tại Chi nhánh Hà Nội

TT	Tên khách nợ	Số còn phải thu đến 31/12/2021 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2022 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2023 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2024 (đồng)	Ghi chú
1	HTX công nghiệp Thành Hưng					Năm 2018 - Đã thu: 3,68 tỷ đồng - Dừng quỹ dư phòng xóa nợ: 4,1 tỷ đồng
2	Công ty CP Thành Gia	2.249.000.000	1.335.000.000	1.185.000.000	745.000.000	
3	Cty CP in và SX DV TM Thành Đạt	261.781.547	244.501.547	226.141.547	222.901.547	
4	Cty TNHH MTV văn hoá phẩm TBH					Năm 2019 - Đã thu: 1,85 tỷ đồng
5	Cty TNHH đầu tư và PT Đức Thành	1.540.081.467	1.406.001.467	1.286.041.467	1.268.401.467	
6	Cty CP truyền thông 5P	2.115.657.917	1.907.017.917	1.685.337.917	1.646.217.917	Năm 2020 - Đã thu: 3,253 tỷ đồng
7	Cty CP in TM Việt Nam – Hà Nội	140.000.000	40.000.000			Năm 2021 - Đã thu: 2,06 tỷ đồng
8	Công ty CP Tổng Bách Hoá					Năm 2022 - Đã thu: 1,5 tỷ đồng
9	Công ty TNHH Quyết Tiến Thanh Hóa	38.760.312	38.760.312	38.760.312	38.760.312	
10	Công ty TNHH Công Tiến					
11	Cty TNHH thương mại Mạnh Hùng					
12	Liên hiệp HTX ngành giấy Hà Nội	196.510.720	186.510.720	156.510.720	146.510.720	
13	Công ty TNHH Sơn Hội					
14	Công ty XNK Tạp phẩm Thành Đạt					
15	TT điện thoại di động CDMA HN	113.364.513				
	Tổng cộng	6.655.156.476	5.157.791.963	4.577.791.964	4.067.791.963	

Bảng 2: Các khoản nợ khó đòi tại Công ty chế biến và XNK Dăm mảnh

Stt	Tên khách nợ	Số còn phải thu đến 31/12/2021 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2022 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2023 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2024 (đồng)	Ghi chú
I	Khoản nợ phải thu khó đòi của khách hàng	13.304.398.680	13.304.398.680	13.304.398.680	13.304.398.680	
1	Công ty TNHH Hoàng Lâm Hạ Long	11.487.349.922	11.487.349.922	11.487.349.922	11.487.349.922	
2	Công ty TNHH Thanh Định	1.158.666.226	1.158.666.226	1.158.666.226	1.158.666.226	
3	Công ty TNHH D & G Việt Nam	326.455.582	326.455.582	326.455.582	326.455.582	
4	Công ty TNHH Lâm Hoàng	331.926.950	331.926.950	331.926.950	331.926.950	

Bảng 3: Các khoản nợ khó đòi tại văn phòng Tổng công ty

Stt	Tên khách nợ	Số còn phải thu đến 31/12/2021 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2022 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2023 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2024 (đồng)	Ghi chú
1	Cty TNHH Tiến Thành Hà Nội	79.265.705	79.265.705	79.265.705	79.265.705	Năm 2018 - Đã thu: 300 triệu đồng - Dùng quỹ dự phòng xóa nợ: 9,5 tỷ đồng
2	Cty thương mại du lịch Hoàng Long					
3	Cty cổ phần Giấy BBP	37.624.333.380	37.624.333.380	37.624.333.380	37.624.333.380	
4	Cty CP TM DL khách sạn Bãi Bằng	182.090.334	182.090.334	182.090.334	182.090.334	Thu xong trong năm 2022
5	Cty CP XD cầu đường & VT Tuyên Quang	629.128.064	0			
6	Nguyễn Tiến Tập (nợ tại VP Hà Nội)	85.980.460	73.980.460	53.980.460	33.980.460	Năm 2018 đã dùng nguồn dự phòng để xóa nợ
7	Khoản nợ EUROCELL					
8	Xí nghiệp chè Vạn Thắng	60.644.371	60.644.371	60.644.371	60.644.371	
	Tổng cộng	38.661.442.314	38.020.314.250	38.000.314.250	37.980.314.250	

Bảng 4: Các khoản nợ khó đòi tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Stt	Tên khách nợ	Thời điểm phát sinh	Số còn phải thu đến 31/12/2021 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2022 (đồng)	Số còn phải thu đến 31/12/2023 (đồng)	Ghi chú
1	Công ty TNHH giấy Hưng Tài	2011	489.681.372	489.681.372	489.681.372	
2	DNTN giấy Đức Phát	2011	324.904.520	324.904.520	324.904.520	
3	Cty TNHH SX TM bao bì vật phẩm VHXD Minh Việt Long	2011	640.436.830	640.436.830	540.436.830	
	Tổng cộng		1.455.022.722	1.455.022.722	1.355.022.722	

Bảng 1: Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn năm 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030

Đơn vị tính: Tỷ đồng																												
Kế hoạch giải ngân vốn giai đoạn 2021-2025																												
STT	Tên dự án	Khởi công Hoàn thành	Tổng giải mức đầu tư	Tổng giải ngân 2021-2025	Tiến độ giải ngân giai đoạn 2021-2025						Vốn tự có của Tổng công ty						Vốn vay thương mại						Vốn khác					Tổng cộng các nguồn vốn giải ngân giai đoạn 2021-2025
					2021	2.022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	Cộng	2021	2022	2023	2024	2025	Cộng	2021	2022	2023	2024	2025	Cộng	
I.	Nhóm B		2.050	20	-	-	-	-	-	20	-	-	-	-	20	20	-	-	-	-	-	-	-	-	20			
1	Đầu tư mới một dây chuyền sản xuất bột công suất từ 50.000 - 70.000 tấn bột tẩy trắng/năm	2025-2029	1.500	10						10					10	10									10			
2	Đầu tư trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại 25a Lý Thường Kiệt, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	2025-2027	250	5						5					5	5									5			
3	Đầu tư nhà máy sản xuất giấy Tissue 30.000 tấn/năm	2025-2027	300	5						5					5	5									5			
II	Nhóm C		200	200	30	80	15	15	60	9	24	5	5	18	61	21	56	10	10	42	139	-	-	-	200			
	Các dự án nhóm C khác	2021-2025	200	200	30	80	15	15	60	9	24	5	5	18	61	21	56	10	10	42	139				200			
	TỔNG SỐ		2.250	220	30	80	15	15	80	9	24	5	5	38	81	21	56	10	10	42	139	-	-	-	220			

Bảng 2: Bảng cân đối vốn đầu tư tự có của Tcty năm 2021 - 2025

Đvt : 1000 đ

TT	Diễn giải	Vốn từ khấu hao TSCĐ	Phân phối lợi nhuận và Vốn khác	Cộng
NĂM 2021				
I	Nguồn vốn còn lại từ 2020 chuyển sang			
II	Tăng trong năm 2021	83.757.820	82.781.278	166.539.097
1	Tăng từ trích khấu hao	83.757.820		83.757.820
2	Tăng từ phân phối lợi nhuận hàng năm 2020		481.278	481.278
3	Tăng từ thoái vốn dự kiến và nguồn khác		-	-
4	Tăng do thu vốn từ các dự án rừng trồng khai thác		82.300.000	82.300.000
III	Giảm trong năm 2021 Dự kiến	166.081.041	-	166.081.041
I	Trả nợ vay trung và dài hạn các dự án	57.781.041	-	57.781.041
a	Trả nợ vay đầu tư giai đoạn I	5.251.416	-	5.251.416
	Trả nợ các dự án vay dài hạn NDF (Vay bằng ngoại tệ)	5.251.416		5.251.416
b	Trả nợ vay các dự án khác	52.529.625		52.529.625
2	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư năm 2021	36.000.000		36.000.000
3	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư trồng rừng	72.300.000		72.300.000
IV	Số dư còn lại chuyển sang năm 2022 tính đến 31/12/2021 (IV=I+II-III)			458.057
NĂM 2022				
I	Nguồn vốn còn lại từ 2021 chuyển sang			458.057
II	Tăng trong năm 2022	72.241.251	87.759.194	160.000.445
1	Tăng từ trích khấu hao dự kiến	72.241.251		72.241.251
2	Tăng từ phân phối lợi nhuận hàng năm 2021		59.194	59.194
3	Tăng từ thoái vốn dự kiến và nguồn khác			
4	Tăng do thu vốn từ các dự án rừng trồng khai thác		87.700.000	87.700.000

III	Giám trong năm 2022 Dự kiến	145.218.964	-	145.218.964
I	Trả nợ vay trung và dài hạn các dự án	26.518.964	-	26.518.964
a	Trả nợ vay đầu tư giai đoạn I	5.255.730	-	5.255.730
	Trả nợ các dự án vay dài hạn NDF (Vay bằng ngoại tệ)	5.255.730		5.255.730
b	Trả nợ vay các dự án khác	21.263.235		21.263.235
2	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư năm 2022	41.000.000		41.000.000
3	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư trồng rừng	77.700.000		77.700.000
IV	Số dư còn lại chuyển sang năm 2023 tính đến 31/12/2022 theo dự kiến (IV=I+II-III)			15.239.537
NĂM 2023				
I	Nguồn vốn còn lại từ 2022 chuyển sang			15.239.537
II	Tăng trong năm 2023	57.283.096	106.516.617	163.799.714
1	Tăng từ trích khấu hao dự kiến	57.283.096		57.283.096
2	Tăng từ phân phối lợi nhuận hàng năm 2022		516.617	516.617
3	Tăng từ thoái vốn dự kiến và nguồn khác		-	-
4	Tăng do thu vốn từ các dự án rừng trồng khai thác		106.000.000	106.000.000
III	Giám trong năm 2023 Dự kiến	178.503.213	-	178.503.213
I	Trả nợ vay trung và dài hạn các dự án	20.503.213	-	20.503.213
a	Trả nợ vay đầu tư giai đoạn I	5.360.617	-	5.360.617
	Trả nợ các dự án vay dài hạn NDF (Vay bằng ngoại tệ)	5.360.617		5.360.617
b	Trả nợ vay các dự án khác	15.142.595		15.142.595
2	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư năm 2023	63.000.000		63.000.000
3	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư trồng rừng	95.000.000		95.000.000
IV	Số dư còn lại chuyển sang năm 2024 tính đến 31/12/2023 theo dự kiến (IV=I+II-III)			536.038
NĂM 2024				
I	Nguồn vốn còn lại từ 2023 chuyển sang			536.038
II	Tăng trong năm 2024	56.076.223	165.322.122	221.398.345

1	Tổng từ trích khấu hao dự kiến	56.076.223		56.076.223
2	Tăng từ phân phối lợi nhuận hàng năm dự kiến (2023)		2.181.779	2.181.779
3	Tăng từ thoái vốn dự kiến và nguồn khác		50.000.000	50.000.000
4	Tăng do thu vốn từ các dự án rừng trồng khai thác		113.140.343	113.140.343
III	Giảm trong năm 2024 Dự kiến	89.779.848	-	89.779.848
I	Trả nợ vay trung và dài hạn các dự án	15.390.968	-	15.390.968
a	Trả nợ vay đầu tư giai đoạn I	5.360.617		5.360.617
	Trả nợ các dự án vay dài hạn NDF (Vay bằng ngoại tệ)	5.360.617		5.360.617
b	Trả nợ vay các dự án khác	10.030.351		10.030.351
2	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư năm 2024	11.500.000		11.500.000
3	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư trồng rừng	62.888.880		62.888.880
IV	Số dư còn lại chuyển sang năm 2025 tính đến 31/12/2024 theo dự kiến (IV=I+II-III)			132.154.535
NĂM 2025				
I	Nguồn vốn còn lại từ 2024 chuyển sang			132.154.535
II	Tăng trong năm 2025	59.076.223	143.254.102	202.330.325
1	Tăng từ trích khấu hao dự kiến	59.076.223		59.076.223
2	Tăng từ phân phối lợi nhuận hàng năm dự kiến (2024)		6.000.000	6.000.000
3	Tăng từ thoái vốn dự kiến và nguồn khác		50.000.000	50.000.000
4	Tăng do thu vốn từ các dự án rừng trồng khai thác		87.254.102	87.254.102
III	Giảm trong năm 2025 Dự kiến	92.049.039	-	92.049.039
I	Trả nợ vay trung và dài hạn các dự án	14.249.039	-	14.249.039
a	Trả nợ vay đầu tư giai đoạn I	5.360.617	-	5.360.617
	Trả nợ các dự án vay dài hạn NDF (Vay bằng ngoại tệ)	5.360.617		5.360.617
b	Trả nợ vay các dự án khác	8.888.422		8.888.422
2	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư năm 2025	38.000.000		38.000.000
3	Nhu cầu vốn tự có phục vụ đầu tư trồng rừng	39.800.000		39.800.000
IV	Số dư còn lại chuyển sang năm 2026 tính đến 31/12/2025 theo dự kiến (IV=I+II-III)			242.435.821

Bảng 3: Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021-2025

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	KH 2025
I.	DOANH THU						
1.	Công ty mẹ	Tỷ đồng	2.249	2.701	2.601	2.648,8	2.370
2.	Công ty con	"	60,6	139	42,2	61	68
II.	LỢI NHUẬN						
1.	Công ty mẹ	"	1,2	13,3	12,5	21,7	18,6
2.	Công ty con	"	1,6	2,75	1,1	2	1,2
III.	SẢN PHẨM CHÍNH						
1.	Sản phẩm sản xuất	Tấn					
	- Giấy Bãi Bằng	"	93.067	98.968	102.187	98.639	96.000
	- Giấy Tissue	"	8.950	9.403	9.084	9.045	9.500
2.	Sản phẩm tiêu thụ	"					
	- Giấy Bãi Bằng	"	96.149	100.223	99.295	100.678	96.000
	- Giấy Tissue	"	8.615	9.472	9.373	9.626	9.500
3.	Khai thác gỗ	m3	212.818	136.201	168.597	175.604	114.201
4.	Tiêu thụ gỗ	"	212.818	136.201	168.597	173.862	114.201
5.	Kế hoạch lâm sinh						
	- Trồng rừng	ha	1.767	1.842	2.180	1.764	2.201
	- Chăm sóc rừng	"	5.059	5.043	5.790	5.764	5.941

Bảng 4: Kế hoạch đầu tư dự án lâm nghiệp giai đoạn năm 2021-2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

St t	Tên dự án	Khởi công - hoàn thành	Công suất thiết kế (ha)	TMDT (tỷ đồng)	Tổng giải ngân 2021-2025	Kế hoạch giải ngân					Kế hoạch giải ngân vốn tự có 2021-2025					
						2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	Cộng
1	Dự án vùng NLG tại vùng Trung tâm	2021- 2031	9.590	529,4	408,3	64,0	69,5	86,3	99,3	89,2	64,0	69,5	86,3	62,8	39,8	321,9
2	Dự án chăm sóc, bảo vệ và PCCCR tại Kon Tum	2021- 2025	8.079	99,7	69,4	17,3	15,4	13,5	12,2	11,0	5,2	4,6	4,1	3,7	3,3	20,8
3	Dự án trồng bạch đàn, keo tại Kon Tum	2021- 2031	738,1	38,2	31,4	5,5	6,4	8,3	4,3	6,9	3,1	3,6	4,6	2,4	3,8	17,4
	Cộng		18.407,1	667,3	509,1	86,8	91,3	108,1	115,8	107,1	72,3	77,7	95,0	68,9	46,4	360,3

Bảng 5: Kế hoạch nguồn vốn đầu tư dự án lâm nghiệp giai đoạn năm 2021-2025*Đơn vị tính: tỷ đồng*

Stt	Tên dự án	Khởi công - Hoàn thành	Công suất thiết kế (ha)	TMBT (tỷ đồng)	Tổng giải ngân 2021-2025	Kế hoạch giải ngân					Tổng giải ngân 2021-2025				
						2021	2022	2023	2024	2025	Vốn tự có của Tổng công ty	Vốn vay thương mại	Hợp tác đầu tư	Vốn liên doanh	Cộng
1	Dự án vùng NLG tại vùng Trung tâm	2021-2031	9.590	529,4	408,3	64,0	69,5	86,3	99,3	89,2	321,9			86,4	408,3
2	Dự án chăm sóc, bảo vệ và PCCCR tại Kon Tum	2021-2025	8.079	99,7	69,4	17,3	15,4	13,5	12,2	11,0	20,8	48,6			69,4
3	Dự án trồng bạch đàn tại Kon Tum	2021-2031	738,1	38,2	31,4	5,5	6,4	8,3	4,3	6,9	17,4			14,0	31,4
	TỔNG SỐ		18.407,1	667,3	509,1	86,8	91,3	108,1	115,8	107,1	360,1	48,6		100,4	509,1

2	Đầu tư trụ sở làm việc và văn phòng thuê tại 25a Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, HN	2025-2027	250,0	5	Mở rộng lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty	Hiện trạng tòa nhà: Mục tiêu đầu tư làm trụ sở, văn phòng làm việc Đã xây dựng từ những năm 1990 đã xuống cấp, lạc hậu và không đáp ứng được những yêu cầu về điều kiện làm việc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống điện Bố trí không gian không hợp lý và diện tích sử dụng thấp không hiệu quả Diện tích xây dựng 230m²/811,6 m² đạt khoảng ¼ nên mật độ xây dựng quá thấp (theo yêu cầu Ban 09 của Bộ Tài chính tại văn bản số 2209/BTC-QLCS ngày 23/2/2010 về phương án sắp xếp xử lý nhà đất của Tổng công ty Giấy Việt Nam) đề nghị Tổng công ty Giấy Việt Nam có phương án sử dụng cơ sở nhà đất có hiệu quả Sự cần thiết đầu tư dự án mới với các lý do: Mật độ xây dựng quá thấp Sử dụng đất không hiệu quả Diện tích sử dụng thấp, diện tích làm việc không hợp lý Cho thuê không hiệu quả và không đáp ứng được yêu cầu của văn phòng cho thuê Hệ thống phòng cháy chữa cháy không đáp ứng yêu cầu Diện tích dịch vụ công cộng không đáp ứng	Đầu tư mới tòa nhà 9 tầng nổi 3 tầng ngầm với đạt mục tiêu sử dụng như sau: - Xây dựng tòa nhà văn phòng đạt hạng A - Sử dụng công nghệ tiến tiến cho dự án mới - Mật độ xây dựng đạt diện tích cao nhất - Sử dụng đất đạt hiệu quả cao nhất - Diện tích sàn sử dụng đạt hiệu quả cao nhất và hợp lý - Hệ thống phòng cháy chữa cháy không đáp ứng yêu cầu - Diện tích dịch vụ công cộng không đáp ứng	Dự án đầu tư văn phòng hạng A Sử dụng hiệu quả về lợi thế vị trí khu đất (vàng) Tăng hiệu quả sử dụng đất Tăng diện tích sàn sử dụng Tòa nhà đáp ứng được vừa sử dụng làm việc và văn phòng cho thuê tạo thêm doanh thu hàng năm Đáp ứng yêu cầu Hệ thống phòng cháy chữa cháy Đáp ứng diện tích dịch vụ công cộng của tòa nhà	Đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trong lĩnh vực giấy tissue, tăng doanh thu và
3	Đầu tư nhà máy sản xuất giấy Tissue	2025-2027	300	5	Năng cao sản năng lực sản xuất của Tổng	Từ phân tích thị trường tiêu thụ và khả năng sản xuất giấy tissue cho thấy: cần thiết phải đầu tư mới dây chuyền giấy Tissue công suất 30.000 tấn/năm tại	Dây chuyền tissue đầu tư mới sử dụng công nghệ tiên tiến hiện nay, thiết bị dễ dàng vận hành, bảo dưỡng và có khả năng nâng cấp		

	30.000 tấn/ năm					công ty, chủ động sản xuất kinh doanh	Thị trấn Phong Châu, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ.	thay thế, chi phí sản xuất thấp, chất lượng sản phẩm cao và độ ổn định chất lượng sản phẩm, linh hoạt trong việc chuyển đổi mặt hàng sản xuất.	hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Tổng công ty Giấy Việt Nam.
III.	Nhóm C								
	Các dự án nhóm C khác	2021- 2025	200	200		Gồm tất cả loại hình dự án: Dự án mở rộng sản xuất, DA duy trì năng cao chất lượng, DA đầu tư bất buộc theo sách	Hệ thống dây chuyền thiết bị, xe, máy, công trình của Tổng công ty Giấy Việt Nam đã đưa vào sản xuất và vận hành gần 40 năm. Quá trình sản xuất dây chuyền đã cũ có những bộ phận cần thay thế, cải tiến, hỏng hóc và cần mua sắm đầu tư mới để đảm bảo hoạt động duy trì và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, hoặc đảm bảo yêu cầu bắt buộc theo quy định của Nhà nước về quản lý ngành.	Sử dụng công nghệ phù hợp với dây chuyền hoặc công nghệ tiên tiến nhằm đáp ứng tốt nhất quá trình sản xuất.	Việc đầu tư các dự án, hạng mục nhỏ nhóm C đã giúp duy trì ổn định hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

PHỤ LỤC 7: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN THOẠI VỐN, PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

Bảng 1: Danh sách các công ty thoái vốn

TT	Tên đơn vị	Số vốn góp của Tổng công ty (triệu đồng)	Tỷ lệ (%) vốn điều lệ	Lộ trình thoái vốn (năm)
1	Công ty cổ phần Tân Mai Tây Nguyên	5.500	2,5	2025-2030
2	Công ty cổ phần Tân Mai Miền Trung	8.250	2,5	2025-2030
3	Công ty cổ phần In Phúc Yên	4.045	16,2	2025-2030
4	Công ty cổ phần Sấn Sơn Sơn	8.120	29	2025-2030
5	Công ty cổ phần Giấy Thanh Hóa	9.462		2025-2030
6	Công ty cổ phần Tập đoàn Tân Mai	202.495	22,74	2025-2030
7	Công ty cổ phần Giấy BBP	52.000	23,79	2025-2030
	Tổng cộng	289.872		

Bảng 2: Phương án tài chính sau cơ cấu lại

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại thời điểm ngày 31/12/2020	Tại thời điểm ngày 31/12/2021	Tại thời điểm ngày 31/12/2022	Tại thời điểm ngày 31/12/2023	Tại thời điểm ngày 31/12/2024	Tại thời điểm ngày 31/12/2025
A	TÀI SẢN		2.715.061	2.641.619	2.612.833	2.448.125	2.132.722	2.748.737
I	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	1.888.426	1.876.503	1.972.321	1.942.375	1.729.229	1.784.042
II	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	826.635	765.116	640.512	505.750	403.493	964.695
B	NGUỒN VỐN		2.715.061	2.641.619	2.612.833	2.448.125	2.132.722	2.748.737
I	Nợ phải trả	Triệu đồng	1.346.311	1.334.086	1.297.596	1.122.658	815.267	1.436.686
II	Vốn chủ sở hữu (Mã 400-BCĐKT)	Triệu đồng	1.368.750	1.307.533	1.315.237	1.325.467	1.317.454	1.312.051
C	HỆ SỐ NỢ PHẢI TRẢ/VỐN CHỦ SỞ HỮU	Lần	0,98	1,02	0,99	0,85	0,62	1,09

Ghi chú: Vốn chủ sở hữu (mã 400 – Bảng CĐKT) không bao gồm Dự án nhà máy bột giấy Phương Nam

* Phương án trên đã tính đến yếu tố thoái vốn tại 07 công ty liên kết trong giai đoạn 2021-2025.

PHỤ LỤC 8: CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG SUẤT THIẾT BỊ KỸ THUẬT SẢN XUẤT

Bảng 1: Công suất thiết kế các công đoạn sản xuất giấy in, giấy viết

Stt	Công đoạn sản xuất	Năm sử dụng	Công suất thiết kế	Đánh giá	Thừa (+), thiếu(-) so với các công đoạn
1	Nhà máy Giấy:				
	Công đoạn xử lý nguyên liệu gỗ	1982	520.000 tấn/năm	Đáp ứng cho công suất bột 110.000 tấn/năm	
	Công đoạn sản xuất bột	1982	78.000 tấn/năm	Chỉ đạt được 68.000 tấn/năm. Chưa đạt được công suất thiết kế.	Không đủ cung cấp cho hai máy xeo công suất 100.000 tấn/năm
	Công đoạn sản xuất giấy	1982	120.000 tấn/năm	Chỉ đạt được 105.000 tấn/năm. Chưa đạt được công suất thiết kế	
	Công đoạn xử lý nước thải	- Giai đoạn 1 và 2: 2003. - Giai đoạn 3: 2022	30.000 m ³ /ngày đêm	Đáp ứng đủ dây chuyền sản xuất hiện tại (Công suất thực tế hiện nay 22.000 -27.000 m ³ /ngày đêm)	Đáp ứng yêu cầu của Quy chuẩn môi trường cho phép
2	Nhà máy Điện				
	Lò đốt than	1980	145 tấn hơi/giờ Hiệu suất thu hồi nhiệt 88%	Hiện tại công suất là 90 tấn/giờ, hiệu suất thu hồi nhiệt đạt 80%	
	Lò thu hồi	1982	30 tấn hơi/giờ 275 tấn chất rắn/ngày	36 tấn hơi/giờ, 320 tấn chất rắn/ngày	
	Tuabin đối áp – Máy phát G1	1980	- 98 tấn hơi/giờ - Áp suất hơi làm việc 5,4 Mpa, nhiệt độ 450°C - Công suất phát: 12 MWh	- Công suất phát hiện tại: 10 MWh, đạt 83% - Các thông số kỹ thuật đạt theo thông số thiết kế, thiết bị làm việc bình thường.	- Công suất thiết kế của 2 máy phát: 28MWh - Công suất phát hiện nay: 18 MWh

	Tuabin ngưng tụ- Máy phát G2	1980	- 86 tấn/giờ - Áp suất hơi làm việc 5,8 Mpa, nhiệt độ 450°C - Công suất phát: 16 MWh	- Công suất phát hiện tại 7 MWh, đạt 43,7% - Đang hạn chế về công suất phát và chỉ chạy bù Cosφ	
	Nước cấp	1980	- Công suất xử lý nước bổ sung: 80 m³/giờ - Công suất xử lý nước ngưng thu hồi: 100 m³/giờ	- Công suất tiêu thụ: 63 m³/giờ, đang sử dụng 79% công suất - Nước ngưng thu hồi: 41 m³/giờ	+ 57 m ³ /giờ
	Nước thô	1980	Công suất xử lý 59.000 m ³ /ngày	Công suất tiêu thụ lớn nhất 35.000 m ³ /ngày	+ 24.000 m ³ /ngày
	Trạm biến áp 110 kV	1980	- Biến áp cho điện sản xuất: 25MVA - Biến áp cho điện sinh hoạt: 25 MVA	- Máy biến áp cho điện sản xuất sử dụng hòa lưới điện quốc gia, chỉ chuyển tải công suất thừa hoặc thiếu, đang vận hành ở chế độ non tải. Đã cuốn lại 2 lần, công suất nhận từ lưới khoảng 20% định mức. Đang nhận lưới 50% công suất định mức, chế độ non tải	+ 25 MVA
3	Nhà máy hóa chất				
	Công đoạn nước muối	1982	12 m ³ /giờ	Đạt 70% công suất thiết kế, thừa.	Nhu cầu sử dụng cho sản xuất bột giấy: 30 - 40% công suất sản xuất
	Công đoạn điện phân	2005	19 tấn Clo/ngày; 21 tấn xút/ngày	Đạt 90% công suất thiết kế,	
	C.đoạn T.hợp HCl	2001	30 tấn axit HCl 33%/ngày	Đạt 60% công suất thiết kế	
	Công đoạn xử lý clo	1982	21,6 tấn/ngày	Đạt 90% công suất thiết kế, độ ổn định kém	
	Công đoạn sx Javen	1990	72 m ³ /ngày	Đạt 90% công suất thiết kế, có thể chạy được 100% công suất TK	

Bảng 2: Danh mục, thông số kỹ thuật và hiện trạng thiết bị của dây chuyền sản xuất giấy Tissue 10.000 tấn/ năm

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
1	Hệ thống chuẩn bị bột giấy		
1.1	Dây chuyền bột giấy tẩy trắng BKP (35BDT/ngày)		
	Đánh toi thủy lực	V = 12 m ³ ; C = 3 - 5%; lỗ = 13mm.	- Tiếp nhận nguyên liệu từ băng tải, nước sạch, nước trắng từ bể chứa nước trắng. - Hoạt động bình thường.
	Động cơ nghiền thủy lực	110kw x 8P x 380V x 50Hz.	
	Băng tải nạp liệu	KT: 1200mm x 4000mm Tốc độ: 16 m/phút Góc nghiêng: 25° Motor bánh răng: 3,7kw và 7,5kw	- Tiếp nhận nguyên liệu từ xe cấp nguyên liệu và vận chuyển nguyên liệu vào máy đánh toi thủy lực. - Hoạt động bình thường
	Bơm bột nghiền thủy lực	Q = 2,5 m ³ /phút H = 20 mH C = 3 - 5%	
	Động cơ bơm bột nghiền thủy lực	30kw x 4P x 380V x 50Hz	- Bơm bột từ bể thủy lực về bể chứa sau đánh toi thủy lực - Hoạt động bình thường
	Cánh khuấy bể chứa bột sau nghiền	KT: □ 850mm C = 3 - 5%	
	Động cơ khuấy	15kw x 6P x 380V x 50Hz	- Khuấy trộn đều bột giấy - Hoạt động bình thường
	Bơm lọc cát nồng độ cao	Q = 1m ³ /phút H = 30mH C = 3 - 5%	
	Động cơ bơm	15kw x 4P x 380V x 50Hz	- Bơm bột giấy từ bể chứa bột giấy sau đánh toi thủy lực qua lọc cát nồng độ cao - Hoạt động bình thường

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
	Lọc cát nồng độ cao	C = 3 – 5% Q = 700 – 800 lít/phút Áp suất = 1,5 – 2 kg/cm ²	- Loại bỏ cát sạn và các tạp chất thô có trong huyền phù bột giấy - Hoạt động bình thường
	Khuấy bể chứa bột sau lọc cát	KT: □ 750 mm C = 3 – 5%	- Khuấy trộn đều bột giấy
	Động cơ khuấy	11kw x 6P x 380V x 50Hz	- Hoạt động bình thường
	Bơm bột cho	Q = 1m ³ /phút	- Bơm bột từ bể chứa và chuyển tới máy nghiền bột giấy
	Nghiền đĩa đôi	H = 15mH, C = 3 – 5%	- Hoạt động bình thường
	Động cơ bơm	7,5kw x 4P x 380V x 50Hz	- Hoạt động bình thường
	Máy nghiền đĩa kép, 02 bộ	C = 3 – 5% Loại thủy lực 20 inch Thanh đĩa □ 508mm	- Nghiền bột giấy tới độ nghiền yêu cầu nhằm nâng cao tính chất của giấy Tissue
	Động cơ nghiền, 02 bộ	190kw x 6P x 380V x 50Hz	- Hoạt động bình thường
		Q = 40 – 50 tấn/ngày, C = 3 – 6% ĐK đĩa: □ 500 mm Áp lực dòng bột vào = 1,5 – 2,0 kg/cm ² Áp lực dòng bột ra = 2,0 – 2,5 kg/cm ²	- Nghiền bột giấy tới độ nghiền yêu cầu nhằm nâng cao tính chất của giấy Tissue
	Máy nghiền đĩa kép, 01 bộ	Áp lực dòng bột ra = 2,0 – 2,5 kg/cm ²	- Hoạt động bình thường
	Động cơ nghiền	190 – 250 kw x 380V x 50Hz	- Hoạt động bình thường
1.2	Dây chuyền giấy lẻ Tissue (10BDT tấn/ngày)		
	Đánh toi thủy lực	V = 4,5 m ³ ; C = 3 – 5%;	

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
		□ lỗ = 13mm.	- Tiếp nhận nguyên liệu từ băng tải, nước sạch, nước trắng từ bể chứa nước trắng. - Hoạt động bình thường.
	Động cơ nghiền thủy lực	55kw x 6P x 380V x 50Hz.	
	Băng tải nạp	KT: 1200mm x 1600mm Tốc độ: 16 m/phút Góc nghiêng: 25° Motor bánh răng: 3,7kw và 7,5kw	- Tiếp nhận nguyên liệu từ xe cấp nguyên liệu và vận chuyển nguyên liệu vào máy đánh tời thủy lực. - Hoạt động bình thường
	Bơm bột nghiền thủy lực	Q = 1,2 m ³ /phút H = 20 mH C = 3 – 5%	
	Động cơ bơm	11kw x 4P x 380V x 50Hz	- Bơm bột từ bể thủy lực về bể chứa sau đánh tời thủy lực - Hoạt động bình thường
	Cánh khuấy bể chứa bột sau nghiền	KT: □ 750mm C = 3 – 5%	
	Động cơ khuấy	11kw x 6P x 380V x 50Hz	- Khuấy trộn đều bột giấy - Hoạt động bình thường
	Bơm lọc cát nồng độ cao	Q = 0,6 m ³ /phút H = 30mH C = 3 – 5%	
	Động cơ bơm	11kw x 4P x 380V x 50Hz	- Bơm bột giấy từ bể chứa giấy sau đánh tời thủy lực lọc cát nồng độ cao - Hoạt động bình thường
	Lọc cát nồng độ cao	C = 3 – 5% Q = 400 – 500 lít/phút Áp suất = 1,5 – 2 kg/cm ²	
	Sàng lỗ	C = 1 – 5,5%	- Loại bỏ các tạp chất thô có trong dòng bột giấy. - Hoạt động bình thường
		Áp lực dòng vào nhỏ nhất = 0,5 kg/cm ² Đường kính lỗ = □ 2mm	

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
	Động cơ sàng	5,5kw x 6P x 380V x 50Hz	
	Khuấy bể chứa bột sau lọc cát	KT: □750 mm C = 3 – 5%	- Khuấy trộn đều bột giấy - Hoạt động bình thường
	Động cơ khuấy	11kw x 6P x 380V x 50Hz	
	Bơm bột cho nghiền đĩa đôi	Q = 0,4 m ³ /phút H = 15mH C = 3 – 5%	- Bơm bột từ bể chứa và chuyển tới máy nghiền bột giấy - Hoạt động bình thường
	Động cơ bơm	5,5kw x 4P x 380V x 50Hz	
	Máy nghiền đĩa kép	C = 3 – 4%	
		Loại thủy lực 14 inch Thanh đĩa □355mm	- Nghiền bột giấy tới độ nghiền yêu cầu nhằm nâng cao tính chất của giấy Tissue - Hiện tại không sử dụng
	Động cơ nghiền, 02 bộ	110kw x 4P x 380V x 50Hz	
1.3	Hệ thống tiệt cận máy xeo		
	Khuấy bể chứa bột sau trộn	KT: □750 mm C = 3 – 5%	- Khuấy trộn đều bột giấy - Hoạt động bình thường
	Động cơ khuấy	11kw x 6P x 380V x 50Hz	
	Bơm bột cho thùng trộn	Q = 1m ³ /phút H = 15mH C = 3 – 5%	- Bơm bột từ bể chứa lên thùng trộn bột giấy - Hoạt động bình thường
	Động cơ bơm	7,5kw x 4P x 380V x 50Hz	
	Khuấy bể chứa bột máy	KT: □750 mm C = 3 – 5%	
	Động cơ khuấy	11kw x 6P x 380V x 50Hz	- Khuấy trộn đều bột giấy - Hoạt động bình thường

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
	Bơm bột cho thùng điều tiết	$Q = 1\text{m}^3/\text{phút}$ $H = 15\text{mH}$ $C = 3 - 5\%$	- Bơm bột từ bể chứa lên thùng điều tiết bột giấy - Hoạt động bình thường - Bơm bột từ bể xeo lên sàng
	Động cơ bơm	$7,5\text{kw} \times 4\text{P} \times 380\text{V} \times 50\text{Hz}$	
	Bơm quạt	$Q = 28 \text{ m}^3/\text{phút}$	
	Động cơ bơm	$H = 26 \text{ mH}$ $KT = \square 500\text{mm} \times \square 500\text{mm}$ Loại xoắn ốc hút kép $190 \text{ kw} \times 6\text{P} \times 380\text{V} \times 50\text{Hz}$	- Hoạt động bình thường
	Sàng tĩnh	$C = 0,1 - 0,3\%$ $Q = 30 - 40 \text{ m}^3/\text{phút}$ Áp lực = $0,3 \text{ kg/cm}^2$ DK lồng sàng: $\square 1200\text{mm}$ Lỗ sàng: $\square 1,4\text{mm}$	
		Động cơ bơm	
	Sàng rung	$KT = 1000 \text{ mm} \times 2000 \text{ mm}$ KT khe = $0,35\text{mm}$, Động cơ: $3,7\text{kw} \times 8\text{P}$	- Loại bỏ các tạp chất - Hoạt động bình thường
2	Máy xeo giấy		
	Hòm phun bột giấy	$C = 0,13 - 0,3\%$ $Q = 20 - 30 \text{ m}^3/\text{phút}$ Tốc độ thiết kế = 1000 m/phút Chiều rộng = 2850 mm	- Độ đồng đều huyền phù bột giấy trước khi lên lưới xeo - Hoạt động bình thường

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
	Hệ thống lưới xeo giấy	Chiều dài = 3560mm Mắt lưới = 84/84 or 94/115 Chiều rộng = 2920 mm Mặt mở = 2890mm Chiều dài = 12,000mm Vật liệu lưới: chất dẻo Độ căng lưới = max 7 kg/cm ² Lô hình thành □ 860 mm	- Hình thành băng giấy có dải định lượng 11 – 25 g/m ² - Hoạt động bình thường
3		Hệ thống ép	
	Chăn xeo giấy	Rộng = 3050 mm Dài = 27,000 mm, Vật liệu: sợi tổng hợp	
	Lô ép hút	Đường kính = □ 820mm Hộp hút đơn 155 ⁰ Áp lực làm việc = 100 kg/cm ²	- Thoát nước đạt độ khô của băng giấy trước khi vào lô sấy Yankee
	Độ căng của chăn xeo	Max 3,5 kg/cm ²	- Hoạt động bình thường
	Rửa chăn xeo	Bộ phun áp lực cao	
4		Hệ thống sấy giấy	
	Lô sấy Yankee	Đường kính: □ 3660 mm Dài = 3200 mm Áp lực hơi: 8 kg/cm ² Độ cứng: 205 – 220 HB, Vật liệu: Gang đúc	- Sấy khô giấy đến độ ẩm 7% - Hoạt động bình thường
	Syphon	Syphon tĩnh loại gầu	- Thoát nước ngưng ra ngoài lò - Hoạt động bình thường
	Hệ thống bôi trơn	Hệ thống dầu bôi trơn được lắp đặt với ống làm mát bằng nước cho ổ bi	- Bôi trơn cho hệ thống - Hoạt động bình thường

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
	Chụp hút sấy	Hệ thống gia nhiệt hơi nước với 160 °C nhiệt độ không khí nóng Vận tốc khí nóng: 60m/giây Quạt cấp: 1000 m³ x 480 mmAQ, động cơ 132kw x 6P, Quạt xả: 500 m³ x 250 mmAQ, động cơ 45kw x 4P, Bộ lọc làm sạch không khí	- Cung cấp khí nóng và thoát hơi nước ra ngoài. - Hoạt động bình thường
	Dao cạo và dao chun	02 bộ dao được điều khiển bằng xylanh khí và được di động nhờ động cơ điện bánh răng, 0,75kw	- Làm sạch lô sấy và tạo độ chun cho giấy Tissue. - Hoạt động bình thường
5	Hệ thống cuộn giấy		
	Bộ phận cuộn giấy	Loại cuộn bề mặt nằm ngang	- Cuộn giấy đến đường kính theo yêu cầu của sản xuất. - Hoạt động bình thường
	Chiều rộng chưa xén	Chiều rộng = 2950 mm	
	Kích thước	Đường kính cuộn giấy max 2200 mm	
	Hệ thống gài giấy	Giá đỡ tay	
	Giá đỡ ống lõi lô ống cuộn	Bồn bộ giá	
6	Hệ thống cắt cuộn lại		
	Động cơ truyền động	Công suất: 15 kW	- Cắt thành các khổ giấy và đường kính theo yêu cầu. - Hoạt động bình thường
	lô tiếp nhận và tờ cuộn	Điện áp: 380/660V Dòng điện: 28,9/16,7A	
		Tần số: 50Hz	
		Cấp bảo vệ: IP 55	
		Chế độ làm việc/Duty: S1	

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
	Động cơ truyền động bộ phận lô lán	Công suất: 18,5 kW Điện áp: 380/660V Dòng điện: 34,6/20 A Tần số: 50Hz, Cấp bảo vệ: IP 44; 55 Chế độ làm việc/Duty: S1	
	Động cơ truyền động bộ phận cuộn và chia khổ.	Công suất: 22 kW Điện áp: 380/660V Dòng điện: 40,5/23,4A Tần số: 50Hz Cấp bảo vệ: IP 55 Chế độ làm việc/Duty: S1	
	Biến tần cho động cơ chuyển động bộ phận tiếp nhận và tờ cuộn	Công suất: 15 kW Cấp điện áp: 3P/380VAC Tần số: 0,1-400Hz, Xử lý tín hiệu: 32 bit	
	Biến tần cho động cơ chuyển động bộ phận lán	Công suất: 18,5 kW Cấp điện áp: 3P/380VAC Tần số: 0,1-400Hz, Xử lý tín hiệu: 32 bit	
	Biến tần cho động cơ chuyển động bộ cuộn và chia khổ	Công suất: 22 kW Cấp điện áp: 3P/380VAC Tần số: 0,1-400Hz, Xử lý tín hiệu: 32 bit	
7		Hệ thống dẫn động cơ khí	
	Dẫn động lô hình thành	Động cơ: 132kw x 6P Hộp số: 1/2.7 loại thùng dầu song song	- Dẫn động cho lô sấy và phần tiem cận máy xeo giấy.
	Dẫn động lô sấy Yankee	Động cơ: 132kw x 6P Hộp số: 1/1.8 loại thùng dầu	- Hoạt động bình thường



STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
8		Máy bao gói	
	Loại	Quay bàn quay	
	Trung bình gói	Màng rộng 400 mm	- Bao gói màng nylon cho các cuộn giấy.
	Đường kính cuộn	□ 1000 mm x 1500mm	- Hoạt động bình thường
	Động cơ	15kw x 380v x 50Hz	
9		Hệ thống thiết bị phụ trợ	
	Hệ thống chân không	Q = 170 m ³ /phút – 500 HG Động cơ: 220kw x 6P Bơm thải động cơ: 7,5kw	- Hút chân không cho phân chần và trực bưng. - Hoạt động bình thường
	Bơm bể lưới	Q = 2 m ³ /phút H = 15 mH Động cơ: 11kw x 380V x 50Hz	- Bơm nước trắng. - Hoạt động bình thường
	Thiết bị lọc nước trắng	Mất lưới 150 Động cơ: 2,2kw	- Lọc nước trắng. - Hoạt động bình thường
	Máy nén khí	Q = 5,2 m ³ /phút Áp lực: 4 – 7 kg/cm ² Động cơ: 30 kw x 4P	- Cung cấp khí nén cho các thiết bị. - Hoạt động bình thường

Bảng 3: Danh mục, thông số kỹ thuật và hiện trạng thiết bị của dây chuyền sản xuất bột DIP công suất 20.000 tấn/năm

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
1	Băng tải (11F - 801/11FM-801)	B = 1.200mm Năng lực 5000kg	- Tiếp nhận nguyên liệu từ xe cấp nguyên liệu và vận chuyển nguyên liệu vào Đánh toi thủy lực (11E - 001).
2	Đánh toi thủy lực (11E - 001/11EM - 001)	V = 23.1m ³ ; C = 12 - 18%; Sản lượng: 91 tấn/ngày.	- Tiếp nhận nguyên liệu từ băng tải (11F - 801), nước từ bể nước nóng (11T - 100), nước pha loãng từ ngăn 3 (130m ³) của bể nước 3 ngăn. - Đánh toi, pha loãng bột giấy trước khi sang sàng (11E - 002). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
3	Bể nước nóng (11T - 100)	V = 20m ³ ; Nhiệt độ: 450C.	- Chứa và gia nhiệt nước cho đánh toi thủy lực (11E - 001) lên 45 ⁰ C. - Hoạt động bình thường.
4	Bơm nước nóng (11P - 307/11PM - 307)	Q = 4.193,7 l/p; C = 0,009%	- Bơm nước từ bể nước nóng (11T - 100) vào Đánh toi thủy lực (11E - 001). - Hoạt động bình thường.
5	Thiết bị tách rác kèm thủy lực (11E - 002/11EM - 002)	C = 4 - 5%; Q = 7.492,3 l/p; Lỗ sàng 6mm.	- Tiếp nhận huyền phù bột từ Đánh toi thủy lực (11F - 801), tách loại hơi (nilon, vải vụn v.v.) ra khỏi huyền phù bột giấy. - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt tuy nhiên hay bị tắc, phải xả gây tiêu hao bột.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
6	Bơm bột (11P- 306)	C = 4 - 5%; Q = 7.492,3 l/p.	- Bơm huyền phù bột giấy từ thiết bị tách rác (11E - 002) vào bể chứa bột giấy sau tách rác (11T - 102).
7	Bể chứa bột giấy sau tách rác (11T - 102)	V = 150m ³ ; C = 4 - 5%; Khuấy 11A - 400/11AM - 400.	- Chứa bột giấy sau tách rác và bột hồi lưu từ lọc cát nồng độ cao (11E - 003). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
8	Bơm bột vào lọc cát nồng độ cao (11P - 308)	Q = 1781,9l/p, C = 3,5%.	- Bơm bột giấy từ bể chứa bột giấy sau tách rác (11T - 102) vào Lọc cát nồng độ cao (11E - 003). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
9	Lọc cát nồng độ cao (11E - 003)	Q = 1781,9l/p, C = 3,5%.	- Tách loại cát sạn, dính ghim khỏi dòng bột trước khi vào sàng thô cấp 1 (11E - 004). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
10	Sàng thô cấp 1 (11E - 004)	Q = 1829,5l/p, C = 3,442%. Loại sàng lỗ □ 1,6mm.	- Tiếp nhận huyền phù bột từ lọc cát nồng độ cao (11E - 003), nước pha loãng từ bể nước 3 ngăn. Bột tốt vào bể chứa bột sau sàng thô (11T - 104), thải dính và bột không hợp cách vào bể bột thải sau sàng cấp 1 (11T - 103). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
11	Bể chứa bột thải sau sàng thô (11T - 103)	V = 10m ³ ; C = 3,5%	- Tiếp nhận bột thải từ sàng cấp 1 (11E - 003), nước pha loãng từ bể nước 3 ngăn cấp cho sàng cấp 2 (11E - 005). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
12	Bơm bột vào sàng thô cấp 2 (11P - 309)	$Q = 360,1 \text{ l/p}$, $C = 3,5\%$	- Bơm bột giấy từ bể bột thải sau sàng cấp 1 (11T - 103) và sàng thô cấp 2 (11E - 005). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
13	Sàng thô cấp 2 (11E - 005).	$Q = 360,1 \text{ l/p}$, $C = 3,5\%$. Loại lỗ sàng 1,6mm.	- Tiếp nhận huyền phù bột giấy từ bơm bột (11P - 309), nước pha loãng từ bể nước 3 ngăn. Bột tốt vào bể chứa bột sau sàng thô (11T - 104), thải đỉnh loại bỏ, bột không hợp cách vào bể bột thải sàng tinh cấp 2 (11T - 106). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
14	Bể chứa bột sau sàng thô (11T - 104)	$V = 30\text{m}^3$; $C = 3,2\%$; khuyết 11A - 402/11AM - 402.	- Tiếp nhận bột tốt từ sàng thô cấp 1 (11E - 004), sàng thô cấp 2 (11E - 005) và bột thải sàng tinh cấp 1 hồi lưu từ bơm 11P 312. - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
15	Bơm bột vào	$Q = 1.989,6 \text{ l/p}$	- Tiếp nhận bột từ bể chứa bột sau sàng thô,
	sàng tinh cấp 1 (11P - 310)	$C = 3,0\%$	- nước pha loãng từ bể 3 ngăn cấp vào sàng tinh (11E - 006). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.



STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
16	Sàng tinh cấp 1 (11E - 006)	Q = 1989,6 l/p; C = 3,0% (khe sàng 0,15mm).	- Tiếp nhận bột từ bơm (11P - 310) và nước rửa từ bể 3 ngăn. Bột tốt sang bể bột sau sàng tinh (11T - 107). Thải đỉnh và bột không hợp cách thu về bể bột thải sàng tinh cấp 1 (11T - 105). - Nồng độ hoạt động thực tế là $0,8 \div 1,0\%$ thấp hơn nồng độ thiết kế. - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
17	Bể thải sàng tinh cấp 1 (11T - 105)	V = 10m ³ ; C = 2,4%;	- Tiếp nhận bột từ thải đỉnh, bột không hợp cách của sàng tinh cấp 1 (11E - 006), nước pha loãng từ bể 3 ngăn và bột hợp cách từ sàng tinh cấp 3 (11E - 008). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
18	Bơm bột vào sàng tinh cấp 2 (11P - 311)	Q = 758,2 l/p; C = 2,4%	- Tiếp nhận bột từ bể thải sàng tinh cấp 1 (11T - 105) cấp và sàng tinh cấp 2 (11E - 007). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
19	Sàng tinh cấp 2 (11E - 007)	Q = 758,2 l/p; C = 2,4% (khe sàng 0,15mm).	- Tiếp nhận bột từ bơm (11P - 311) và nước rửa từ bể 3 ngăn. Bột tốt sang bể bột sau sàng tinh (11T - 107). Thải đỉnh và bột không hợp cách thu về bể bột thải sàng tinh cấp 2 (11T - 106). - Nồng độ hoạt động thực tế là $0,8 \div 1,0\%$ thấp hơn nồng độ thiết kế. - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.



STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
20	Bể chứa bột thải sàng tinh cấp 2 (11T - 106)	V = 10m ³ ; C = 2,0%;	- Tiếp nhận bột từ thải đỉnh, bột không hợp cách của sàng tinh cấp 2 (11E - 007), nước pha loãng từ bể 3 ngăn và bột không hợp cách từ sàng thô cấp 2 (11E - 005). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
21	Bơm bột vào sàng tinh cấp 3 (11P - 312)	Q = 328,5 l/p; C = 2,0%	- Tiếp nhận bột từ bể thải sàng tinh cấp 2 (11T - 106) cấp và sàng tinh cấp 3 (11E - 008). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
22	Sàng tinh cấp 3 (11E - 008)	Q = 328,5 l/p; C = 2,0% (khe sàng 0,15mm).	- Tiếp nhận bột từ bơm (11P - 312) và nước rửa từ bể 3 ngăn. Bột tốt sang bể bột thải sàng tinh cấp 1 (11T - 105). Thải đỉnh và bột không hợp cách thải bỏ. - Nồng độ hoạt động thực tế là 0,8 ÷ 1,0% thấp hơn nồng độ thiết kế. - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt. - Thường xuyên tác, phải dùng máy để vệ sinh và thông tắc sàng.
23	Bể chứa bột sau sàng tinh (11T - 107)	V = 30m ³ ; C = 2,65%.	- Tiếp nhận bột từ sàng tinh cấp 1 (11E - 006), sàng tinh cấp 2 (11E - 007) và bột hồi lưu từ thùng điều tiết (11T - 117). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
24	Bơm bột lên thùng điều tiết (11P - 313)	Q = 2594,8 l/p; C = 2,65%.	- Tiếp nhận bột từ bể bột giấy sau sàng tinh (11T - 107) vận chuyển bột lên thùng điều tiết (11T - 117). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
25	Thùng điều tiết bột (11T - 117)	Thùng 3 ngăn.	- Tiếp nhận bột từ bơm bột giấy (11P - 313), cấp bột vào trước bơm bột vào tuyến nổi (11P - 318) và hồi lưu bột về bể chứa bột sau sàng tinh (11T - 107). - Hiện tại vẫn có khả năng vận hành tốt.
26	Bể chứa nước 3 ngăn (11T - 108)	Ngăn A: 130m ³ ; Ngăn B: 70m ³ ; Ngăn C: 10m ³ .	- Ngăn C: Tiếp nhận nước từ máy xeo và nước sạch. Cấp nước pha loãng cho phân tán và tháp tẩy trắng. - Ngăn B: Tiếp nhận nước chảy tràn từ ngăn C, nước từ rửa lưới đôi. - Ngăn A: Tiếp nhận nước chảy tràn từ ngăn B, nước từ vít ép (11E - 015). Cấp nước cho bơm 11P - 316, phần dư thừa chảy tràn về hệ thống xử lý nước thải. - Hoạt động bình thường.
27	Bơm bột vào tuyến nổi (11P - 318)	Q = 5714,8 l/p; C = 1,1%.	- Tiếp nhận bột từ thùng điều tiết (11T - 117), nước pha loãng ngăn B của bể 3 ngăn (11T - 108) và cấp vào tháp tuyến nổi. - Hoạt động bình thường.
28	Tháp tuyến nổi (11E - 009)	Tháp trụ đứng, C = 1,1%.	- Tiếp nhận bột từ bơm (11P - 318), bột tốt cấp vào bơm lọc cát cấp 1 (11P - 322), bột mực sang bể chứa bột (11T - 109).

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
			- Hoạt động bình thường tuy nhiên hiệu quả tách mực không cao.
29	Bơm tuần hoàn cho tháp tuyển nổi (11P - 319 và 11P - 320).	$C = 1,1\%$	- Tuần hoàn bột cho quá trình tuyển nổi mực cho tháp tuyển nổi (11E - 009). - Hoạt động bình thường.
30	Bể chứa bột mực (11T - 109)	$V = 5m^3$	- Tiếp nhận và chứa bột mực từ tháp tuyển nổi (11E - 009). - Hoạt động bình thường.
31	Bơm bột mực về bể chứa bùn (11P - 321)	$Q = 201,2 \text{ l/p}; C = 2,5\%$	- Bơm bột mực từ bể chứa bột mực (11T - 109) về bể chứa bùn (11T - 113). - Hoạt động bình thường.
32	Bơm bột vào lọc cát nồng độ thấp (11P - 322)	$Q = 8874,1 \text{ l/p}; C = 0,93\%$	- Tiếp nhận bột tốt từ tháp tuyển nổi (11E - 009), nước pha loãng từ ngăn B bể 11T - 108, bột tốt từ lọc cấp 2 (11E - 011) và cấp vào hệ lọc cát cấp 1 (11E - 010A, 11E - 101B). - Hoạt động bình thường.
33	Hệ lọc cát cấp 1 (11E - 010A, 11E - 101B)	$Q = 2 \times 4437 \text{ l/p}; C = 0,93\%$	- Tiếp nhận bột từ bơm lọc cát cấp 1 (11P - 321). Bột tốt sang bể chứa bột sau lọc cát (11T - 110). Bột thải vào trước bơm lọc cát cấp 2 (11P - 323). - Hoạt động bình thường.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
34	Bơm bột vào lọc cát cấp 2 (11P - 323)	Q = 3919,4l/p; C = 0,9%.	- Tiếp nhận bột thải từ lọc cát cấp 1 (11E - 010A, 11E - 101B), nước pha loãng từ ngăn B bể 11T - 108, bột tốt từ lọc cát cấp 3 (11E - 012) và cấp vào hệ lọc cát cấp 2 (11E - 011). - Hoạt động bình thường.
35	Hệ lọc cát cấp 2 (11E - 011)	Q = 3919,4l/p; C = 0,9%.	- Tiếp nhận bột từ bơm lọc cát cấp 2 (11P - 323). Bột tốt vào bơm lọc cát cấp 1 (11P - 322). Bột thải vào trước bơm lọc cát cấp 3 (11P - 324). - Hoạt động bình thường.
36	Bơm bột vào lọc cát cấp 3 (11P - 324)	Q = 2.541,4 l/p; C = 0,55%.	- Tiếp nhận bột thải từ lọc cát cấp 2 (11E - 011), nước pha loãng từ ngăn B bể 11T - 108, bột tốt từ lọc cát cấp 4 (11E - 013) và cấp vào hệ lọc cát cấp 3 (11E - 012). - Hoạt động bình thường.
37	Hệ lọc cát cấp 3 (11E - 012)	Q = 2.541,4l/p; C = 0,55%.	- Tiếp nhận bột từ bơm lọc cát cấp 3 (11P - 324). Bột tốt vào bơm lọc cát cấp 2 (11P - 323). - Bột thải vào trước bơm lọc cát cấp 4 (11P - 325). - Hoạt động bình thường.
38	Bơm bột vào lọc cát cấp 4 (11P - 325)	Q = 2.541,4l/p; C = 0,55%.	- Tiếp nhận bột thải từ lọc cát cấp 3 (11E - 012), nước pha loãng từ ngăn B bể 11T - 108 và cấp vào hệ lọc cát cấp 4 (11E - 013). - Hoạt động bình thường.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
39	Hệ lọc cát cấp 4 (11E - 013)	$Q = 2.541,4$ l/p ; $C = 0,55\%$.	- Tiếp nhận bột từ bơm lọc cát cấp 4 (11P - 325). Bột tốt vào bơm lọc cát cấp 3 (11P - 324). Bột thải loại bỏ. - Hoạt động bình thường.
40	Bể chứa bột sau lọc cát (11T 110)	$V = 30m^3$	- Tiếp nhận và chứa bột từ lọc cát cấp 1 (11E - 010A, 11E - 101B). - Hoạt động bình thường.
41	Bơm bột lên máy rửa lưới tốc độ cao (11P - 326)	$Q = 7530,6$ l/p ; $C = 0,767\%$.	- Bơm bột từ bể chứa 11T - 110 vào máy rửa 11E - 014. - Hoạt động bình thường.
42	Máy rửa lưới tốc độ cao (11E - 014)	$Q_v = 7530,6$ l/p ; $C_v = 0,767\%$. $Q_r = 759,4$ l/p ; $Cr = 5,63\%$.	- Tiếp nhận bột từ bơm 11P - 326 và nước rửa nhằm rửa và cô đặc huyền phù bột từ nồng độ 0,867% lên 5,63%. Nước rửa về bể chứa nước lọc (11T - 115). Bột sau cô đặc xuống vít ép (11E - 015) - Hoạt động bình thường tuy nhiên hay bị tràn bột gây tiêu hao.
43	Vít ép (11E - 015)	$Q_v = 759,4$ l/p ; $C_v = 5,63\%$. $Q_r = 138,9$ l/p ; $Cr = 30\%$.	- Tiếp nhận bột từ máy rửa lưới tốc độ cao (11E - 0140), cô đặc huyền phù bột giấy từ 5,673% lên khoảng 30%. Nước ép về bể chứa nước lọc (11T - 115). Bột sau cô đặc xuống vít trộn hóa chất (11E - 016).

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
44	Vít gia nhiệt và trộn hóa chất (11E - 016)	$Q_v = 138,9 \text{ l/p}$; $C_v = 30\%$.	- Tiếp nhận bột giấy từ vít ép (11E - 015), các loại hóa chất tẩy, gia nhiệt trước khi cấp xuống vít nạp bột (11E - 017) - Hoạt động bình thường.
45	Vít nạp bột (11E - 017)	$Q_r = 278,8 \text{ l/p}$; $C_r = 15\%$.	- Tiếp nhận bột giấy từ vít gia nhiệt và trộn hóa chất (11E - 016), và cấp xuống tháp tẩy (11T - 111). - Hoạt động bình thường.
46	Tháp tẩy bột	$V = 50\text{m}^3$	- Tiếp nhận bột từ vít nạp bột (11E - 017),
	(11T - 111)	$C_v = 15\%$; $C_r = 4,5\%$.	- hóa chất tẩy và lưu trữ bột giấy trong quá trình tẩy trắng. - Hoạt động bình thường.
47	Bơm bột sang tháp chứa (11P - 327)	$Q = 934,6 \text{ l/p}$; $C = 4,5\%$.	- Vận chuyển bột từ tháp tẩy sang tháp chứa bột. - Hoạt động bình thường.
48	Tháp chứa bột giấy (11T - 112)	$V = 200\text{m}^3$, $C = 4,5\%$.	- Tiếp nhận và lưu trữ bột giấy sau tẩy. - Hoạt động bình thường.
49	Bơm bột đi sản xuất hoặc đến máy tách nước (11P - 328)	$Q = 943,6 \text{ l/p}$; $C = 4,5\%$.	- Cấp bột từ tháp chứa 11T - 112 sang bộ phận chuẩn bị bột cho máy xeo và cấp bột cho 02 máy tách nước. - Hoạt động bình thường.
50	Máy tách nước (11E - 026)	$Q_v = 943,6 \text{ l/p}$; $C_v = 4,5\%$. $Q_r = 103,7\text{l/p}$; $C_r = 40\%$.	- Tiếp nhận bột từ bơm 11P - 328. Tách nước, cô đặc bột từ nồng độ 4,5% lên 40%. - Hoạt động bình thường.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
51	Bể chứa nước lọc (11T - 116)	V = 15m ³	- Chứa nước lọc của máy tách nước 11E - 026. - Hoạt động bình thường.
52	Bơm nước lọc (11P - 334)	Q = 839,8 l/p; C = 0,116%.	- Bơm nước từ bể nước lọc (11T - 116) về Ngăn C bể 3 ngăn (11T - 108) - Hoạt động bình thường.
53	Bể chứa bùn (11T - 113)	V = 50m ³	- Tiếp nhận bùn từ bể bọt mực (11T - 109), bọt nổi và cặn của DAF (11E - 022) và DAF (11E - 024). - Hoạt động bình thường.
54	Bơm bùn thải (11P - 329)	Q = 779 l/p; C = 2,9%.	Bơm bùn thải từ bể chứa bùn (11T - 113) vào máy ép bùn (11E - 021) - Hoạt động bình thường.
55	Máy ép bùn (11E - 021)	Qv = 779 l/p; Cv = 2,9%. Qr = 58,9 l/p; Cr = 35%.	Tiếp nhận và cô đặc bột thải, bùn thải từ nồng độ 2,9% lên nồng độ 35% trước khi thải bỏ/đốt. - Hoạt động bình thường.
56	Bể nước ép bùn (11T - 114)	V = 15m ³	- Chứa nước tách ra của bùn thải, bột thải từ máy ép bùn (11E - 021). - Hoạt động bình thường.
57	Bơm nước đục (nước ép bùn) (11P - 330)	Q = 720 l/p; C = 0,273%.	Bơm cấp nước từ bể nước ép bùn (11T - 114) lên DAF (11E - 022). - Hoạt động bình thường.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
58	DAF cho ép bùn (11E - 022)	Lượng nước lọc ra: 675,2 lít/ phút, nồng độ nước lọc 0,058%	- Tách bột và bùn khỏi nước chuyển về bể bùn thải (11T - 113). Nước lọc về bể nước lọc (11T - 115) hoặc khi cần có thể về ngăn B bể nước 3 ngăn (11T - 108). - Hoạt động bình thường.
59	Bình trộn khí (11E - 023)		- Trộn khí với 1 phần nước thải tuần hoàn để hòa vào dòng nước thải cấp vào DAF (11E - 022). - Hoạt động bình thường.
60	Bơm cấp nước thải cho trộn khí (11P - 331)		- Bơm 1 phần nước thải vào bình trộn khí (11E - 023) để hòa trộn với khí nén. - Hoạt động bình thường.
61	Bể nước lọc (11T - 115)	V = 50m ³	- Tiếp nhận nước từ DAF (11E - 022), nước từ Máy rửa lưới tốc độ cao (11E - 014) và Vít ép (11E - 015). - Hoạt động bình thường.
62	Bơm nước lọc lên DAF (11P - 333)	Q = 8.291,8 l/p; C = 0,199%.	- Bơm cấp nước từ bể nước lọc (11T - 115) trộn với nước lọc tuần hoàn lên DAF (11E - 022). - Hoạt động bình thường.
63	DAF cho ép bùn (11E - 024)	Lượng nước lọc ra: 7.758 lít/ phút, nồng độ nước lọc 0,006%	- Tách bột và bùn khỏi nước chuyển về bể bùn thải (11T - 113). Nước lọc về ngăn B bể nước 3 ngăn (11T - 108). - Hoạt động bình thường.

STT	Tên loại	Thông số kỹ thuật	Nhiệm vụ và hiện trạng hoạt động
64	Bình trộn khí (11E - 025)		- Trộn khí với 1 phần nước thải tuần hoàn để hòa vào dòng nước thải cấp vào DAF (11E - 024). - Hoạt động bình thường.
65	Bơm cấp nước thải cho trộn khí (11P - 332)		- Bơm 1 phần nước thải vào bình trộn khí (11E - 025) để hòa trộn với khí nén. - Hoạt động bình thường.
66	Hệ thống điều khiển điện, động lực...		- Điều khiển, vận hành toàn hệ thống - Có một số máy tính đã hỏng, bộ lưu điện hỏng. Chưa đánh giá được toàn diện sau thời gian dài ngừng chạy máy.

PHỤ LỤC 09: MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP VÀ CÔNG TY TNHH MTV NLG MIỀN NAM

STT	Mô hình hoạt động trước tái cơ cấu		Mô hình hoạt động sau tái cơ cấu	Ghi chú
A	Thành lập Công ty lâm nghiệp hạch toán phụ thuộc trên cơ sở sáp nhập các CTLN trực thuộc			
I	Thành lập Công ty lâm nghiệp Hà Giang trên cơ sở sáp nhập các CTLN trực thuộc			
1	Chức năng nhiệm vụ			
	CTLN Vĩnh Hảo	- Là đơn vị SXKD hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, có chức năng nhiệm vụ chính: + Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý BVR; Sản xuất và kinh doanh cây giống NLG và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến trồng rừng. + Khai thác, vận tải cung ứng NLG theo kế hoạch và tiến độ của Tổng công ty Giấy Việt Nam; chế biến lâm sản, thu mua kinh doanh các loại lâm sản, nguyên liệu giấy.	- Là đơn vị SXKD hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, có chức năng nhiệm vụ chính: + Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý BVR; Sản xuất và kinh doanh cây giống NLG và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến trồng rừng. + Khai thác, vận tải cung ứng NLG theo kế hoạch và tiến độ của Tổng công ty Giấy Việt Nam; chế biến lâm sản, thu mua kinh doanh các loại lâm sản, nguyên liệu giấy.	Các chức năng, nhiệm vụ tương đồng trước đây đang được thực hiện ở 3 CTLN, sau sáp nhập sẽ do một đơn vị đầu mối thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động.
	CTLN Ngòi Sào			
	CTLN Cầu Ham			
2	Mô hình tổ chức			
	CTLN Vĩnh Hảo	+ Ban Giám đốc: 01 người + Phòng Tổng hợp: 03 người. + Phòng KH-KT: 04 người. + Đội sản xuất (04 đội): 51 người (04 Đội trưởng và 47 công nhân)	+ Ban Giám đốc: 03 người; + Phòng Tổng hợp: 06 người; + Phòng Lâm nghiệp: 06 người; + Phòng Kế hoạch-Kinh Doanh 04 người + Ban trồng rừng (03 Ban): 117 người ++ Trưởng ban: 03 người ++ Cán bộ kỹ thuật, bảo vệ rừng: 03 người ++ Đội sản xuất (11 đội): 11 đội trưởng, công nhân 100 người.	
	CTLN Ngòi Sào	+ Ban Giám đốc: 01 người + Phòng Tổng hợp: 03 người. + Phòng KH-KT: 03 người. + Đội sản xuất (04 đội): 24 người (04 Đội trưởng và 20 công nhân)		
	CTLN Cầu Ham	+ Ban Giám đốc: 02 người + Phòng Tổng hợp: 03 người. + Phòng KH-KT: 05 người. + Đội sản xuất (03 đội): 36 người (03 Đội trưởng và 33 công nhân)		

3	Định biên lao động					- Giữ nguyên định biên lao động
	CTLN Vĩnh Hảo	59			136	
	CTLN Ngòi Sào	31				
	CTLN Cầu Ham	46				
4	Kinh phí thực hiện			Sắp xếp lao động dôi dư:		
				Kinh phí khác: 60 triệu đồng		
II Thành lập Công ty lâm nghiệp Tuyên Quang trên cơ sở sáp nhập các CTLN trực thuộc						
1	Chức năng nhiệm vụ					
		- Là đơn vị SXKD hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, có chức năng nhiệm vụ chính: + Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý BVR; Sản xuất và kinh doanh cây giống NLG và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến trồng rừng. + Khai thác, vận tải cung ứng NLG theo kế hoạch và tiến độ của Tổng công ty Giấy Việt Nam; chế biến lâm sản, thu mua kinh doanh các loại lâm sản, nguyên liệu giấy.		- Là đơn vị SXKD hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, có chức năng nhiệm vụ chính: + Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý BVR; Sản xuất và kinh doanh cây giống NLG và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến trồng rừng. + Khai thác, vận tải cung ứng NLG theo kế hoạch và tiến độ của Tổng công ty Giấy Việt Nam; chế biến lâm sản, thu mua kinh doanh các loại lâm sản, nguyên liệu giấy.		Các chức năng, nhiệm vụ tương đồng trước đây đang được thực hiện ở 3 CTLN, sau sáp nhập sẽ do một đơn vị đầu mối thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động.
	CTLN Tân Phong					
	CTLN Tân Thành					
	CTLN Hàm Yên					
2	Mô hình tổ chức					
	CTLN Tân Phong	+) Ban Giám đốc: 01 người +) Phòng Tổng hợp: 03 người. +) Phòng KH-KT: 03 người. +) Đội sản xuất (04 đội): 20 người (04 Đội trưởng và 16 công nhân)		+ Ban giám đốc: 03 người; + Phòng Tổng hợp: 06 người; + Phòng Lâm nghiệp: 05 người; + Phòng Kế hoạch-Kinh Doanh 04 người + Ban trồng rừng (03 Ban): 73 người		

	CTLN Tân Thành	++ Ban Giám đốc: 0 người (GD CTLN Hàm yên kiêm) ++ Phòng Tổng hợp: 03 người. ++ Phòng KH-KT: 04 người. ++ Đội sản xuất (03 đội): 16 người (03 Đội trưởng và 13 công nhân) ++ Ban Giám đốc: 02 người ++ Phòng Tổng hợp: 03 người. ++ Phòng KH-KT: 03 người. ++ Đội sản xuất (04 đội): 20 người (04 Đội trưởng và 27 công nhân)	++ Trưởng ban, Phó ban: 03 người ++ Cán bộ kỹ thuật, bảo vệ rừng: 03 người ++ Đội sản xuất (11 đội): 11 đội trưởng, công nhân 56 người.
3	Định biên lao động		
	CTLN Tân Phong	27	
	CTLN Tân Thành	23	91
	CTLN Hàm Yên	39	
4	Kinh phí thực hiện		
			Sắp xếp lao động đối dư:
			Kinh phí khác: 60 triệu đồng
III	Thành lập Công ty lâm nghiệp Phú Thọ trên cơ sở sáp nhập các CTLN trực thuộc		
1	Chức năng nhiệm vụ		
	CTLN Doan Hùng	- Là đơn vị SXKD hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, có chức năng nhiệm vụ chính: + Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý BVR; Sản xuất và kinh doanh cây giống NLG và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến trồng rừng.	- Là đơn vị SXKD hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Giấy Việt Nam, có chức năng nhiệm vụ chính: + Trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý BVR; Sản xuất và kinh doanh cây giống NLG và các dịch vụ kỹ thuật liên quan đến trồng rừng.
	CTLN Tam Thắng	+ Khai thác, vận tải cung ứng NLG theo kế hoạch và	Các chức năng, nhiệm vụ tương đồng trước đây đang được thực hiện ở 6 CTLN, sau sáp nhập sẽ do một đơn vị đầu mối thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động.

	CTLN Tam Sơn	tiến độ của Tổng công ty Giấy Việt Nam; chế biến lâm sản, thu mua kinh doanh các loại lâm sản, nguyên liệu giấy.	hoạch và tiến độ của Tổng công ty Giấy Việt Nam; chế biến lâm sản, thu mua kinh doanh các loại lâm sản, nguyên liệu giấy.
	CTLN Yên Lập		
	CTLN Xuân Đài		
	CTLN Lập Thạch		
	CTLN Sông Thao		
	CTLN Thanh Hòa		
	CTLN Tam Thanh		
2	Mô hình tổ chức		
	CTLN Đoan Hùng	+) Ban Giám đốc: 02 người +) Phòng Tổng hợp: 03 người. +) Phòng KH-KT: 04 người. +) Đội sản xuất (03 đội): 43 người (03 Đội trưởng và 40 công nhân)	+ Ban giám đốc: 03 người; + Phòng Tổng hợp: 06 người; + Phòng Lâm nghiệp: 07 người; + Phòng Kế hoạch-Kinh Doanh 05 người + Ban trồng rừng: 06 Ban: 222 người ++ Trưởng ban, Phó ban: 12 người ++ Cán bộ kỹ thuật, bảo vệ rừng: 12 người ++ Đội sản xuất (23 đội): 23 đội trưởng, công nhân 175 người.
	CTLN Tam Thắng	+) Ban Giám đốc: 02 người +) Phòng Tổng hợp: 03 người. +) Phòng KH-KT: 02 người. +) Đội sản xuất (04 đội): 33 người (04 Đội trưởng và 29 công nhân)	

CTLN Tam Sơn	+) Ban Giám đốc: 02 người +) Phòng Tổng hợp: 03 người. +) Phòng KH-KT: 03 người. +) Đội sản xuất (04 đội): 44 người (04 Đội trưởng và 40 công nhân)
CTLN Yên Lập	+) Ban Giám đốc: 02 người +) Phòng Tổng hợp: 03 người. +) Phòng KH-KT: 03 người. +) Đội sản xuất (04 đội): 20 người (04 Đội trưởng và 27 công nhân)
CTLN Xuân Đài	+) Ban Giám đốc: 01 người +) Phòng Tổng hợp: 03 người. +) Phòng KH-KT: 03 người. +) Đội sản xuất (04 đội): 44 người (04 Đội trưởng và 40 công nhân)
CTLN Lập Thạch	+) Ban Giám đốc: 02 người +) Phòng Tổng hợp: 02 người. +) Phòng KH-KT: 03 người. +) Đội sản xuất (04 đội): 19 người (04 Đội trưởng và 15 công nhân)
CTLN Sông Thao	Đã bàn giao toàn bộ Tài sản, Lao động về UBND tỉnh Phú Thọ
CTLN Thanh Hòa	Đã bàn giao tài sản đất đai, lao động về UBND tỉnh Phú Thọ. Hiện còn: Tài sản là nhà, vật kiến trúc và diện tích rừng 196,9ha đang hoàn tất hồ sơ để bàn giao về tỉnh
CTLN Tam Thanh	Đã bàn giao toàn bộ Tài sản, Lao động về UBND tỉnh Phú Thọ
3	Định biên lao động

	CTLN Đoàn Hùng	52			Giữ nguyên định biên lao động trực tiếp, gián tiếp
	CTLN Tam Thắng	40		243	
	CTLN Tam Sơn	31			
	CTLN Yên Lập	45			
	CTLN Xuân Đài	51			
	CTLN Lập Thạch	26			
4	Kinh phí thực hiện			Sắp xếp lao động dôi dư:	
				Kinh phí khác: 180 triệu đồng	
B	Tái cơ cấu Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam				
1	Chức năng nhiệm vụ	+ Là Công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty giấy Việt Nam làm chủ sở hữu và hoạt động điều lệ được ban hành theo Quyết định số 1378/QĐ-GVN.HN ngày 06/5/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam; + Ngành nghề kinh doanh chính: - Trồng rừng và chăm sóc quản lý bảo vệ rừng công nghiệp; Hoạt động dịch vụ nông lâm nghiệp; - Khai thác gỗ; Mua bán nguyên liệu giấy; Mua bán lâm sản; chế biến lâm sản; - Một số ngành nghề kinh doanh khác theo giấy phép kinh doanh của Công ty.			
		+ Là Công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty giấy Việt Nam làm chủ sở hữu và hoạt động điều lệ được ban hành theo Quyết định số 1378/QĐ-GVN.HN ngày 06/5/2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam; + Ngành nghề kinh doanh chính: - Trồng rừng và chăm sóc quản lý bảo vệ rừng công nghiệp; Hoạt động dịch vụ nông lâm nghiệp; - Khai thác gỗ; Mua bán nguyên liệu giấy; Mua bán lâm sản; chế biến lâm sản; - Một số ngành nghề kinh doanh khác theo giấy phép kinh doanh của Công ty.			
		Giữ nguyên chức năng nhiệm vụ			

2	Mô hình tổ chức	+ Chủ tịch Công ty: 01 người; + Ban giám đốc: 02 người; + Ban Kiểm soát: 01 người; + Phòng TC-KT: 05 người; + Phòng KH-KD: 05 người; + Phòng TC-HC: 11 người; + Phòng QLVR: 13 người; + Ban trồng rừng (08 Ban): 50 người; + Nhà máy chế biến gỗ ván Veener: 0 người (tạm dừng SX)	+ Chủ tịch Công ty: 01 người; + Ban giám đốc: 02 người; + Ban Kiểm soát: 01 người; + Phòng Tổng hợp: 10 người; + Phòng Lâm nghiệp: 09 người; + Phòng Kế hoạch-Kinh Doanh: 05 người + Ban trồng rừng (08 Ban): 60 người ++ Trưởng ban, Phó ban: 14 người ++ Nhân viên, công nhân: 46 người	Giữ nguyên mô hình tổ chức, tái cơ cấu sắp xếp lại các phòng ban, vị trí công tác
3	Định biên lao động	88	88	Giữ nguyên định biên lao động
4	Kinh phí thực hiện			
			Sắp xếp lao động dồi dư:	0
			Kinh phí khác:	

PHỤ LỤC 10: MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SAU TÁI CƠ CẤU

(Không bao gồm các Công ty lâm nghiệp và Công ty TNHH MTV NLG Miền Nam)

STT	Mô hình hoạt động trước tái cơ cấu		Mô hình hoạt động sau tái cơ cấu	Ghi chú
I	Giải thể Chi nhánh Đà Nẵng, Chi nhánh Hồ Chí Minh, và sáp nhập Phòng Truyền thông vào Phòng Thị trường		Phòng Kinh doanh	
1	Chức năng nhiệm vụ			
	CN Đà Nẵng	(1) Thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại thị trường miền Trung. (2) Thực hiện công tác cho thuê kho bãi	(1) Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, giải pháp tiêu thụ các sản phẩm giấy của Tổng công ty đạt hiệu quả bền vững. (2) Thực hiện công tác tiêu thụ, phát triển thị trường sản phẩm giấy Bãi Bằng, giấy Tissue và các sản phẩm khác của Tổng công ty trên toàn quốc.	Tập trung công tác tiêu thụ về Phòng Thị trường của Tổng công ty. Các chi nhánh chủ yếu thực hiện nhiệm vụ chăm sóc khách hàng. Việc sáp nhập giúp công tác điều phối, cung cấp sản phẩm nhanh chóng, giảm thiểu việc qua kho, tồn kho của Chi nhánh; Chính sách bán hàng thống nhất linh hoạt từ đó tăng tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.
	CN TP Hồ Chí Minh	(1) Thực hiện công tác tiêu thụ sản phẩm tại thị trường miền Nam. (2) Thực hiện công tác cho thuê kho bãi, văn phòng.		
	Truyền thông	Tham mưu giúp việc cho HĐQT, Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện về công tác thông tin, truyền thông; quản lý thông tin và xử lý các vấn đề liên quan trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.		
	Thị trường	(1) Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch, giải pháp tiêu thụ các sản phẩm giấy của Tổng công ty đạt hiệu quả bền vững. (2) Thực hiện công tác tiêu thụ, phát triển thị trường sản phẩm giấy Bãi Bằng của Tổng công ty tại miền Bắc.		
2	Mô hình tổ chức			
	CN Đà Nẵng	+) Giám đốc: 01 người +) Phòng TCKT: 02 người. +) Phòng Tổng hợp: 15 người.	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 04 người phụ trách 4 bộ phận: Bán giấy cuộn Bãi Bằng;	Tính giảm bộ máy, tinh giảm lao động từ đó giảm chi phí hoạt động.

	CN TP Hồ Chí Minh	+) Giám đốc: 01 người +) Phó Giám đốc: 01 người +) Phòng TCKT: 03 người. +) Phòng Kinh doanh: 10 người. +) Phòng TCHC: 12 người.	Bán giấy chế biến và kinh doanh sản phẩm giấy khác; Hỗ trợ bán hàng; Truyền thông và Marketing. +) CBCNV: 31 người.	
	Truyền thông	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 01 người. +) Chuyên viên: 02 người.		
	Thị trường	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 02 người. +) Chuyên viên: 14 người.		
3	Định biên lao động			
	CN Đà Nẵng	18 người		
	CN TP Hồ Chí Minh	27 người		
	Truyền thông	4 người		
	Thị trường	17 người		
4	Kinh phí thực hiện			
			Sắp xếp lao động:	
			Kinh phí khác: 40 triệu đồng	
II	Giải thể Chi nhánh Hà Nội và sắp xếp Văn phòng Tổng công ty			
1	Chức năng nhiệm vụ			

Tiết giảm đầu mối, tinh giảm 30 lao động, tiết giảm chi phí.

36 người

	(1) Là cơ quan đại diện cho Tổng công ty Giấy Việt Nam tại khu vực miền Bắc thực hiện chức năng nhiệm vụ: cho thuê văn phòng và hoàn thành các nhiệm vụ do Tổng công ty giao. (2) Ghi chép, thống kê, kế toán, hạch toán và kết quả hoạt động của Chi nhánh theo chế độ Nhà Nước và quy định của Tổng công ty Giấy Việt Nam. Định kỳ kiểm kê tài sản, theo chế độ Nhà nước và quy định của Tổng công ty Giấy Việt Nam. Định kỳ hàng quý, năm báo cáo theo quy định về Tổng công ty Giấy Việt Nam kết quả kinh doanh và kiểm kê tài sản của Chi nhánh	Tham mưu cho Tổng giám đốc và thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực: (1) Hành chính, đối ngoại. (2) Quản lý tài sản, phương tiện và điều kiện làm việc tại khu hành chính khu vực sản xuất giấy Bãi Bằng (tại thị trấn Phong Châu, Phú Ninh, Phú Thọ) và Hà Nội của Tổng công ty; giải quyết các thủ tục xuất nhập cảnh. (3) Cho thuê văn phòng tại Đơn nguyên 2 Tòa nhà Hong Ha Center 25 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tòa nhà 142 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội. (4) Quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật thông tin điện tử nội bộ của Tổng công ty đảm bảo ổn định, an toàn, bảo mật	Tập trung đầu mối thực hiện công tác cho thuê văn phòng về tổ Quản lý tòa nhà thuộc Văn phòng Tổng công ty để tiết giảm đầu mối, tối ưu hóa hoạt động cho thuê Văn phòng.
2	Mô hình tổ chức		Tiết giảm được đầu mối chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại đơn vị, giảm được lao động của các phòng, ban chuyên môn tại chi nhánh Hà Nội.
	CN Hà Nội Văn phòng TCT	+) Giám đốc: 01 người +) Phòng Kế toán: 02 người. +) Phòng Tổng hợp: 04 người. +) Chánh văn phòng: 01 người +) Phó chánh văn phòng: tối đa không quá 03 người. +) CBCNV: 42 người.	+) Chánh Văn phòng: 01 người +) Phó Chánh Văn phòng: tối đa không quá 03 người. +) CBCNV: 44 người.
3	Định biên lao động		
	CN Hà Nội	8 người	Tinh giảm 06 lao động, tiết giảm chi phí.
	Văn phòng TCT	46 người	
4	Kinh phí thực hiện		
		Sắp xếp lao động:	
		Kinh phí khác: 20 triệu đồng	

CT giấy TS Sông Đuống	(1) Phát triển các loại hình kinh doanh nhằm khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực được Tổng công ty giao, trong đó ngành, nghề chính là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm giấy Tissue và gỗ chế biến. (2) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty đầu tư tại Công ty; hoàn thành các nhiệm vụ do Tổng công ty giao.	(1) Nhà máy sản xuất Giấy Tissue là đơn vị hạch toán báo sổ thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam; (2) Tổ chức sản xuất giấy tissue và các sản phẩm gia công từ giấy tissue theo kế hoạch tháng, quý, năm và kế hoạch dài hạn của Tổng công ty; (3) Chịu trách nhiệm tiếp nhận nguyên liệu, hóa chất cho sản xuất giấy tissue và tham gia tiếp nhận vật tư, hóa chất khác phục vụ quá trình sản xuất theo quy định của Tổng công ty; (4) Chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch sản xuất, đề xuất kế hoạch đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật hàng năm của Nhà máy theo quy định của Tổng công ty; (5) Quản lý thiết bị, kỹ thuật thiết bị của Nhà máy. Phối hợp với Xí nghiệp Bảo dưỡng xây dựng kế hoạch bảo dưỡng ngắn hạn, dài hạn, sửa chữa lớn hàng năm. Lập kế hoạch, lập đơn hàng mua vật tư, trang thiết bị phụ tùng phục vụ cho sản xuất của Nhà máy. Kiểm tra máy móc thiết bị phụ tùng nhập kho.	Đơn vị chỉ tập trung vào công tác sản xuất giấy.
Mô hình tổ chức			

	+) Ban Giám đốc: 03 người +) Phòng Tổng hợp: 05 người. +) Phòng Tài chính: 05 người. +) Phòng Kỹ thuật: 11 người. +) Phòng Thị trường: 05 người. +) Phòng Vật tư: 04 người. +) Kho Vật tư sản phẩm: 20 người. +) Phân xưởng gỗ: 16 người. +) Phân xưởng giấy: 42 người. +) Phân xưởng gia công: 31 người. +) Phân xưởng Bảo dưỡng: 33 người.	+) Ban Giám đốc Nhà máy: 02 người +) Phòng Kỹ thuật nghiệp vụ: 11 người. +) Phân xưởng gỗ: 16 người. +) Phân xưởng giấy: 47 người. +) Phân xưởng gia công: 37 người.	Tiết giảm được đầu mỗi chức danh quản lý do giảm các phòng, giảm được 71 lao động.
	Định biên lao động		Tính giảm 71 lao động, tiết giảm chi phí.
		184 người	
	Kinh phí thực hiện		
			Sắp xếp lao động:
			Kinh phí khác:
	Giải thể Công ty thiết kế lâm nghiệp, chuyển các nguồn lực hiện có của Công ty Thiết kế lâm nghiệp về Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy và cơ cấu lại Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy		
IV	Chức năng nhiệm vụ		
1	Công ty TK Lâm nghiệp Điều tra, khảo sát và thiết kế các công trình phục vụ sản xuất lâm nghiệp	1. Tham gia nghiên cứu chiến lược quy hoạch, phát triển ngành nguyên liệu giấy. 2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến về	Tạo tính độc lập, tự chủ; đảm bảo tự cách pháp nhân trong hoạt động tư

	Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	1. Tham gia nghiên cứu chiến lược quy hoạch, phát triển ngành nguyên liệu giấy. 2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến về cải tạo giống và nhân giống; 3. Nghiên cứu sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn nguyên liệu giấy có trong nước. 4. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, qui trình định mức kinh tế kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm; 5. Dịch vụ đào tạo, tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ và hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực lâm nghiệp.	cải tạo giống và nhân giống; 3. Nghiên cứu sử dụng hợp lý và tiết kiệm các nguồn nguyên liệu giấy có trong nước. 4. Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn, qui trình định mức kinh tế kỹ thuật và kiểm tra chất lượng sản phẩm; 5. Dịch vụ đào tạo, tư vấn đầu tư, tư vấn thiết kế, chuyển giao công nghệ và hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực lâm nghiệp.	vấn thiết kế lâm nghiệp
2	Mô hình tổ chức			
	Công ty TK Lâm nghiệp	+ Ban giám đốc: 02 người; + Phòng Tổng hợp: 04 người; + Phòng Kế hoạch kỹ thuật: 03 người; + Đội thiết kế: 08 người (01 đội phó và 07 Công nhân)	+ Viện trưởng: 01 người + Phó Viện trưởng: 02 người; + Phòng Kế hoạch - Tổng hợp: 05 người; + Phòng Nghiên cứu khoa học: 05 người; + Phòng Công nghệ sinh học: 21 người (T.đó có 20 Công nhân); + Đội vườn ươm và dịch vụ lâm nghiệp: 13 người (T.đó: 11 công nhân) + Đội sản xuất Hàm Yên: 25 người (01 đội trưởng, 01 kỹ thuật và 23 công nhân);	Tiết giảm được đầu mỗi chức danh quản lý, số lượng lao động quản lý tại đơn vị, giảm được lao động của các phòng, ban chuyên môn tại Công ty thiết kế lâm nghiệp và Viện nghiên cứu
	Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	+ Ban lãnh đạo Viện: 02 người (01 Viện trưởng và 01 Phó Viện trưởng). + Phòng Tổ chức hành chính: 02 người; + Phòng Kế hoạch tài chính: 03 người; + Phòng Công nghệ sinh học: 21 người (T.đó có 17 Công nhân); + Phòng Nghiên cứu Giống và lâm sinh: 05 người; + Trại thực nghiệm sản xuất giống cây lâm nghiệp: 02 người (T.đó có 01 công nhân); + Trung tâm NC&TN cây nguyên liệu giấy Hàm Yên: 27 người (T.đó có 23 công nhân);		
3	Định biên lao động			

	Công ty TK Lâm nghiệp	17 người (Trong đó có 10 LĐ gián tiếp; 07 công nhân ngoại nghiệp)	72 người (17 LĐ gián tiếp và 55 LĐ trực tiếp)	- Tính giảm 07 lao động, tiết giảm chi phí.
	Viện Nghiên cứu cây nguyên liệu giấy	62 (T.đó: Lao động GT 21 người, CN 41 người)		
4	Kinh phí thực hiện			

PHỤ LỤC 11: MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÒNG BAN VÀ ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN BẢO SỔ

STT	Mô hình hoạt động trước tái cơ cấu		Mô hình hoạt động sau sắp xếp		Ghi chú
I	Phòng Vật tư nguyên liệu + Phòng KDXNK		Phòng Vật tư		
1	Chức năng nhiệm vụ	Tham mưu cho Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: (1) Mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và thiết bị, phụ tùng (gọi tắt là hàng hóa) tại thị trường nội địa đáp ứng yêu cầu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; (2) Bán sản phẩm hóa chất, điện nước, hàng thanh lý, phế phẩm, phế liệu, phế thải, hàng chuyển nhượng.	Tham mưu cho Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện trong các lĩnh vực: (1) Mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và thiết bị, phụ tùng tại thị trường trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; (2) Bán sản phẩm hóa chất, điện nước, hàng thanh lý, phế phẩm, phế liệu, phế thải, hàng chuyển nhượng; (3) Thực hiện hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu (bao gồm cả các thủ tục xuất khẩu, dịch vụ ủy thác xuất khẩu và/ hoặc thủ tục nhập khẩu, dịch vụ ủy thác nhập khẩu), các hoạt động thương mại (mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ) tạo ra lợi nhuận.	Tối ưu hóa công tác mua sắm, tập trung công tác mua sắm chuyên trách về một phòng để tiết giảm đầu mối.	
2	Mô hình tổ chức	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 02 người. +) Chuyên viên: 10 người.	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 04 người. +) Chuyên viên: 13 người.	Tiết giảm đầu mối lãnh đạo	
	Vật tư nguyên liệu	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 01 người. +) Chuyên viên: 05 người.			
	Kinh doanh XNK				

3	Định biên lao động		Tỉnh giảm 02 lao động, tiết giảm chi phí.
	Vật tư nguyên liệu	13 người	
	Kinh doanh XNK	7 người	
4	Kinh phí thực hiện		18 người
			Sắp xếp lao động đôi dư:
			Kinh phí khác:
II	Phòng Xây dựng cơ bản + Phòng Kế hoạch		Phòng Kế hoạch đầu tư
1	Chức năng nhiệm vụ		
	Xây dựng cơ bản	Tham mưu cho Tổng giám đốc và thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực: (1) Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản trong phạm vi toàn Tổng công ty và triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo sự phân công của Tổng giám đốc; (2) Quản lý đất đai, nhà cửa vật kiến trúc thuộc khối công nghiệp và dịch vụ.	Tham mưu cho Tổng giám đốc và thực hiện nhiệm vụ trong các lĩnh vực: (1) Xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng hàng năm, trung hạn và dài hạn trong phạm vi toàn Tổng công ty; cơ chế, chính sách quản lý sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty. (2) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các dự án đầu tư của toàn Tổng công ty. (3) Quản lý đất đai, nhà cửa vật kiến trúc thuộc khối công nghiệp và dịch vụ.
	Kế hoạch	(1) Tham mưu tổng hợp về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển; (2) Tham mưu tổng hợp về cơ chế, chính sách quản lý sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng công ty; (3) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và các dự án đầu tư của toàn Tổng công ty.	Các chức năng, nhiệm vụ tương đồng trước đây đang được thực hiện ở hai phòng, sau sáp nhập sẽ do một phòng thực hiện để nâng cao hiệu quả hoạt động.
2	Mô hình tổ chức		Tiết giảm đầu mỗi lãnh đạo
	Xây dựng cơ bản	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 02 người. +) Chuyên viên: 7 người.	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 04 người. +) Chuyên viên: 11 người.

	Kế hoạch	+) Trưởng phòng: 01 người +) Phó trưởng phòng: tối đa không quá 02 người. +) Chuyên viên: 05 người.		
3	Định biên lao động			Tỉnh giám 02 lao động, tiết giảm chi phí.
	Xây dựng cơ bản	10 người		
	Kế hoạch	8 người		16 người
4	Kinh phí thực hiện			
			Sắp xếp lao động:	
			Kinh phí khác:	
III	Giải thể Nhà máy Chế biến gỗ			
1	Chức năng nhiệm vụ			
		Sản xuất gia công lõi giấy và gia công chế biến các sản phẩm từ gỗ theo kế hoạch hàng năm của Tổng công ty Giấy Việt Nam giao.	Chuyển Bộ phận cửa xẻ, mộc máy, đóng ca bản và bộ phận gia công lõi giấy về Phân xưởng Giấy – Nhà máy Giấy quản lý.	
2	Mô hình tổ chức	+) Ban Giám đốc: 01 người +) Tổ nghiệp vụ: 01 người. +) Phân xưởng gỗ thanh: 07 người.	Giải thể Nhà máy Chế biến gỗ	Tiết giảm đầu mối. Giảm các chức danh: Giám đốc, Phó Giám đốc; Phó Quản đốc; Thủ kho. Chuyển bộ máy tổ chức hiện tại của NM Chế biến gỗ về NM Giấy.
3	Định biên lao động			Tỉnh giám 04 lao động, tiết giảm chi phí.
		09 người	5 người	
4	Kinh phí thực hiện			
			Sắp xếp lao động:	
			Kinh phí khác:	

IV	Sáp nhập Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Dịch vụ		
1	Chức năng nhiệm vụ	XN vận tải	
		(1) Chịu trách nhiệm quản lý và khai thác các phương tiện thiết bị, cơ sở hạ tầng, và thực hiện bốc xếp hàng hóa tại khu vực cảng An Đạo theo yêu cầu của Tổng công ty. (2) Chịu trách nhiệm thực hiện vận chuyển bốc xếp sản phẩm của Tổng công ty đến nơi tiêu thụ và nguyên, nhiên, vật liệu từ các nhà cung cấp về kho của Tổng công ty bằng đường bộ và đường sông theo yêu cầu của Tổng công ty. (3) Thực hiện các hợp đồng mua bán dịch vụ: vận tải, bốc xếp hàng hóa bằng cơ giới mà Tổng công ty đã ký với các cá nhân, đơn vị bên ngoài Tổng công ty theo Quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty.	(1) Văn phòng Tổng công ty tiếp nhận và thực hiện công việc thuê khoán ngoài dịch vụ nấu bữa ăn ca hoặc thực hiện lựa chọn đơn vị cung cấp bữa ăn công nghiệp cho người lao động của Tổng công ty. Đồng thời, thực hiện việc thuê đơn vị bảo vệ tại toàn bộ các bót, điểm bảo vệ của Tổng công ty. (2) Tiếp tục thực hiện việc quản lý Khách sạn Bằng Bàng nhưng theo hình thức thuê khoán ngoài các dịch vụ lễ tân, bảo vệ, bếp ăn, vệ sinh buồng phòng và chi theo dõi hạch toán về doanh thu, lợi nhuận. (3) Các chức năng, nhiệm vụ khác tiếp tục thực hiện như trước khi sáp nhập.
	XN Dịch vụ	(1) Tổ chức bữa ăn công nghiệp, bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật; (2) Tổ chức thực hiện công tác y tế doanh nghiệp, chăm sóc sức khỏe, khám, điều trị bệnh và sơ, cấp cứu cho cán bộ công nhân viên; (3) Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ; phòng cháy chữa cháy và công tác dân quân tự vệ cho doanh nghiệp. (4) Quản lý khai thác hiệu quả các công trình phúc lợi; Nhà văn hóa; Khách sạn; Bể bơi, Trường Mầm non, nhà tập thể... của Tổng công ty để phục vụ nhu cầu trong đời sống của cán bộ công nhân viên Tổng công ty và một bộ phận nhân dân trên địa bàn.	
2	Mô hình tổ chức		

	XN vận tải	+) Ban Giám đốc. +) Tổ văn phòng xí nghiệp. +) Đội xe ô tô. +) Đội xe bốc xếp. +) Đội xe nguyên liệu. +) Đội cảng An Đạo.	+) Ban Giám đốc: 03 người +) Phòng nghiệp vụ: 06 người. +) Đội xe ô tô: 30 người. +) Đội xe bốc xếp: 35 người. +) Đội xe nguyên liệu: 21 người. +) Trưởng mầm non: 21 người. +) Phòng Y tế: 08 người.	Tiết kiệm được đầu mỗi chức danh quản lý do giảm các phòng.
	XN Dịch vụ	+) Ban Giám đốc +) Tổ nghiệp vụ văn phòng. +) Phòng quản trị. +) Phòng Y tế. +) Phòng Bảo vệ. +) Trưởng Mầm non. +) Khách sạn Bãi Bằng.		
3	Định biên lao động			Giảm 78 lao động.
	XN vận tải	89 người		
	XN Dịch vụ	113 người	124 người	
4	Kinh phí thực hiện			
			Sắp xếp lao động:	
			Kinh phí khác:	

